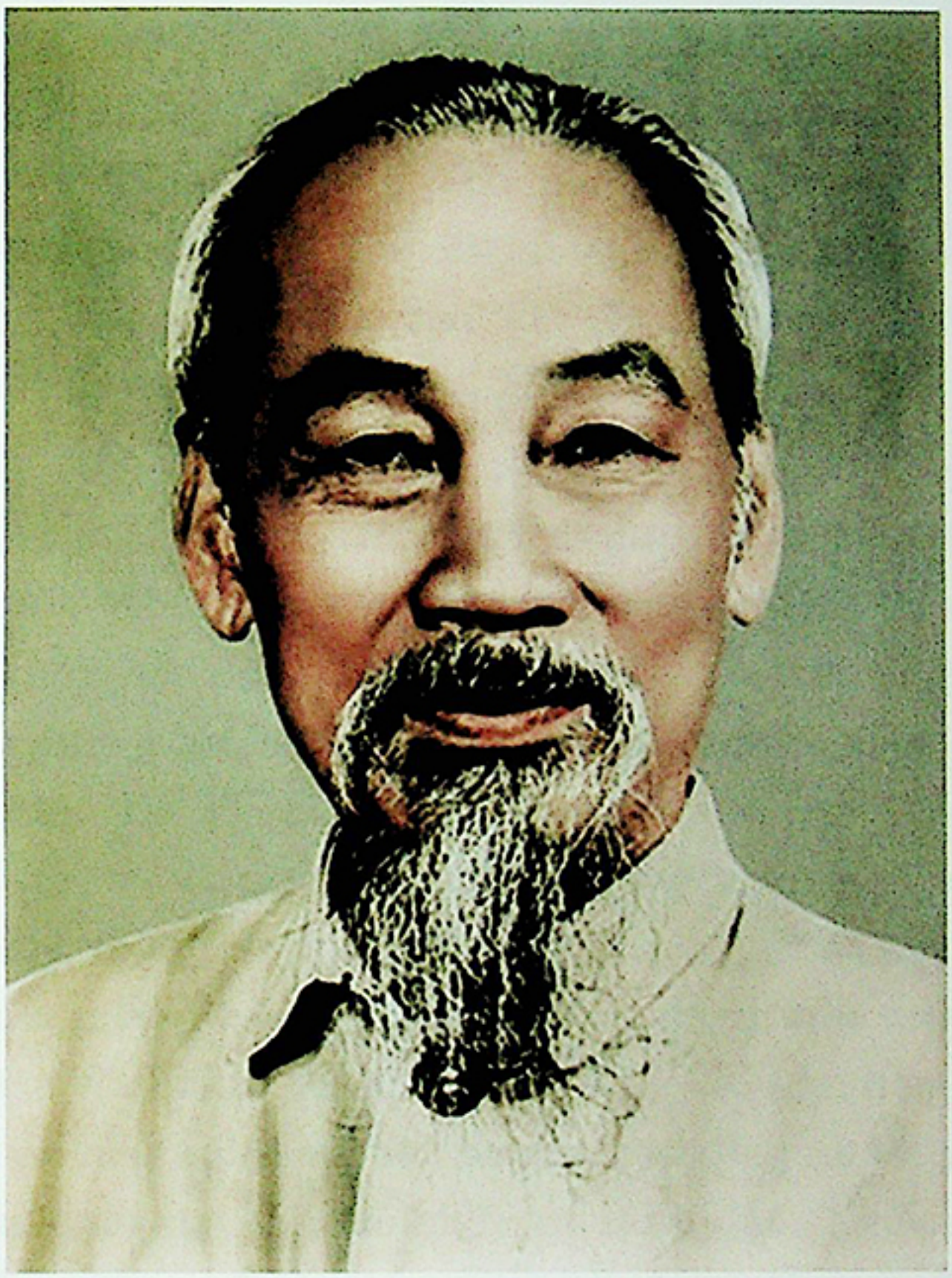
GS. ĐỖ QUANG HƯNG - TS. NGUYỄN VĂN KHOAN
(Sưu tầm, biên soạn)

Dấu ấn của nhà báo NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH trong cách mạng giải phóng dân tộc

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY BÁC HỒ KÍNH YÊU
RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC (05/6/1911 - 05/6/2011),
86 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM
(21/6/1925 - 21/6/2011)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh (1890 - 1969)

LỜI GIỚI THIỆU

Bác Hồ kính yêu không chỉ là lãnh tụ của dân tộc, danh nhân văn hóa của nhân loại mà còn là người sáng lập và chỉ đạo báo chí cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp báo chí cách mạng Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, theo dòng chảy của cách mạng, của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng theo tư tưởng của Bác Hồ kính yêu.

Suốt cuộc đời, Người chỉ có một ham muốn "*một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*". Chính điều này đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước, tìm ánh sáng soi đường cho dân tộc trên con tàu Đô đốc La-tút-sơ Tơ-rê-vin vào ngày 05/6/1911 với đôi bàn tay và câu nói đã đi vào huyền thoại: "*Đây, tiền đây. Chúng ta sẽ làm bất cứ điều gì để sống, để đi và để quay về cứu đồng bào mình*". Người phát hiện ra con đường giải phóng dân tộc chỉ có thể thực hiện được khi gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, do giai cấp công nhân, giai cấp tiên tiến nhất đại diện tổ chức và lãnh đạo. Người đã lựa chọn báo chí làm vũ khí đấu tranh cho hoạt động cách mạng, xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, giải phóng con người.

Người làm báo ngay trong hoạt động thực tiễn và đấu tranh cách mạng. Từ khi giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (1920), Nguyễn Ái

Quốc đã sáng lập ra nhiều tờ báo cách mạng. *Le Paria* (Người cùng khổ) - cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, là tờ báo đầu tiên do Người sáng lập. Mục đích của *Le Paria* là tố cáo tội ác xâm lược của bọn thực dân đế quốc; thức tỉnh người lao động ở các thuộc địa hướng tới giác ngộ, tập hợp lực lượng giải phóng dân tộc.

Hơn 90 năm đã trôi qua kể từ khi Bác Hồ viết bài báo đầu tiên, báo chí Việt Nam hôm nay đã phát triển mạnh mẽ cả số lượng và chất lượng cả nội dung và hình thức, tính chuyên nghiệp và đội ngũ những người làm báo, đủ các loại hình: Báo in, báo nói, báo hình và báo điện tử, cống hiến xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi nhà báo là những chiến sĩ cách mạng và cây bút trang giấy chính là những vũ khí đấu tranh sắc bén. "*Bài báo là tờ hịch cách mạng*", người làm báo phải hiểu rõ mục tiêu và nhiệm vụ của mình trên mặt trận tư tưởng văn hóa. "*Tất cả những người làm báo phải có lập trường chính trị vững chắc. Chính trị phải làm chủ, đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được*".

Trong những ngày tháng 6 lịch sử này, cùng với nhiều hoạt động kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ kính yêu ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911), 86 năm ngày báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925), tôi hoan nghênh các nhà khoa học cùng với Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông đã khẩn trương tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách "***Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc***". Tư tưởng của Hồ Chí Minh về

báo chí cũng như những tác phẩm báo chí mà Người để lại là tài sản tinh thần to lớn, là di sản cực kỳ quý giá không chỉ đối với báo chí cách mạng nước ta mà cả với toàn nhân loại; đồng thời cũng là kim chỉ nam cho chỉ đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với mọi hoạt động của báo chí Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 2011

TS. LÊ DOÃN HỢP

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

LỜI NÓI ĐẦU

Trong việc tìm hiểu, nghiên cứu cuộc đời yêu nước - cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, có một điều chúng ta rất dễ nhận thấy đó là sự thống nhất - có thể gọi là sự kết hợp, chặt chẽ giữa hai mục tiêu giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét trong sự nghiệp báo chí của Người. Và trong thực tế, sự nghiệp báo chí của Người là vô cùng phong phú và sáng tạo, gắn liền và phục vụ đắc lực yêu cầu của từng thời kỳ hoạt động, không chỉ giới hạn vào phạm vi báo chí trong nước mà còn mở rộng ra cả phạm vi nước ngoài (Trung Quốc, Liên Xô, Pháp, Thái Lan), kể cả báo chí của Quốc tế Cộng sản. Cuốn sách "***Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc***" của GS. Đỗ Quang Hưng và TS. Nguyễn Văn Khoan đã đáp ứng đúng yêu cầu của công việc tìm hiểu - nghiên cứu và học tập tư tưởng của Người một cách chính xác, khoa học.

Để biên soạn cuốn sách này, nhóm biên soạn đã có nhiều công phu trong việc khai thác, thu thập tư liệu từ nhiều nguồn và nhiều phía, tuy rằng chủ yếu là thừa hưởng kết quả sưu tầm và nghiên cứu của các tập "*Hồ Chí Minh tuyển tập*" và "*toàn tập*" đã được công bố rộng rãi trong nhiều năm qua, nhưng đã có sự điều chỉnh, bổ sung thêm một số tư liệu mới được khai thác từ các trung tâm lưu trữ trong nước và nước ngoài, đặc biệt là có sự đóng góp kịp thời và hiệu quả của "*Thư mục các bài viết của Nguyễn Ái Quốc*" đăng trên báo L'Humanité (Nhân đạo) của Đảng Cộng sản Pháp do nhà

sử học Pháp Alain Ruscio (là Giám đốc Trung tâm thông tin các tư liệu về nước Việt Nam hiện đại - viết tắt là C. I. D.) xuất bản nhân dịp kỷ niệm 100 năm báo Nhân đạo mới ra mắt bạn đọc (1904 - 2004), dưới đề mục chung "*Vấn đề thuộc địa trên báo Nhân đạo*".

Nội dung phong phú và khoa học của cuốn sách "*Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc*" được giới thiệu theo một cấu trúc chặt chẽ và hợp lý. Cuốn sách giới thiệu khá tỉ mỉ tình hình ra đời và phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam từ những ngày đầu, và phát triển liên tục cho tới ngày nay, và vai trò to lớn, có tính quyết định, mở đường khai lối của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đó.

Cuốn sách gồm hai phần chính: Phần I giới thiệu 26 bài viết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh theo thời gian, bài sớm nhất là "*Tâm địa thực dân*" năm 1919 cho tới bài cuối cùng là "*Trả lời phỏng vấn của Sáclơ Phuốcniô*" năm 1969, chỉ trước khi Người đi xa một thời gian ngắn. Phần II giới thiệu 12 bài viết của một số nhà khoa học nghiên cứu về các bài báo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Ngoài ra còn có Phụ lục lần lượt giới thiệu Tổng mục các bài viết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trên báo L' Humanité của Đảng Cộng sản Pháp và cuối cùng là một số tài liệu, bản chụp bài viết của Nguyễn Ái Quốc bằng tiếng Việt - Pháp - Anh - Hán. Có thể khẳng định rằng cơ cấu như vậy là chặt chẽ và hoàn chỉnh đối với một công trình mang tính giới thiệu thông tin. Chỉ tiếc rằng nếu trong Phần I bên cạnh tên bài báo có cả thông tin về bài báo đăng trên số nào, ngày nào thì sẽ cụ thể, khoa học hơn.

Có thể khẳng định rằng cuốn sách "*Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc*" đã được biên soạn công phu, bảo đảm tính khoa học cần có, xuất bản nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước và 86 năm ngày Báo chí cách mạng Việt Nam là hoàn toàn cần thiết, có lợi và đúng lúc, nhất định cuốn sách sẽ được bạn đọc trong và ngoài nước nhiệt tình đón nhận.

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2011

GS Sử học - Nhà giáo Nhân dân

Đinh Xuân Lâm

PHẦN I

NHỮNG BÀI BÁO CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC HỒ CHÍ MINH VỀ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

TÂM ĐỊA THỰC DÂN

Ít khi chúng tôi có dịp đọc báo thuộc địa. Hôm nay, chúng tôi nhận được tờ báo *Courrier Colonial*, đề ngày 27 tháng 6 vừa qua, trên đầu tờ này có đăng một bài dài hai cột, dưới cái tiêu đề kích động là "GIỜ PHÚT NGHIÊM TRỌNG"[1]. Cái đầu đề kêu rỗng ấy, kêu như một lời hô hào cầm vũ khí, đã khiến chúng tôi phải đọc từ đầu chí cuối bài báo dài này để biết rõ lý do của tiếng kêu cầu cứu đó là gì. Chưa đọc hết cột thứ nhất, chúng tôi cũng đã gần thấy được mục đích của tác giả, và càng đọc tiếp - vừa đọc vừa mỉm cười - thì cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi càng vững chắc lại. Cảm tưởng của chúng tôi tóm lại là: một chàng thực dân đã muốn dùng bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*[2] để mở một cuộc tấn công gián tiếp vào chính sách của ông Anbe Xarô, toàn quyền Đông Dương, một cuộc tấn công mà anh ta đã chú ý tô

---

(1) Ngay sau khi Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới Trưởng đoàn các nước dự Hội nghị Vécxây, bọn bồi bút thực dân lồng lộn. Trên tờ *Courrier Colonial* ra ngày 27/6 có một bài nhan đề *Giờ phút nghiêm trọng* chỉ trích bản yêu sách: "Làm sao một người dân thuộc địa lại có thể dùng bản *Yêu sách của nhân dân* để công kích Chính phủ Pháp. Thật là quá quắt! Cứ theo đà này thì bọn dân thuộc địa sẽ lên ngang hàng với người Pháp chúng ta và sớm trở thành ông chủ của chúng ta. Không được, phải kìm giữ chúng mãi mãi trong vòng nô lệ". Nguyễn Ái Quốc viết bài này là để trả lời bài báo sặc mùi thực dân trên.

(2) Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*: Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Ngày 18/01/1919, đại biểu các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp Hội nghị ở Vécxây (Pháp). Hội nghị này (còn gọi là Hội nghị hòa bình Pari) nhằm xác định sự thất bại của Đức và các nước đồng minh của Đức, chia lại thị trường thế giới cho các nước đế quốc thắng trận, chủ yếu là Mỹ, Anh, Pháp.

Nhân danh nhóm người yêu nước Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Nguyễn Ái Quốc còn thuê in thành truyền đơn, đăng trên các báo, gửi đến các nhà hoạt động chính trị có tên tuổi, phân phát trong các buổi hội họp, mít tinh, gửi cho Việt kiều ở Pháp và gửi về nước.

điểm bằng những lời phản đối có tính chất yêu nước, bằng lòng yêu chuộng chân lý, bằng tinh thần hy sinh và tận tụy vì lợi ích chung, vân vân, vân vân.

Phân tích một vài đoạn trong bài báo, chúng ta sẽ thấy được chàng ta hiểu chủ nghĩa yêu nước, chân lý và lợi ích chung của nước Pháp như thế nào.

Ông Camilơ Đơvila khao khát cái danh hiệu người yêu chuộng chân lý trong thế giới này và trong thế giới bên kia. Lòng khao khát ấy là chính đáng và hợp lý, chúng tôi vui lòng thừa nhận như vậy. Nhưng mong ông cho phép chúng tôi chỉ cho ông thấy rằng cái chân lý theo tâm địa của ông, cái chân lý theo quan niệm của bọn thực dân thù ghét dân bản xứ, không có gì là giống với chân lý của chúng tôi, chân lý mà sau này chúng tôi sẽ nói sơ qua đến, cũng như không có gì là giống với chân lý theo quan niệm của những người Pháp tốt ở nước Pháp cả. Sở dĩ chúng tôi nhận xét một cách lịch sự như vậy, là nhằm tỏ thái độ tôn trọng quyền tự do ngôn luận.

Trước hết, chúng tôi thấy trong bài báo nói về vấn đề đó, cái câu ám chỉ có ác ý là "ngay ngày hôm sau ông Anbe Xarô đặt chân trở về đất nước Pháp thì những nhà ái quốc An Nam lập tức bác bỏ những lời tuyên bố lạc quan của ông".

Chúng tôi không được biết bài diễn văn mà ông Đơvila đã ám chỉ, chúng tôi không bàn về bài diễn văn ấy. Nhưng ngay từ bây giờ chúng tôi cũng có thể nói rằng, dù sao đi nữa thì tám điểm của bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* không nói ngược lại chút nào những ý kiến của ông Anbe Xarô, người đã tuyên bố trong tất cả những diễn văn của mình đọc trước những người bản xứ rằng mình kiên quyết muốn mở ra cho họ một kỷ nguyên tự do và công lý. Vì những lời hứa hẹn của ông phù hợp với những yêu sách của chúng tôi, nên ngay

khi được biết tin ông trở về Pháp chúng tôi vội vã gửi đến ông bản ghi những yêu sách của chúng tôi. Trong lúc chờ xem chính sách của ông đáp ứng được đến mức độ nào những nguyện vọng của chúng tôi, chúng tôi vui lòng thừa nhận rằng đã nhiều lần *ông* phát biểu để bảo vệ những người bản xứ, chống lại sự áp bức của *những tên thực dân độc ác* và sự chuyên chế của *những tên viên chức tàn bạo,* bất chấp những đòn công kích của một chiến dịch vừa đáng ghét vừa nham hiểm của báo chí, một chiến dịch không giấu kín được tính phản nghịch của nó bằng những lời ngụy biện về uy tín và bằng những lý lẽ giả dối về lợi ích chung.

Chúng tôi đã nhấn mạnh dòng chữ *những tên thực dân độc ác* và *những viên chức tàn bạo*, vì chúng tôi biết rằng có những người thực dân chính trực và những viên chức công bằng. Khốn nỗi, họ còn lâu mới là đa số, thậm chí còn đang sợ rằng họ là một thiểu số rất nhỏ nữa.

Rồi ông Đơvila chép lại tám yêu sách của người An Nam, và kèm theo yêu sách thứ ba - tự do báo chí và ngôn luận - ông đưa ra nhận xét này: *mà bản thân chúng ta cũng không được hưởng*, và kèm theo yêu sách thứ bảy - thay chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật - ông đưa ra nhận xét này: *hệt như ở nước ta*.

Cũng vậy thôi, tính giả dối cũng không được che đậy kín đáo gì hơn. Chúng tôi xin phép hỏi ông Đơvila rằng phải chăng ông coi độc giả của ông là những người quá ư ngu ngốc, khi ông định dùng cái lối bình luận quỷ quyệt đó để làm cho họ lẫn lộn tình trạng hoàn toàn và vĩnh viễn không có quyền tự do tư tưởng với sự kiểm duyệt, tức là một tình trạng hoàn toàn có tính chất tạm thời và chỉ nhằm một vài loại tin tức thôi. Còn về việc thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật

thì chúng tôi không hiểu tại sao ông Đơvila lại sợ việc ấy đến thế, vì những người trong sạch thì không việc gì phải sợ sự kiểm soát của ai cả, ngay cả sự kiểm soát của Nghị viện nữa.

Lời trách cứ nặng nhất của ông Đơvila đối với những nhà ái quốc An Nam là đã phát biểu trực tiếp với nhân dân Pháp và với nền công lý thế giới của tất cả các cường quốc. Chúng tôi sẵn sàng thừa nhận với ông rằng những người An Nam đã đi vào một trường hợp hoàn toàn đáng xử giảo, khi không nhờ đến một nhà thực dân cỡ ông làm trung gian. Thừa nhận như vậy rồi, chúng tôi xin chép lại nguyên văn cái câu mà ông cho là khó hiểu, câu đó như sau: "Đưa ra những yêu sách trên đây, nhân dân An Nam trông cậy vào chính nghĩa thế giới của tất cả các cường quốc và đặc biệt tin vào lòng rộng lượng của nhân dân Pháp cao cả, tức là của những người đang nắm vận mệnh của nhân dân An Nam, của những người, do nước Pháp là một nước Cộng hòa, nên được coi là những người bảo hộ cho nhân dân An Nam".

Chúng tôi không dám giải thích cho ông Đơvila rằng, thế nào là một nước Cộng hòa, vì môn sư phạm không phải là sở trường của chúng tôi, nhưng vì ông tìm cách bẻ quẹo một câu minh bạch như vậy, nên chúng tôi tự hỏi không biết có phải ông đã có danh dự được làm bồi bếp trong một nhà bếp nhà vua nào đó chăng.

Và bây giờ khi mà ông Đơvila tự hỏi rằng trách nhiệm ở đâu, thì chúng tôi phải nói trắng ra với ông rằng cần tìm trách nhiệm, không phải ở chính sách của ông Xarô mà ở tình hình thảm hại mà người ta đã để lại cho ông Xarô. Nếu sau một nửa thế kỷ sống dưới sự thống trị của nước Pháp mà nhân dân An Nam rút cuộc lại phải đi xin vài bảo đảm cá nhân và vài quyền tự do mà tất cả những nước láng giềng

của mình đều được hưởng, thì điều đó không phải là tại ông Xarô thân dân bản xứ, mà điều đó có nguyên nhân sâu xa hơn nữa, đó là do chính sách bóc lột và ngu dân mà ông Đơvila và bè phái tuyên truyền, chứ không phải của ông Xarô.

A, bây giờ chúng tôi đã nắm được động cơ của những đòn công kích ông Xarô rồi. Ông Xarô bị công kích vì ông thân dân bản xứ.

Ông Đơvila nhắc nhở rằng những người đã có kinh nghiệm ở Đông Dương đã cố công khuyên ông Xarô, nhưng ông Xarô không chịu nghe họ. Theo ngôn ngữ của những tên thực dân độc ác, thứ kinh nghiệm ở Đông Dương có nghĩa là kinh nghiệm trong nghệ thuật bóc lột, cướp bóc người bản xứ, kinh nghiệm sống bằng mồ hôi của người bản xứ. Ông Xarô đã khinh bỉ không thèm nghe lời bọn cố vấn vụ lợi ấy, điều đó cũng dễ hiểu.

Cái câu trong tờ *Le Courrier d'Haiphong*[1] mà ông Đơvila dẫn ra và tuyên bố rằng, câu đó là có tính chất tiên tri *(sic)* xác nhận tất cả những điều mà chúng tôi vừa nói, nguyên văn câu đó như sau:

"Chính sách ấy (chính sách thân dân bản xứ) của ông Xarô chỉ có thể tiến hành được bằng cách hy sinh lòng tự tôn và những quyền lợi của những người Âu ở nước này, vì chính sách đó chỉ nhằm làm cho những dân bản xứ thành những người bình đẳng với chúng ta, rồi nhanh chóng trở thành chủ chúng ta".

Kết luận: đối với dân bản xứ, thì phải giữ họ vĩnh viễn trong cảnh nô lệ. Chúng tôi thiết tưởng rằng, những người Pháp thông minh và chân thực biết tỏ tính ưu việt tự nhiên

---

(1) Báo *Le Courrier d'Hai Phong*: xuất bản hằng ngày ở Hải Phòng năm 1887, do Tòa Đốc lý của chính quyền thuộc địa phụ trách. Tr.4.

của mình ở bất cứ nơi nào mình sống, thì không cần phải sống giữa những người bản xứ vĩnh viễn bị khoá mồm bịt miệng và bị xỏ mũi, mới có thể giữ được tính ưu việt đó.

Sau cùng, ông Đơvila cho rằng mình biết rõ là một đảng độc lập đã xuất hiện và đảng này đã vượt qua đầu ông Xarô để phát biểu với nhân dân Pháp và với các cường quốc mà họ muốn nói với tư cách bình đẳng với nhau. Ông nói thêm rằng: đây là một giấc mơ và từ giấc mơ nầy ông thấy nguồn gốc của sai lầm mà ông Anbe Xarô phạm phải là năm 1913 ông Anbe đã dạy cho người An Nam biết rằng nước Đức đã chiếm Andátxơ - Loren của nước Pháp năm 1871.

Nếu có một đảng độc lập tồn tại, thì đảng này không phải đi ăn xin một vài quyền tự do, mà thiếu nó thì con người là một tên nô lệ khốn khổ. Chúng tôi thử làm yên lòng ông Đơvila bằng cách nói rằng, Đảng của chúng tôi nói với nhân dân Pháp, cũng là nói cả với ông Đơvila.

Cuối cùng, ông Đơvila không thể không biết về mặt quốc tế, khi người ta nói bình đẳng với nhau, người ta dùng con đường ngoại giao, chứ không phải bằng con đường thỉnh cầu. Vậy thì giấc mơ đẹp mà người ta kiêu hãnh đã tìm thấy chìa khóa, tự nó đã tan tành.

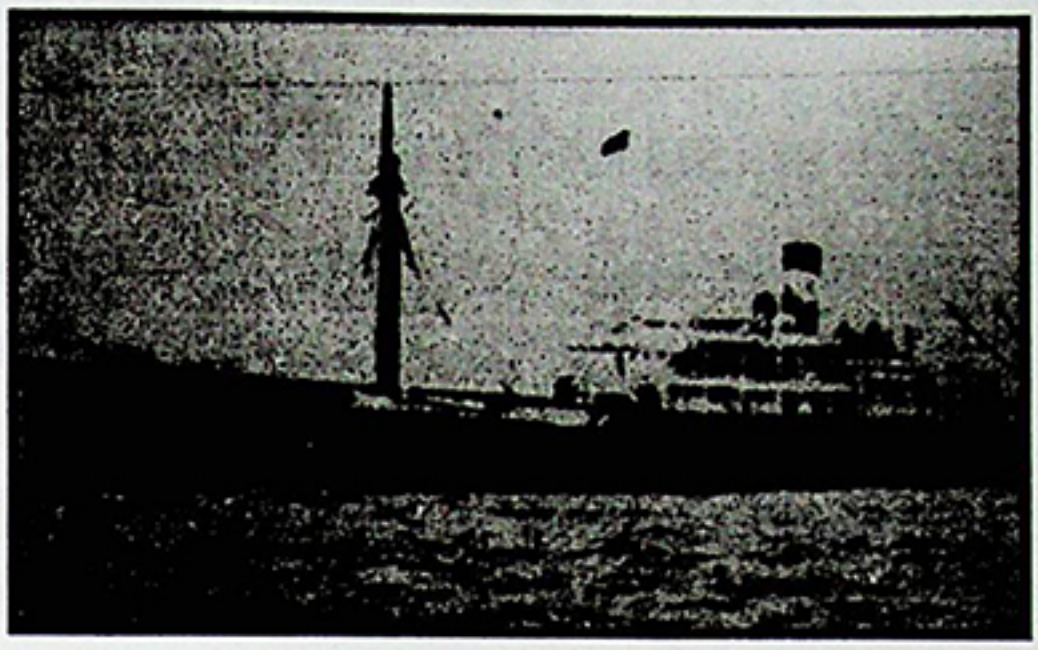
Chúng tôi để cho ông Đơvila với một giấc mơ khác, giấc mơ làm cho dân An Nam quên đi rằng chỉ với nửa số những luật dân sự mà trước kia những người Andátxơ - Loren có được dưới sự thống trị của Đức, thì dân An Nam cũng sẽ đỡ khổ hơn rất nhiều. Đúng vậy, theo ý nghĩa đó thì việc so sánh Andátxơ - Loren phổ hoá với Đông Dương Pháp hóa dĩ nhiên là hại.

NGUYỄN ÁI QUỐC

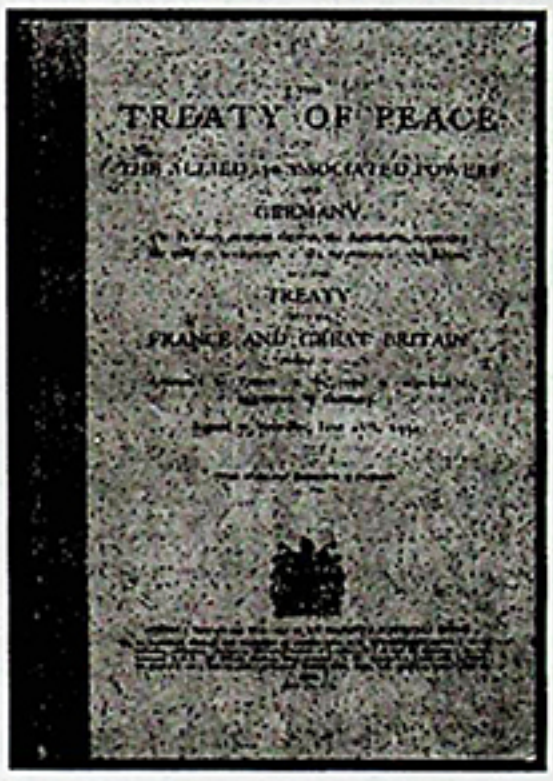
Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp.

Bản chụp lưu tại Viện Lịch sử Đảng.





Nguyễn Tất Thành (Văn Ba) làm phụ bếp trên chiếc tàu buôn
của Đô đốc Latouche-Tréville, tháng 6/1911



Ngày 19/6/1919, Nguyễn Tất Thành đã mang tới Hội nghị Hòa bình Versailles
bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*

ĐÔNG DƯƠNG VÀ TRIỀU TIÊN

MỘT SỰ SO SÁNH THÚ VỊ

Thế giới sẽ chỉ có nền hòa bình cuối cùng khi tất cả các dân tộc tự mình thỏa thuận với nhau cùng tiêu diệt con quái vật đế quốc chủ nghĩa ở khắp mọi nơi mà họ gặp nó. Trong khi chờ đợi ngày đó, hiện nay họ còn là nạn nhân của con quái vật ấy, đòi hỏi một cách nghiêm khắc, nhân danh nguyên tắc của dân tộc được quyền tự quyết và họ rất xứng đáng để lưu ý tiếng nói của họ phải được lắng nghe với tình cảm đậm đà trong nhân dân các nước châu Âu và châu Mỹ. Dư luận thế giới đối với các nước đang rên xiết dưới ách thống trị của nước ngoài không phải không làm cho những kẻ đi bóc lột các dân tộc lo sợ. Chính phủ Nhật Bản nhìn thấy trước hậu quả đáng buồn khi đã mở một cuộc chinh phạt rất lớn của chủ nghĩa quân phiệt, đang thừa nhận phải cải cách chế độ ở Triều Tiên theo một tinh thần khoan dung.

TỰ TRỊ Ở TRIỀU TIÊN

Một sắc lệnh của Hoàng triều, công bố ở Đông Kinh, ngày 19/8/1919, thừa nhận tự trị cho Triều Tiên, và tuyên bố những người Triều Tiên và Nhật Bản về mặt pháp luật đều bình đẳng và đều được hưởng những quyền hạn ngang nhau, không phân biệt là người nước nào. Chúng ta cũng phải thấy trước rằng những người yêu nước Triều Tiên sẽ không vì thế mà lấy làm thỏa mãn và họ còn tiếp tục đòi cho được độc lập hoàn toàn, bởi vì phải chăng họ phản đối đạo sắc lệnh ấy với lý do là nó cũng như tất cả các quy định luật pháp khác có giá trị nhiều hay ít còn tùy ở sự thực hiện ra sao nữa.

Rõ ràng là chúng tôi không hề đóng vai trò đáng khinh bỉ làm người biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc Nhật, mà là chúng tôi lên án nó cũng như lên án tất cả các thứ chủ nghĩa đế quốc. Chúng tôi cũng không so sánh một cách cụ thể chi tiết giữa chế độ cai trị của Nhật với chế độ cai trị của Pháp, mặc dầu về nhiều mặt, sự so sánh ấy cũng sẽ làm lợi cho Nhật Bản, mà hiển nhiên nước này chưa bao giờ có ý định đầu độc người Triều Tiên bằng cách bắt buộc họ phải uống rượu và hút thuốc phiện; nhưng ngày nay, Chính phủ Đông Kinh đã tuyên bố chính thức giải phóng người Triều Tiên bằng cách đồng hoá họ hoàn toàn như những công dân Nhật Bản. Thật đáng buồn thay khi thấy rằng sau 50 năm thống trị mà những người đại diện cho nước Cộng hòa Pháp ở Đông Dương vẫn cứ ngoan cố kìm chân người bản xứ trong vòng nô lệ, không cho họ hưởng một chút quyền tự do nào cũng như các quyền khác theo luật pháp quy định, thế mà ở cái đế quốc mặt trời mọc kia lại trịnh trọng tuyên bố cho cả một dân tộc được hưởng toàn bộ các quyền công dân, cái dân tộc mà họ chỉ mới thống trị chưa đầy 15 năm, để mưu cầu tránh được cái tai họa nước Nga dưới triều đại Nga hoàng.

SỰ NHỒI SỌ NHỮNG NGƯỜI DA VÀNG

Trong những năm chiến tranh, nhiều phong trào quốc tế quan trọng đã nổ ra ở Triều Tiên cũng như ở Đông Dương để lật đổ ách thống trị của người nước ngoài. Nhưng liền sau khi đã dập tắt được các phong trào phiến loạn, thì Chính phủ Nhật Bản đã có ngay biện pháp xoá bỏ cái dĩ vãng của những biến cố đau thương ấy bằng những cải cách tiến bộ và tìm cách hòa hợp dân tộc bị trị với dân tộc thống trị bằng cách thừa nhận họ có những quyền ngang nhau theo luật pháp quy định. Còn như chính phủ thuộc địa Pháp thì vẫn ngoan

cố một cách ngây thơ cho rằng ở Đông Dương này muốn ràng buộc những người bản xứ thì chỉ cần vỗ về họ mãi mãi bằng những bài diễn văn long trọng, những luận điệu tuyên truyền gian ngoan và bằng những lời thề nguyện trung thành mà nó chỉ đáng giá ở chỗ người ta đặt vào đấy: trong cái xứ này do thiếu sót hay nói cho đúng hơn, là do ý định của chính phủ, nên đâu đâu từ trên xuống dưới cũng đều có cái nạn tham nhũng mua quan bán chức, những bọn người mua bán được bằng tiền thì không phải là những thứ hàng hoá hiếm. Và để nhồi sọ những người da vàng, chính phủ thuộc địa đã sẵn sàng những biện pháp và phương tiện cực kỳ mạnh.

Về mặt báo chí, xuất bản bằng tiếng phương Đông, chính phủ giành lấy cái quyền hạn bỉ ổi chỉ cho phép xuất bản những loại nào ca ngợi mình và sau khi đã có kiểm duyệt rồi. Chính phủ lợi dụng cái đặc quyền độc đoán ấy để lập ra những tờ báo tiếng An Nam theo ý mình được hưởng trợ cấp bí mật của Nhà nước và chuyên việc làm quảng cáo tuyên truyền cho chính phủ và thường kỳ viết những bài phỉnh nịnh các quan trên có thế lực ở thuộc địa.

Ấy thế mà, Chính phủ Đông Dương lại muốn biến chính hệ thống nhồi sọ này thành chế độ tự do báo chí của người bản xứ đấy!

NHỮNG SỰ HY SINH CỦA NGƯỜI AN NAM TRONG CHIẾN TRANH

Nếu người ta làm một bản thống kê những sự hy sinh bắt buộc cho nước Pháp mà nhân dân An Nam phải chịu đựng từ khi có chiến tranh, thì người ta sẽ thấy, về mặt tài chính, nhân dân An Nam đã phải gánh vác một phần lớn, có

đến hàng trăm hàng ngàn triệu phrăng, do đóng góp tự do hay bắt buộc, mà chủ yếu thì bắt buộc hơn là tự do; về mặt đóng góp sức người, thì một nguồn nhân lực rẻ tiền đã lên tới con số hơn 100 ngàn người lao động và rất nhiều tiểu đoàn lính chiến đấu, kẻ trước người sau, họ đều bị trưng tập và bắt buộc đưa sang Pháp hay đi các nơi khác, còn số người đi tình nguyện thì không sao kể xiết. Trong số những người lao động và binh lính An Nam ấy, đã có hàng mấy chục ngàn người ra đi mà không bao giờ còn trở lại quê hương đất nước của họ nữa, chỉ vì một lý do rất đơn giản là họ đã chết. Kẻ này thì chết vì bị tai nạn đi đường, vì công việc nặng nhọc quá sức, vì chưa thạo nghề ở trong các công binh xưởng hoặc vì những sự hành hạ tàn bạo trong các trại lính; người kia thì bị chết trong cuộc chém giết khổng lồ của châu Âu trên đất Pháp và trên những cánh đồng đầy bệnh ôn dịch của các nước vùng Bancăng. Trong giờ phút này, chỉ cần chúng ta đi qua miền Bắc nước Pháp là sẽ gặp ngay hàng ngàn người An Nam xấu số đương phải làm những công việc đào và đắp đất. Họ chẳng khác gì những đoàn người nô lệ tù đày thật sự, chỉ còn thiếu có xiềng xích ở chân mà thôi, bởi vì người ta không sợ họ bỏ trốn.

Liệu nước Pháp sẽ làm được gì đối với Đông Dương để có thể so với lòng hào hiệp của nước Nhật đối với Triều Tiên?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Populaire*, ngày 04/9/1919.



Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Đại biểu Đảng Xã hội Pháp lần thứ 18
tại thành phố Tua (Pháp) và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp
từ ngày 25 - 30/12/1920



Các đại biểu Đại hội Tua năm 1920
với khẩu hiệu "*Vô sản toàn thế giới! Hãy đoàn kết lại*"

MẤY Ý NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Từ khi Đảng Cộng sản Pháp đã thừa nhận 21 điều kiện[1] của Mátxcơva và gia nhập Quốc tế thứ ba, Đảng đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn trong số các nhiệm vụ khác: chính sách thuộc địa. Đảng không thể thỏa mãn với những bản tuyên ngôn chỉ thuần là bằng tình cảm và không có kết quả gì như thời Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ hai nữa, mà cần phải có một kế hoạch hoạt động chính xác, một chính sách có hiệu quả và thiết thực. Trong vấn đề này, Đảng gặp nhiều khó khăn hơn mọi vấn đề khác, và đây là những khó khăn chủ yếu:

1. Diện tích các thuộc địa rất rộng. Không kể những "khu vực ủy trị" mới, lấy được từ sau chiến tranh, nước Pháp có:

Ở châu Á, 450.000 cây số vuông; ở châu Phi, 3.541.000 cây số vuông; ở châu Mỹ, 108.000 cây số vuông; ở châu Đại Dương, 21.600 cây số vuông. Tổng cộng: 4.120.000 cây số vuông (gần gấp tám lần diện tích nước Pháp) với một dân số là 48.000.000 người. Số dân đó nói hơn 20 thứ tiếng khác nhau. Tình trạng có nhiều tiếng nói khác nhau như vậy làm khó khăn cho công tác tuyên truyền, bởi vì trừ mấy thuộc địa cũ ra, thì một tuyên truyền viện người Pháp chỉ có thể nói chuyện với quần chúng bản xứ qua người phiên dịch mà thôi. Mà phiên dịch thì khó nói lên được hết ý, vả lại trong những

---

[1] Ngày 01 tháng 8 năm 1920, Hội nghị lần thứ II của Quốc tế Cộng sản đã tán thành 21 điều kiện do Lê-nin thảo ra về vấn đề kết nạp các đảng cách mạng vô sản vào Quốc tế Cộng sản. Việc quy định những điều kiện này nhằm ngăn chặn không để cho những phần tử cơ hội chủ nghĩa lọt vào Quốc tế Cộng sản và nên lập những nguyên tắc cơ bản về chính trị và tổ chức của Đảng mác-xít kiểu mới.

xứ bị cai trị một cách độc đoán ấy, thật khó mà tìm ra được một người phiên dịch những lời lẽ cách mạng.

Lại còn những trở ngại khác nữa. Tuy người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa đều là những người bị áp bức và bóc lột như nhau, nhưng trình độ văn hoá, kinh tế và chính trị giữa xứ này với xứ khác lại rất khác nhau. Giữa Việt Nam với Cônggô, Mácticích hay Tân Đảo, hoàn toàn không giống nhau chút nào, trừ sự cùng khổ.

2. Tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa. Trong những luận cương về vấn đề thuộc địa, Lê-nin đã tuyên bố rõ rệt rằng "nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc". Muốn thế, công nhân ở chính quốc cần phải biết rõ thuộc địa là cái gì, phải biết những việc gì đã xảy ra ở thuộc địa, biết rõ nỗi đau khổ mà các anh em của mình - những người vô sản ở thuộc địa đang phải chịu đựng đau khổ gấp nghìn lần nỗi đau khổ của họ. Tóm lại là công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa.

Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ mà trên là mặt trời dưới là cát, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi. Và họ hoàn toàn không để ý gì đến.

3. Tình trạng dốt nát của người dân bản xứ. Trong tất cả các nước thuộc địa, ở cái xứ Đông Dương già cỗi kia cũng như ở xứ Đa-hô-mây trẻ trung này, người ta không hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công

nhân. Trước con mắt người dân bản xứ, chủ nghĩa bôn-sê-vích - danh từ này vì thường được giai cấp tư sản dùng đến luôn, nên đặc sắc hơn và mạnh nghĩa hơn - có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số ít người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản. Nhưng số người thượng lưu ấy - thuộc giai cấp tư sản bản xứ và là cột trụ của giai cấp tư sản thực dân - cũng không thích thú gì việc chủ nghĩa cộng sản được người ta hiểu và được truyền bá rộng rãi cả. Trái lại, giống như con chó trong chuyện ngụ ngôn, họ lại thích đeo cái vòng cổ để kiếm miếng xương của chủ. Nói chung, quần chúng căn bản là có tinh thần nổi dậy, nhưng còn rất dốt nát. Họ muốn giải phóng, nhưng họ chưa biết làm cách nào để đạt được mục đích ấy.

4. Những thành kiến. Vì giai cấp vô sản ở cả hai đằng đều không hiểu biết lẫn nhau, nên đã nảy ra những thành kiến. Đối với công nhân Pháp, thì người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động. Đối với người bản xứ, những người Pháp - mặc dầu họ là hạng người nào - cũng đều là những kẻ bóc lột độc ác. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó và sự phân biệt đẳng hạng giả tạo về nòi giống đó để ngăn cản việc tuyên truyền và để chia rẽ những lực lượng đáng phải đoàn kết lại.

5. Đàn áp dã man. Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc

chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc. Những người như ông *Găngđi*[1] và ông Đờ Valơra[2] có lẽ đã lên thiên đàng từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ở một trong những thuộc địa của Pháp. Bị tất cả mọi thứ thủ đoạn thâm hiểm của các toà án quân sự và tòa án đặc biệt vây xung quanh, một người chiến sĩ ở bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và dốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi khai hoá cho họ.

Trước những khó khăn ấy, Đảng phải làm gì?

Tăng cường công tác tuyên truyền của Đảng để khắc phục.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo* (*L'Humanité*), ngày 25/5/1922.

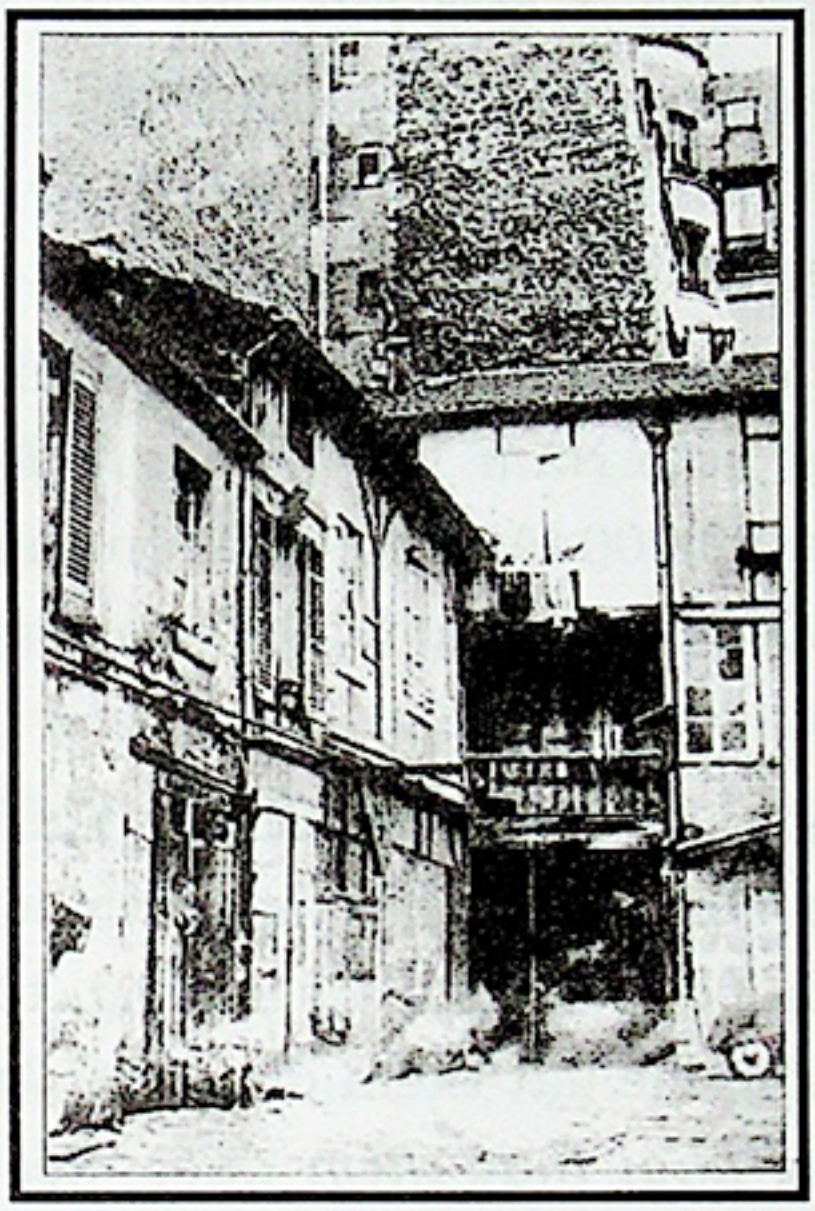
---

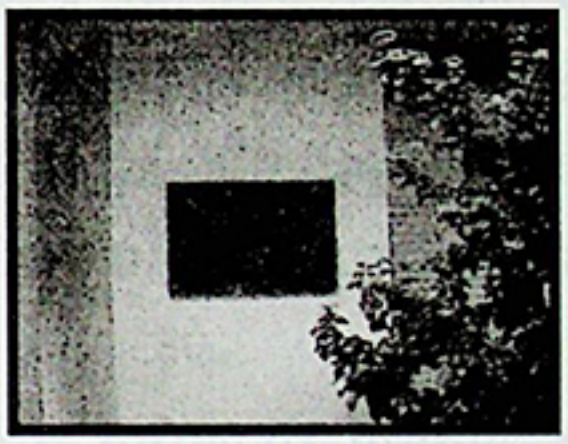
[1] Găngđi (1869 - 1948), chiến sỹ xuất sắc của phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ, lãnh tụ Đảng Quốc đại Ấn Độ, một đảng cách mạng dân tộc của giai cấp tư sản dân tộc Ấn Độ thành lập từ năm 1885, Găngđi chủ trương, thuyết "*bất bạo động*", coi đó là hình thức đấu tranh tốt nhất chống chủ nghĩa thực dân.

[2] Đờ Valơra, sinh năm 1882 ở Niu-oóc, một nhà chính trị lãnh đạo phong trào độc lập Ai-rơ-lan; thủ lĩnh phái Cộng hòa bất khuất (1921); Chủ tịch Hội đồng hành pháp Ai-rơ-lan (1932); Chủ tịch nước từ năm 1937 đến năm 1944; Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cho đến năm 1948; Thủ tướng Ai-rơ-lan (1951).



Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Pháp, năm 1920





Ngôi nhà số 9, ngõ Công Poanh (Compoint), quận 17 Paris. Tấm biển đồng trước nhà có ghi: "Tại đây, từ năm 1921-1923, Nguyễn Ái Quốc đã sống và chiến đấu vì quyền độc lập và tự do cho nhân dân Việt Nam và các dân tộc bị áp bức"

SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA ĐÔNG DƯƠNG DƯỚI TRIỀU ĐẠI M. LÔNG

Ngài A. Xarô, vị Bộ trưởng thuộc địa vĩ đại của chúng ta, không bao giờ bỏ sót một dịp nào để say sưa tán tụng về sự thịnh vượng của xứ Đông Dương, xứ Đông Dương "của Ngài", và về những sự nghiệp vĩ đại mà ngài cùng bộ hạ của ngài đã làm hoặc đang làm tại đấy. Để chứng minh rằng ngài chỉ nói đúng sự thật, chỉ nói độc có sự thật thôi, chúng tôi cần đưa ra cho ngài và cho các bạn chúng ta đọc những đoạn sau đây, trích ở một bức thư của đại tá Bécna gửi cho báo *La République Francaise*, ngày 06/12/1922, và thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài cứ yên tâm, đại tá đó không phải là một người cộng sản đâu. Bức thư nói như sau:

"Số hàng xuất khẩu của Đông Dương hiện đang cầm chừng hay còn giảm xuống nữa. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000 kg tơ lụa; 99.000 tấn ngô; 400 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kg tơ lụa; 32.000 tấn ngô; 156 tấn chè".

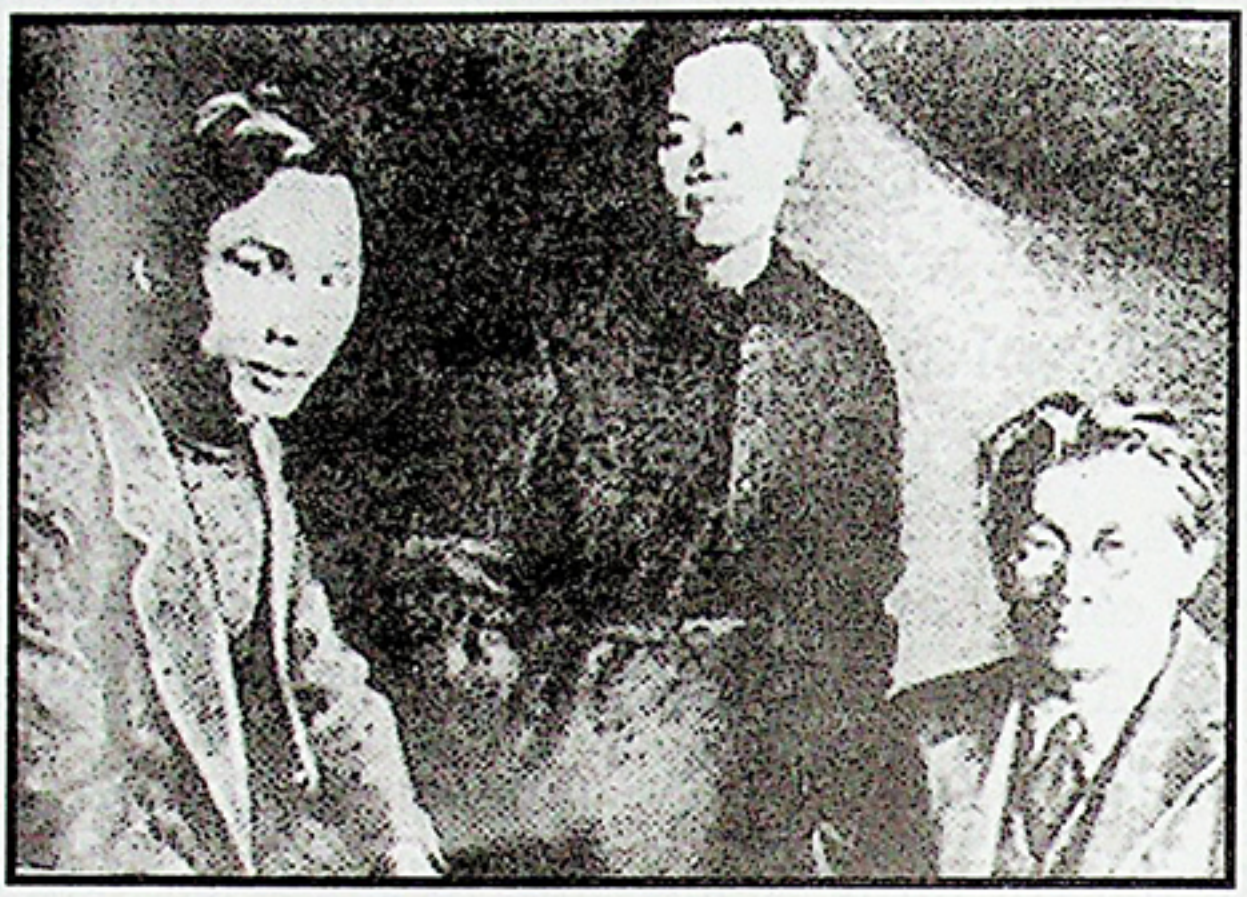
"Người ta cũng tưởng rằng hiện nay Chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa này. Thế nhưng, từ năm 1914 đến nay, người ta không hề đặt thêm được *một kilômét đường sắt nào, cũng không khai thác thêm được một hécta ruộng đất nào*. Cách đây mười năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thủy

nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng từ hơn năm năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng cũng trong thời gian đó, xứ Đông Dương đã dành ra 65 triệu đồng, 450 triệu phrăng để xây dựng đường sá và dinh thự. Mời ông Phagiê hãy suy nghĩ về những con số đó xem! Gần một nửa tỷ đã chi phí để xây dựng những đường ô tô chạy mà trên đó không hề lưu thông được lấy một tấn hàng hoá nào; để dựng những dinh thự và công sở cho hằng hà sa số công chức đang sinh sôi nảy nở như cây cối sum xuê vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là tối cần thiết và đã được Nghị viện thông qua rồi, lại bị bỏ rơi".

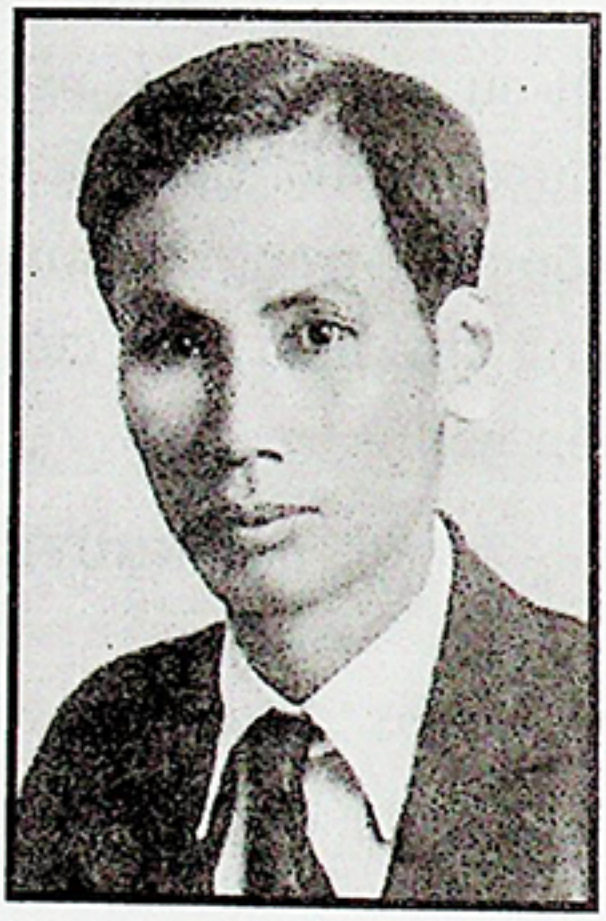
"Nhưng xin đừng tưởng rằng người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương đâu. Để hoàn thành chương trình 1912, Ông Lông đã xin phép Nghị viện được phát hành công trái. Hiện nay, ông ta lại còn xin phép phát hành một công trái thứ hai nữa. Những kẻ hiện nay đang lãnh đạo việc khai thác xứ Đông Dương xem chừng đã định tâm không muốn làm cái gì thật sự có ích lợi cả, nếu trước hết người ta không cho phép họ được vay nợ. Còn đối với ngân quỹ, đối với những dự trữ gom góp được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ sẵn sàng vung tay ném qua cửa sổ, nếu Nghị viện không đưa họ vào nền nếp".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière*, ngày 22/12/1922.



Nguyễn Ái Quốc cùng với các chiến sĩ cộng sản quốc tế
Trương Thái Lôi (Trung Quốc) ở giữa và Kataiama (Nhật Bản) ngoài cùng bên phải
học tập tại Trường Quốc tế Phương Đông ở Mátxcơva, tháng 6/1923



Nguyễn Ái Quốc chụp ảnh tại Liên Xô, năm 1923

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở THỔ NHĨ KỲ

Với lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh đáng khâm phục, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã xé tan cái hiệp ước Xevơrơ[1] ghê tởm và giành lại được nền độc lập của mình. Họ đã đánh bại bọn đế quốc cùng lập mưu với nhau, và lật đổ ngai vàng của bọn vua chúa. Từ một nước kiệt quệ, bị chia cắt, giày xéo, họ đã dựng nên một nước cộng hòa thống nhất và mạnh mẽ. Họ đã làm xong cuộc cách mạng của họ.

Nhưng, cũng giống như tất cả các cuộc cách mạng tư sản, cuộc cách mạng Thổ Nhĩ Kỳ chỉ có lợi riêng cho một giai cấp: giai cấp có của.

Giai cấp vô sản Thổ Nhĩ Kỳ, người đã đóng góp rất nhiều vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thì từ bây giờ đã thấy bắt buộc phải tiến hành một cuộc đấu tranh khác: cuộc đấu tranh giai cấp.

Trong cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân của Thổ Nhĩ Kỳ gặp nhiều trở lực. Ở Thổ Nhĩ Kỳ không có những công đoàn giống như ở phương Tây. Ở đây chỉ có những nghiệp đoàn, hoặc những hội tương tế tập hợp công nhân cùng ngành, sinh sống trong cùng một thành phố. Còn công nhân các ngành khác nhau trong cùng một thành phố và công nhân cùng ngành trong các thành phố khác nhau thì

---

[1] Hiệp ước ký ngày 10/8/1920 tại Sèvres thuộc quận Véc-xây, giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Đồng minh, chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ ra làm nhiều nước và lập chế độ nửa thuộc địa ở đó. Nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ phẫn nộ, nổi dạy đấu tranh chống hiệp ước đó để bàn về độc lập dân tộc. Thổ Nhĩ Kỳ chiến thắng, buộc các nước đế quốc phải triệu tập Hội nghị Lausanne (1922 - 1923) để xóa bỏ Hiệp ước nô dịch Sèvres.

không có liên hệ gì với nhau. Tình hình đó làm trở ngại mọi hoạt động chung và có hiệu quả.

Mặc dù như vậy, suốt năm vừa qua người ta cũng đã nhiều lần thấy những hoạt động sôi nổi của công nhân. Nhiều cuộc bãi công đã nổ ra ở Côngxtăngtinốp, ở Sừng Vàng[1], ở Aiđin, v.v... Công nhân in, công nhân đường sắt, nhân viên thương thuyền, công nhân các kho dầu lửa và các xưởng chế rượu bia đã tiến hành đấu tranh. Đã có tới một vạn công nhân tham gia phong trào. Sau những kinh nghiệm này, công nhân Thổ Nhĩ Kỳ đã hiểu rằng muốn thắng lợi thì họ cần phải có tổ chức và kỷ luật.

Đại hội Côngxtăngtinốp thành lập hội Biếclích[2]

Mới đây, một đại hội công nhân đã được triệu tập ở Côngxtăngtinốp. 250 đại biểu tham gia đại hội. Họ thay mặt cho 19.000 công nhân Côngxtăngtinốp, 15.000 công nhân mỏ than ở Dônggundắc[3] và 10.000 người lao động cả các mỏ chì có bạc ở Balyacaraiđin[4].

Đại hội đã quyết định tập hợp *34 Đécnếch*[5] hiện có thành một *Biếclích*, tức là một liên minh. Nghị quyết mạnh dạn đó đã làm cho chính phủ phải sợ hãi không dám công nhận *Biếclích*. Nên chú ý là thái độ của chính phủ đối với công nhân đã thay đổi nhiều. Khi chiến tranh kết thúc, khi vấn đề đặt ra là phải đuổi cổ những người nước ngoài thì chính phủ luộn luôn tỏ ra dễ dãi với công nhân, nhưng khi đụng đến vấn đề tổ chức công nhân thì chính phủ tỏ ra cũng phản động

---

(1) *Corne d'or:* Bãi biển Bôxpho ở Ixtambun, giáp biển Đen.

(2) *Birlik*: Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa như một hội liên minh.

(3) Tiếng Pháp là Zongouldale

(4) Tiếng Pháp là Balyalearaidime

(5) *Dernek*. Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là hội.

như tất cả mọi chính phủ tư bản chủ nghĩa khác. Do đó, sự phủ quyết của chính phủ không làm ai ngạc nhiên cả. Vả lại, mọi người biết rằng từ khi ký hòa ước Lôdanno[1] thì bọn tư bản Thổ Nhĩ Kỳ đã ăn cánh với bọn tư bản nước ngoài, bọn này sau khi đã tàn sát hàng vạn người Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ khổ sở nhưng vẫn không đặt được ách thực dân lên Thổ Nhĩ Kỳ, thì nay lại xâm nhập một cách hòa bình vào đất nước Trăng lưỡi liềm. Việc chính phủ từ chối không công nhận tổ chức *Biếclích*, chẳng khác nào một nụ cười duyên dáng dùng để khuyến khích giới tài chính quốc tế mà ba phần năm là nguồn gốc Pháp.

Nhưng giai cấp vô sản Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến được một bước đầu tiên. Nhất định họ sẽ còn tiến nữa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 01/01/1924.

---

[1] Lausanne: Một thành phố Thụy Sỹ, gần hồ Lê-măng, Hòa ước Lausanne ký năm 1923 giữa các nước Đồng minh và Thổ Nhĩ Kỳ về chế độ các eo bể Đác-đa-nen và chế độ quyền lợi của những người theo đạo Thiên Chúa trên đất Hồi giáo.



Tấm thẻ đại biểu tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản
của Nguyễn Ái Quốc, Đại hội họp từ ngày 17/6 - 08/7/1924



Nguyễn Ái Quốc (hàng ghế đầu thứ ba từ trái sang)
tại Hội nghị Quốc tế Cộng sản, năm 1924

TÌNH CẢNH NÔNG DÂN TRUNG QUỐC

Trung Quốc căn bản là một nước nông nghiệp, 85% số dân là nông dân. Có thể chia họ ra làm bốn hạng: địa chủ hạng lớn, địa chủ hạng vừa, người có ít ruộng đất, bần nông và cố nông.

Trong nước có từ 250 đến 300 đại địa chủ hạng lớn có hơn 10.000 mẫu ruộng đất. Phần nhiều là những quan to hay quý tộc. Chừng độ 30.000 địa chủ có hơn 1.000 mẫu và 300.000 có hơn 100 mẫu.

Địa vị xã hội của những người chủ sở hữu nhỏ có từ 10 đến 100 mẫu thì khá phức tạp và thay đổi luôn. Cũng có chừng ấy ruộng đất, một người nông dân có thể là kẻ bóc lột, là người bị bóc lột, hoặc là người không đi bóc lột cũng không bị bóc lột.

Nếu gia đình có khá đông người để cày cấy lấy ruộng đất, thì người nông dân đó không đi bóc lột cũng không bị bóc lột.

Nếu gia đình neo người, người nông dân đành buộc phải cho thuê rẽ số ruộng đất mà anh ta không thể làm được; thế là anh trở thành kẻ bóc lột.

Nếu gia đình quá đông người mà muốn đủ chi dùng, thì ngoài ruộng đất của mình ra, người nông dân còn bắt buộc phải thuê thêm ruộng đất của người khác; thế là anh ta bị vô sản hoá và chuyển thành người bị bóc lột.

Theo tài liệu của Bộ Canh nông, thì năm 1918 có 43.935.478 gia đình ở trong tình trạng không ổn định đó.

Có hai lối lấy tô: tô đong và tô rẽ. Theo lối thứ nhất, người có ít ruộng đất hay người bần nông lĩnh canh ruộng và

đóng một số tiền tô nào đó trong một thời gian nhất định. Nếu được mùa thì người lĩnh canh cũng chẳng được dôi ra là bao, vì người chủ ruộng tính rất sát và không bao giờ chịu thiệt cả. Trái lại, nếu mất mùa, thì người lĩnh canh bị hoàn toàn phá sản, còn người chủ thì chẳng mất gì cả.

Với lối lấy tô rẽ, người chủ ruộng thu từ 35 đến 50% hoa lợi của mỗi vụ.

Vì chế độ ruộng đất Trung Quốc là chế độ phân tán từng mảnh, cho nên hầu hết tất cả mọi người nông dân dù nghèo đến đâu đi nữa thì trước kia cũng đều có được một mảnh đất để có thể *"kiếm lấy nén hương cúng tổ tiên"*. Song, ngày nay, rất nhiều người tuyệt đối không có gì, thậm chí không có lấy *"một miếng đất để cắm dùi"* nữa. Họ chỉ có hai cánh tay không thôi. Muốn kiếm lấy bát cơm, họ đi ở hay đi làm mùa. Những người đi làm mùa không có công xá nhất định, cũng không có việc làm thường xuyên: hết vụ gặt, họ ra thành thị làm hay đi chài lưới. Những ngượi lớn đi ở thì hằng năm kiếm được một số tiền tính ra khoảng từ 25 đến 40 đôla, cơm nuôi và áo mặc; các trẻ em đi ở chăn trâu bò thì được từ 3 đến 5 đôla một năm.

Sự thâm nhập của chủ nghĩa tư bản nước ngoài làm mất thăng bằng giá cả giữa các hàng chế biến và nông sản phẩm. Người nông dân luôn luôn bắt buộc phải bán rẻ thóc lúa hay khoai của họ để mua những dụng cụ hiện nay đắt hơn trước kia rất nhiều. Chủ nghĩa tư bản cũng làm cho người chủ ruộng mất cái đầu óc tập truyền, gia trưởng và đem thay bằng tính hám lợi rất dữ tợn. Cố noi theo gương các đồng nghiệp của chúng ở thành thị, bọn địa chủ tìm cách để ngày càng nắm độc quyền ruộng đất. Nhiều công ty khai khẩn đã được thành lập, bao gồm những đất đai vô cùng rộng lớn, và hất một số lớn tiểu nông ra ngoài. Những công ty như *Công ty hữu hạn Phulilan* có hơn 300.000 mẫu ruộng đất.

Lụt lội, bão táp, nạn đói, nội chiến đều gây ra cảnh cùng khổ cho nông dân.

Bọn quan liêu tham nhũng của chế độ quan lại cũng chịu phần trách nhiệm gây ra cảnh đói khổ ấy. Chính phủ đã lập những trạm thí nghiệm để tìm cách cải tiến nông nghiệp. Những cơ quan ấy vừa thành lập ra là đã trở ngay thành những miếng phó mát cho bọn quan lại, chứ không phải là những cơ quan để phục vụ nhân dân.

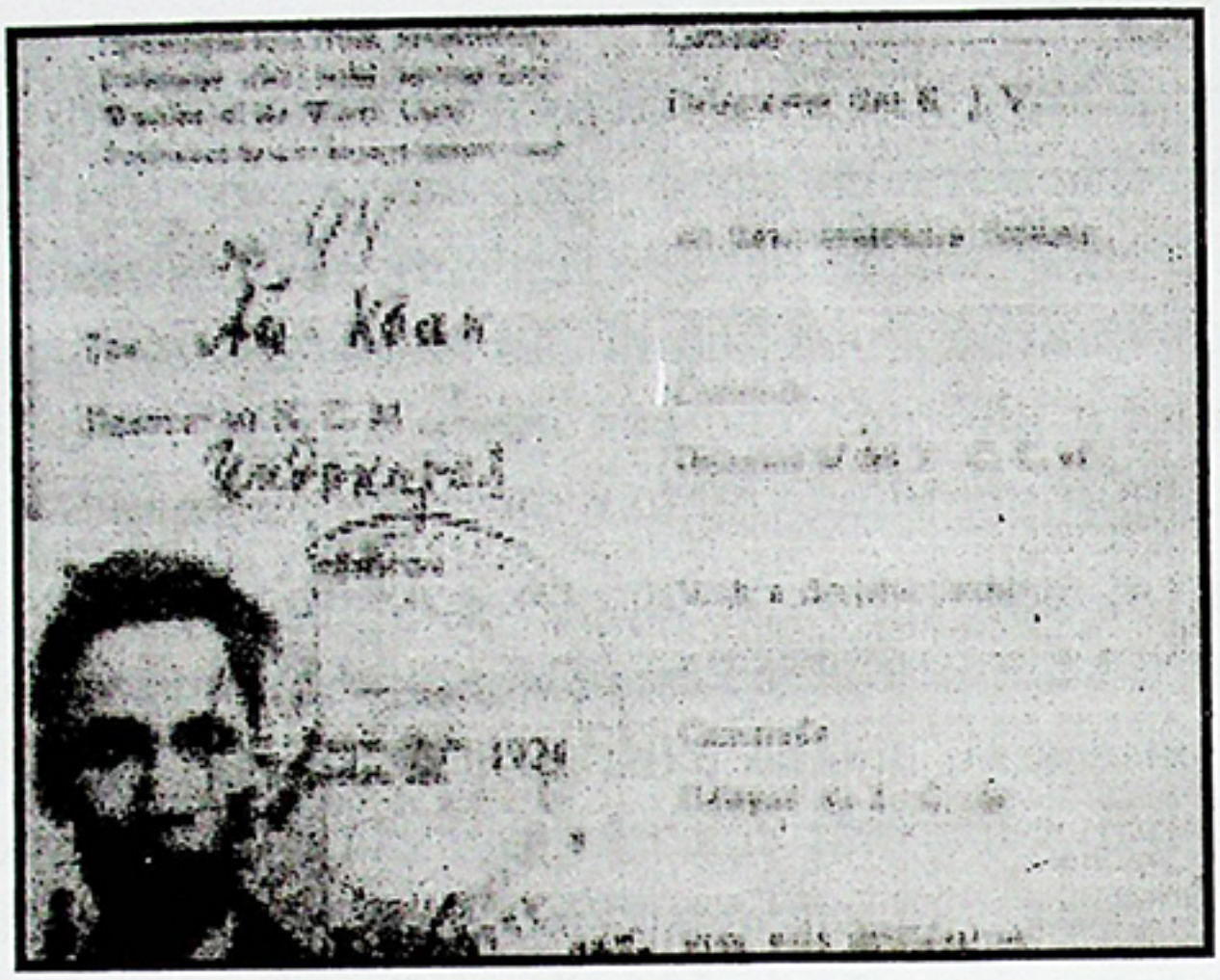
Một tai họa khác nữa là chủ nghĩa quân phiệt. Tất cả bọn tướng tá lớn nhỏ, kiểu Napôlêông, đều làm giàu cho bản thân họ, làm giàu cho bè đảng và cho bọn tay chân của họ, bằng mồ hôi nước mắt của nông dân là những người hàng năm phải đóng vào khoảng 225.000.000 đôla. Sưu thuế đè lên người tiểu nông nặng nề hơn bọn giàu có, vì bọn này phần nhiều là viên chức và bạn bè của bọn viên chức.

Sau hết, phương pháp làm việc cổ sơ và nền giáo dục lạc hậu lại còn làm cho đời sống của quần chúng cần lao càng thêm cực khổ. Năm 1918, hơn 15.500.000 nông dân và thợ thuyền đã bỏ nông thôn ra thành thị, làm cho số người bị bóc lột và đạo quân thất nghiệp ở thành thị tăng lên.

Muốn xoá bỏ tất cả những điều đó, các đồng chí Trung Quốc của chúng ta phải tiến hành mạnh mẽ một cuộc vận động khẩn trương để giáo dục quần chúng, làm cho quần chúng thấy thật rõ sức mạnh của mình, quyền lợi của mình, và có đủ khả năng thực hiện được khẩu hiệu *"Tất cả ruộng đất về tay nông dân"*.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống công nhân (La Vie Ouvrièr)*,
ngày 04/01/1924.



Tấm thẻ đại biểu tham dự Đại hội Quốc tế Thanh niên Cộng sản lần thứ IV tại Moskva - Mạc Tư Khoa (Liên Xô) của Nguyễn Ái Quốc, ngày 15/7/1924



Nguyễn Ái Quốc trong thời kỳ hoạt động ở Liên Xô 1923-1924

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở VIỄN ĐÔNG

Ôxaca là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của nước Nhật, không bị thiệt hại gì trong nạn động đất vừa qua. Tai họa của những người Nhật khác đã tạo nên hạnh phúc cho bọn chủ nhà máy ở thành phố này, hiện nay chúng đang phát tài chưa từng thấy. Thế mà tiền lương của công nhân vẫn giữ nguyên như mức trước khi xảy ra tai họa đó, mặc dù giá sinh hoạt đã tăng lên không kém phần nhanh chóng, ảnh hưởng nặng nề đến túi tiền ít ỏi của công nhân. Bị lâm vào tình cảnh không thể chịu nổi ấy và trước sự từ chối của bọn chủ không chịu thực hiện những yêu sách cải thiện đời sống, công nhân các xưởng bông vải đã đình công từ cuối tháng 11.

Các yêu sách nêu ra là:

1. Tăng lương thêm 20%;

2. Giảm giá những thực phẩm do nhà máy cung cấp;

3. Cải thiện nhà ăn và buồng tắm;

4. Trả nửa lương cho các công nhân vì ốm đau không đi làm được;

5. Thu nhận lại những công nhân vừa mới bị đuổi.

Trước đây ít lâu, công nhân các công ty "Gai Viễn Đông" và "Nagôxai" do đình công mà đã được tăng lương. Công nhân ở công ty "Xensu" cũng đã được tăng lương ngay sau khi gửi bản quyết nghị đình công cho ban giám đốc. Các công ty khác thì chống lại. Họ lấy cớ rằng, tuy có rất nhiều đơn đặt hàng đấy, nhưng họ cũng không được lời lãi gì nhiều lắm, vì

giá nguyên liệu đã tăng lên; và nói rằng mặt khác, vì không có đủ bông xơ nên họ chẳng chút gì lo ngại đình công cả.

Thực ra, họ đang sợ cuống lên. Họ đã cho cảnh sát địa phương, đồng thời gọi cả cảnh sát ở các thành phố lân cận đến đóng ngay trong thành phố. Họ đã cho bắt Tổng thư ký Liên đoàn lao động và một số lớn cán bộ cùng những người đi biểu tình để hòng làm yếu phong trào. Mưu toan của bọn chủ chẳng đạt kết quả gì, vì cuộc đình công vẫn được lãnh đạo kiên quyết như hôm mới đầu, và công nhân thì quyết tâm đấu tranh đến cùng.

Anh em thợ điện và thợ máy đã tuyên bố đình công hưởng ứng. Công nhân các công xưởng nhà nước hứa sẽ dùng đủ mọi cách để ủng hộ các đồng chí của họ đang đấu tranh. Được ủng hộ như thế, nên những người đình công đều hết sức hăng hái và tin chắc sẽ nhất định thắng lợi.

Trong cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động ở Viễn Đông, có những chuyện thú vị mà ở phương Tây người ta sẽ không hiểu được, nhưng ở đây lại là những chuyện hoàn toàn có thực. Chẳng hạn như, muốn ngăn cản không cho công nhân liên kết với các đồng chí của họ đang đấu tranh, công ty Kisioađa đã cho khoá chặt các cửa ra vào. Nhà máy Cơnaoađa chế tạo các máy điện, không thể thỏa thuận được với công nhân viên của họ về vấn đề công sá, nên đã quyết định cho nghỉ việc. Nhưng trước khi thải công nhân, nhà máy đó đã trả họ đủ bốn ngày công và tiền phụ cấp trong hai tuần!

Đình công chống chế độ quân phiệt

Để phá vỡ tổ chức của công nhân vừa mới gây dựng lên, bọn chủ các hầm mỏ ở *Suicaosun* (Trung Quốc), đã cho điều binh lính của tướng *Chao* đến. Bọn này vừa tới nơi là chiếm

đóng ngay câu lạc bộ của công nhân. Để chống lại hành động bạo ngược đó, ba nghìn thợ mỏ đã tự động đình công. Họ bao vây bọn lính và tìm cách tước vũ khí của chúng. Bọn lính nổ súng, làm bị thương nhiều người đình công. Tình hình đã diễn ra quá ý muốn của bọn chủ và chúng hiện đang ra công dàn xếp cho ổn. Nhưng anh em thợ mỏ đã trả lời rằng họ chỉ trở lại làm việc khi nào những người bị nạn đã được bồi thường và các yêu sách của họ - gồm 9 điều - đã được thỏa mãn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống công nhân* (*La Vie Ouvrièr*),
ngày 25/01/1924.



Chân dung Nguyễn Ái Quốc do họa sỹ Thụy Điển Eric Johanson vẽ ngày 19/9/1924, dòng chữ Việt và chữ Hán là do Người tự ghi



Nguyễn Ái Quốc ngồi hàng ghế đầu từ trái sang
và một số đại biểu Đại hội V Quốc tế Cộng sản, năm 1924

LÊ-NIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Lê-nin đã mất! Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á. Đúng, những người da đen và da vàng có thể chưa biết rõ Lê-nin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết. Sự ngu dốt là một trong những chỗ dựa chủ yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân An Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Đahômây, cũng đã thầm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó gọi là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, *mà người dũng cảm nhất là Lê-nin.* Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó.

Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa. Người đã kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng và da đen thoát khỏi ách áp bức của bọn rumi[1], của tất cả bọn *rumi:* toàn quyền, công sứ, v.v... Và để thực hiện mục đích ấy, Người đã vạch ra một cương lĩnh cụ thể.

Lúc đầu họ tưởng là trên đời không thể có một người như thế và cương lĩnh như thế được. Nhưng về sau họ được

---

[1] Tiếng Ả-rập, nghĩa là người nước ngoài, kẻ đi nô dịch.

biết tin, tuy lờ mờ, về đảng cộng sản, về tổ chức gọi là Quốc tế Cộng sản đang đấu tranh vì những người bị bóc lột, vì tất cả những người bị bóc lột, trong đó có cả họ nữa, họ biết rằng chính Lê-nin là người lãnh đạo tổ chức này.

Và chỉ như thế cũng đủ để cho những người đó tuy văn hoá kém cỏi nhưng là những người có thiện chí và biết ơn, hết lòng tôn kính Lê-nin. Họ coi Lê-nin là người giải phóng cho họ. Lê-nin đã mất rồi thì chúng ta biết làm thế nào? Liệu có những người dũng cảm và rộng lượng như Lê-nin để không quản thời gian và sức lực chăm lo đến sự nghiệp giải phóng của chúng ta không? Đó là những điều mà quần chúng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa băn khoăn tự hỏi.

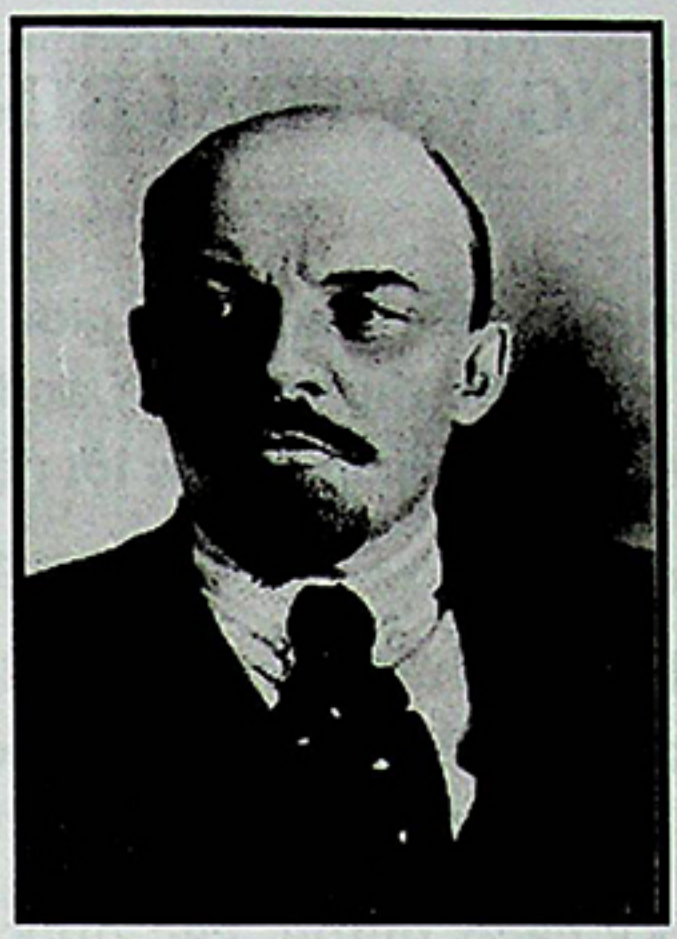
Còn chúng tôi, chúng tôi vô cùng đau đớn trước sự tổn thất không thể nào đền bù được và chia sẻ nỗi buồn chung của nhân dân các nước với những người anh người chị của chúng tôi. Song chúng tôi tin tưởng rằng Quốc tế Cộng sản và các chi bộ của nó, trong đó có các chi bộ ở các nước thuộc địa, sẽ thực hiện được những bài học và những lời giáo huấn mà vị lãnh tụ đã để lại cho chúng ta. Làm những điều mà Người đã căn dặn chúng ta, đó chẳng phải là phương pháp tốt nhất để tỏ tình yêu mến của chúng ta đối với Người hay sao?

Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội.

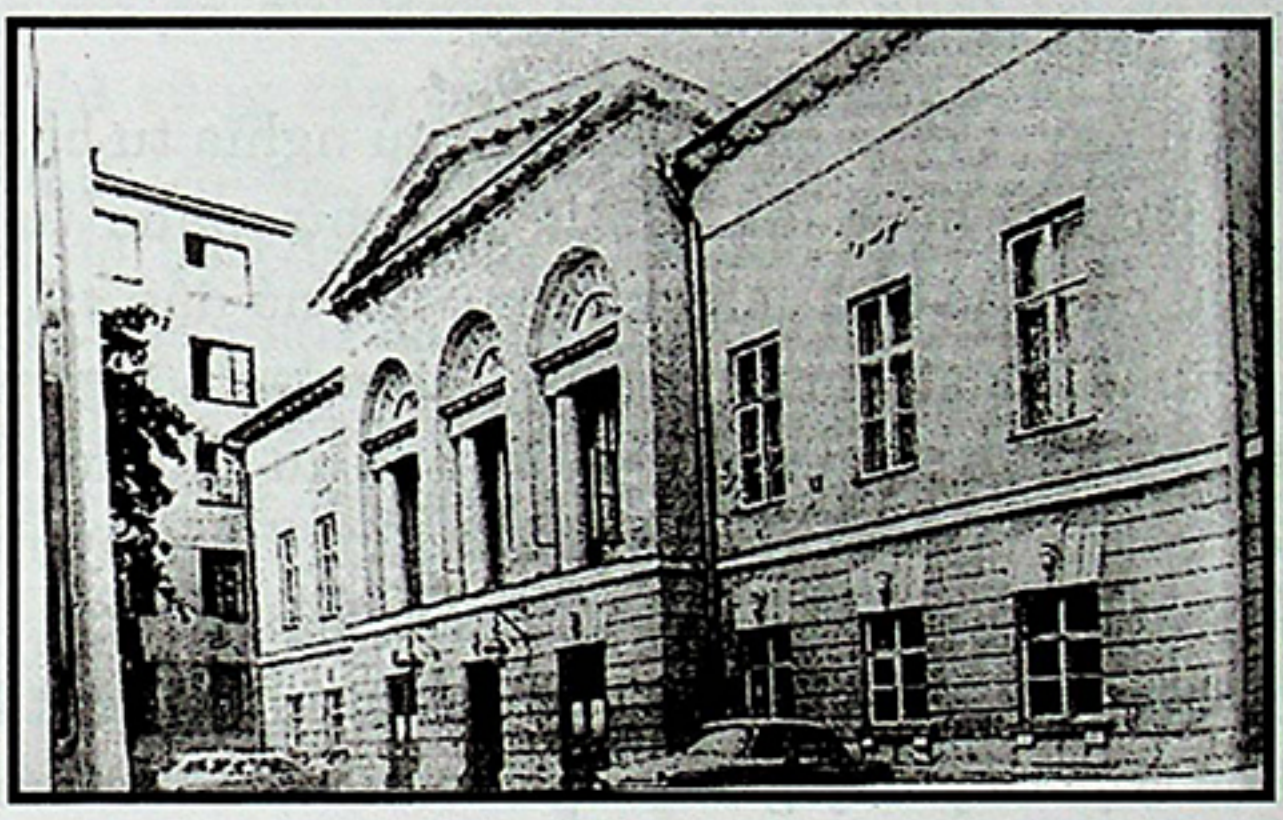
Lê-nin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Sự thật (Pravđa, Liên Xô)*, ngày 27/01/1924.



V.I.Lê-nin - Lãnh tụ vĩ đại của Đảng Cộng sản Bônsêvích Nga,
Người thầy thiên tài của phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế



Trường Lê-nin, nơi Nguyễn Ái Quốc học tập nghiên cứu
trong những năm hoạt động ở Liên Xô

ĐÔNG DƯƠNG VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

Lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới sắp tới - Nước Pháp muốn khai thác các thuộc địa - Các thuộc địa Pháp sống lay lắt như thế nào - Người An Nam bị bóc lột nặng nề thêm.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Mới thoạt nhìn, thì dường như vấn đề Đông Dương và Thái Bình Dương không liên quan gì đến công nhân châu Âu. Nhưng nếu người ta nhớ lại rằng:

a) Trong thời kỳ cách mạng, các nước đồng minh không tấn công được nước Nga từ phía Tây, đã tìm cách tấn công từ phía Đông. Thế là các cường quốc ở Thái Bình Dương, Mỹ và Nhật, đã cho quân đội đổ bộ lên Vlađivôxtốc, đồng thời nước *Pháp* cũng gửi *những đạo quân người Đông Dương sang Xibêri* để giúp bọn bạch quân.

b) Hiện nay, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó. Thế nào rồi cũng có ngày nước Nga cách mạng phải đọ sức với chủ nghĩa tư bản đó. Cho nên các đồng chí Nga cần phải biết rõ tất cả lực lượng và tất cả các mánh khoé trực tiếp hay gián tiếp của đối thủ của mình.

c) Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhòm ngó, nên Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh.

Xem thế thì ta thấy rõ rằng vấn đề Thái Bình Dương là vấn đề mà tất cả mọi người vô sản nói chung *đều phải quan tâm đến*.

*

* *

Muốn xây dựng lại nước Pháp đã bị cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa tàn phá, Bộ Thuộc địa Pháp đã thảo một dự án khai thác các thuộc địa. Dự án đó nhằm khai thác những tài nguyên của các nước thuộc địa để làm lợi cho chính quốc. Cũng dự án ấy nói rằng Đông Dương phải giúp đỡ các thuộc địa khác ở Thái Bình Dương đẩy mạnh sản xuất của họ lên, để làm cho cả các thuộc địa đó cũng trở thành "có ích" cho chính quốc. Nếu dự án được thực hiện, thì nhất định là Đông Dương sẽ lâm vào tình trạng giảm sút dân số và bần cùng.

Thế nhưng, mới đây, mặc dầu bị dư luận An Nam phản kháng, Hội đồng Chính phủ Đông Dương cũng đã nhất trí tán thành dự án ấy. Muốn hiểu rõ sự nhất trí đó có giá trị đến đâu, thì cũng cần biết rằng Hội đồng đó gồm có Toàn quyền Đông Dương, tướng Tổng tư lệnh quân đội Đông Dương và độ ba chục viên chức cao cấp người Pháp, cộng thêm năm viên quan lại bản xứ do viên Toàn quyền nặn ra. Ấy thế mà tất cả các ngài ấy lại cho rằng họ thay mặt cho cả Đông Dương và hành động vì lợi ích của nhân dân An Nam! Các bạn hãy tưởng tượng mà xem, người Étxkimô hay người Dulu[1] mà lại quyết định vận mệnh của một dân tộc châu Âu!

*

* *

Theo sự thú nhận của các nhà cầm quyền thì các thuộc địa ở Thái Bình Dương đương lâm vào tình trạng suy tàn, và

---

[1] Esquimaux là dân cư miền Bắc cực. Zoulous là những bộ tộc thuộc giống người Cafres ở miền Nam châu Phi.

chỉ sống - nếu như thế mà có thể gọi được là sống - một cuộc sống càng ngày càng lụn bại đi. Sự thật thì trong một thời gian ngắn, các đảo đông dân cư, đã hoàn toàn thưa hẳn đi vì rượu cồn và lao dịch. Quần đảo Mácki đơ, trước đây 50 năm, đông đến 20.000 người, mà bây giờ chỉ còn có 1.500 người yếu đuối và thoái hoá. Trong vòng 10 năm, dân số đảo Tahiti[1] giảm đi 25%. Trong số những dân cư đang chết dần chết mòn đi như thế, chủ nghĩa đế quốc Pháp lại còn cướp đi hơn 3.500 người để làm bia đỡ đạn cho chúng. Thật khó mà tưởng tượng được tình trạng tàn lụi của một giống người lại nhanh đến như thế. Nhưng đó lại là một sự thật mà người ta có thể thấy được ở nhiều thuộc địa. (Ở các miền thuộc Cônggô, trong vòng 20 năm, dân số từ 40.000 người đã giảm xuống chỉ còn 30.000. Đảo Xanh Pie và Micơlông[2], năm 1902 có 6.500 dân, đến năm 1922, thuộc địa này chỉ còn có 3.900 người mà thôi, v.v...).

Hầu hết các đảo ở Thái Bình Dương thuộc Pháp đều được nhượng cho các công ty khai khẩn đồn điền. Các công ty này tước đoạt ruộng đất của người bản xứ và bắt họ làm như nô lệ vậy. Đây là một thí dụ chứng tỏ rằng người ta đối xử với công nhân bản xứ như thế nào. 200 người chuyên mò ngọc trai đã bị các hãng Pháp ở châu Úc bắt ép đưa đi các đồn điền cách quê hương của họ đến 800 hải lý[3]. (Thật không khác đưa thợ may đi làm mỏ). Họ bị dồn xuống một chiếc thuyền buồm nhỏ chỉ vừa chỗ cho 10 người và không có qua một phương tiện nào phòng lúc đắm thuyền. Họ bị đưa ngay xuống thuyền không kịp nhìn mặt vợ con nữa. Suốt hai năm ròng, những người công nhân khốn khổ ấy bị đầy đọa trong các trại của công ty. Nhiều người bị đối xử tàn tệ. Nhiều người đã vì thế mà chết.

---

(1) Quần đảo Marquises và Tahiti là những đảo thuộc Pháp ở châu Úc.
(2) Đảo Saint Pierre và Miquelon là quần đảo thuộc Pháp ở Bắc châu Mỹ.
(3) Hải lý là một phần sáu mươi của một độ, bằng 1.852 m.

Các bạn hãy cộng thêm vào sự bóc lột vô nhân đạo ấy sự tồi tệ của bọn vô lương mà đế quốc Pháp giao cho cai trị các đảo đó, thì các bạn sẽ thấy tất cả cái tốt đẹp của chế độ bóc lột và áp bức đang đưa các nước bị chiếm làm thuộc địa ở Thái Bình Dương đến chỗ chết và diệt vọng.

*

* *

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng. Chiến công đáng buồn của người Xênêgan là đã giúp bọn quân phiệt Pháp giết hại anh em của mình ở Cônggô, Xuđăng, Đahômây, Mađagátxca. Người Angiêri đã sang đánh Đông Dương. Người Việt Nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi, v.v... Trong cuộc đại chiến, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng. Vừa rồi, người ta đã đem lính người bản xứ bao vây lính Pháp ở miền Ruya, và phái lính pháo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công. Non một nửa quân đội Pháp là người bản xứ, ước chừng 300.000 người.

Ngoài việc dùng các thuộc địa về mặt quân sự như vậy, chủ nghĩa tư bản còn sử dụng các thuộc địa để bóc lột về mặt kinh tế bằng những cách thật tinh vi. Người ta thường thấy rằng những vùng nào ở Pháp và những nghề nào đó mà tiền công bị hạ xuống, thì trước đó thế nào cũng có việc tăng thêm nhân công thuộc địa. Người bản xứ đã được dùng để phá các cuộc bãi công. Hiện nay chủ nghĩa tư bản dùng một thuộc địa

này làm công cụ để bóc lột một thuộc địa khác, đó là trường hợp Đông Dương và Thái Bình Dương.

*

* *

Mặc dầu các nhà cầm quyền khua chiêng gõ trống để lừa gạt người ta, nhưng sự thật thì Đông Dương đã kiệt quệ rồi. Suốt trong những năm 1914-1918, người ta bắt gần mười vạn người Việt Nam (con số của nhà cầm quyền là 97.903 người) phải bỏ ruộng vườn để sang châu Âu. Mặc dầu thiếu người sản xuất, Đông Dương cũng đã buộc phải gửi đi 500.000 tấn ngũ cốc để góp phần bảo vệ những kẻ áp bức mình. Những công trái Chiến thắng đã bòn rút đi hàng trăm triệu phrăng. Mỗi năm, người Việt Nam đã phải đổ mồ hôi sôi nước mắt để nộp khoảng chừng 450.000.000 phrăng hầu hết chỉ để nuôi béo bọn ăn bám. Ngoài ra, họ lại còn phải gánh những khoản chi tiêu rất lớn về quân sự mà Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gọi một cách văn hoá là "khoản đảm phụ của dân con".

Chính ở cái xứ đã bị bóp nặn, gầy còm trơ cả xương ra này, bây giờ người ta lại còn sắp bòn rút đi hàng bao nhiêu triệu bạc và hàng bao nhiêu vạn người nữa (bắt đầu, người ta bắt đi 40.000 người) để thỏa mãn túi tham không đáy của bọn chủ đồn điền và tham vọng cá nhân của một bầy chính khách vô liêm sỉ.

Làm đổi trụy tất cả nòi giống Việt Nam bằng rượu và thuốc phiện, chưa đủ. Mỗi năm bắt đi hàng 4 vạn người "tình nguyện đầu quân" để đem lại vinh quang cho chủ nghĩa quân phiệt vẫn chưa đủ. Biến một dân tộc 20 triệu người thành một cái kho thuế lớn, cũng vẫn chưa đủ. Người ta còn sắp tặng thêm cho chúng tôi chế độ nô lệ nữa kia đấy.

*

* *

Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vận mệnh của giai cấp vô sản Đông Dương và Thái Bình Dương, nó còn nguy cho cả vận mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nữa. Nhật Bản chỉ huy các trạm điện báo ở đảo Yáp. Mỹ chi tiêu hàng bao nhiêu triệu đôla để cải tiến các ổ súng đại bác trên các tàu chiến ở Thái Bình Dương. Anh sắp biến Xanhgapo thành một căn cứ hải quân. Pháp thấy cần phải thiết lập một hệ thống thuộc địa ở Thái Bình Dương.

Sau Hội nghị Hoa-thịnh-đốn[1], việc tranh giành thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt hơn. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn; những cuộc xung đột chính trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi. Những cuộc chiến tranh đã từng nổ ra vì vấn đề Ấn Độ, châu Phi và Marốc. Những cuộc chiến tranh khác sẽ có thể nổ ra vì vấn đề Thái Bình Dương, nếu giai cấp vô sản không cảnh giác.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế (Correspondance internationale)* số 18, năm 1924, tr. 193.

---

[1] Hội nghị Hoa-thịnh-đốn họp từ 12 tháng 11 năm 1921 đến 06 tháng 02 năm 1922, theo đề nghị của Mỹ gồm các nước Mỹ, Đế quốc Anh (gồm nước Anh, các nước tự trị ở Ấn Độ), Nhật, Pháp, Ý, Trung Quốc, Bỉ, Bồ Đào Nha và Hà Lan. Hội nghị này nhằm mục đích hoàn thành việc chia lại các thuộc địa thế giới và phạm vi ảnh hưởng sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất chống lại nhà nước Xô-viết mới thành lập, chống Trung Quốc và phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức. Hội nghị này đã ký 3 hiệp ước: Hiệp ước 4 nước lớn (Mỹ, Anh, Nhật, Pháp) quy định việc bảo vệ quyền lãnh thổ ở Thái Bình Dương. Hiệp ước 4 nước lớn quy định nguyên tắc "cửa bỏ ngỏ" ở Trung Quốc và Hiệp ước các nước lớn (Nhật, Anh, Pháp, Ý) quy định việc hạn chế lực lượng hải quân giữa các nước đế quốc lớn.



Tác phẩm "Đường Kách Mệnh" - ngọn đèn soi sáng con đường giải phóng dân tộc Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo năm 1927



Ngôi nhà số 13/1 nay là số nhà 248-250 đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu, Trung Quốc, trụ sở của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, nơi Nguyễn Ái Quốc tổ chức các lớp huấn luyện đào tạo thanh niên trong những năm 1925 - 1927

THAM LUẬN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA TẠI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ LẦN THỨ V CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN[1]

(Trích biên bản tốc ký)

Ngày 01/7/1924

Thưa các đồng chí, tôi chỉ xin bổ sung những ý kiến phê bình của đồng chí Manuinxki[2] về vấn đề chính sách của chúng ta trong các vấn đề thuộc địa. Nhưng trước khi đi vào thực chất các vấn đề, tôi thấy nên đưa ra một vài con số thống kê. Điều này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn tất cả tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa.

Các nước	Chính quốc		Thuộc địa	
	Diện tích (km^2)	Dân số	Diện tích (km^2)	Dân số
Anh	151.000	45.500.000	34.910.000	403.600.000
Pháp	536.000	39.000.000	10.250.000	55.600.000
Mỹ	9.420.000	100.000.000	1.850.000	12.000.000
Tây Ban Nha	504.500	20.700.000	371.600	853.000
Ý	286.600	38.500.000	1.460.000	1.623.000
Nhật Bản	418.000	57.070.000	288.000	21.249.000
Bỉ	29.500	7.642.000	2.400.000	8.500.000
Bồ Đào Nha	92.000	5.545.000	2.062.000	8.738.000
Hà Lan	32.500	6.700.000	2.046.000	48.030.000

---

[1] Đại hội Quốc tế lần thứ V của Quốc tế Cộng sản họp ở Mát-xcơ-va từ ngày 17 tháng 6 đến 18 tháng 7 năm 1924.

[2] Д. з. Мануинский (1883 - 1959) là nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản Liên Xô, của Nhà nước Xôviết và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, từ 1924 là Ủy viên Chủ tịch đoàn Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản và từ năm 1928 đến 1943 là Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội quốc tế lần thứ V của Quốc tế Cộng sản. Мануинский đọc Báo cáo về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Như vậy, 9 nước với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.470.200 km² bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km². Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa.

Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp hơn 8 lần rưỡi số dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa Anh rộng gấp gần 232 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp; và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người.

Vì vậy sẽ không phải là quá đáng nếu nói rằng chừng nào Đảng Pháp và Đảng Anh chúng ta chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa, thậm chí chưa đề cập đến quần chúng các nước thuộc địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai đảng đó vẫn không có hiệu quả gì. Chương trình ấy sẽ không có hiệu quả gì vì nó trái với chủ nghĩa Lê-nin. Tôi xin nói rõ ý của tôi. Trong bài nói chuyện về Lê-nin và vấn đề dân tộc, đồng chí Xtalin đã chỉ rằng bọn cải lương và các lãnh tụ Quốc tế thứ hai đã không dám đặt ngang hàng các dân tộc da trắng và các dân tộc thuộc các màu da khác, rằng Lê-nin đã bác bỏ sự bất bình đẳng đó và phá tan cái vật chướng ngại ngăn chia những người nô lệ văn minh với những người nô lệ không văn minh của chủ nghĩa đế quốc với những dân nô lệ không văn minh.

Theo Lê-nin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống đế quốc ở các nước thuộc địa và bị nô dịch và vấn đề dân tộc, như Lê-nin đã dạy là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Sau đó, đồng chí Xtalin đã nói đến quan điểm cho rằng không cần liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa, giai cấp vô sản châu Âu cũng có thể thắng lợi được và đồng chí coi đó là quan điểm phản cách mạng. Nhưng nếu căn cứ vào hành động thực tiễn mà xét về mặt lý luận thì chúng ta có quyền cho rằng các đảng lớn của chúng ta, trừ Đảng Nga ngày nay vẫn còn có quan điểm mà đồng chí Xtalin đã nói tới, vì các đảng đó không hoạt động gì cả.

Giai cấp tư sản các nước thực dân đã làm gì để kìm giữ trong vòng áp bức biết bao quần chúng của các dân tộc bị nó nô dịch? Tất cả. Trong khi dùng những phương tiện do bộ máy chính quyền Nhà nước đem lại cho nó, nó đồng thời còn tiến hành tuyên truyền ráo riết. Bằng những bài nói chuyện, bằng điện ảnh, báo chí, triển lãm và mọi phương pháp khác nữa, nó nhồi cho nhân dân các chính quốc cái đầu óc thực dân, nêu lên trước mắt họ cảnh sống dễ dàng, vẻ vang và giàu có tựa hồ như đang chờ đợi họ ở các nước thuộc địa.

Còn các đảng cộng sản của chúng ta như Đảng Cộng sản các nước Anh, Hà Lan, Bỉ và các nước khác mà giai cấp tư sản ở đấy xâm chiếm thuộc địa, thì đã làm những gì? Các đảng này đã làm được những gì từ khi tiếp thu bản luận cương của Lê-nin về giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động các nước thuộc địa? Tất cả những việc mà các đảng của chúng ta đã làm về mặt này thật chưa thấm vào đâu cả. Còn về tôi là một người sinh trưởng ở một nước hiện nay là thuộc địa của Pháp và là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tôi rất lấy làm tiếc phải nói rằng Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi làm rất ít cho các nước thuộc địa.

Báo chí cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ giới thiệu với các chiến sĩ của chúng ta hiểu rõ vấn đề thuộc địa, thức tỉnh quần

chúng lao động ở các nước thuộc địa, tranh thủ họ vì sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, thử hỏi báo chí chúng ta đã làm được gì? Không được gì hết.

Nếu đem so sánh những chỗ dành cho các vấn đề thuộc địa trên các tờ báo tư sản như *Thời báo (Temps), Phi-ga-rô (Figaro), Ê-vơ-rơ* (Evre) hay những báo thuộc các khuynh hướng khác như: *Bình dân (Populaire)* hay *Tự do (Libertaire)* với những chỗ dành cho các vấn đề đó trên báo *Nhân đạo (L'Humanité)*, cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi, thì phải nhận rằng sự so sánh này sẽ hoàn toàn không có lợi cho chúng ta.

Bộ Thuộc địa đã đặt ra kế hoạch biến nhiều vùng ở châu Phi thành những vùng đồn điền rộng lớn của tư nhân, và biến nhân dân những vùng này thành những dân nô lệ thật sự, bị trói buộc vào ruộng đất của những ông chủ mới, thế mà báo chí của chúng ta vẫn im tiếng hoàn toàn về điều này. Ở các thuộc địa của Pháp ở Tây Phi, người ta đã áp dụng những biện pháp cưỡng ép chưa từng thấy để bắt lính, thế mà báo chí của chúng ta vẫn không hề lên tiếng. Chính quyền thực dân ở Đông Dương đã biến thành những kẻ buôn nô lệ và bán những người dân Bắc Kỳ cho các chủ đồn điền ở các đảo ngoài Thái Bình Dương; họ kéo dài thời hạn đi lính của dân bản xứ từ 2 năm lên 4 năm; họ đem bán phần lớn đất đai thuộc địa cho những bọn cá mập, tư bản tài chính; thuế vốn đã không đóng nổi rồi mà họ lại còn tăng lên 30% và họ làm những việc đó giữa lúc dân bản xứ bị phá sản và chết đói vì lụt. Thế mà báo chí chúng ta vẫn cứ im tiếng. Cho nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu nhân dân bản xứ có xu hướng theo những tổ chức dân chủ và tự do như Hội Nhân quyền và công dân quyền cùng các tổ chức tương tự khác là những tổ chức chăm lo đến họ hay làm ra vẻ chăm lo đến họ.

Nếu đi xa hơn chút nữa, chúng ta sẽ thấy những việc hoàn toàn không thể tưởng tượng được, làm cho mọi người phải nghĩ rằng Đảng chúng tôi đã coi thường tất cả những gì dính dáng đến các nước thuộc địa. Ví dụ: báo *Nhân đạo* không hề đăng bản kêu gọi của Quốc tế Nông dân[1] đối với nhân dân các nước thuộc địa, do Quốc tế Cộng sản gửi đi. Trước Đại hội Liông[2]mục đăng các bài tranh luận, đã đăng hết mọi luận cương, trừ luận cương về vấn đề thuộc địa. Báo *Nhân đạo* đã đăng nhiều bài về thắng lợi của võ sĩ Xiki xứ Xênêgan, nhưng không hề lên tiếng khi các công nhân bến tàu Đaca, bạn đồng nghiệp của Xiki trong khi đang làm việc thì bị bắt trói đem lên xe ô tô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính để bắt họ trở thành "những người bảo vệ văn minh", nghĩa là trở thành lính. Cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi hàng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công Uadi đã bay từ Pháp sang Đông Dương; nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân "nước Đại Nam", lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phái máy bay chở bom, rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ đáng thương và bị cướp bóc kia phải biết điều, thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại không thấy cần thiết báo tin đó cho các bạn đọc biết.

Thưa các đồng chí, qua báo chí của giai cấp tư sản Pháp hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau được. Tôi cho rằng Đảng ta chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruya khi binh lính bản xứ được phái đi "an ủi" công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những trung đoàn lính Pháp đáng nghi; gương của quân đội phương Đông,

---

(1) Quốc tế nông dân: Hội đồng nông dân quốc tế do các đại biểu của các tổ chức nông dân cách mạng nhiều nước thành lập năm 1923.

(2) Đại hội lần thứ III của Đảng Cộng sản Pháp họp ở Li-ông vào tháng Giêng năm 1924. Vấn đề chủ yếu của Đại hội là đấu tranh để củng cố Đảng về mặt tổ chức và tư tưởng, để làm cho hàng ngũ Đảng được trong sạch.

trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để "động viên tinh thần" binh lính Pháp đã mệt mỏi vì chiến tranh kéo dài và gian khổ; những sự kiện xảy ra năm 1917 ở nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp[1]; bài học bãi công của công nhân nông nghiệp ở Pyrênê là nơi mà binh lính bản xứ đã buộc phải giữ vai trò nhục nhã của những kẻ phá hoại; và cuối cùng là sự có mặt của 207.000 binh lính thuộc địa ở ngay nước Pháp - tất cả những việc trên đây chưa làm cho Đảng chúng tôi phải suy nghĩ, chưa làm cho Đảng chúng tôi thấy cần phải thực hiện một chính sách rõ ràng và cương quyết trong các vấn đề thuộc địa. Đảng đã bỏ lỡ nhiều cơ hội tốt để tuyên truyền. Những cơ quan lãnh đạo mới của Đảng đã thừa nhận là Đảng bị động trong vấn đề này. Đó là một dấu hiệu tốt vì khi các lãnh đạo của Đảng đã nhận thấy và thừa nhận nhược điểm này trong chính sách của Đảng thì việc đó làm cho người ta hy vọng rằng Đảng sẽ cố gắng hết sức để sửa chữa được những sai lầm phạm phải. Tôi tin chắc rằng Đại hội này sẽ là bước ngoặt và sẽ thúc đẩy Đảng sửa chữa được những thiếu sót trước. Mặc dù nhận xét của đồng chí Manuinxki về cuộc vận động bầu cử ở Angiêri rất đúng, song để cho được khách quan, tôi phải nói rằng đúng là Đảng chúng tôi đã phạm sai lầm ở đây, nhưng đã có sửa chữa, đã đưa đại biểu của thuộc địa ra ứng cử ở quận Pari. Tất nhiên như thế còn ít, song lúc đầu như vậy cũng được. Tôi rất sung sướng nhận thấy rằng hiện nay Đảng chúng tôi lại có những ý định tốt đẹp nhất, lại có lòng hăng hái, và chỉ cần củng cố bằng hành động thực tiễn thì những cái ấy sẽ đưa Đảng tới một chính sách đúng đắn trong vấn đề thuộc địa.

---

[1] Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Chính phủ Nga hoàng đã phái binh đoàn viễn chinh Nga sang Pháp. Năm 1917, binh lính không chịu chiến đấu vì lợi ích của giai cấp tư bản, họ đã lập ra Xôviết và đòi bồi thường. Vì sợ những tư tưởng cách mạng của binh lính Nga lan sang quân đội Pháp, Bộ Tư lệnh Pháp đã điều số binh lính ấy ra khỏi vị trí và dồn vào trại tập trung Li-a-cuốc-tin, dùng dây thép gai và cho các đơn vị Xê-nê-gan và Du-ai, bao vây... Kết quả của cuộc đàn áp là binh đoàn bị tước vũ khí.

Vậy phải hành động thực tiễn như thế nào? Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể. Tôi đề nghị mấy điểm dưới đây:

1. Mở trên báo *Nhân đạo* một mục để đăng đều đặn (ít nhất hai cột một tuần) các bài về vấn đề thuộc địa.

2. Tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa đảng viên của Đảng trong những người bản xứ ở những nước thuộc địa đã có chi bộ của quốc tế Cộng sản.

3. Gửi các đồng chí ở các nước thuộc địa sang học ở Trường Đại học lao động cộng sản phương Đông ở Mátxcơva.

4. Thỏa thuận với Tổng Liên đoàn lao động thống nhất[1] để tổ chức những người lao động của các thuộc địa làm việc ở Pháp.

5. Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên của Đảng phải quan tâm hơn nữa đến các vấn đề thuộc địa.

Theo tôi, những đề nghị này là hợp lý và nếu Quốc tế Cộng sản và các đại biểu của Đảng chúng tôi tán thành thì tôi tin rằng đến Đại hội lần thứ VI, Đảng Cộng sản Pháp sẽ có thể nói rằng mặt trận thống nhất của quần chúng nhân dân chính quốc và thuộc địa đã trở thành sự thật.

---

[1] Tổng Liên đoàn lao động thống nhất là tổ chức Liên hiệp các công đoàn Pháp tồn tại từ 1922 đến 1936, do các công đoàn cách mạng lập nên (năm 1921, các công đoàn cách mạng bị Ban Lãnh đạo cải lương chủ nghĩa khai trừ ra khỏi Tổng Liên đoàn lao động, các công đoàn đó chiếm gần 60% thành phần của Tổng Liên đoàn lao động). Tổng Liên đoàn lao động thống nhất kiên quyết chủ trương khôi phục sự thống nhất của công đoàn, bảo vệ lợi ích thiết thân của giai cấp vô sản và đã cùng với Đảng Cộng sản Pháp tham gia đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Phong trào thống nhất giai cấp công nhân phát triển vào những năm 1934-1936 đã bắt buộc các lãnh tụ cải lương của Tổng Liên đoàn lao động phải tiếp nhận đề nghị hợp nhất của Tổng Liên đoàn lao động thống nhất và đến Đại hội ở Tu-lu-dơ từ năm 1936 thì hợp nhất.

Thưa các đồng chí, vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lê-nin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực của chúng ta trong vấn đề thuộc địa cũng như trong các vấn đề khác để thực hiện trên thực tế những lời giáo huấn của Lê-nin.

...

Ngày 03/7/1924

Các thuộc địa Pháp chiếm một diện tích rộng 10.241.510 km^2 với số dân là 55.571.000 người ở rải khắp bốn lục địa. Dù có sự khác nhau về chủng tộc, khí hậu, tập quán, truyền thống, về trình độ phát triển kinh tế và xã hội, song có hai điểm chung làm cho các nước thuộc địa giống nhau và sau này có thể đi tới thống nhất để cùng đấu tranh:

1. *Tình hình kinh tế*: trong tất cả các thuộc địa Pháp, công nghiệp và thương nghiệp phát triển rất yếu ớt và nhân dân hầu hết làm nghề nông, 95% số dân bản xứ là nông dân.

2. Ở tất cả các nước thuộc địa, nhân dân bản xứ đều bị tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp bóc lột không ngừng.

Tôi không có thì giờ phân tích kỹ lưỡng về tình hình nông dân từng nước thuộc địa. Vì vậy, tôi chỉ lấy một vài thí dụ điển hình để có một ý niệm về đời sống nông dân các nước thuộc địa.

Tôi xin bắt đầu từ nước tôi, Đông Dương, là nước tôi biết rõ hơn cả.

Khi Pháp đánh chiếm thuộc địa này, chiến tranh đã làm cho nông dân phải rời bỏ làng mạc của họ. Sau đó, khi họ trở về thì đã thấy ruộng đất của họ bị bọn chủ đồn điền, theo sau quân đội chiến thắng, chiếm mất. Thậm chí chúng đã chia nhau cả những đất đai mà nông dân bản xứ đã cày cấy từ bao đời nay. Cho nên nông dân Việt Nam đã biến thành nông nô và buộc phải cày cấy ruộng đất của chính mình cho bọn chủ nước ngoài.

Nhiều người xấu số vì không chịu được trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt do những kẻ chiếm đoạt đưa ra, nên đã bỏ ruộng đất của mình và lang thang nay đây mai đó khắp nước; người Pháp gọi họ là "giặc cướp" và tìm đủ mọi cách truy nã họ.

Ruộng đất cướp được bằng cách ấy đã được đem chia cho bọn chủ đồn điền. Chỉ cần xin một tiếng là bọn chúng có thể được hưởng những khoảnh đất có khi trên 2 vạn và 2,5 vạn hécta.

Những tên chủ đồn điền này không những chiếm không ruộng đất mà còn chiếm không cả mọi thứ cần thiết để khai thác số ruộng đất đó, kể cả sức lao động. Chính quyền cho phép chúng sử dụng một số tù khổ sai làm không công, hoặc bắt các xã phải cung cấp nhân lực cho các chủ đồn điền.

Bên cạnh bọn lang sói và chính quyền đó, còn cần phải nói tới Nhà chung. Chỉ riêng giáo hội Thiên Chúa đã chiếm 1/4 diện tích *cày cấy* ở Nam Kỳ. Để chiếm số ruộng đất đó, Nhà chung đã dùng những phương pháp không thể tưởng tượng được là mua chuộc, gian trá và cưỡng bức. Đây là một vài ví dụ. Lợi dụng lúc mất mùa, Nhà chung cho nông dân vay tiền và bắt họ phải cầm ruộng. Tiền lãi quá cao làm cho nông dân không sao trả hết nợ, nên buộc phải bán đứt số ruộng cầm trước cho Nhà chung. Bằng mọi cách tàn ác, Nhà chung cố tìm ra đủ mọi thứ tài liệu mật có thể gây nguy hại cho những nhà cầm quyền. Lợi dụng những giấy tờ đó làm công cụ đe dọa, Nhà chung bắt các nhà cầm quyền phải chiều theo ý họ. Nhà chung lập hội với các nhà đại tư bản để khai khẩn những đồn điền chiếm không và những ruộng đất cướp được của nông dân. Bọn tay chân của Nhà chung giữ những chức quan trọng trong chính phủ. Nhà chung cũng bóc lột con chiên một cách tàn nhẫn không kém chủ đồn điền.

Một thủ đoạn khác của Nhà chung là tập hợp những người nghèo, bắt họ khai khẩn đất mới và hứa là sau khi khai khẩn xong sẽ chia cho họ. Nhưng khi ruộng đất mới vừa khai khẩn xong và sắp được gặt, thì Nhà chung tuyên bố là ruộng đất này thuộc về Nhà chung và đuổi những người đã dùng sức lao động của mình làm cho ruộng đất ấy được phì nhiêu. Bị những kẻ "bảo hộ" họ (theo tôn giáo hay không theo tôn giáo) cướp bóc, nông dân Việt Nam thậm chí không thể yên tâm làm ăn trên phần ruộng đất ít ỏi còn lại của mình. Sở Địa chính lại đo đạc ruộng đất của nông dân không đúng để bắt họ phải đóng thuế khống. Thuế khóa mỗi năm một tăng. Mới đây, sau khi chiếm hàng nghìn hécta của người Việt Nam ở miền ngược để giao cho bọn đầu cơ, các nhà cầm quyền đã phái máy bay đến để làm cho nông dân bị cướp bóc ở đây không dám nghĩ đến nổi loạn.

Những người nông dân bị cướp bóc, phá sản và bị đuổi đi nơi khác lại tìm cách khai khẩn đất để làm ruộng. Nhưng khi đất vừa mới khai khẩn xong thì chính quyền lại chiếm lấy và buộc nông dân phải mua lại theo giá do chính quyền định. Ai không mua được thì bị đuổi đi một cách tàn nhẫn.

Năm ngoái, đất nước bị nạn lụt tàn phá, thế mà thuế ruộng đất vẫn tăng 30%.

Ngoài những thứ thuế bất công làm cho nông dân bị phá sản, nông dân còn phải đi phu, đóng thuế thân, thuế muối, đóng công trái, lạc quyên và nhiều thứ khác nữa, phải ký giao kèo, v.v..

Tư bản Pháp ở Angiêri, Tuy-ni-di, Ma-rốc cũng thực hiện chính sách ăn cướp và bóc lột như vậy. Tất cả những ruộng đất tốt và được tưới nước thì phải để cho người Pháp. Dân bản xứ bị đuổi đi, họ phải tìm nơi nương tựa ở những vùng ven núi hay những ruộng đất khó làm ăn. Các công ty

tài chính, bọn đầu cơ và quan lại cao cấp chia nhau ruộng đất của các thuộc địa.

Do những sự giao dịch trực tiếp và gián tiếp, các ngân hàng Angiêri và Tuynidi năm 1914 đã thu được 12.258.000 phrăng tiền lời với số vốn là 25 triệu phrăng.

Ngân hàng Marốc với số vốn là 15.400.000 phrăng, năm 1921 đã thu được 1.753.000 phrăng tiền lời.

Công ty Pháp - Angiêri chiếm 324.000 ha ruộng đất tốt nhất.

Tổng công ty Angiêri chiếm 10 vạn hécta.

Một công ty tư nhân đã chiếm khoảng 5 vạn hécta rừng, còn công ty phốt phát và hỏa xa Cápde thì đã chiếm 5 vạn hécta có nhiều mỏ quặng và lại có quyền ưu tiên đối với 2 vạn hécta chung quanh khu vực này.

Một cựu nghị sĩ Pháp đã chiếm một đồn điền 1.125 ha có quặng mỏ, trị giá là 10 triệu phrăng, thu nhập hằng năm là 4 triệu phrăng. Dân bản xứ, người chủ của những quặng mỏ này, mỗi năm thu hoạch mỗi hécta được 1% phrăng mà thôi.

Chính sách thực dân của Pháp đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ, làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn. Nó đã làm cho nông dân bản xứ mất hơn 5 triệu hécta ruộng đất tốt nhất.

Trong 15 năm, nông dân ở Cabili bị cướp mất 192.090 hécta.

Từ năm 1913, mỗi năm nông dân Marốc bị cướp mất 12.500 hécta ruộng đất cày cấy. Từ khi Pháp thắng trong cuộc chiến tranh "vì công lý", con số đó tăng lên tới 14.540 hécta.

Hiện nay ở Marốc chỉ có 1.070 người Pháp mà chiếm tới 500.000 hécta ruộng đất.

Cũng như những người anh em của họ là nông dân Việt Nam, nông dân châu Phi phải sống vất vả không thể chịu nổi, phải lao dịch liên miên và phải gánh những thứ thuế má nặng nề. Sự cùng khổ của họ không sao tả xiết. Thiếu lương thực nên họ phải ăn những thứ rau cỏ dại hay thóc gạo mục nát, vì thế mà họ mắc bệnh sốt, chấy rận, bệnh lao. Ngay những năm được mùa cũng thấy có nông dân đi bới những đống rác ở thành thị, tranh thức ăn thừa với chó. Còn khi mất mùa thì xác chết nông dân ngổn ngang ngoài đồng và trên đường.

Đời sống nông dân ở miền Tây châu Phi và miền xích đạo châu Phi thuộc Pháp còn khủng khiếp hơn nữa.

Gần 40 công ty chiếm những thuộc địa này. Họ chiếm tất cả: ruộng đất, tài nguyên thiên nhiên, cả đời sống của nhân dân bản xứ nữa. Nhân dân bản xứ thậm chí không có quyền làm việc cho mình. Họ buộc phải làm việc cho các công ty, bao giờ cũng thế và chỉ được làm việc cho các công ty mà thôi. Để bắt họ phải làm không công, các công ty đã dùng thủ đoạn cưỡng bức vượt quá sức tưởng tượng. Tất cả ruộng đất đều bị tịch thu hết. Chỉ có người nào chịu làm công việc do các công ty ấy đòi hỏi thì mới được một phần ruộng nhỏ. Ăn uống thiếu thốn đã làm cho họ mắc đủ thứ bệnh tật và chết rất nhiều, nhất là trẻ con.

Một phương pháp khác là bắt ông già, phụ nữ và trẻ con hầu hạ. Chúng cho những người này ở trong những căn nhà chật chội, coi khinh họ, hành hạ họ, bắt nhịn đói và nhiều khi giết họ nữa. Ở một vài địa phương, số người hầu hạ thường xuyên lại nhiều bằng số người làm việc để đề phòng những người làm việc tìm cách chạy trốn. Để công việc ở các đồn điền khỏi bị đình trệ, người ta cấm dân bản xứ không được cày cấy ruộng của mình kịp thời. Do đó, nạn đói và bệnh dịch thường xảy ra, tàn phá các thuộc địa.

Nếu một vài bộ lạc trốn vào rừng và tránh được ách bóc lột của bọn chủ đồn điền thì họ phải sống chẳng khác gì thú vật, họ ăn rễ củ và lá cây, chết vì sốt rét, vì khí hậu. Trong lúc ấy thì bọn chủ da trắng trấn áp tàn phá đồng ruộng và làng mạc của họ. Sau đây là một đoạn trong cuốn sổ tay của một sĩ quan tả một cách vắn tắt, rõ ràng sự đàn áp nông dân thuộc địa:

Hành binh càn quét làng Côlêvê.

Hành binh càn quét làng Phan ở Cunô, làng và vườn trại bị tàn phá.

Hành binh càn quét làng Bêcannit, làng bị đốt, 3.000 cây chuối bị chặt.

Hành binh càn quét làng Cu-a, làng bị phá, vườn trại hoàn toàn trơ trụi.

Hành binh càn quét làng Abimaphan, tất cả nhà cửa đều bị đốt, vườn trại bị phá.

Hành binh càn quét làng Examphami, làng bị phá, các xã ven sông Bôm đều bị đốt.

Tại những miền châu Phi thuộc Ý, Tây Ban Nha, Anh và Bồ Đào Nha cũng có một chế độ cướp bóc, làm phá sản, giết chóc và tàn phá như vậy.

Ở Cônggô thuộc Bỉ, năm 1891 số dân là 25 triệu, thế mà đến năm 1911 chỉ còn có 8 triệu rưỡi. Những bộ lạc Hererô[1] và Cama ở thuộc địa cũ của Đức tại châu Phi đã hoàn toàn bị tiêu diệt, 8 vạn người bị giết trong thời gian Đức chiếm đóng và 15.000 người bị giết trong thời kỳ "bình định" năm 1914. Cônggô thuộc Pháp năm 1894 có 20.000 dân, thế mà đến 1911 chỉ còn có 9.700 người. Trong một tỉnh, năm 1910 có 10.000 dân, sau chừng 8 năm chỉ còn được 1.080 người. Trong

---

[1] Tiếng Pháp là Les Herreros

một tỉnh khác với 4 vạn dân da đen, chỉ trong 2 năm có 2 vạn người bị giết và sau nửa năm 6.000 người nữa lại bị giết và bị thương tật.

Những vùng ven sông dân cư trù mật, chỉ trong 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải rác trắng khắp các ốc đảo[1] và làng mạc bị tàn phá.

Đời sống của những người còn sống sót thật vô cùng thảm khốc: nông dân bị cướp mất phần ruộng bé nhỏ "để dành" của mình, thợ thủ công mất nghề, còn người chăn nuôi thì mất súc vật. Dân Matabêle là dân chăn nuôi nhiều súc vật, trước khi người Anh đến, họ có tới 20 vạn súc vật có sừng. 2 năm sau chỉ còn 40.900 con. Dân Hererô có 9 vạn súc vật, trong vòng 12 năm, thực dân Đức đã cướp mất một nửa. Những trường hợp tương tự như vậy có vô số trong tất cả các nước da đen tiếp xúc với văn minh của người da trắng.

Để kết luận, tôi xin lấy một dẫn chứng của một người da đen là Rơnê Marăng, tác giả cuốn "*Batuala*". Ông ta nói: "Châu Phi vùng xích đạo là nơi dân cư đông đúc, giàu cao su, ở đây có đủ các loại vườn trại trồng cây, gà và dê rất nhiều. Chỉ sau chừng 7 năm mọi cái đều bị phá hoại. Làng mạc tan tành, vườn trại bỏ hoang, gà và dê bị giết. Nhân dân đau yếu vì phải làm việc khổ sở không chịu nổi và không công nên không đủ sức cày cấy ruộng đất, không thể dành thời gian, dù là phần nào, để cày cấy. Bệnh tật phát sinh, nạn đói hoành hành, tỷ lệ chết càng nhiều... Nên biết rằng họ là con cháu của một bộ lạc khỏe mạnh, có tinh thần chiến đấu dẻo dai và đã được thử thách. Ở đây, không còn có gì gọi là văn minh nữa...".

Để bổ sung bức tranh bi thảm này, tôi xin thêm một điểm là chủ nghĩa tư bản Pháp không hề ngần ngại gì mà

---

[1] Tiếng Pháp là Oasies. Ốc đảo, là những vùng có nước và có cây cối ở vùng sa mạc.

không sẵn sàng đẩy từng khu vực vào cảnh đói kém, nếu việc đó có lợi cho nó. Trong nhiều nước thuộc địa, ví dụ như Rêuyniông, Angiêri, Mađagátxca, v.v., người ta không trồng ngũ cốc nữa, mà lại phải trồng những thứ khác cần cho công nghiệp Pháp. Những thứ này có lợi hơn cho chủ đồn điền. Điều đó làm cho đời sống ở thuộc địa rất đắt đỏ và luôn luôn xảy ra nạn đói.

Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và hướng dẫn họ đi tới cách mạng và giải phóng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

In trong sách *Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V từ 17/6 đến 08/7/1924,* Bản tốc ký, tiếng Nga, phần I, NXB. Quốc gia, Liên Xô, 1925, tr. 653-657.



Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Công, năm 1931



Les Anglais
arrêtent à Shanghai
le révolutionnaire
annamite
N'Guyen Ai Quoc

Báo *L' Humanité* ngày 19/6/1931 đưa tin Nguyễn Ái Quốc
với bí danh Tống Văn Sơ bị cảnh sát Anh bắt tại Hồng Công

BÁO CÁO VỀ BẮC KỲ, TRUNG KỲ VÀ NAM KỲ[1]

Mátxcơva, 1924

Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây.

Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi.

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tơrớt. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được.

Nhưng người ta sẽ bảo: thế là chúng ta ở thời Trung cổ à? Ồ! Sẽ là quá đáng nếu so sánh người "nhà quê"[2] với người

---

[1] Bản báo cáo này nguyên văn bằng tiếng Pháp, không ký tên, lưu tại Viện Mác - Lênin, Mátxcơva (nay là kho lưu trữ nhà nước nước Cộng hoà Liên bang Nga). Bản vi phim lưu ở Thư viện mácxít, cuộn số 7, loại 70, Ban thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Pháp.

[2] Những chữ "nhà quê" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

nông nô. An Nam chưa bao giờ có tăng lữ và thuế mười phần trăm. Hoàng đế trị vì nhưng chẳng lo cai trị gì. Tất nhiên là đã có quan lại rồi. Nhưng có thể so sánh họ với chúa phong kiến không? Không. Trước hết quan lại được tuyển lựa theo con đường dân chủ: con đường thi cử, mở rộng cho mọi người và mọi người có thể chuẩn bị thi mà chẳng *tốn kém gì*. Hơn nữa, quyền lực của quan lại được cân bằng bằng tính tự trị của xã thôn.

Xã hội Ấn Độ - China[1] - và tôi có thể nói: Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây.

Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không? Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản.

Thật ra là có, vì sự tây phương hoá ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông; nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.

Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại.

Mác cho ta biết rằng sự tiến triển các xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản; và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không? Từ nhiều thế kỷ nay, họ chẳng

---

[1] La société Indo - Chinoise.

hưởng được thái bình hay sao để đến mức làm cho người châu Âu khinh rẻ họ (lười nhác, mê muội hàng nghìn năm, v.v...)?

Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xôviết đảm nhiệm (Ban thuộc địa của chúng tôi vừa nhận được thư mời chúng tôi tham gia công tác này). Và các Xôviết sẽ thành công; vì rằng, đứng lên trên các thành kiến chủng tộc, họ sẽ làm cho thế giới được miễn nghe các lời tầm phào của những Guýtxtavơ Lơbốp và những Hăngri Coócđiê.

(...)

Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917[1].

Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc:

1. Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hoá khi chuyển từ giới thượng lưu này sang giới thượng lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó.

2. Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là nhờ sự tuyển mộ và trở về của "lính tình nguyện".

---

[1] Cuộc mưu khởi nghĩa diễn ra năm 1916.

3. Trong chủ nghĩa dân tộc có cả lòng căm ghét bọn xâm lược Trung Quốc và người Ấn Độ sinh cơ lập nghiệp ở trên đất nước này.

4. Nó có xu hướng hợp pháp hoá các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó. Một mặt, chính quyền nhượng bộ. Mặt khác, lớp thanh niên từ bỏ phương pháp tiến hành những cuộc nổi dậy bột phát của lớp người đi trước, và ngày nay, người ta thiên về chiến thuật của những nhà cách mạng châu Âu: tuyên truyền, tổ chức và khởi nghĩa quần chúng. Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay thì lớp trẻ yêu sách những thiết chế chuẩn bị cho độc lập (Tờ *La Tribune indigène*: cơ quan của phái lập hiến).

(...)

Cương lĩnh của chúng tôi.

Phương hướng chung.

Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này, do Mátxcơva tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ xôviết hoá và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc Pháp và bằng việc làm này, Quốc tế Cộng sản sẽ được lợi trực tiếp.

a) Ở Đông Dương.

Hành động hợp pháp phụ thuộc vào việc nước Pháp thừa nhận các Xôviết. Điều đầu tiên phải làm là sẽ thiết lập

các lãnh sự quán Nga ở Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng. Những lãnh sự quán này tự nhiên sẽ là những trung tâm tuyên truyền chủ nghĩa bônsêvích và lựa chọn các chiến sĩ bản xứ để gửi sang Nga. Hoạt động bất hợp pháp sẽ là trợ cấp cho một tờ báo, rải truyền đơn và nhất là các bài đả kích bằng tiếng bản xứ và chữ Hán, là tổ chức những hội kín. Nhân viên tuyên truyền gồm có: người bản xứ, người Pháp và người Nga, nếu có thể được thì, biết tiếng nước này, và làm một nghề khiến họ tiếp xúc được với dân bản xứ (nữ hộ sinh, nữ giáo viên, thầy thuốc ở nông thôn, dân đồn điền. Một luật sư cho người bản xứ sẽ được mọi người biết tiếng ngay). Thành lập ra ở Chợ Lớn một phân bộ cộng sản Trung Quốc.

b) Ở Nhật Bản, ở Trung Quốc và ở Xiêm

Tiếp xúc với những nhóm người di tản. Thành lập một lãnh sự quán ở Vân Nam phủ, thành phố rất quan trọng nằm ở biên giới Bắc Kỳ, trung tâm tuyên truyền đặt ở vị trí đó rất tuyệt. Tranh thủ làm cho các Xôviết được công nhận ở Xiêm nơi mà Anh, Pháp và Mỹ luôn luôn có mưu đồ. Mỹ có 4 cố vấn trực thuộc Bộ Ngoại giao, Anh và Pháp có hai cố vấn trực thuộc Bộ Tư pháp. Tại sao nước Nga lại không có? Hơn nữa, một lãnh sự quán ở Băng Cốc sẽ tìm thấy các ngả đường đi Ấn Độ thuộc Anh, Giava thuộc Hà Lan và Đông Dương thuộc Pháp.

c) Ở Pháp

Nhóm cộng sản ở Nghị viện sẽ có hai nhiệm vụ quan trọng:

1) Thừa nhận các Xôviết; 2) Xoá chế độ bản xứ. Trong nhiệm kỳ, sẽ yêu cầu bỏ thuốc phiện ở Đông Dương; nó sẽ tố giác các vụ bê bối như vụ bê bối của độc quyền ở Sài Gòn. Từ Pháp đến Đông Dương quá xa cách vì vậy sẽ không có vấn đề Nghị viện đi xem xét như có thể làm đối với Angiêri và Tuynidi.

Ban thuộc địa sẽ lo trước hết việc tổ chức công đoàn. Hội liên hiệp thuộc địa sẽ làm đúng với danh hiệu của mình. Tờ *Le Paria* sẽ ra mỗi tuần 2 lần.

Hoạt động thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp hẳn là còn yếu kém nhưng chút ít nó làm được thì chẳng có đảng nào làm được, còn nếu nó chưa quan tâm đến người bản xứ, đó là vì người bản xứ chưa đến với nó được mấy. Nhiệm vụ số một của nó là đào tạo những chiến sĩ bản xứ. Đào tạo không chỉ những nhà tuyên truyền mà cả những nhà cách mạng theo kiểu châu Âu.

d) Ở Nga

Muốn thế, đưa đến Mátxcơva hay đến các trung tâm khác, các sinh viên An Nam (còn sớm để có thể coi thường người trí thức). Cũng đưa cả những người lao động chân tay vì phải đào tạo những quân nhân, thuỷ thủ cho hồng quân bản xứ và các chi bộ xí nghiệp bản xứ, đủ sức thay thế các kỹ thuật viên của chủ nghĩa tư bản.

(...)

Kết luận: Khả năng khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương. Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương:

1. Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng ở châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc, theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây.

2. Cuộc khởi nghĩa phải được nước Nga ủng hộ. Các Xôviết sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc và các kỹ thuật viên, các binh sĩ,

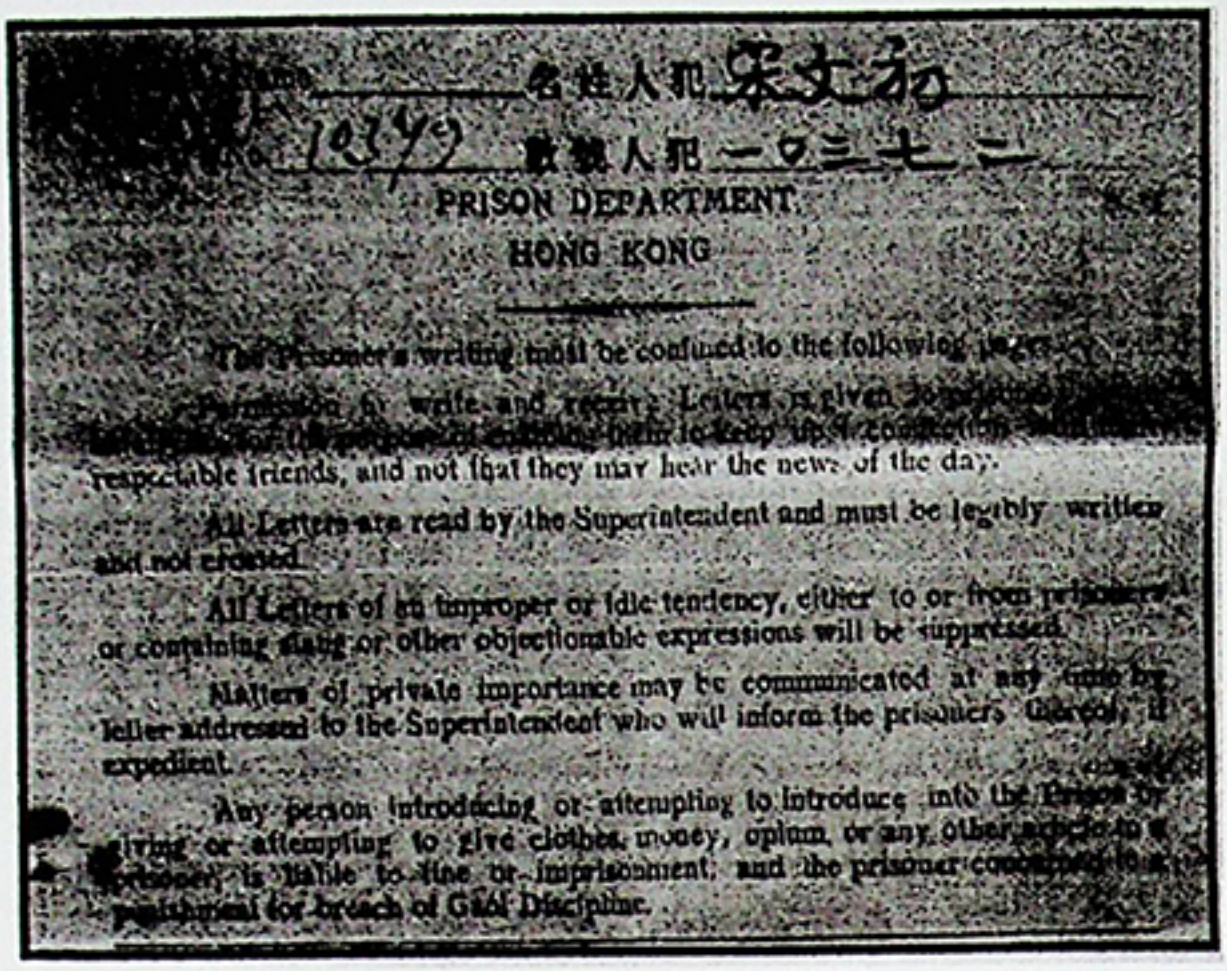
các thủy thủ bản xứ được đào tạo trước đó ở Mátxcơva. Ngoài ra, nước Nga sẽ có một hạm đội khá mạnh ở Thái Bình Dương, để ngăn cản sự can thiệp của một vài cường quốc có thỏa thuận với Pháp trong việc chống người bản xứ.

3. Cuộc khởi nghĩa phải trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp.

4. Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam.

NGUYỄN ÁI QUỐC

In trong sách Hồ Chí Minh, *Những bài viết 1914-1969* do TS. Alain Ruscio biên soạn, Pari, 1990, tr.69-74.


名姓人犯 宋文初
犯人號數 10372 一七二〇一
PRISON DEPARTMENT.
HONG KONG

The Prisoner's writing must be confined to the following papers.

Permission to write and receive Letters is given [illegible] to keep up a connection with respectable friends, and not that they may hear the news of the day.

All Letters are read by the Superintendent and must be legibly written and not erased.

All Letters of an improper or idle tendency, either to or from prisoners, or containing slang or other objectionable expressions will be suppressed.

Matters of private importance may be communicated at any time by letter addressed to the Superintendent who will inform the prisoners thereof, if expedient.

Any person introducing or attempting to introduce into the Prison or giving or attempting to give clothes, money, opium, or any other article to a prisoner, is liable to fine or imprisonment; and the prisoner concerned to a punishment for breach of Gaol Discipline.

Tên tù nhân: Tống Văn Sơ

Số hiệu tù nhân: 10372

Phòng giam: Hồng Công

Việc viết thư của tù nhân phải được xác nhận theo các giấy tờ sau

Giấy phép được viết và nhận thư được trao cho các tù nhân để cho phép họ duy trì mối liên hệ với các bạn bè chứ không phải để nghe ngóng tin tức

Mọi lá thư phải được quản giáo đọc và phải dễ đọc, không được gạch xóa

Mọi lá thư có vẻ không phù hợp, cho dù là do tù nhân viết hay nhận được hay có chứa các câu chữ tiếng lóng hay các thành ngữ phản kháng khác sẽ bị giữ lại.

Các vấn đề quan trọng của cá nhân có thể được viết bằng thư bất cứ lúc nào và gửi tới Quản giáo và Quản giáo sẽ thông báo cho tù nhân.

Bất cứ người nào đưa vào hay tìm cách đưa vào nhà tù quần áo, tiền, thuốc phiện cho tù nhân sẽ bị phạt hay bỏ tù và tù nhân liên quan sẽ bị phạt vì vi phạm kỷ luật trại giam.

Bản quy định về việc thư từ, gửi quà vặt,
gửi thư ra nhà tù Hồng Công riêng cho tù nhân Tống Văn Sơ

LỜI KÊU GỌI

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị em[1] *bị áp bức, bóc lột!*

Anh chị em! Các đồng chí!

Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này.

Mâu thuẫn gay gắt về kinh tế giữa các nước đế quốc chủ nghĩa đã gây ra Chiến tranh thế giới 1914 - 1918. Sau cuộc chém giết đẫm máu đó, thế giới chia ra làm hai mặt trận: mặt trận cách mạng gồm các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản bị bóc lột trên toàn thế giới mà đội tiên phong là nước Nga Xôviết, và mặt trận của chủ nghĩa đế quốc mà tổng hành dinh là Hội quốc liên.

Cuộc chiến tranh đế quốc ấy đã làm cho thế giới bị thiệt hại nặng nề về người và của, đặc biệt là đế quốc Pháp bị thiệt hại nhiều hơn các đế quốc khác. Hiện nay, để tổ chức lại nền kinh tế ở Pháp, đế quốc Pháp ra sức khai thác tài nguyên "của chúng" ở Đông Dương. Chúng xây dựng thêm nhà máy để bóc lột công nhân và buộc họ phải chịu đói rét. Chúng chiếm ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, làm cho nông dân mất hết ruộng đất và lâm vào cảnh tuyệt vọng. Chúng tìm mọi cách để bóp nặn nhân dân ta; chúng thu thuế ngày càng nặng, bắt mua "quốc trái" ngày càng nhiều, làm cho đồng bào ta ngày thêm nghèo khổ.

---

[1] Trong Thư gửi Đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản, ngày 27/02/1930, dùng chữ *Compatriotes* (đồng bào).

Càng ngày chúng càng tăng cường quân đội: một là để giết hại cách mạng An Nam, hai là để chuẩn bị một cuộc chiến tranh đế quốc nữa ở Thái Bình Dương nhằm chiếm thêm thuộc địa, ba là để phá cách mạng Trung Quốc, bốn là để chống lại nước Nga Xôviết, vì nước này đang giúp đỡ các dân tộc bị áp bức và các giai cấp bị bóc lột trên thế giới đứng lên đánh đổ bọn thống trị. Cuộc chiến tranh đế quốc thứ hai đang được ráo riết chuẩn bị. Khi cuộc chiến tranh đó nổ ra, thì nhất định đế quốc Pháp sẽ đẩy anh chị em chúng ta vào một cuộc chém giết đầy tội ác. Nếu chúng ta để cho chúng chuẩn bị chiến tranh, nếu chúng ta để cho chúng chống lại cách mạng Trung Quốc và nước Nga Xôviết, nếu chúng ta để cho chúng tiêu diệt cách mạng An Nam thì khác nào chúng ta để cho chúng dìm giống nòi An Nam ta xuống Thái Bình Dương.

Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh: công nhân bãi công, học sinh bãi khoá, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc.

Phong trào cách mạng An Nam làm cho đế quốc Pháp phải run sợ. Cho nên, một mặt chúng dùng bọn phong kiến An Nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân An Nam. Mặt khác, chúng khám xét nhà cửa, bắt bớ, giam cầm và giết hại những người cách mạng An Nam; chúng hy vọng dùng khủng bố trắng tiêu diệt cách mạng An Nam.

Nếu đế quốc Pháp tưởng có thể dùng khủng bố trắng hòng tiêu diệt cách mạng An Nam thì chúng đã lầm to! Một

là, cách mạng An Nam không bị cô lập, trái lại nó được giai cấp vô sản thế giới nói chung và giai cấp cần lao Pháp nói riêng ủng hộ. Hai là, giữa lúc các cuộc khủng bố trắng lên đến đỉnh cao thì những người cộng sản An Nam trước kia chưa có tổ chức, đang thống nhất lại thành một đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam, để lãnh đạo toàn thể anh chị em bị áp bức chúng ta làm cách mạng.

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức, bóc lột!

Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

1) Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.

2) Làm cho nước An Nam được độc lập.

3) Thành lập Chính phủ công nông binh.

4) Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.

5) Quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo.

6) Thực hiện ngày làm 8 giờ.

7) Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.

8) Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.

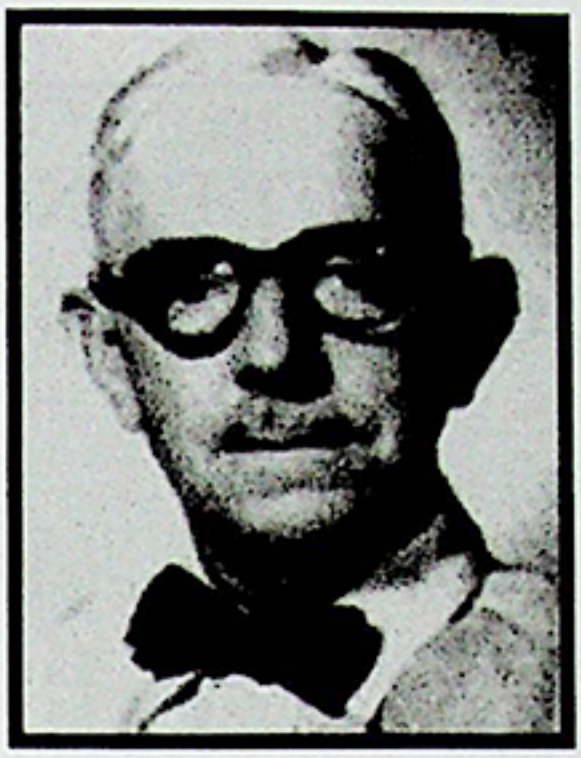
9) Thực hành giáo dục toàn dân.

10) Thực hiện nam nữ bình quyền.

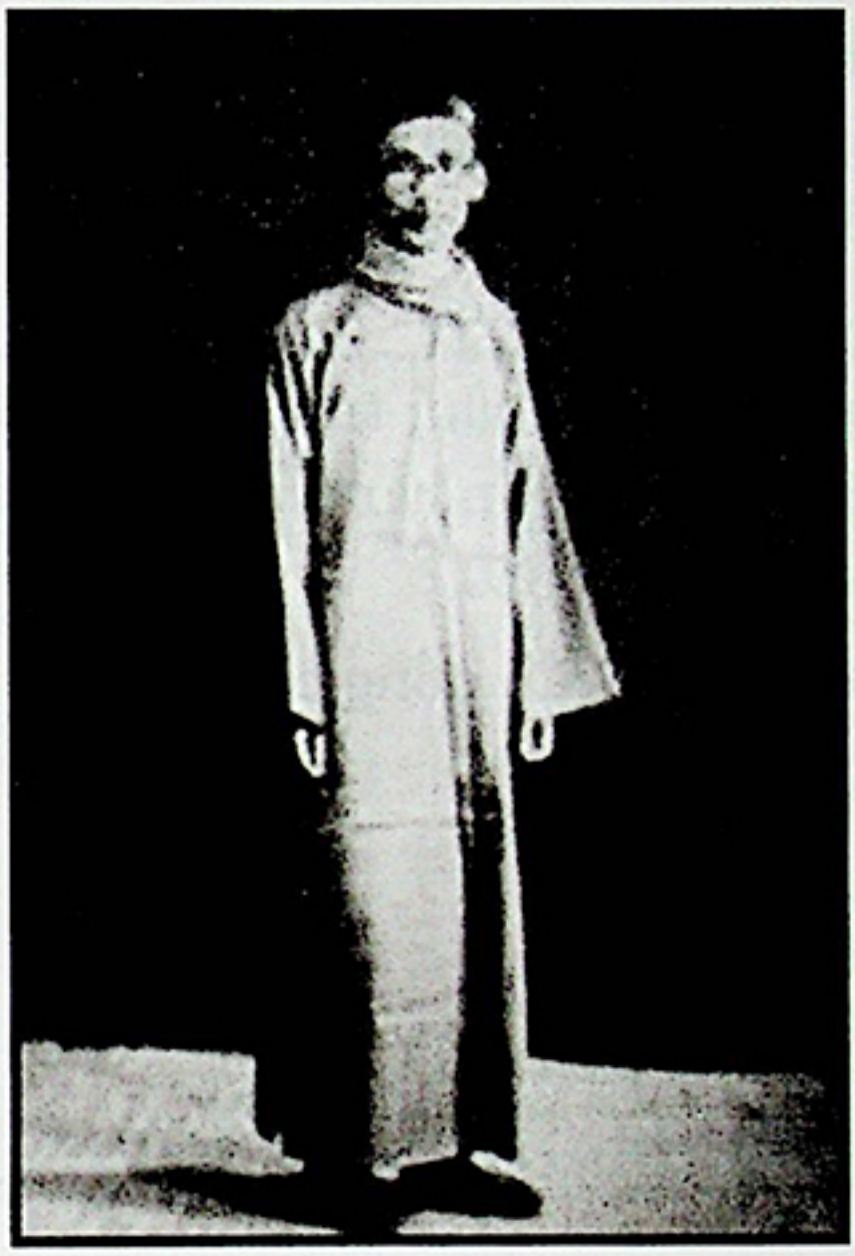
Thay mặt Quốc tế Cộng sản
và Đảng Cộng sản Việt Nam

NGUYỄN ÁI QUỐC

Bút tích tiếng Anh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.



Luật sư người Anh Henri Frank Loseby người bảo vệ
Nguyễn Ái Quốc - Tống Văn Sơ tại Hồng Công



Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cải trang trước khi rời Hồng Công, năm 1933
Bộ "tà xám" này do ông bà Luật sư Loseby may, ông bà Loseby đã mang một bộ khác tặng Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (Hiện đang trưng bày tại bảo tàng)

THƯ GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Công. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này, tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này.

Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng.

Tôi sẽ rất biết ơn đồng chí, thưa đồng chí thân mến, cho phép tôi được hội kiến. Tôi tin rằng như vậy sẽ tốt hơn. Đã từ lâu rồi đồng chí không gặp tôi.

Đồng chí thân mến, xin đồng chí nhận lời chào cộng sản anh em của tôi.

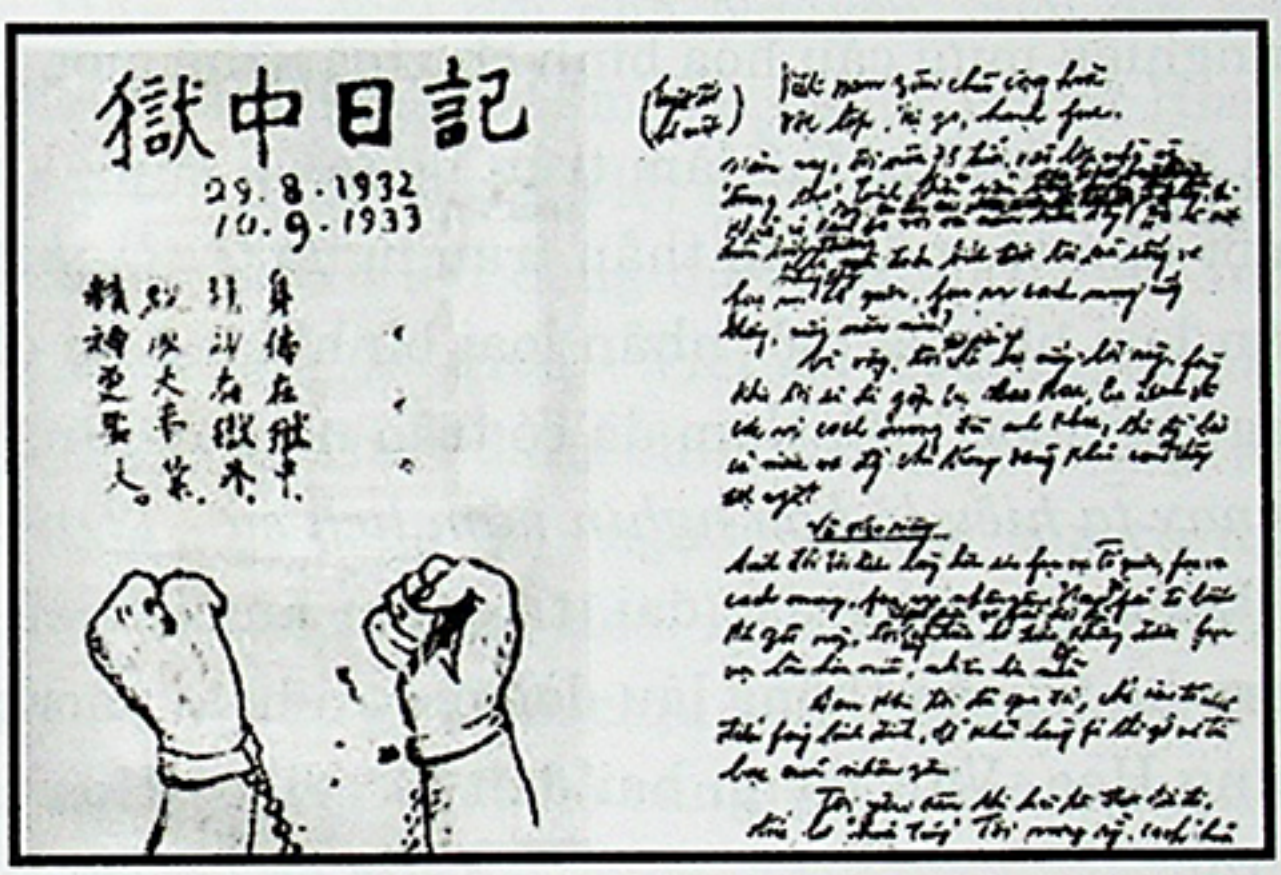
06/6/1938

LIN

Tài liệu tiếng Pháp, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.



Nguyễn Ái Quốc sau khi ra tù năm 1934 (ảnh do Quốc tế Cộng sản chụp)



Tập thơ *Ngục trung nhật ký* (Nhật ký trong tù)
được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết từ ngày 29/8/1942 đến 10/9/1943

TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP
ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG VIỆT NAM

Vì quyền lợi dân tộc, chúng tôi xin tuyên bố với toàn thể đồng bào và các nhân sĩ trên toàn thế giới:

Dân tộc Việt Nam cần được độc lập, và đây chính là thời cơ cho dân tộc Việt Nam giành lấy tự do và độc lập!

Từ khi phát sinh cuộc kháng chiến chống xâm lược Nhật của dân tộc Trung Hoa cho đến ngày phát sinh cuộc đại chiến châu Âu lần thứ hai, chúng tôi nhận thấy rằng địa vị của nước Việt Nam đã trở thành trọng yếu khác thường: Chẳng những Việt Nam phải đấu tranh giành lấy độc lập dân tộc cho chính mình, mà còn phải gánh vác trách nhiệm một phần trong sự nghiệp mưu cầu hòa bình cho toàn thế giới.

Loài người không thể làm trâu ngựa và cũng không thể để cho một dân tộc nào làm thân trâu ngựa *(?)(?) chữ rất khó đọc.* Nhân loại phải là một nhân loại bình đẳng, ai cũng như ai. Huống chi nước Việt Nam đã có trên năm nghìn năm lịch sử *(ngày nay ta hiểu là bốn nghìn năm lịch sử - TD)*, hai mươi bảy vạn kilômét vuông đất đai, trên hai mươi triệu dân số, lại có quan hệ truyền thống lâu đời về văn hóa, phong tục với nước Trung Hoa. Vận mệnh hai dân tộc Việt - Hoa là không thể tách rời.

Nói về thất bại của Việt Nam, đó là do hủ bại của vua quan ngày trước mà dẫn tới cái địa vị bi thảm như ngày nay, khiến cho khí tiết dân tộc không phấn chấn lên được, sức

mạnh ngoại bang tràn vào, bòn rút hết tài nguyên, tước đoạt hết quyền lực, khiến cho cả dân tộc lâm vào cảnh nước sôi lửa bỏng, người dân Việt Nam phải làm thân trâu ngựa vô cùng nhục nhã!

Cho nên chúng tôi, những người có nhiệt huyết, nhận thấy rằng đã đến lúc chúng ta không thể nào chịu đựng được nữa rồi!

Hỡi đồng bào! Đã đến lúc chúng ta phải dùng máu thịt của mình để giải phóng cho mình. Chúng ta không cam chịu làm thân nô lệ đời đời kiếp kiếp mà phải giành lấy tự do, và đây chính là lúc ta có thể cùng với nhân dân Trung Hoa cùng mưu cầu giải phóng dân tộc.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Hoa chính là một hậu cứ lớn cho công cuộc cách mạng dân tộc của Việt Nam ta. Nhìn vào lịch sử nhân dân Trung Hoa, từ thời Triệu Đà Đông Hán đến cuối đời nhà Nguyên, cuối đời nhà Minh rồi đến thời nhà Thanh... năm lần người Trung Hoa gặp cơn hoạn nạn, phải di dân sang Việt Nam mà nhập vào dân Việt, hoặc trở thành Hoa kiều đông đúc trên đất Việt, nương tựa vào nhau mà sinh tồn. Hoa - Việt đã thành một nhà. Ngày nay nhân dân Việt Nam đang chìm trong lửa bỏng, phải sống cực khổ dưới mức sống loài người, nhưng còn có người bạn đồng tình là dân tộc Trung Hoa. Là người Trung Hoa, có ai... người Việt Nam đau khổ mà chịu bỏ... những quan hệ truyền thống,... nhân duyên môi hở răng lạnh, mà nghĩ đến lương tâm, chức trách của mình.

Đã nhiều năm qua, Trung Quốc cũng bị ngoại bang xâm lược, nhân dân Trung Quốc không ngừng đấu tranh cho tự do độc lập của mình. Từ ngày Trung Quốc phát động kháng

chiến đến nay đã ba năm rồi? (?) *(Nếu nói chống xâm lược Nhật từ 1931 thì phải là 9 năm - TD)*. Trong ba năm ấy Trung Quốc đã đạt được nhiều tiến bộ, khiến cho chúng ta có thể học tập, có thể hy vọng vào sự giúp đỡ của họ, hy vọng vào sự phục hưng của ta, và tin chắc rằng dân Việt Nam ta không thể tránh khỏi một cuộc nổi dậy, dùng vũ lực mà giành lại đất nước của mình.

Việt Nam ngày nay không còn là Việt Nam ngày xưa nữa!

Việt Nam ngày nay phải là một Việt Nam kiên cường, một Việt Nam vũ trang, một Việt Nam bất khuất vinh quang, không tiếc sự hy sinh nào, không sợ điều khó khăn nào, nhằm thẳng vào mục tiêu giải phóng dân tộc mà phấn đấu!

Hỡi đồng bào! Trong quá trình cuộc chiến tranh này, chúng ta cần nhớ rằng các vùng bị chiếm đóng ở Triều Tiên, Đài Loan và Trung Hoa lục địa đều do quân đội Nhật Bản đầy dã tâm... *(?)(?) (mất chữ - TD)*. Vì vậy trong khi đấu tranh chống lại đế quốc Pháp, xin đồng bào đừng có hy vọng gì vào Nhật Bản hay bất kỳ một đế quốc nào khác. Muôn ngàn lần, chúng ta cần nhớ rằng bất cứ một thứ chủ nghĩa đế quốc nào cũng đều muốn dân tộc ta không thể phục sinh, muốn con cháu ta trở thành nô lệ cho chúng. Nhân dân Việt Nam ta chỉ có thể hợp tác với nhân dân Trung Quốc trong công cuộc đấu tranh chống mọi kẻ xâm lược và mọi thế lực phản động.

Từ ngày đế quốc Pháp bị đế quốc Đức đánh bại, quân Nhật xâm phạm đất nước ta. Chúng đeo cái mặt nạ "giúp Việt Nam giành độc lập" để đánh lừa nhân dân ta. Nghìn vạn lần xin đồng bào chớ vì chút lợi nhất thời mà sa vào trong lừa bịp của đế quốc Nhật. Bọn quân phiệt Nhật với đế

quốc Pháp chỉ là một duộc. Mục đích của chúng chỉ là nô dịch nhân dân ta mà thôi! Nếu như mỗi người chúng ta còn mê muội, tham chút lợi nhỏ nhất thời, hoặc ham sống sợ chết mà đành cúi đầu theo chúng thì bản thân ta, cha mẹ, anh em, chú bác, cô dì, vợ con ta chỉ làm trâu, ngựa cho chúng mà thôi!

Đồng bào hãy lập tức đứng lên, nhận rõ cuộc đấu tranh này là hợp với chính nghĩa của toàn nhân loại, nhận rõ hoàn cảnh đấu tranh của chúng ta ngày nay là rất hợp thời cơ, nghìn năm có một! Chúng ta phải tổ chức nhau lại chống bọn xâm lược, liên hợp các dân tộc bị áp bức, cùng nhau phấn đấu.

Làm được như thế, cuộc đấu tranh của chúng ta sẽ có tác dụng giúp cho cuộc kháng chiến của Trung Quốc chóng thắng lợi mà cuộc kháng chiến của Trung Quốc thắng lợi ắt sẽ khuếch trương ảnh hưởng ra toàn châu Á, lại giúp cho công cuộc giải phóng của chúng ta sớm được hoàn thành.

Tổ chức dân tộc giải phóng của chúng ta cũng như cuộc nổi dậy của chúng ta ngày nay là hoàn toàn hiện thực! Nhằm vào mục đích giải phóng dân tộc, chúng ta sẽ dùng mọi thủ đoạn cách mạng, mọi phương pháp thích hợp để làm cho toàn dân tộc vùng lên, trước hết là các bạn thanh niên càng phải kiên quyết vùng lên, chống lại bất cứ kẻ xâm lược nào, đập tan sự thống trị của đế quốc, để dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa của chúng ta!

Chúng tôi, Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam xin long trọng hướng về toàn thể đồng bào Việt Nam và tất cả các bạn bè trên thế giới hô to:

1. Mọi người cách mạng trên toàn cõi Việt Nam đứng lên!

2. Mọi người dân Việt Nam hãy cầm lấy vũ khí!

3. Thực hành toàn dân kháng chiến, giành lại tự do bình đẳng!

4. Đánh đổ tất cả bọn xâm lược!

5. Phấn đấu dựng lên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa!

6. Thực hành chính sách dân chủ, vì dân, của dân, bài trừ mọi chính sách phản cách mạng! *(3 chữ không đọc nổi)*

7. Mọi dân tộc bị áp bức ở Phương Đông liên hiệp lại!

NGUYỄN ÁI QUỐC



Bản tuyên ngôn 2000 chữ trên Cứu Vong nhật báo ngày 28/12/1940

Trên tờ "*Cứu Vong nhật báo*" cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc thời chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), số ra ngày 28 tháng 12 năm 1940 có một bản Tuyên ngôn dài trên 2000 chữ, nhan đề là: "*Việt Nam dân tộc giải phóng Ủy viên hội thành lập tuyên ngôn*". (Tuyên ngôn thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam).

Tờ báo được lưu giữ qua một nửa thế kỷ nên nhiều chữ đã bị nhòa hẳn, không đọc được nữa. Nhưng với phương pháp xác minh văn bản, vẫn có thể nghiên cứu tìm hiểu toàn bộ nội dung bản tuyên ngôn. Đây là thời điểm mà Hồ Chủ tịch đang hoạt động ở Hoa Nam. Nội dung bản tuyên ngôn thể hiện chủ trương đường lối của Hồ Chủ

tịch hồi ấy: Kêu gọi toàn thể đồng bào nổi dậy giành độc lập dân tộc, chớ mắc mưu lừa bịp của bọn Nhật Bản mới tiến quân vào Việt Nam sau khi Pháp bị Đức đánh bại, mặt khác nhấn mạnh sự liên kết giữa cách mạng Việt Nam với cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của các lực lượng kháng chiến Trung Quốc, kể cả chính quyền Tưởng Giới Thạch, tạo điều kiện cho việc về nước xây dựng chiến khu Việt Bắc sau này.

Trong văn kiện này lần đầu tiên nêu khẩu hiệu "Phấn đấu dựng lên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa", mà sau này Đại hội quốc dân ở Tân Trào tháng 8/1945 đã lấy làm quốc hiệu của nước ta.

Vì nhiều chữ trong nguyên bản bị nhòa hẳn, không thể đọc hay đoán nổi, người dịch chỉ cố gắng chuyển đạt ý chính của bản Tuyên ngôn; chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Chỗ nào tồn nghi thì đánh dấu (?)(?) kèm theo chú thích, mong sau này có dịp bổ sung.

(Thanh Đạm đã công bố trên Tạp chí "*Lịch sử quân sự*", tháng 3/1993).



Nhân dân khởi nghĩa chiếm Phủ Khâm sai (Bắc Bộ phủ) Hà Nội, ngày 19/8/1945



Mười vạn quần chúng thủ đô Hà Nội đã tham gia mít tinh mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

MƯỜI CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT MINH

Việt Nam độc lập đồng minh
Có bản chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền:
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta.
Có mười chính sách bày ra,
Một là ích nước, hai là lợi dân.
Bao nhiêu thuế ruộng, thuế thân,
Đều đem bỏ hết cho dân khỏi phiền.
Hội hè, tín ngưỡng, báo chương,
Họp hành, đi lại, có quyền tự do.
Nông dân có ruộng, có bò,
Đủ ăn, đủ mặc, khỏi lo cơ hàn.
Công nhân làm lụng gian nan,
Tiền lương phải đủ, mỗi ban tám giờ.
Gặp khi tai nạn bất ngờ,
Thuốc thang Chính phủ bấy giờ giúp cho.
Thương nhân buôn nhỏ, bán to,
Môn bài thuế ấy bỏ cho phỉ nguyền.
Nào là những kẻ chức viên,
Cải lương đãi ngộ cho yên tấm lòng.
Binh lính giữ nước có công,

Được dân trọng đãi, hết lòng kính yêu.
Thanh niên có trường học nhiều,
Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nho.
Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ, đều cho bình quyền.
Người tàn tật, kẻ lão niên,
Đều do Chính phủ cấp tiền ăn cho.
Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,
Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy.
Muốn làm đạt mục đích này,
Chúng ta trước phải ra tay kết đoàn.
Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh hội có muôn vàn hội viên.
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có hội Việt Minh
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Rồi ra sự nghiệp hoàn thành,
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Khuyên ai xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.

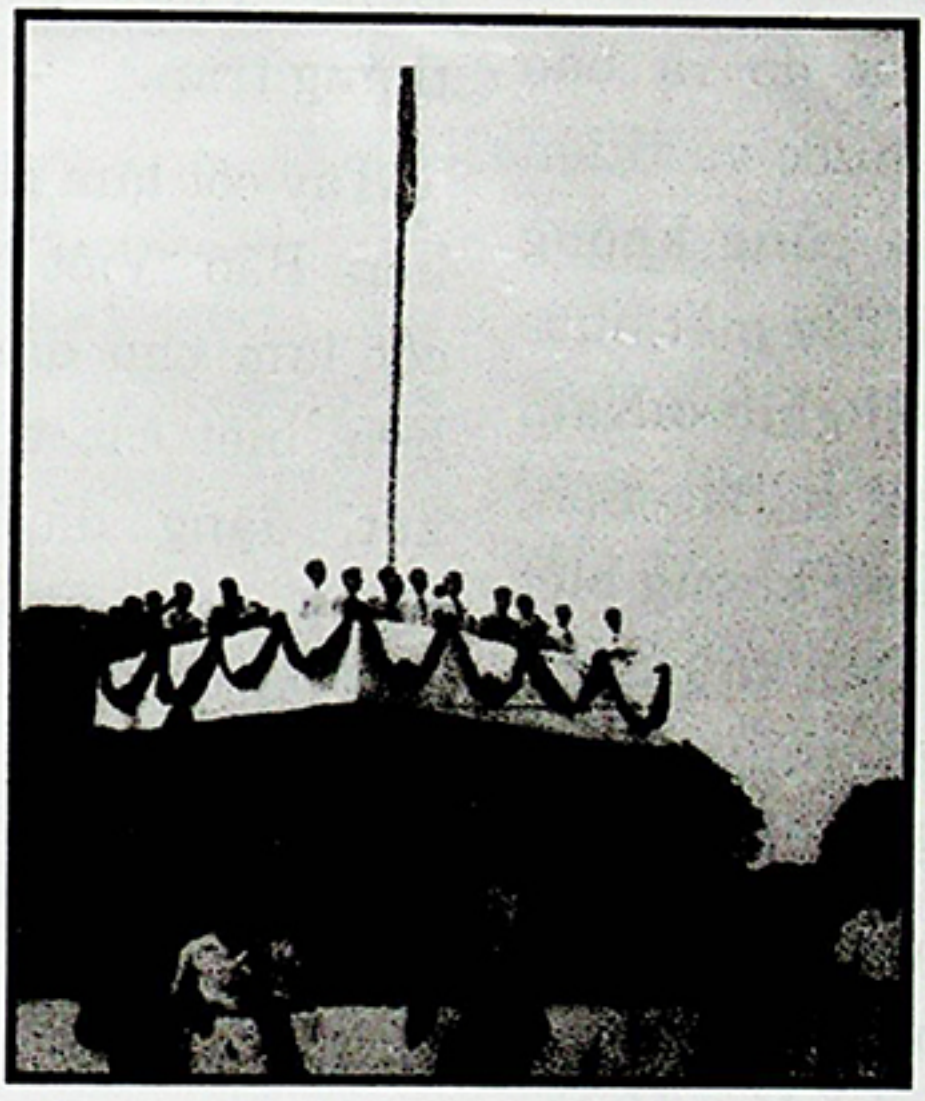
Năm 1941

NGUYỄN ÁI QUỐC

In trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ,* NXB Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 14-16.



Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, ngày 02/9/1945



Lễ tuyên bố thành lập nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội

BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP Số 101 Cao Bằng	*Nhiễu điều phủ lấy giá gương* *Người trong một nước phải thương nhau cùng!*

Ngày 01/8/1941

XÃ LUẬN

Tây cốt làm dân ta ngu, làm cho dân ta hèn. Ngu thì phải hèn. Ta ngu hèn thì nó dễ trị, dễ ăn hiếp, dễ bóc lột.

Tây có 2 cách làm cho ta ngu, hèn:

1) Là cách bưng mắt. Nó không cho ta tự do ra báo chí. Nên trong nước và thiên hạ có việc gì ta cũng không biết. Ví dụ: Khi Tây mất nước rồi, dân ta khởi nghĩa ở Nam Kỳ, ở Nghệ An, ở Bắc Sơn, mà ta ở Cao Bằng không biết gì hết. Ví dụ: Dân tàu đánh Nhật hăng hái thế nào ta cũng không biết gì hết.

2) Là cách lừa gạt. Nó bảo bọn đê hèn như báo Đông - Pháp đăng tin bố láo để lừa gạt dân ta. Ví dụ: Dân không có muối, không có diêm, không có dầu, không có ăn. Đâu đâu cũng oán Tây, cũng xục rục mà báo Đông - Pháp cứ nói như nước ta thái bình lắm. Ví dụ ở Xy-ri, Tây đánh thua chạy không kịp mà báo Đông - Pháp nói như Tây vẫn thắng trận.

Tây cốt làm cho dân ta ngu hèn. Báo "Việt Nam Độc lập" cốt làm cho dân ta hết ngu hèn, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây đánh Nhật, làm cho "Việt Nam Độc lập", bình đẳng, tự do!

Kháng Pháp, kháng Nhật!

Thân Hoa!

"Việt Nam độc lập".

VIỆC TRONG NƯỚC

Tây bắt các làng lập trường ấu - học. Có tỉnh phải lập đến mấy trăm trường. Vì sao từ trước, Tây để con cháu ta dốt nát, mà nay lại muốn con cháu ta học hành?

Vì Tây mất nước rồi. Nó sợ dân ta nổi lên đánh đuổi nó. Nó bắt các làng lập trường.

(1) là để nhử anh em thanh niên có việc làm ăn, không theo cách mệnh.

(2) là để bắt họ do thám trong làng có cách mệnh hay không.

(3) là nó khỏi mất tiền thuê mật thám. Thành thử Tây dùng tiền làng do thám hại làng mà lại được tiếng "Khai hóa cho dân".

Chắc các làng không mắc lừa, và các bạn thanh niên cũng không mắc lừa!

TIN THẾ GIỚI

Tháng 6 năm ngoái, chỉ đánh nhau 45 ngày mà Tây mất nước. Tây mất hơn 10 vạn lính chết.

Hơn 20 vạn lính bị thương.

Hơn 2 triệu lính bị cầm tù.

136 viên quan bị bắt.

Dân Tây thì chết vô số.

Từ đấy đến nay mỗi ngày Tây phải cúng cho Đức 20 triệu đồng bạc. Còn dân Tây, thì cơm không có ăn, áo không có mặc.

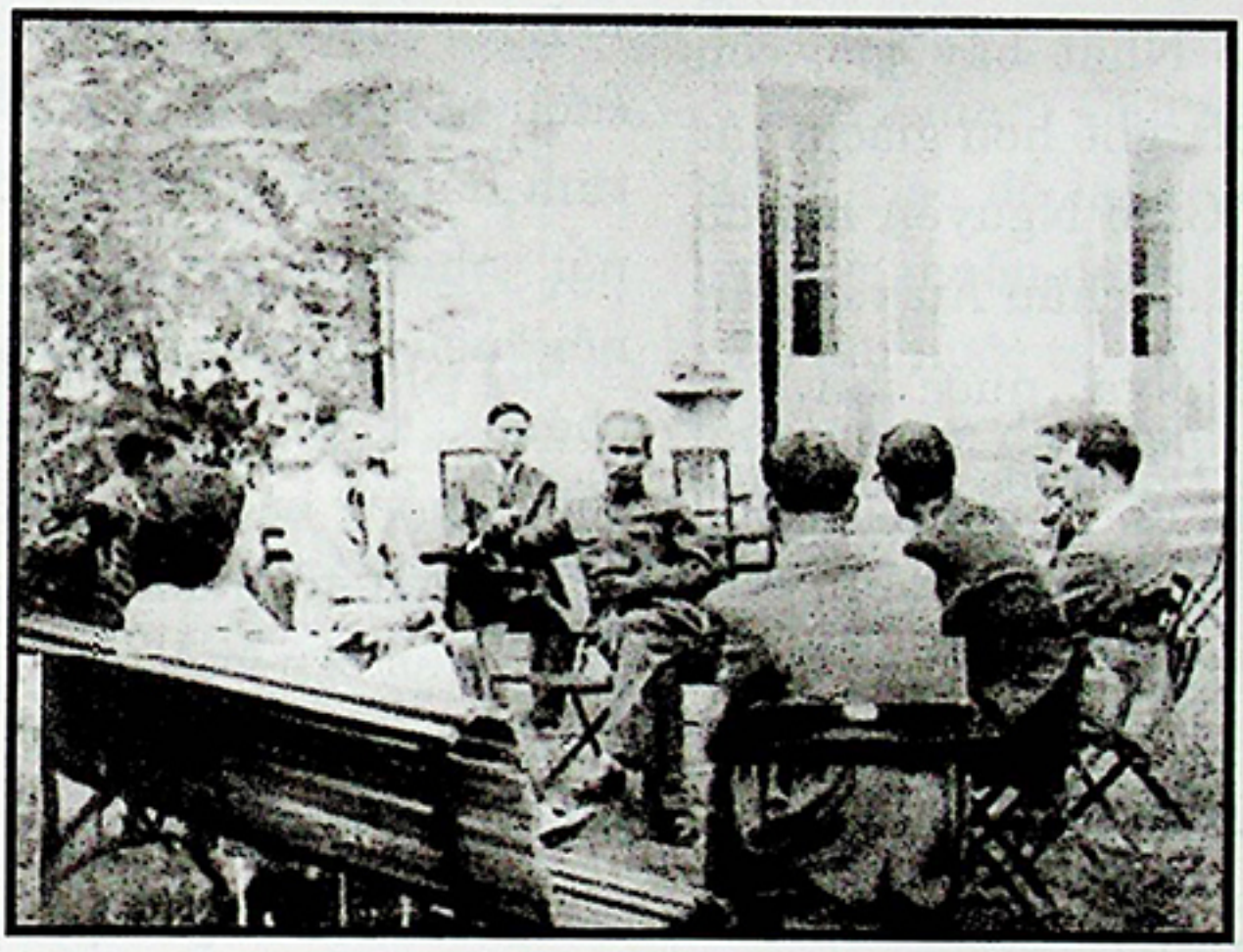
Vậy nên Tây thẳng tay bóc lột dân ta.

VƯỜN VĂN

Đế quốc Pháp thật là ác nghiệt
Làm dân ta như điếc, như mù,
Làm ta dở dại dở ngu,
Biết gì việc nước biết đâu việc đời.
Báo "Độc Lập" hợp thời đệ nhất,
Làm cho ta mở mắt mở tai.
Cho ta biết đó biết đây,
Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian.
Cho ta biết kết đoàn tổ chức,
Cho ta hay sức lực của ta.
Cho ta biết chuyện gần xa,
Cho ta biết nước non ta là gì.
Ai không chịu ngu si mù tối,
Ắt phải xem báo ấy mới nên.
Giúp cho báo ấy vững bền.
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi.
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời.



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Paris, năm 1946



Bác Hồ tiếp thanh niên dân chủ Pháp tại Paris, năm 1946

BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP Cao Bằng Số 160 Bắk Kạn	*Dân ta đánh thắng giặc Nguyên* *Cũng vì đoàn kết vững bền trước sau*

KỶ NIỆM TRẦN HƯNG ĐẠO

1. Trần Hưng Đạo là ai? Cách đây 684 năm đúng tháng 3 năm 1259 dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của vị anh hùng Trần Hưng Đạo đã làm một việc mà chúng ta nên nhớ đời đời.

Việc ấy là phá tan giặc Nguyên tại sông Bạch Đằng.

Giặc Nguyên hồi đó cũng như giặc Nhật bây giờ, còn mạnh hơn, ghê hơn giặc Nhật bây giờ. Giặc Nguyên hồi đó làm chúa cả châu Âu và châu Á. Nước Nga, nước Ba Tư, nước An Độ, nước Tàu, nước Cao Ly đều khốn khổ dưới gót sắt của giặc Nguyên. Duy chỉ có nước ta ở châu Á còn được hưởng quyền độc lập tự do.

Vì vậy giặc Nguyên định chiếm lấy nốt nước ta.

Ba lần giặc Nguyên phái hàng mấy chục vạn binh mã, chia đường bộ, đường thủy sang cướp nước ta. Ba lần dân ta đều đánh đuổi được giặc Nguyên giữ quyền độc lập tự do cho nước nhà.

Lần thứ ba Trần Hưng Đạo phá tan quân Nguyên ở sông Bạch Đằng làm cho giặc Nguyên kinh hồn sau không dám sang nữa.

Lúc giặc Nguyên sang cướp nước ta, vua nhà Trần tính hàng vì sợ chống không nổi, nhưng Trần Hưng Đạo nói "nếu vua muốn hàng thì chém đầu tôi trước. Tôi còn sống không bao giờ chịu đem giang san tổ quốc dâng cho giặc". Vua bèn giao toàn quyền cho Trần Hưng Đạo đốc xuất binh mã đánh giặc.

2. Trần Hưng Đạo thắng giặc Nguyên là nhờ đâu: Trần Hưng Đạo thắng được giặc Nguyên là nhờ hai điều:

Một là đoàn kết toàn dân, quyết tâm đánh giặc cứu nước. Hai là khéo dùng chiến thuật du kích để giết giặc.

Trong lịch sử nước ta không mấy khi toàn dân ta đoàn kết được chặt chẽ như lúc bây giờ.

Nhà vua mời các bậc lão thành, các đại biểu khắp nơi đến họp tại điện Diên Hồng để bàn việc chống giặc cứu nước. Cuộc hội nghị ấy gọi là cuộc hội nghị Diên Hồng. Trong cuộc hội nghị ấy vua tôi đều một lòng vì nước nhà mà hy sinh chiến đấu.

Toàn dân đã đoàn kết rồi, bây giờ làm thế nào chống giặc.

Trần Hưng Đạo tính giặc người đông thế mạnh nếu ta đem toàn lực ra đánh với nó sợ bị tiêu diệt. Vậy chỗ nào thế giặc mạnh thì quân ta lùi, còn dân thì làm vườn không nhà trống, rồi quân và dân hết sức khôn khéo tiêu hao quân giặc, đánh phá đường vận tải lương thực của giặc. Đến lúc nào giặc sức yếu lại thiếu lương thực ta sẽ dụ chúng vào một nơi hiểm hóc đánh úp cho một trận nhừ tử, giết hết không còn sót một tên.

Chính trận sông Bạch Đằng là như thế.

Kết luận: Chuyện Trần Hưng Đạo để lại cho ta một bài học: muốn đánh quân giặc xâm lấn nước ta, cần hai điều: một là toàn dân đoàn kết, hai là khéo dùng lối du kích.

B.V.[1]

---

[1] B.V. là bút danh của Bác Hồ

VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP

Cao-Bằng — Số 160 — Bắc-Kạn

Dân ta đánh thắng giặc Nguyên,
Cũng vì đoàn kết cũng bền trước sau.

KỈ NIỆM Trần.Hưng.Đạo

1.. Trần-Hưng-Đạo là ai ? Cách đây 684 năm đúng tháng 3 năm 1284 dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của vị anh hùng Trần-Hưng-Đạo đã làm một việc mà chúng ta nên nhớ đời đời.

Việc ấy là phá tan giặc Nguyên tại sông Bạch-Đằng.

Giặc Nguyên hồi đó cũng như giặc Nhật bây giờ, còn mạnh hơn, ghê gớm giặc Nhật bây giờ. Giặc Nguyên hồi đó làm chúa cả châu Âu và châu Á; Nước Nga, nước Ba-tư, nước Ấn-độ, nước Trài, nước Cao-ly đều khốn khổ dưới gót sắt của giặc Nguyên. Duy chỉ nước ta ở châu Á còn được hưởng quyền độc lập tự do. Vì vậy giặc Nguyên định chiếm lấy nốt nước ta.

Ba lần giặc Nguyên phải hàng mấy chục vạn binh mã, chia đường bộ, đường thủy sang cướp nước ta. Ba lần dân ta đều đánh đuổi được giặc Nguyên giữ quyền độc lập tự do cho nước nhà.

Lần thứ ba Trần-Hưng-Đạo phá tan quân Nguyên ở sông Bạch-Đằng làm cho giặc Nguyên kinh hồn sau không giám sang nữa.

Lúc giặc Nguyên sang cướp nước ta, vua nhà Trần tính hàng or sợ chống không nổi, hỏi Trần-Hưng-Đạo nói: "giết vua mươn hàng thì chém đầu tôi trước. Tôi còn sống không bao giờ chịu dưng giang sơn tổ-quốc đâng cho giặc". Vua liền giao toàn quyền cho Trần-Hưng-Đạo đốc xuất binh mã đánh giặc.

2. Trần-Hưng-Đạo thắng giặc Nguyên là nhờ đâu ? Trần-Hưng-Đạo thắng được giặc Nguyên là nhờ hai điều: Một là đoàn kết toàn dân, quyết tâm đánh giặc cứu nước. Hai là khéo dùng chiến thuật du-kích để giết giặc.

Trong lịch sử nước ta không mấy khi toàn dân ta đoàn kết được chặt chẽ như lúc bấy giờ. Nhà vua mời các bậc lão thành, các đại biểu khắp nơi đến họp tại điện Diên-Hồng để bàn việc chống giặc cứu nước. Cuộc hội nghị ấy gọi là cuộc hội nghị tại điện Diên-Hồng. Trong cuộc hội nghị ấy vua hỏi đến một lòng đi nước, nhà nào cũng sinh chiến đấu.

Toàn dân đã đoàn kết một, bây giờ làm thế nào chống giặc.

Trần-Hưng-Đạo tính giặc người đông thế mạnh nếu ta tập trung lực lượng ra đánh với nó thì sợ bị thất bại. Vậy thế nào thế giặc mạnh thì quân ta lui, còn dân thì làm vườn không nhà trống, rồi quân và dân hết sức khôn khéo tiêu hao quân giặc, đánh phá đường vận tải lương thực của giặc. Đến lúc nào giặc sức yếu lại thiếu lương thực ta sẽ đuổi chúng vào một nơi hiểm hóc đánh cho một trận nhỉ, giết hết không còn một tên.

Chính trận Bạch-Đằng là như thế.

Kết luận.. Chuyện Trần-Hưng-Đạo để lại cho ta một bài học: muốn đánh quân giặc xâm lấn nước ta cần hai điều: một là toàn dân đoàn kết, hai là khéo dùng lối du kích..!

B.V.

Tờ báo "*Việt Nam độc lập*", số 160 in ở Cao Bằng đăng bài "*Kỷ niệm Trần Hưng Đạo*"

HỠI ANH CHỊ EM MAU MAU ĐOÀN KẾT

Tây Nhật áp bức bóc lột chúng ta càng ngày càng ghê gớm thế mà còn có người chưa biết đoàn kết. Anh chị em ấy chưa biết đoàn kết là vì:

1) Họ chưa hiểu đoàn kết thì chống được sự áp bức bóc lột của Tây Nhật. Họ chưa biết rằng đã đoàn kết với nhau rồi thì nghìn người một bụng, vạn người một bụng, làm gì cũng được, sức lực vô cùng. Lấy một cái thí dụ mà nói lúc này Tây cướp thóc gạo ta, chỗ nào không biết đoàn kết thì mất sạch.

2) Họ còn sợ khủng kết[1] thì Tây Nhật[2] khủng bố. Họ chưa hiểu rằng đoàn kết mà biết bí mật thì Tây Nhật không biết đâu mà khủng bố. Họ cũng không hiểu rằng đến lúc Tây Nhật khủng bố thì có đoàn kết hay không có đoàn kết nó cũng khủng bố như nhau.

3) Họ chưa tin rằng đoàn kết thì đánh được Tây Nhật làm cho nước ta độc lập. Họ chưa hiểu rõ bây giờ Tây Nhật càng ngày càng yếu thêm còn phong trào cách mệnh ngày càng mạnh lên, rồi đây lúc Tây Nhật yếu hẳn và cách mệnh đủ sức thì cách mệnh sẽ đánh đổ Tây Nhật.

Chúng ta phải nhớ rằng lực lượng chúng ta là ở chỗ đoàn kết, đoàn kết toàn dân, đoàn kết đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con, đoàn kết người làm ruộng, làm thợ làm buôn, người làm việc cho Tây, người đi lính cho Tây. Đoàn kết được như thế thì

---

[1] Có lẽ là chữ "Khiếp" (BT)
[2] Có lẽ là chữ "còn" (BT)

việc gì làm cũng được. Vậy anh chị em chúng ta đã hiểu biết rồi, phải hết sức hô hào anh chị em chưa hiểu biết đoàn kết lại. Nhất là cán bộ và hội viên ở những địa phương mới phải hết sức hô hào anh chị em ở đó đoàn kết lại.

B.V.[1]

MỪNG ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI CHÂU LÊ LỢI TỈNH C.T

Ngày 01 tháng 7, đại biểu 3 tổng của châu Lê Lợi khu Quang Trung họp đại hội để nghe đại biểu đoàn của khu báo cáo về các cuộc liên hoan "dân tộc liên hiệp" và bầu ban châu chính thức. Có đủ mặt đại biểu châu H.T, đại biểu khu Th. Th., ban ca hát phụ nữ tổng HHT tham gia và 2 đội tự vệ chiến đấu tổng HTT bảo vệ.

Lúc đọc thơ chỉ thị Tổng bộ, thơ của đại biểu anh chị em trung châu gửi cho anh chị em khu Q.T., nhất là lúc đại biểu đoàn về các cuộc liên hoan "dân tộc liên hiệp" và triển lãm các cờ và khăn thêu của Nhà báo V.N.Đ.L và các hội tặng, toàn thể đại hội hết sức nhiệt liệt hoan nghênh bằng những tràng pháo tay không ngớt và những tiếng hô rầm rộ: "Dân tộc liên hiệp vạn tuế. Tổng bộ vạn tuế! Nỗ lực đánh đuổi Tây Nhật".

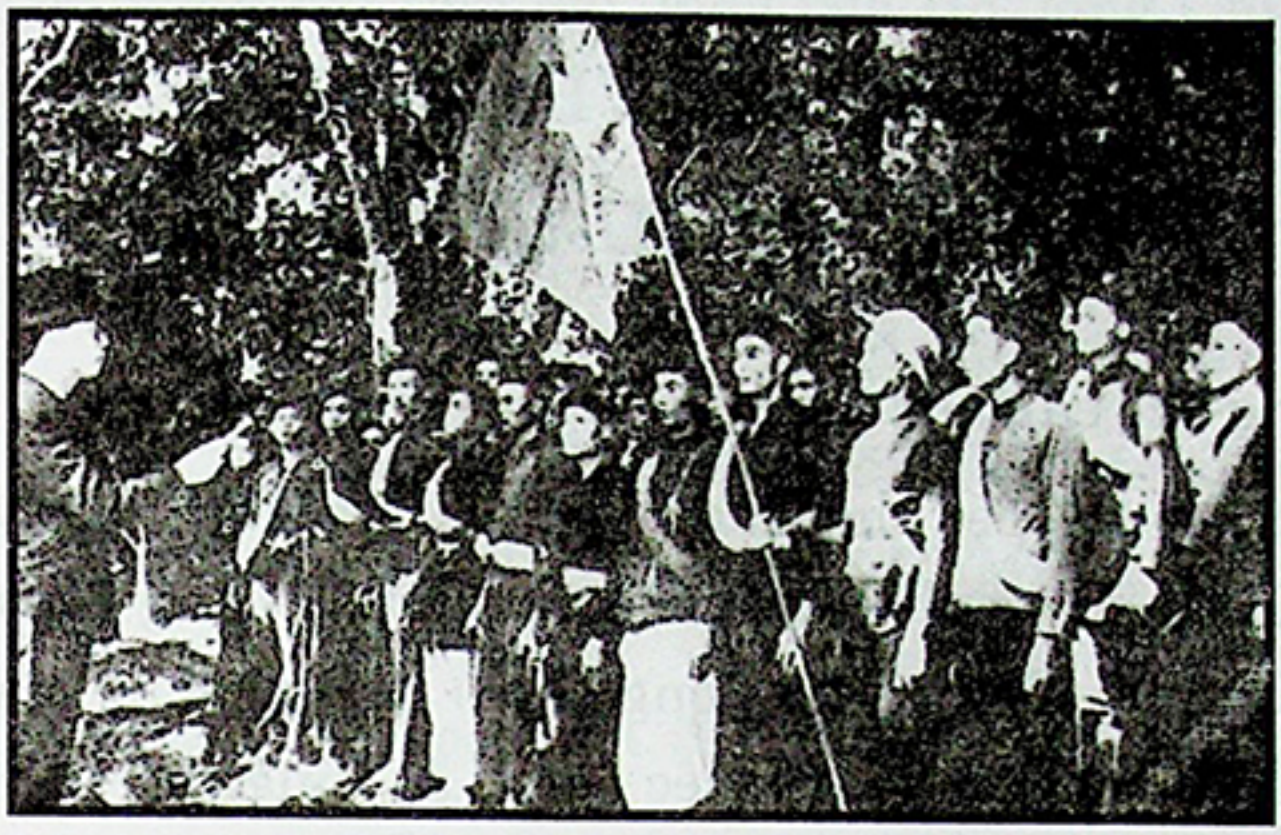
Muốn đề cao tinh thần chống khủng bố đại hội thưởng mề đay cho xã B.Đ tổng T.H.Đ và xã ấy đã hăng hái làm công tác chống khủng bố.

Báo V.N.Đ.L có lời mừng ban châu L.L và mong ban châu nỗ lực chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa cho đầy đủ.

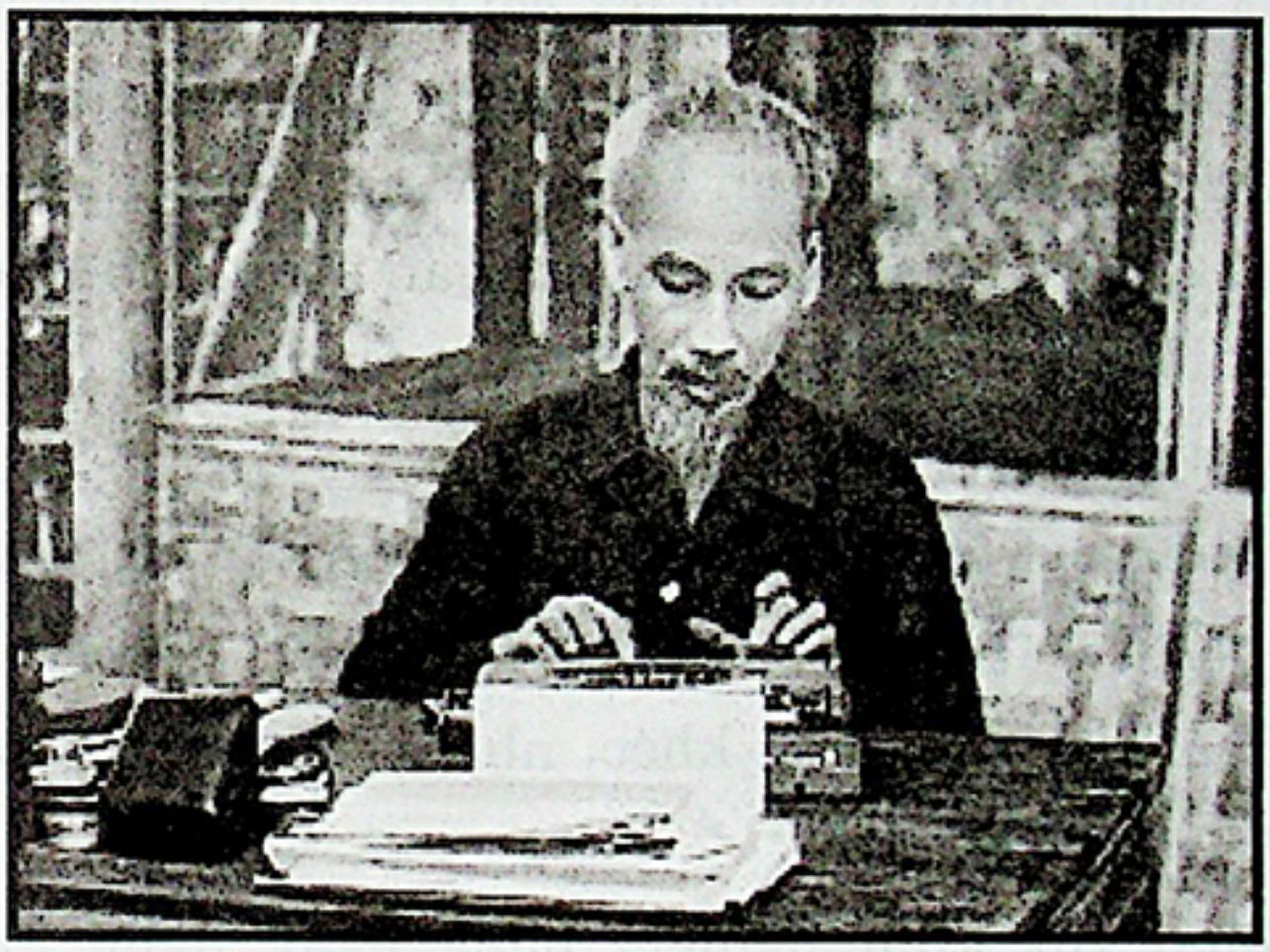
B.V.[2]

---

[1].[2] B.V. là bút danh của Bác Hồ



Lễ thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 22/12/1944



Bác Hồ làm việc tại chiến khu Việt Bắc, năm 1947

GỬI CÁC CHIẾN SĨ QUYẾT TỬ QUÂN THỦ ĐÔ

Cùng các chiến sĩ yêu quý Trung đoàn Thủ đô,

Các em ăn Tết thế nào? Vui vẻ lắm chứ? Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên cũng không ai nỡ ăn Tết. Còn 90 phần trăm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trăm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để dự bị công cuộc trường kỳ kháng chiến.

Các em là đội quyết tử. Các em quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau.

Chí kiên quyết dũng cảm, các em đã sẵn có, đây tôi chỉ nhắc lại một vài điều mà các em phải nhớ luôn luôn:

1. Phải hết sức khôn khéo, nhanh chóng, bí mật, phải biết cách hoá chỉnh vi linh.

2. Phải rút kinh nghiệm hàng ngày hàng giờ. Phải đề phòng Việt gian trinh thám.

3. Phải hết sức cẩn thận. Phải luôn luôn có sáng kiến để lợi dụng thời cơ.

4. Tuyệt đối đoàn kết.

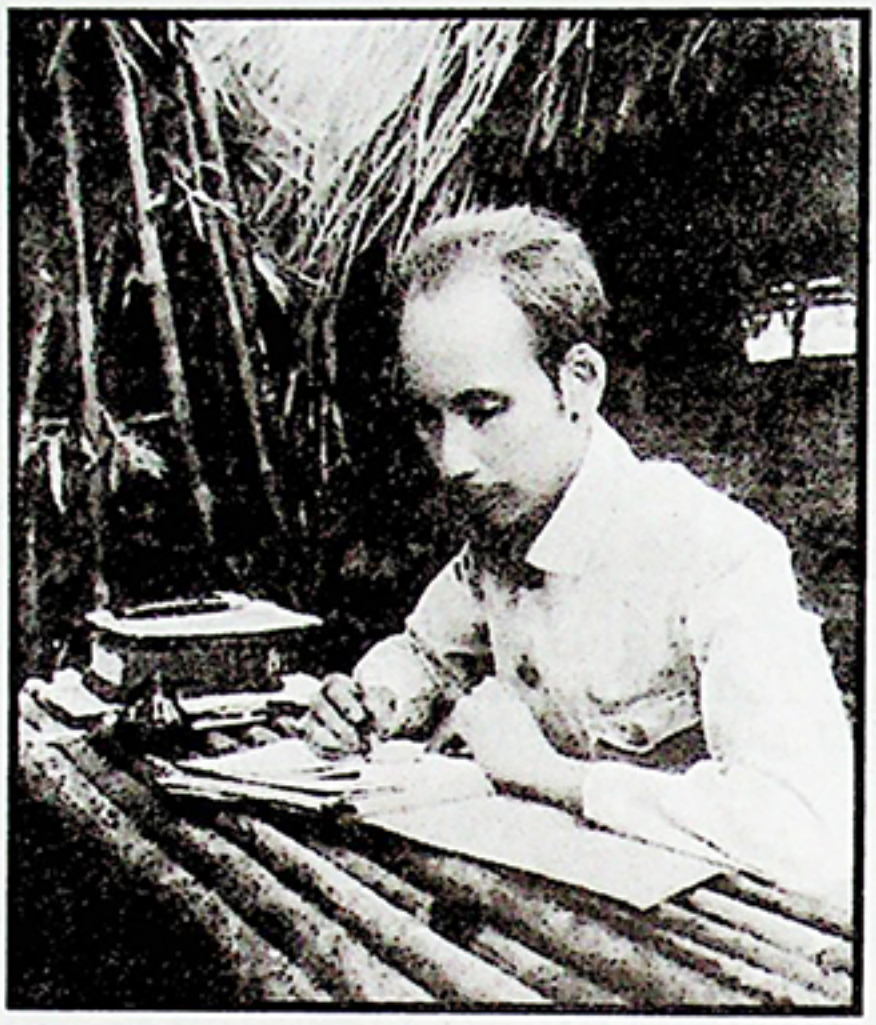
Các em hăng hái tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào luôn luôn ở bên cạnh các em.

Tôi thay mặt Chính phủ và đồng bào gửi cho các em lời chào thân ái và quyết thắng. .

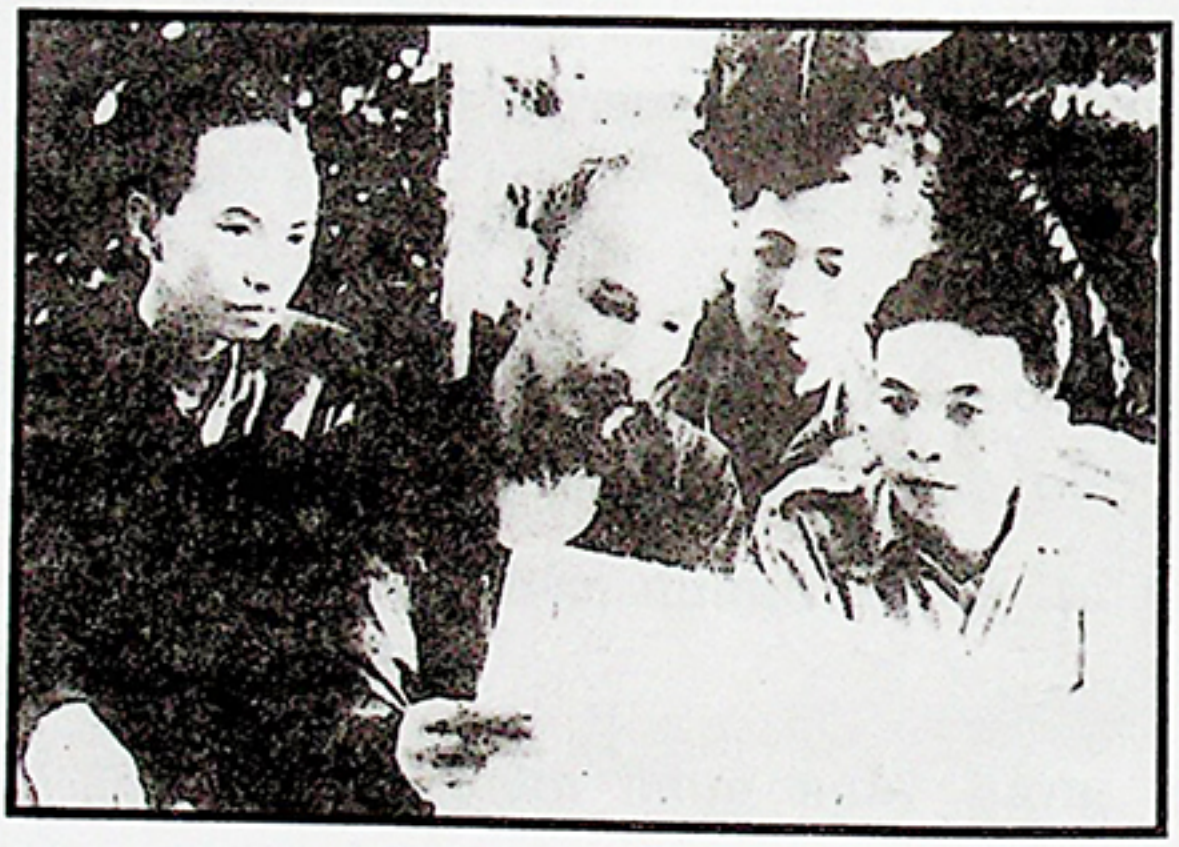
Ngày 27 tháng 01 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 5.



Bác Hồ làm việc tại chiến khu Việt Bắc, năm 1947



Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp và Lê Đức Thọ đọc báo *Sự Thật* tại Chiến khu Việt Bắc, năm 1948

KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP GIẢI PHÓNG QUÂN VIỆT NAM

Từ Giải phóng quân đến Vệ quốc quân.

Đội thứ nhất của Giải phóng quân ngày trước là cái hạt giống bé nhỏ, do đó mà nảy nở thành cái rừng to lớn là Vệ quốc quân ngày nay, nếu người ngoài trông thấy bước đầu của Giải phóng quân thì chắc họ sẽ cho rằng đó là một trò chơi của trẻ con, hay là công việc của mấy người "không tưởng", chắc họ sẽ mỉa mai rằng:

"Vài chục thằng thanh niên học trò và dân cày, Thổ có, Nùng có, Trại có, Kinh có, với vài khẩu súng quèn, mươi con dao mã tấu, mà cũng dám tự gọi là quân, cũng dám gánh cái trách nhiệm giải phóng cho dân tộc".

Nhưng Đảng ta đã quyết tâm làm cho kỳ được kế hoạch gây dựng Giải phóng quân, đã giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp thi hành.

Kết quả đã chứng tỏ rằng: chính sách của Đảng ta rất đúng, chính sách đúng là vì ta dựa theo cái chân lý giản đơn và thiết thực này: Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn giải phóng thì phải đánh phát xít Nhật và Pháp. Muốn đánh chúng thì phải có lực lượng quân sự. Muốn có lực lượng thì phải có tổ chức. Muốn tổ chức thành công thì phải có kế hoạch, có quyết tâm.

Ban đầu lương thực, khí giới, chăn áo, thuốc men, cái gì cũng thiếu thốn. Bộ đội thường phải nhịn đói, nhưng vẫn hăng hái tươi cười.

Chẳng mấy lâu, từ vài chục người đã trưởng thành đến vài trăm người. Thanh niên rầm rầm kéo đến xin vào bộ đội. Nhờ đồng bào Việt Bắc hăng hái giúp đỡ mọi mặt, có người bán cả trâu, cả ruộng để giúp, đồng bào các nơi cũng ra sức ủng hộ, bộ đội thì đánh luôn được mấy trận vẻ vang, từ đó, người càng đông, sức càng mạnh. Chẳng những lập nên khu giải phóng, mà lại gây nên căn cứ khắp nơi.

Trông thấy tinh thần hăng hái và kỷ luật nghiêm minh của Giải phóng quân, cho nên đồng bào rất yêu mến.

Giải phóng quân đã làm trọn nhiệm vụ đoạn trước, là giúp sức hoàn thành cuộc Cách mạng Tháng Tám, xây dựng nền Dân chủ Cộng hòa, cùng làm tròn nhiệm vụ đoạn sau, là để lại cho Vệ quốc quân một số cán bộ rất tốt và một cái truyền thống oanh liệt vẻ vang.

Trong lúc kháng chiến này, kỷ niệm ngày thành lập Giải phóng quân thì chúng ta phải nhớ những ý nghĩa sau đây:

1. Vệ quốc quân, dân quân du kích phải luôn luôn phát triển cái kỷ luật nghiêm như sắt, cái tinh thần vững như đồng, cái chí khí quật cường tất thắng, cái đạo đức: trí, dũng, liêm, trung của Giải phóng quân.

2. Khi trước, phải đối chọi với hai kẻ địch là Nhật, Pháp, chúng ta chỉ có hai bàn tay trắng, mà chúng ta vẫn tổ chức nên một lực lượng mạnh mẽ là Giải phóng quân để đánh đổ chúng. Ngày nay, chúng ta chỉ đối chọi với một kẻ thù là thực dân phản động Pháp mà chúng ta lại có Đảng, có Quốc hội, có Chính phủ, có Mặt trận, có lực lượng khổng lồ là Vệ quốc quân và dân quân du kích, có 20 triệu đồng bào ủng hộ, có dư luận thế giới bênh vực. Vì vậy cuộc kháng chiến của ta nhất định phải thắng lợi.

Nhân dịp này, tôi gửi lời cảm ơn đồng bào Việt Bắc trước đã ra sức giúp Giải phóng quân, nay thì ra sức ủng hộ kháng chiến. Tôi gửi lời chào thân ái và quyết thắng cho các anh em Giải phóng quân cũ nay đang anh dũng chiến đấu trong hàng ngũ Vệ quốc quân.

Việt Bắc, ngày 22 tháng 12 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 5.



Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1950



Bác Hồ làm việc trong hang núi Cao Bằng, tháng 3/1951

DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ[1]

(Nói chuyện)

DUY VẬT BIỆN CHỨNG

I. Duy vật là gì?

Trong sự xem xét trời đất - muôn vật và xã hội loài người các nhà triết học chia ra làm hai phái: Phái tùy tâm và phái duy vật.

Phái tùy tâm nói: Tinh thần là chính, vật chất là phụ. Có tinh thần rồi mới có vật chất. Có tư tưởng rồi mới có người. Ta cho thế là vô lý, nhưng của nhiều người cho thế là đúng. Nêu hỏi họ gì sinh ra tinh thần? Họ trả lời: Thượng đế sinh ra tinh thần.

Phái duy vật nói: Vật chất là chính, tinh thần là phụ. Có vật chất rồi mới có tinh thần, có người nói có tư tưởng. Có người nói vật chất với tinh thần cái nào chính, cái nào phụ cũng được, cãi nhau làm gì cho mệt. Kỳ thật vấn đề đó quan trọng lắm. Vì duy tâm là mê tín, duy vật kết quả là cách mạng.

II. Biện chứng là gì?

Cách xem xét trời đất và vạn vật của phái Duy vật là "hình nhi thượng" (huyền hoặc), nghĩa là trên vật chất người ta mượn hai chữ huyền hoặc để nói cho dễ.

Cách xem xét của phái duy vật gọi là biện chứng. Duy vật biện chứng là đứng về mặt duy vật, dựa vào mặt vật chất và xem xét muôn vật trong bầu trời... Nói tóm lại hai cái khác nhau trong bốn điều:

---

[1] Tác phẩm "*Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*", tác giả Hồ Chí Minh (X.Y.Z), đăng lần đầu trên tờ Sinh hoạt nội bộ của Ban Tuyên huấn Trung ương N.C.H. Liên chi khu bộ, Tái bản: Ban Huấn Luyện - 1950

a) Mối liên lạc giữa vạn vật

Duy vật nói: Muôn vật chỉ có quan hệ nhau, nếu tách riêng một vật ra ngoài những điều kiện chung quanh nó thì vô luận vật gì cũng không có nghĩa lý gì cả. Nếu so sánh một vật với vật chung quanh nó, với điều kiện chung quanh nó thì vật gì cũng có nghĩa lý. Thí dụ: Nói vật gì dài thì nó so sánh nó với những vật xung quanh nó mới biết nó dài.

Duy tâm nói: Muôn vật trong bầu trời đều độc lập, đề rời rạc nhau, không quan hệ với nhau.

b) Sự vận động biến đổi

Duy tâm nói: - Trong bầu trời cái gì cũng tĩnh, luôn luôn như cũ, không bao giờ thay đổi.

Duy vật nói: - Vật gì cũng có sống chết, có phát triển, có suy đồi, vật gì cũng luôn luôn biến đổi, luôn luôn động.

Vì vậy biện chứng cho rằng quan trọng nhất không phải là một vấn đề hay một vật đang thịnh nhưng đã bắt đầu suy. Quan trọng nhứt là một vật đang còn yếu nhưng nó đang phát triển.

c) Số lượng hóa chất lượng

Duy vật nói: Một vật phát triển đầu theo thứ tự thiên nhiên chứ số lượng không thể hóa thành chất được.

Duy vật nói: Sự biến hóa có thể thình lình, mau chóng nhảy vọt, số lượng biến thành chất lượng. Thí dụ: Nước lã thêm sức nóng, thì biến thành hơi, thêm sức lạnh thì nước hóa thành chất đá. Nhiều chất hóa học do số lượng biến thành chất lượng.

d) Sự mâu thuẫn

Duy tâm nói: - Muôn vật cái gì cũng điều hòa, chứ không có mâu thuẫn.

Biện chứng nói: Cái gì cũng có mâu thuẫn vì cái gì cũng có biên âm, dương, có sinh có tử, có quá khứ, có tương lai, có mới có cũ. Đó là những mâu thuẫn sẵn có trong mọi vật.

III. Thử hỏi 4 điều đó quan hệ gì với cách mạng

Lý luận đó rất quan hệ với thực hành:

a) Vì muôn vật đều có quan hệ với nhau, như đã nói trên cho nên một chế độ, một phong trào, trong xã hội đều có quan hệ với nhau với những điều kiện trong xã hội đó chứ không phải vì ý riêng của ai mà có chế độ hoặc phong trào ấy. Thí dụ: Chế độ nô lệ mà đặt trong xã hội ngày nay sẽ là một việc quái gở, nhưng so với cách sống công cộng, đời thượng cổ thì sẽ là một sự tiến bộ.

Dưới chế độ thực dân, tổ chức bãi công là đúng, trong lúc kháng chiến, kiến quốc tuyên truyền bãi công... một tội ác. Trong lúc cần toàn dân đoàn kết và chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều ngu ngốc. Việc gì cũng phải đúng với địa điểm, điều kiện và thì giờ mới thành công.

b) Vì trong bầu trời; trong xã hội, mọi vật luôn luôn thay đổi và phát triển cho nên xã hội cũ cũng thay đổi thành xã hội mới, chế độ thực dân thay đổi thành chế độ độc lập gì đó.

Vì quan trọng nhứt là một vật tuy hiện nay còn kém nhưng nó đang phát triển, cho nên dù dân ta hiện giờ còn kém sức... sức dân ta sẽ phát triển rất nhanh, và thực dân hiện giờ tuy mạnh, nhưng nó càng ngày càng yếu.

Vì vậy ta phải xem tới trước chớ xem lại sau:

c) Vì thay đổi có thể thình lình, nhảy vọt vì số lượng biến thành chất lượng, cho nên dân ta do số đông mà hóa ra sức mạnh, mà công cuộc giải phóng cần kinh qua kháng chiến.

Vì vậy ta phải cương quyết mà kháng chiến, không nên do dự.

d) Vì muôn vật có sự tranh đấu các mối mâu thuẫn mà phát triển cho nên dân tộc ta tranh đấu với thực dân để đi đến độc lập là điều rất tự nhiên.

Vì vậy không nên che dấu sự mâu thuẫn của thực dân, nhưng phải vạch nó ra, không nên kéo lui cuộc dân tộc đấu tranh mà phải kháng chiến đến cùng.

Đó là đem biện chứng pháp áp dụng vào xã hội và lịch sử.

DUY VẬT LỊCH SỬ

Lịch sử là những công việc, những sự biến đổi của xã hội loài người từ xưa đến nay và sau này. Duy vật lịch sử là cách xem xét lịch sử theo lối duy vật của Mác:

A. Duy vật lịch sử và duy tâm lịch sử khác nhau:

1. Duy tâm nói: Thế giới là cái hiện hình của tư tưởng, của linh hồn.

Duy vật nói: Thế giới là sự hoạt động của vật chất. Sự quan hệ giữa các việc, các vật. Là sự phát triển của vật chất và hành động. Thế giới phát triển theo luật đó, chứ không phải theo tinh thần nào hết.

2. Duy tâm nói: Chỉ cảm giác của ta là thực thôi, còn thế giới chỉ tóm tắt trong sự cảm giác đó.

Duy vật nói: Thế giới, vật chất là thật. Có nó mới có cảm giác, cảm giác là cái bóng, cái phản ánh của vật chất. Tư tưởng do cái óc mà ra.

3. Duy tâm nói: Ta không thể hiểu biết thế giới và luật của nó. Trong thế giới có những vật tự nó mà ta không bao giờ hiểu được.

Duy vật nói: Ta có thể biết thế giới và luật của nó những luật thiên nhiên đã do kinh nghiệm và thực hành của ta thí

nghiệm rõ ràng và chắc chắn. Khoa học càng phát triển, ta càng hiểu biết nhiều.

Thí dụ: Màu cánh kiến để nhuộm đồ là đồ vật thiên nhiên. Nay nhờ khoa học ta dùng thứ khác chế được màu đỏ cũng như màu cánh kiến. Lại thí dụ: Ngày xưa không ai tin rằng quả đất chạy chung quanh mặt trời, bây giờ nhờ khoa học chứng rõ, ai cũng tin vậy. Khoa học lại tìm ra những ngôi sao mà từ xưa tới nay họ chưa từng biết, từng thấy.

B - Thế lý luận đó có quan hệ gì với cách mạng:

Có quan hệ lắm, vì:

1. Sự quan hệ giữa mỗi vật thiên nhiên là luật phát triển của thiên nhiên thì quan hệ trong đời sống xã hội là luật phát triển của xã hội.

- Vì vậy, lịch sử của xã hội là sự phát triển cần kíp của xã hội, mà sự nghiên cứu của xã hội là một khoa học.

- Vì vậy sự hoạt động thực tế của Đảng cách mạng phải dựa theo luật phát triển của xã hội chứ không phải dựa theo lý tưởng suông.

- Vì ta có thể biết chắc chắn những luật phát triển của thiên nhiên thì ta cũng biết được luật phát triển của xã hội.

- Vì khoa học và loài vật lợi dụng luật phát triển của thiên nhiên mà tạo ra, vật thực tế, thì khoa học lịch sử có thể lợi dụng những luật phát triển của xã hội áp dụng vào công việc thực tế.

- Vì vậy, dân tộc phải giải phóng.ngày xưa là một sự mong ước, bây giờ thành một khoa học một sự thật.

- Vì vậy lý luận và sự thực thành của Đảng cách mạng phải nhứt trí.

2. Vì thiên nhiên, thế giới vật chất là chính, cảm giác, tinh thần là phụ, thì sinh hoạt xã hội là chính, sinh hoạt tinh thần là phụ.

- Vì vậy muốn hiểu tinh thần tư tưởng và chế độ chính trị của xã hội thì phải xét những điều kiện xã hội, vật chất trong sự sinh hoạt của xã hội.

- Vì vậy, mỗi đời khác nhau trong lịch sử thì những tư tưởng, lý luận và chế độ chính trị cũng khác nhau. Điều kiện vật chất của đời sống của xã hội quyết định cho tinh thần, lý luận và chế độ xã hội.

- Vì vậy chính sách của Đảng cách mạng, lập trên sự cần kíp của xã hội, trên cái lực lượng chính của sự phát triển của xã hội chứ không phải lập trên những lý luận mênh mông, trên những cái hảo tâm của những hào kiệt nào.

c) Tuy vậy tư tưởng và lý luận rất quan trọng.

Tư tưởng và lý luận cũng quan trọng là vì nó ủng hộ lực lượng phản động, nó ngăn trở sự tiến bộ.

Tư tưởng mối quan hệ là vì nó ủng hộ lực lượng cách mạng, nó làm cho xã hội tiến bộ.

Tư tưởng và lý luận đúng, và vào sâu trong quần chúng thì nó sẽ động viên tổ chức và lãnh đạo quần chúng đó đánh phá những lực lượng phản động.

Vì vậy, muốn động viên và tổ chức quần chúng đó sửa đổi sự sinh hoạt của xã hội, giữa điều kiện trên phát triển của quần chúng, của đời sống vật chất và tinh thần của xã hội là như thế.

d) Cần một vấn đề nữa

Tư tưởng, tinh thần, lý luận và chế độ xã hội đều do điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội mà quyết định.

Thế nên cái gì là điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Ta trả lời: là các cách làm ra những thứ cần dùng như: Cơm, áo, nhà cửa.v.v...

1. Muốn có ấm no thì phải làm, muốn làm thì có cầy bừa kèm theo. Muốn có công cụ đó phải làm ra nó, phải biết cách dùng nó.

Công cụ để sản xuất, người để dùng công cụ, kinh nghiệm trong việc sản xuất và thói quen làm việc, bốn cái đó hợp lại gọi là cấp sinh sản.

2. Trong xã hội không ai đôn đốc một mình mà sản xuất được người này phải có quan hệ với người kia, nhóm này với nhóm khác.

Thí dụ: Người dân cày phải có quan hệ với người thợ rèn, đúc ra lưỡi cày, với người thợ dệt để dệt ra vải. Người thợ rèn và người thợ dệt cũng cần đến người thợ cày làm ra lúa.

Vì mối quan hệ trong xã hội đó, cho nên bất kỳ thế nào, sự sản xuất là sự sản xuất xã hội mà mối quan hệ gọi là quan hệ sinh sản, Quan hệ sinh sản và sức sinh sản hai cái hợp lại gọi là cách sinh sản.

BA ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ SẢN XUẤT

a) Sự sản xuất không bao giờ đứng một mực, nó cứ thay đổi luôn mà nó thay đổi thì chế độ trong xã hội cũng thay đổi hết, tư tưởng, giáo dục, lý luận chính trị đều thay đổi hết.

Mỗi bước thay đổi phát triển khác nhau thì cách sinh hoạt của người ta cũng đổi. Sinh hoạt thế nào thì tư tưởng thế ấy.

Thế là lịch sử của xã hội là lịch sử của sự phát triển trong cách sinh sản, tức là lịch sử của những người sản xuất, những người lao động, họ làm ra của cải cần dùng cho xã hội chứ không phải lịch sử của vua chúa.

Vì vậy muốn hiểu biết lịch sử đời nào thì trước hết phải xét cách sinh sản của đời đó, chứ không phải xét tư tưởng và ý kiến của đời đó.

Vì vậy, Đảng cách mạng muốn thành một Đảng chân chính thì cần phải biết sự phát triển của sự sinh sản, luật phát triển kinh tế của xã hội.

Chương trình chính trị và hoạt động thực tế của Đảng cách mạng phải làm theo những luật ấy.

b) Sự thay đổi luôn luôn bắt đầu từ sự phát triển của sức sinh sản mà trước hết là công cụ sinh sản thay đổi, sức sinh sản thay đổi, quan hệ sinh sản giữa người này với người khác cũng do đó mà thay đổi.

Nếu sức sinh sản thay đổi và quan hệ sinh sản không thay đổi theo nó thì sẽ có khủng hoảng, nó phá hoại sức sinh sản. Kinh tế có khủng hoảng là do sức sinh sản và quan hệ sinh sản không hợp nhau. Sự bất hợp đó là cái ngòi kinh tế của chủ nghĩa cách mạng sẽ làm tan quan hệ cũ mà gây nên quan hệ hợp với sức sinh sản.

Sức sinh sản, là thế nào thì quan hệ sinh sản phải như thế ấy.

Sức sinh sản tỏ ra người ta dùng công cụ gì để sản xuất.

Quan hệ sinh sản tỏ ra: Vốn sinh sản là của ai (Vốn sinh sản như: đất, ruộng, máy móc, công xưởng, nguyên liệu .v.v...), của chung hay của riêng.

Từ xưa tới nay, sức sinh sản phát triển đại khái như thế nào.

Bắt đầu dùng búa đá, giáo đá tiến đến cung tên do từ nghề trồng cây lẻ tẻ tiến nghề máy móc, máy móc tiến đến đại công nghệ hiện thời.

Công cụ để người ta tiến bộ. Công cụ tiến bộ thì người cũng vì đó mà tiến bộ, học nhiều kinh nghiệm, thói quen làm việc hơn, khéo dùng công cụ hơn.

Sự sinh sản quan hệ giữa người với người chung theo sự sinh sản phát triển.

Trong lịch sử có năm thứ quan hệ sinh sản chính: Cách công cộng đời thượng cổ (dã man cộng sản), chế độ nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản, chế độ xã hội,

1. Chế độ công cộng thời cổ

Chỉ biết dùng búa rìu bằng đá, sau biết dùng cung tên công cụ sơ sài làm ăn rất khó. Nếu không làm chung, ăn chung thì dễ chết đói. Vì làm chung cho nên làm ra được gì cũng là của chung. Vì vậy hồi đó chưa có của riêng, không có sự bóc lột, không có giai cấp.

2. Chế độ nô lệ

Hồi đó công cụ sinh sản đã phát triển. Dùng các đồ bằng sắt nghề làm ăn cũng phát triển, cày, cấy chăn nuôi, bó vải v.v....

Trong việc sản xuất phân công một người làm một ngày người này có thể đem của mình đổi với người khác được, một người có thể bắt một số đông làm nô lệ.

3. Chế độ phong kiến

Hồi đó công cụ sinh sản phát triển hơn nữa, phải dùng sắt, gang và các thứ kinh phí. Nông nghệ là nghề hồi đó cũng phát triển hơn các nghề thủ công nghệ, có những xưởng tiểu công nghệ.

Những nô lệ trước kia làm ra mà không được hưởng đâm ra lười biếng, nhiều khi nổi lên tranh đấu các chủ bị bại.

Nay phong kiến với nông nô tiến bộ hơn một chút, họ có thể mua hoặc bán nông nô, nhưng không có quyền giết nông nô. Những nông nô họ và người thủ công.

Quan hệ sinh sản và các sinh sản hồi đó là như vậy, chế độ tư hữu nó phát triển. Người bóc lột là phong kiến, người bị bóc lột là nông nô. Giai cấp tranh đấu phát sinh giữa bóc lột và người bị bóc lột.

4. Chế độ tư bản

Các công cụ sinh sản ở trong tay nhà tư bản, nhân thế mà công nhân tự do, nhà tư bản không có quyền mua bán, giết công nhân, nhưng họ có thể hăm dộ công nhân để áp công nhân làm cho họ vì công nhân ngoài hai bàn tay trắng ra thì không có gì hết.

Quan hệ sinh sản bây giờ là như thế.

Những nhà máy khổng lồ thay thế cho những xưởng thợ thủ công nghiệp, những đồn điền do số cày bừa bằng máy thay thế vào những đất ruộng kênh càng lạc hậu của bọn địa chủ, phong kiến, những bọn tư bản làm ra rất nhiều hàng hóa giảm bớt giờ làm, tranh đấu khích mua làm cho các chủ nhỏ và chủ vừa bị phá sản. Nhóm này dần dần hóa ra vô sản không có tiền mà mua hàng. Thành thử hàng hóa không chạy. Bọn tư bản mở rộng sự sản xuất tập trung hàng vạn công nhân trong xưởng may. Do đó mà sự sinh sản có tính cách xã hội và vì thế mà phá hủy các tính tư hữu là cái gốc của tư bản.

Vì sự mâu thuẫn giữa sức sinh sản và quan hệ sinh sản đó mà thành có những khủng hoảng, hàng làm nhiều quá, không có khách qua tư bản do hàng hóa đóng cửa xưởng thợ, phá hủy sức sinh sản. Trong lúc hàng triệu người thất nghiệp đói khổ, không phải vì thiếu hàng hóa, nhưng vì làm ra

nhiều hàng hóa quá. Thế là quan hệ sinh sản và sức sinh sản, không hợp với nhau mà sự mâu thuẫn này không giải quyết được.

Thế là chế độ tư bản gây ra cách mạng nó sẽ làm cho công cụ sinh sản, tiền của tư bản hóa ra của chung xã hội. Giai cấp đấu tranh kịch liệt giữa tư bản và vô sản. Đó là đặc điểm của chế độ tư bản.

5. Chế độ xã hội

Nhưng ở Nga bây giờ, công cụ sinh sản là của chung, không ai bóc lột ai của làm ra theo nguyên tắc "Ai không làm không ăn" mà chia cho người làm. Vì vậy quan hệ sinh sản và sức sinh sản hợp thành ra không có khủng hoảng. Vì vậy sức sinh sản phát triển rất mau chóng.

Quan hệ sinh sản giữa loài người từ xưa tới nay đại khái như thế đấy xem đó thì biết công cụ sinh sản phát triển thì sức sinh sản nào cũng phát triển.

Sức sinh sản phát triển thì quan hệ sinh sản thay đổi và chế độ trong xã hội cũng thay đổi.

c. Đặc điểm thứ ba của sinh sản là:

Mục đích của sinh sản mới, của quan hệ sinh sản mới không phải ở ngoài chế độ cũ, nhưng đã có sẵn ở trong chế độ cũ. Nó không phải vì ai muốn, vì ai có ý làm ra, nhưng nó tự phát sinh vì 2 lẽ này:

- Một là vì: Khi người ta ra đời thì đã sẵn có những sức sinh sản và quan hệ sinh sản của ông, cha mình để lại, người ta phải theo đó làm ăn.

- Hai là vì: Khi người ta sửa sang cái gì trong việc làm ăn, người ta chỉ muốn tiện lợi sự trước mắt, cho có ích lợi

hàng ngày chứ không ai nghĩ để cái gì kết quả cho các xã hội vì việc sửa sang đó. Thí dụ: Khi mấy người thượng cổ dùng rìu đá, tìm tòi mãi mới biết dùng sắt thì chắc hơn tiện hơn đá, chứ họ không tưởng tượng, không hiểu rằng dùng đồ sắt là một cuộc cách mạng trong việc sinh sản mà sẽ phá hủy cách công cộng thượng cổ và gây nên chế độ nô lệ.

Lại thí dụ: Khi ở dưới chế độ phong kiến, bọn tư bản lập ra nhiều xưởng công nghệ. Lúc đó chỉ cốt cho nhiều hàng, giá rẻ để bán cho được nhiều lời, thế thôi.

Họ không nghĩ không hiểu rằng ở công việc của họ sẽ có kết quả cho xã hội là nó tập trung lực lượng xã hội cách mạng đánh đổ phong kiến. Tuy vậy sự sinh sản cũ bước tới quan hệ mới, không phải luôn luôn hòa mình êm dịu đâu. Trái lại nó cần phải kinh qua những cuộc cách mạng. Ban đầu thì sức sinh sản thay đổi một cách tự nhiên nhưng nếu lúc sinh sản phát triển đã cao về quan hệ sinh sản và giai cấp thống trị cũ ngăn nó tiến tới thì phát sinh ra cách mạng. Cách mạng này do giai cấp mới tổ chức và lãnh đạo. Lúc đó mới thấy rằng: Sự trọng yếu vô cùng của tư tưởng mới, tổ chức mới, chính quyền mới đã đem sức mạnh ra phá hủy quan hệ sinh sản cũ mà gây ra quan hệ sinh sản mới. Lúc đó tư tưởng, lý luận mới động viên và tổ chức quần chúng thành đội quân chính trị, lập chính quyền cách mạng, phá tan chế độ cũ lập chế độ mới.

Mác giải thích duy vật biện chứng đại ý nói thế này.

Trong sự sinh sản làm ăn người này có quan hệ nhất định với người khác mặc dù người ta muốn hay không muốn quan hệ ấy vẫn phải có. Quan hệ sinh sản hợp với sức sinh sản chừng nào đó thì các sự quan hệ sinh sản làm thành các

nền tảng kinh tế, xã hội, pháp luật, chính trị, văn hóa giáo dục đều xây dựng trên cái nền đó.

Không phải lương tâm người là quyết định cách sinh sản của người ta, trái lại sự sinh hoạt quyết định, lương tâm người ta. Phát triển đến mức nào đó thì sức sinh sản của xã hội xung đột quan hệ sinh sản. Vì quan hệ này ngăn cản sức phát triển, lúc đó là bắt đầu một thời kỳ cách mạng.

Nền kinh tế thay đổi thì nó làm xụp nhào tất cả những sức xây dựng trên nó như: Giáo dục, chính trị v.v....

Nghiên cứu những sự thay đổi thì phải phân biệt rõ ràng giữa:

1. Sự thay đổi vật chất của những điều kiện kinh tế trong lịch sử sinh sản và ....

2. Những pháp luật chính trị tôn giáo, văn hóa, triết học, nói tóm lại là những cái hình thức và tư tưởng, theo đó mà người ta xem xét và ngăn ngừa sự xung đột ấy.

Người ta không thể do tư tưởng của thời đại để mà phản đối thời đại đó, cũng như không thể do lý tưởng anh chàng nọ, tư cách nọ, thế nọ, thế kia. Trái lại cần phải rõ những mâu thuẫn trong đời sống vật chất do những sự xung đột những quan hệ sinh sản với sức sinh sản mà giải thích cái tư tưởng đó.

Một chế độ đang hợp với sức sinh sản thì không bao giờ chết cả.

Bao giờ những điều kiện sinh sản vật chất đã chín muồi trong xã hội cũ thì quan hệ sinh sản mới tỏ ra. Vì vậy, loài người hễ có vấn đề thì có cách giải quyết. Vì nghĩ cho kỹ thì thấy rằng khi đã có sẵn cái cách giải quyết ít nhất cũng là bắt đầu có giải quyết vấn đề mới phát sinh.

Kết luận

Chủ nghĩa duy vật của Mác áp dụng vào xã hội, vào lịch sử của xã hội là như thế đó.

Đại ý của duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là như thế đó.

Tờ *Sinh hoạt nội bộ*, Ban Chấp hành Liên Chi khu bộ,
tái bản năm 1950



Bác Hồ đọc báo Nhân Dân, năm 1951



Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phòng làm việc của Người
tại căn cứ tại Việt Bắc, năm 1951

BÀI DIỄN VĂN TẠI LỄ KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Tôi xin thay mặt Trung ương Đảng và Mặt trận hoan nghênh các đồng chí đã đến dự lễ chúc mừng Đảng 30 tuổi.

Trong thời gian vừa qua, khắp miền Bắc nước ta từ thành thị đến nông thôn, các nhà máy, nông trường, hợp tác xã, các đơn vị bộ đội, các cơ quan, trường học, v.v... ai cũng hăng hái thi đua lấy thành tích chào mừng Đảng. Tôi xin thay mặt Đảng gửi lời khen ngợi và cảm ơn toàn thể đồng bào.

Đồng bào miền Nam trước đây đã từng anh dũng tham gia cách mạng và kháng chiến, ngày nay đang đoàn kết chặt chẽ, bền bỉ đấu tranh chống chế độ hung tàn của Mỹ - Diệm, đòi cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ, đòi hoà bình thống nhất nước nhà và luôn luôn hướng về miền Bắc. Tôi xin thay mặt Đảng gửi đến đồng bào lời chào thân ái nhất; và nói với đồng bào rằng: Cuộc đấu tranh chính nghĩa tuy phải trường kỳ gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

Thưa các đồng chí,

Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại!*

Đảng ta là con nòi, xuất thân từ giai cấp lao động. Trong đại gia đình vô sản quốc tế rực rỡ dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác- Lênin, Đảng ta có những người anh vĩ đại như Đảng

Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Pháp và các đảng anh em khác, gồm 35 triệu anh em chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân.

Đảng ta vĩ đại thật. Từ ngày bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nước ta là một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Trong mấy mươi năm khi chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra.

Từ ngày mới ra đời, Đảng ta liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Màu cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong.

- Ăn quả phải nhớ người trồng cây. Trong cuộc tưng bừng vui vẻ hôm nay, chúng ta phải nhớ đến những anh hùng, liệt sĩ của Đảng ta, của dân ta.

Trong 15 năm đấu tranh trước Cách mạng Tháng Tám và trong tám, chín năm kháng chiến, biết bao đảng viên ưu tú và quần chúng cách mạng đã vì dân, vì Đảng mà hy sinh một cách cực kỳ oanh liệt. Chỉ riêng trong cấp Trung ương của Đảng đã có 14 đồng chí bị đế quốc Pháp bắn, chém, hoặc đập chết trong nhà tù. Máu đào của các liệt sĩ ấy đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ đã chuẩn bị cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ và chúng ta phải luôn luôn học tập tinh thần dũng cảm của các liệt sĩ để vượt tất cả mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành sự nghiệp cách mạng mà các liệt sĩ đã chuyển lại cho chúng ta.

- Nhân đây, tôi muốn nhắc lại rằng: Trong 31 đồng chí hiện nay là Ủy viên Trung ương ta, trước ngày khởi nghĩa đã được đế quốc Pháp tặng cho 222 năm tù đày. Đó là không kể những án tử hình vắng mặt và những cuộc vượt ngục trước khi hết hạn ở tù. Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng càng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua.

- *Đảng ta vĩ đại thật.* Một ví dụ: Trong lịch sử ta có ghi chuyện vị anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến, Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn, hàng vạn anh hùng noi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm vông đánh thực dân Pháp.

Nhưng thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ; thắng bần cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều. Ngày nay ở miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Đảng đoàn kết và lãnh đạo nhân dân ta thi đua kiến thiết chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống vui tươi, no ấm và mỹ tục thuần phong. Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ. Cho nên Đảng vừa lo tính công việc lớn như đổi nền kinh tế và văn hoá lạc hậu của nước ta thành một nền kinh tế và văn hoá tiên tiến, đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hằng ngày của nhân dân. Cho nên Đảng ta vĩ đại vì nó bao trùm cả

nước, đồng thời vì nó gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta.

- *Đảng ta vĩ đại,* vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác.

- Nhiệm vụ hiện nay của Đảng ta là lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh *thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.*

Nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù, lại được các nước anh em hết lòng giúp đỡ. Chúng ta phải có quyết tâm học tập và theo kịp các nước anh em.

Kết quả tốt đẹp của đợt thi đua lấy thành tích chào mừng Đảng đã chứng tỏ rằng sáng kiến và lực lượng của nhân dân ta rất dồi dào và to lớn. Khi tư tưởng đã thông suốt thì khó khăn gì cũng vượt được, công việc to lớn mấy cũng làm được.

Trung ương kêu gọi toàn thể đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động, bất kỳ ở cương vị nào, làm công việc gì đều phải trau dồi đạo đức cách mạng, tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân, cố gắng học tập chính trị, văn hoá và khoa học, kỹ thuật, làm tốt công tác kinh tế tài chính, gương mẫu trong mọi việc làm. Phải đoàn kết và học hỏi những anh em ngoài Đảng và ngoài Đoàn, để cùng nhau tiến bộ.

Hồi khởi nghĩa, Đảng ta chỉ có non 5.000 đảng viên mà lãnh đạo được nhân dân cả nước làm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi. Ngày nay, hàng ngũ Đảng ta đã tăng gần 100 lần, nghĩa là độ nửa triệu đảng viên. Chúng ta lại có hơn 60 vạn đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động. Chính quyền nhân

dân ta vững chắc, quân đội nhân dân hùng mạnh, Mặt trận dân tộc rộng rãi. Công nhân, nông dân và trí thức ta được rèn luyện thử thách và tiến bộ không ngừng. Nói tóm lại: lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất định thắng lợi trong công cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà và góp phần xứng đáng vào việc bảo vệ hòa bình ở châu Á và thế giới.

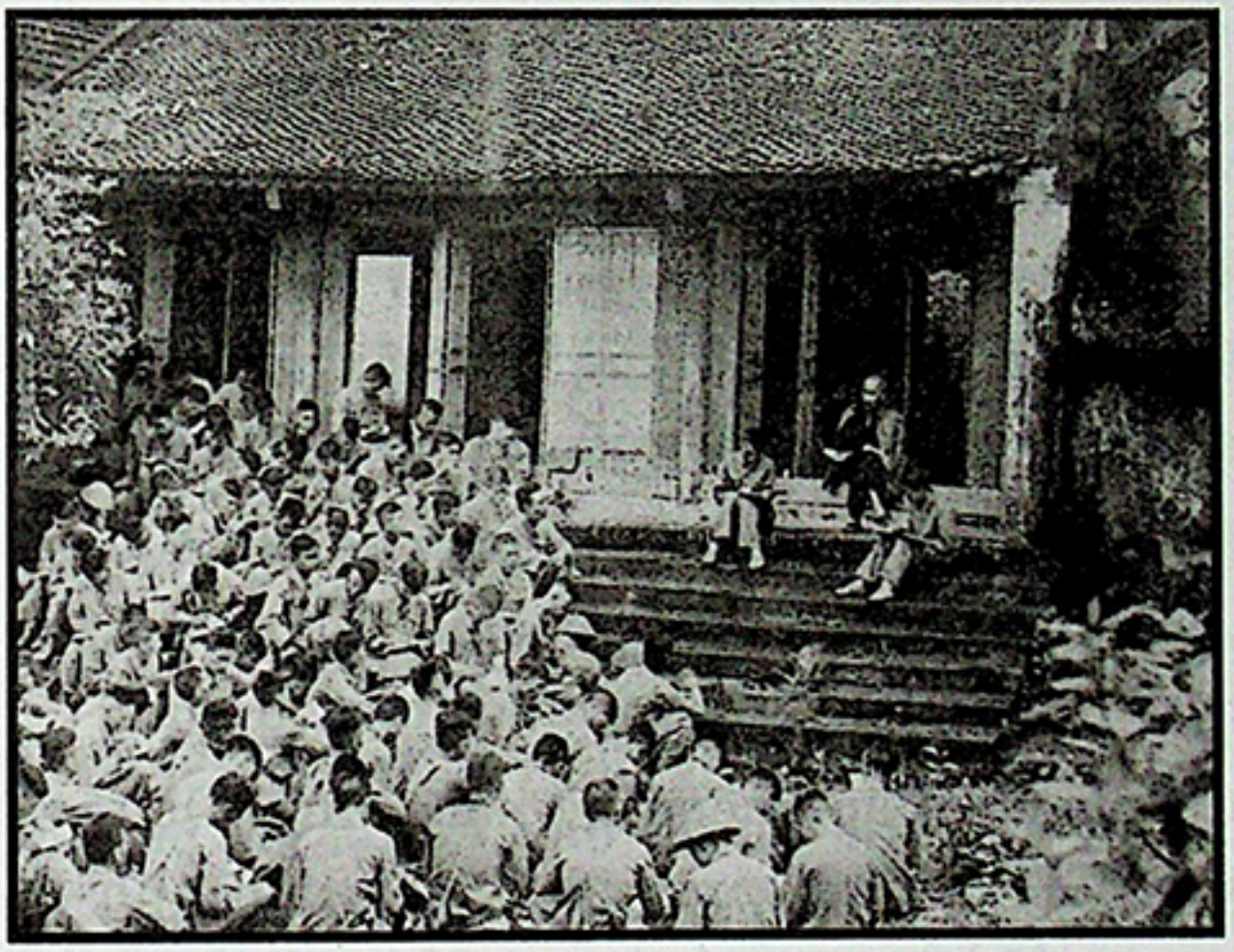
Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi, biết bao
nhiêu tình.
Đảng ta là đạo đức, là văn minh,
Là thống nhất, độc lập, là hòa bình ấm no.
Công ơn Đảng thật là to,
Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử
bằng vàng.

Đảng Lao động Việt Nam vĩ đại muôn năm!
Nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm!
Đại gia đình xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô vĩ đại muôn năm!
Chủ nghĩa cộng sản muôn năm!
Hoà bình thế giới muôn năm!

Báo *Nhân dân,* số 2121, ngày 07/01/1960.



Bác Hồ làm việc tại chiến khu Việt Bắc, ảnh này do nhà điện ảnh Liên Xô Rômang Các Men chụp ở Việt Bắc năm 1954, công bố lần đầu tiên trong sách *"Ánh sáng trong rừng thẳm"* tiếng Nga, NXB Thanh Niên cận vệ Mát-xcơ-va 1950 và trong phim "*Việt Nam trận đường thắng lợi*" của R. Các Men



Bác Hồ căn dặn cán bộ chiến sỹ Đại đoàn quân Tiên phong (Đại đoàn 308) trước khi Đại đoàn về tiếp quản thủ đô "*Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*" tại Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ ngày 18/9/1954

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO[1]

Hỡi đồng bào và chiến sĩ cả nước!

Đế quốc Mỹ dã man, gây ra chiến tranh xâm lược hòng ăn cướp nước ta, nhưng chúng đang thua to.

Chúng ồ ạt mang gần 30 vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta. Chúng nuôi dưỡng ngụy quyền ngụy quân làm công cụ hại dân phản nước. Chúng dùng những phương tiện chiến tranh cực kỳ man rợ, như chất độc hoá học, bom napan, v.v.. Chúng dùng chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Bằng những tội ác ấy, chúng hòng khuất phục đồng bào miền Nam ta.

Nhưng dưới sự lãnh đạo kiên quyết và khôn khéo của Mặt trận dân tộc giải phóng, quân và dân miền Nam ta đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu anh dũng, đã thắng lợi vẻ vang và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn, để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà.

Giặc Mỹ trắng trợn dùng không quân bắn phá miền Bắc nước ta, hòng gỡ thế thất bại của chúng ở miền Nam và hòng ép chúng ta "đàm phán" theo ý muốn của chúng.

Nhưng miền Bắc không hề nao núng. Quân và dân ta càng hăng hái thi đua sản xuất, chiến đấu anh dũng. Đến nay chúng ta đã bắn tan xác hơn 1.200 máy bay địch. Chúng

---

[1] Đây là *Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh* được Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi sáng ngày 17/7/1966.

ta quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, đồng thời hết sức hết lòng ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt.

Gần đây, giặc Mỹ điên cuồng leo thang thêm một bước rất nghiêm trọng: chúng bắn phá ngoại ô Hà Nội và Hải Phòng. Đó là hành động tuyệt vọng của chúng, khác nào con thú dữ bị thương nặng, giãy giụa một cách hung tợn trước hơi thở cuối cùng.

Giônxơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn?

*

* *

Mọi người đều biết: mỗi lần sắp đẩy mạnh chiến tranh tội ác thì giặc Mỹ lại rêu rao cái trò bịp bợm "hoà bình đàm phán", hòng đánh lừa dư luận thế giới và đổ lỗi cho Việt Nam không muốn "đàm phán hoà bình"!

Này, Tổng thống Giônxơn, ngươi hãy công khai trả lời trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới: Ai đã phá hoại

Hiệp định Giơnevơ, là Hiệp định bảo đảm chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam? Phải chăng quân đội Việt Nam sang xâm lược nước Hoa Kỳ và giết hại người Hoa Kỳ? Hay là Chính phủ Mỹ đã đem quân đội Hoa Kỳ đến xâm lược nước Việt Nam và giết hại người Việt Nam?

Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam thì hòa bình sẽ trở lại ngay lập tức. Lập trường của Việt Nam đã rõ ràng: đó là 4 điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 5 điều của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, không có cách nào khác!

Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, hòa bình thật sự, hòa bình trong độc lập tự do, chứ không phải thứ hòa bình giả hiệu, "hòa bình" kiểu Mỹ.

Vì độc lập của Tổ quốc, vì nghĩa vụ đối với các dân tộc đang chống đế quốc Mỹ, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Trước đây, trong hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều, mà chúng ta đã thắng phát xít Nhật và thực dân Pháp. Ngày nay, điều kiện trong nước và trên thế giới thuận lợi cho ta hơn, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta càng chắc chắn sẽ hoàn toàn thắng lợi.

*

* *

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý!

Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết của toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất,

lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ cả thế giới, chúng ta nhất định thắng!

Trước tình hình mới, chúng ta quyết đồng tâm nhất trí, vượt mọi gian khổ hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là *đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!*

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt nhân dân Việt Nam, nhiệt liệt cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Hiện nay, trước âm mưu tội ác mới của đế quốc Mỹ, tôi tin chắc rằng nhân dân và chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới càng ra sức ủng hộ và giúp đỡ hơn nữa nhân dân Việt Nam chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhân dân Việt Nam nhất định thắng!

Giặc Mỹ xâm lược nhất định thua!

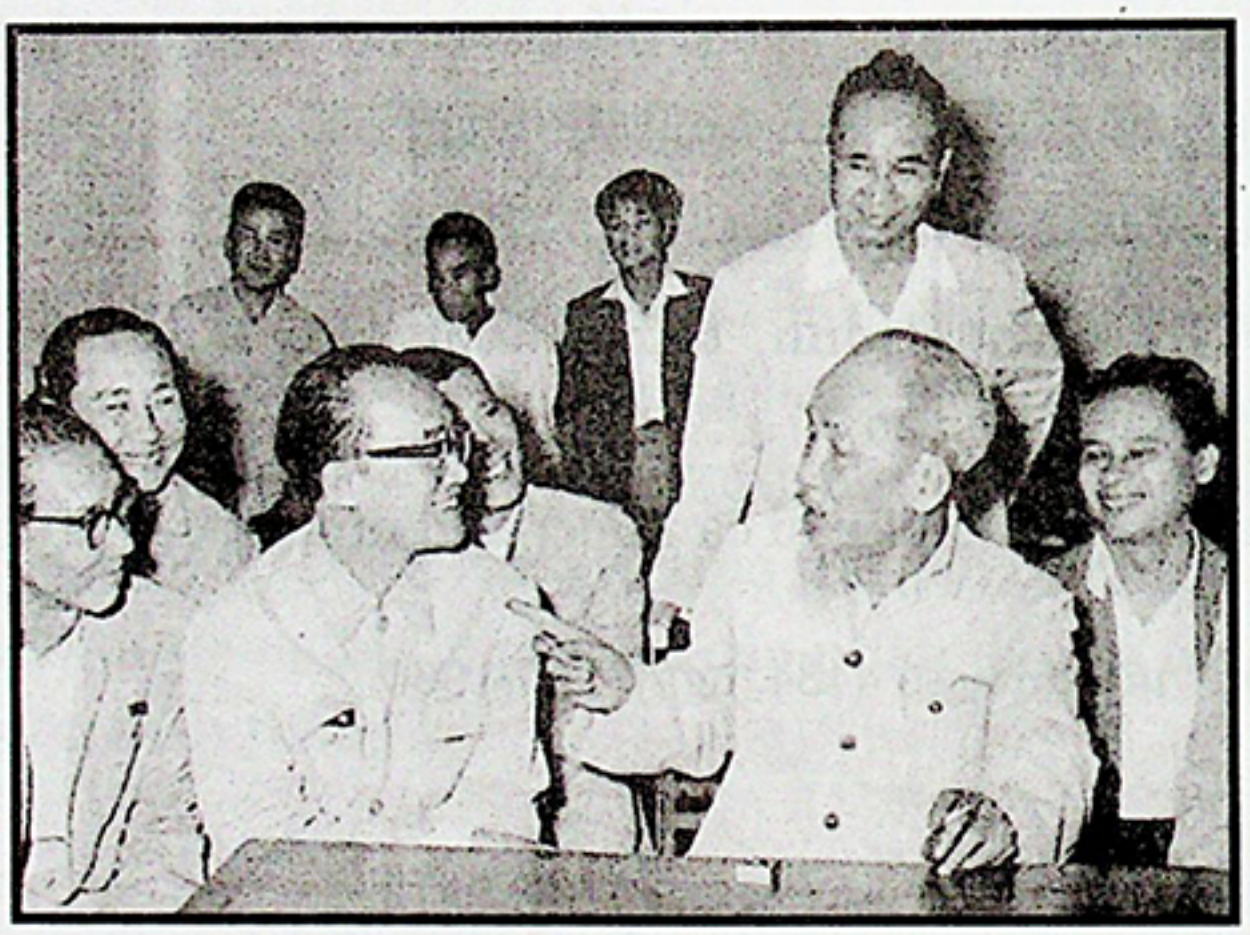
Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm!

Đồng bào và chiến sĩ cả nước, anh dũng tiến lên!

Báo *Nhân dân,* số 4484, ngày 17/7/1966.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm đơn vị hải quân, ngày 06/10/1959



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các đại biểu trí thức dự Hội nghị Chính trị đặc biệt, người ngồi bên phải là Hoàng Minh Giám, tháng 3/1964

LỜI KÊU GỌI CẢ NƯỚC TIẾN LÊN ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC

Hỡi đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Trước nhiều thắng lợi to lớn của quân và dân ta cả hai miền, nhất là ở miền Nam từ đầu Xuân đến nay, ngày 01 tháng 11 năm 1968, Chính phủ Mỹ đã buộc phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thế là, sau bốn năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang: bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy hàng trăm tàu chiến lớn nhỏ, *đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại* của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta.

Đó là một thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta.

Đế quốc Mỹ tưởng lầm với sức tàn phá dã man của bom đạn, chúng có thể làm suy yếu miền Bắc, ngăn chặn sự ủng hộ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn và làm giảm sút sức chiến đấu của miền Nam. Sự thật là: càng chiến đấu chống giặc Mỹ, miền Bắc càng vững mạnh về mọi mặt và luôn luôn hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam anh hùng. Càng chiến đấu chống giặc Mỹ, đồng bào miền Nam càng đoàn kết chặt chẽ, sức càng mạnh, thắng càng to.

Thắng lợi đó là thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta, thắng lợi của lòng yêu nước nồng nàn và

của sức mạnh toàn dân đoàn kết quyết chiến quyết thắng, thắng lợi của chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp. Đó là thắng lợi chung của quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc. Đó cũng là thắng lợi của nhân dân các nước anh em và bè bạn ta khắp năm châu.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng và Chính phủ, tôi nhiệt liệt khen ngợi đồng bào và chiến sĩ ta trong cả nước và chân thành cảm ơn sự giúp đỡ to lớn và sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các nước bạn gần xa và của nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

Đồng bào và chiến sĩ thân mến,

Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói "hòa bình", "thương lượng" nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng. Hơn một triệu quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu còn đang hằng ngày gây ra biết bao tội ác dã man đối với đồng bào miền Nam ta.

Vì vậy, nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.*

Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi.

Đồng bào và chiến sĩ *miền Nam* anh hùng, dưới ngọn cờ vẻ vang của *Mặt trận dân tộc giải phóng,* liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, kiên quyết tiến lên, giành lấy thắng lợi hoàn toàn.

Quân và dân *miền Bắc* quyết ra sức thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, luôn luôn nâng cao cảnh giác, tự lực cánh sinh, tăng cường lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu mới của địch.

Chúng ta tin rằng: sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ngày càng được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của nhân dân các nước anh em và nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

Trải qua gần một trăm năm dưới ách nô lệ thực dân và hơn 20 năm chống chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc, hơn ai hết, nhân dân ta rất thiết tha yêu quý hòa bình để xây dựng đất nước. Nhưng phải *là hòa bình thật sự trong độc lập, tự do.*

Vì vậy chúng ta kiên quyết đòi:

- Chính phủ Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Phải vĩnh viễn từ bỏ mọi hành động xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Phải rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

- Công việc nội bộ của miền Nam phải do nhân dân miền Nam tự giải quyết theo Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng, nước ngoài không được can thiệp vào.

- Công việc thống nhất nước Việt Nam phải do nhân dân hai miền Nam - Bắc tự giải quyết, nước ngoài không được can thiệp vào.

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

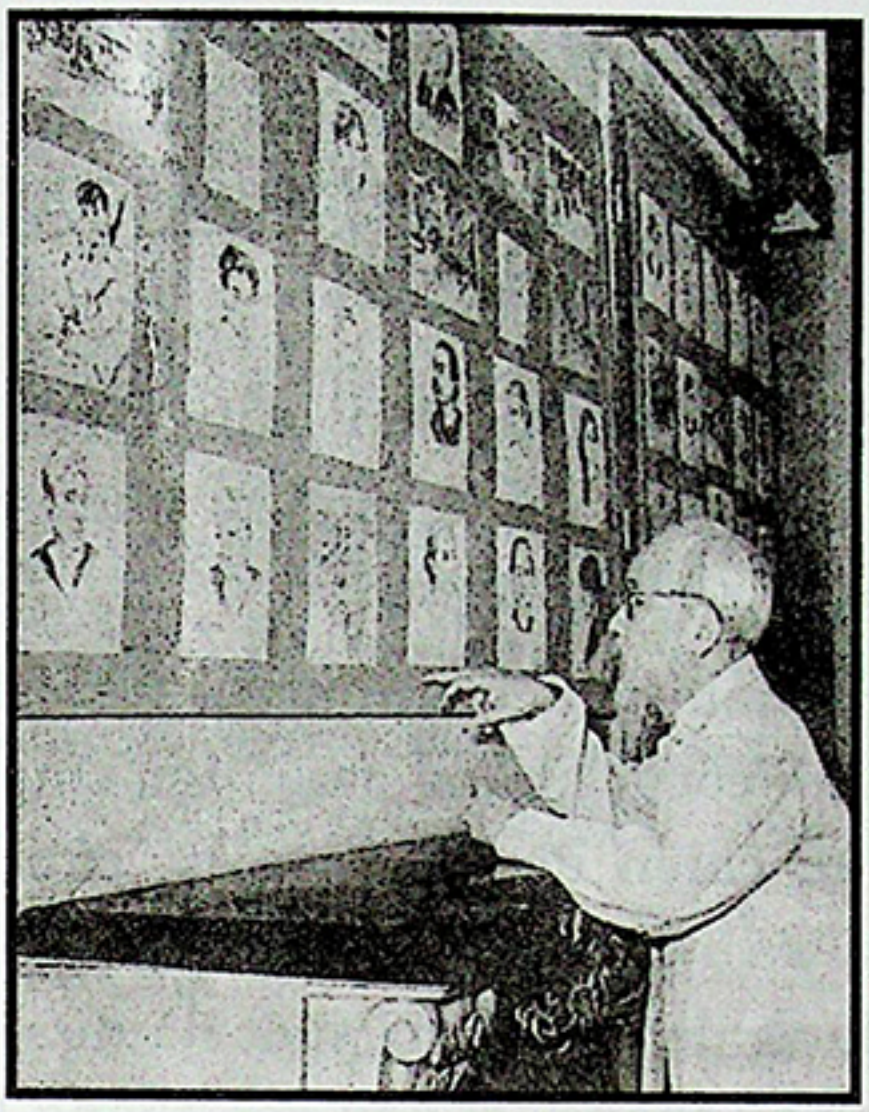
Trước mắt chúng ta còn nhiều gian khổ hy sinh, nhưng sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta đang tiến mạnh đến ngày thắng lợi. Tổ quốc đang kêu gọi chúng ta hăng hái tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược!

Đế quốc Mỹ nhất định thua!

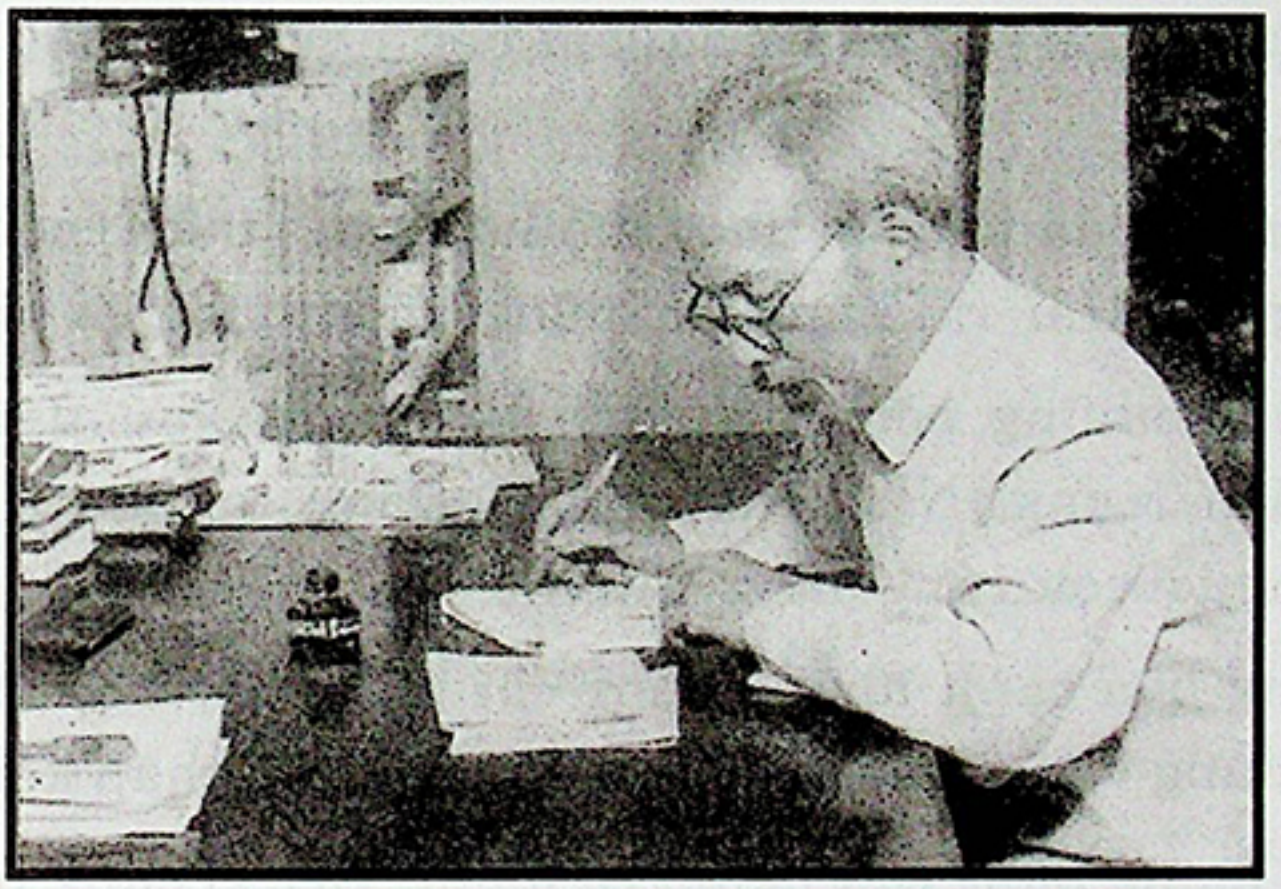
Nhân dân ta nhất định thắng!

Ngày 03 tháng 11 năm 1968

Báo *Nhân* dân, số 5317, ngày 03/11/1968.



Chủ tịch Hồ Chí Minh xem triển lãm tranh của các họa sĩ từ chiến trường miền Nam gửi ra tại Câu lạc bộ Thống nhất Hà Nội, ngày 24/10/1966



Bác Hồ viết Di chúc tại nhà sàn ở Phủ Chủ tịch, năm 1967

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Nhân dân ta thường nói: đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Đó là một lời khen chân thành đối với đảng viên và cán bộ chúng ta.

Trải qua 39 năm đấu tranh oanh liệt, làm Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến lần thứ nhất thắng lợi và ngày nay vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhân dân ta tin tưởng rằng: Đảng ta lãnh đạo rất sáng suốt đã đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hằng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang.

Đảng ta đã đào tạo một thế hệ thanh niên cách mạng, gái cũng như trai, rất hăng hái, dũng cảm trong mọi công tác.

Đó là những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng như thế.

Song bên cạnh những đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém.

Họ mang nặng *chủ nghĩa cá nhân,* việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo "mình vì mọi người" mà chỉ muốn "mọi người vì mình".

Do *cá nhân chủ nghĩa* mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ.

Cũng do *cá nhân chủ nghĩa* mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

Tóm lại, do *cá nhân chủ nghĩa* mà phạm nhiều sai lầm.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng,* bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ.

Đó là một cách thiết thực để kỷ niệm ngày thành lập Đảng ta, Đảng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân anh hùng của chúng ta. Đó cũng là một việc làm cần thiết để giúp tất cả cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, góp sức nhiều hơn nữa cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước toàn thắng và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

T.L.

Báo *Nhân dân,* số 5409, ngày 03/02/1969.



Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên!

Toàn thắng ắt về ta!

Xuân 1968

Hồ Chí Minh

Bác Hồ Chúc Tết đồng bào và chiến sỹ cả nước, xuân 1968



Bác Hồ tặng hoa cho phóng viên quay phim
Đài truyền hình Việt Nam, ngày 01/5/1968

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN SÁCLƠ PHUỐCNIÔ, PHÓNG VIÊN BÁO L'HUMANITÉ (PHÁP)

Hỏi: Thưa đồng chí Chủ tịch rất kính mến, đồng chí đã tìm thấy tư tưởng Lê-nin bằng cách nào?

Trả lời: Đồng chí biết rằng tôi sang châu Âu từ trước Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tôi đã sống nhiều năm ở Pari, sống chật vật bằng cách làm những nghề vặt: giúp việc cho một người thợ chụp ảnh, sơn "đồ cổ Trung Quốc", dĩ nhiên là đồ giả. Hồi đó nước chúng tôi đang ở dưới ách chủ nghĩa thực dân Pháp, bị bóc lột ghê gớm và khổ sở vô cùng. Tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị, nhưng tôi muốn Tổ quốc tôi được giải phóng, các "dân tộc thuộc địa" được giải phóng. Tôi bắt đầu viết và phát những truyền đơn tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp. Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào. Nhưng có những "ông bà" - lúc đầu tôi gọi các đồng chí tôi trong Đảng Xã hội như thế - đã tỏ đồng tình với tôi. Vì vậy, tôi đã tham gia Đảng Xã hội. Tôi biết rất ít về cách mạng Tháng Mười và về Lê-nin; về cảm tính tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lê-nin. Cho nên tôi rất lúng túng trước các cuộc bàn cãi sôi nổi xảy ra những năm 1919 - 1920 trong nội bộ Đảng Xã hội về vấn đề có nên ở lại Quốc tế thứ hai hay tham gia Quốc tế thứ

ba? Một số đồng chí lại đề nghị thành lập Quốc tế thứ hai rưỡi. Tôi càng lúng túng vì trong cuộc bàn cãi, người ta rất ít nói đến sự đoàn kết với các dân tộc thuộc địa. Nhưng đó lại là vấn đề mà tôi quan tâm hơn hết và do đó mà tôi đã tìm ra được con đường đúng. Khi tôi nêu câu hỏi: "Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức?" thì người ta trả lời: *Quốc tế thứ ba.* Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc *Luận cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc* của Lê-nin vừa đăng trên báo *Nhân đạo*[1]. Bài đó khó hiểu, vì có những từ ngữ mà tôi không biết rõ. Nhưng tôi đọc đi đọc lại và dần dần tội hiểu ý nghĩa của nó một cách sâu sắc. Bản Luận cương làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi xúc động đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta". Từ đó, tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lê-nin.

Hỏi: Thế là trên cơ sở tin theo Lê-nin và đấu tranh giải phóng các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức mà đồng chí đã dự vào cuộc đấu tranh tiến hành ở Pari nhằm tham gia Quốc tế thứ ba, cuộc đấu tranh này đưa đến kết quả là việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp tại Đại hội Tua. Đến tháng 12/1970 thì được nửa thế kỷ.

Trả lời: Đúng. Từ ngày Luận cương của Lênin đã hoàn toàn soi sáng cho tôi, tôi không còn chỉ dự các cuộc họp của

---

(1) Báo L'Humanité.

Đảng một cách thụ động nữa. Tôi lao vào cuộc chiến đấu, hăng hái bàn cãi, tiến công mạnh mẽ những kẻ chống lại Lê-nin và Quốc tế thứ ba; dĩ nhiên là tôi phải phát biểu bằng tiếng Pháp, như vậy càng thêm khó khăn cho tôi. Nhưng như tôi đã nói nhiều lần, hồi đó tôi được các đồng chí Mácxen Casanh, Vayăng Cutuyariê, Môngmútxô giúp đỡ nhiều. Tôi không chỉ tranh luận trong chi bộ tôi, mà còn đi đến các chi bộ khác để nêu câu hỏi: "Nếu các đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu các đồng chí không đoàn kết với các dân tộc thuộc địa, thì các đồng chí làm thứ cách mạng gì?".

Ở Đại hội Tua, tôi tham luận, đặt vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp, tố cáo những tội ác của nó ở Đông Dương. Một nghị sĩ xã hội ngắt lời tôi và nói rằng ông ta đã phát biểu để "bênh vực dân bản xứ", nhưng tôi bảo im đi và tôi tiếp tục kêu gọi giúp đỡ nhân dân Việt Nam và tất cả các dân tộc thuộc địa. Và dĩ nhiên lạ tôi đã bỏ phiếu cùng những đồng chí tán thành Quốc tế thứ ba, cùng cái đa số sau đó thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Hỏi: Hồi đó, đối với đồng chí là một người cách mạng trẻ tuổi và đối với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức, Lê-nin thể hiện điều gì, nên hình dung điều đó như thế nào?

Trả lời: Dĩ nhiên là hồi đó các dân tộc châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh chưa biết thật rõ Lênin là ai, thậm chí còn không biết nước Nga ở đâu. Sự dốt nát là một chỗ dựa chủ yếu của chế độ thực dân. Tuy nhiên, bằng cách truyền miệng, ở châu Phi cũng như ở châu Á và Mỹ Latinh, người ta nhắc đi nhắc lại rằng ở một nơi nào đó trên thế giới, có một dân tộc đã lật đổ bọn bóc lột mình và tự quản lý lấy công việc của

mình, không có bọn chủ và bọn toàn quyền; họ nói với nhau rằng việc đó xảy ra ở Nga và đứng đầu những con người dũng cảm ấy là người dũng cảm nhất: Lê-nin. Do đó, người ta được biết Lê-nin không những đã giải phóng dân tộc mình, mà còn muốn giải phóng các dân tộc khác; Người đang hoạt động để giải phóng người da vàng cũng như người da đen hoặc người da trắng; Người có một cương lĩnh hành động để đạt mục đích ấy. Sự thật là dần dần lọt ra những tin tức về Quốc tế thứ ba đấu tranh cho tất cả những người bị bóc lột, không trừ ai và người ta biết rằng đứng đầu Quốc tế thứ ba là Lênin. Như vậy, thì việc quần chúng nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, tất cả những người bị áp bức đầy thiện cảm và tin tưởng đối với Lê-nin, có lấy gì làm lạ? Trước con mắt các dân tộc Phương Đông, Lênin không phải chỉ là một lãnh tụ, một người chỉ huy. Đó cũng là một người thầy có sức hấp dẫn; tính coi thường sự xa hoa, lòng ham mê công việc, đời sống trong sạch, sự giản dị và tâm hồn cao thượng của Người làm cho quả tim chúng tôi hướng về Người, không gì ngăn nổi. Lòng kính mến của chúng tôi đối với Người gần như lòng hiếu thảo, là một trong những đức tính cơ bản ở nước chúng tôi. Đối với chúng tôi là những người bị ngược đãi, sỉ nhục, Lê-nin là hiện thân của tình bác ái. Phải trông thấy các học sinh Trường đại học các dân tộc Phương Đông khi họ nghe tin Lê-nin mất mới rõ. Những thanh niên đó, đại diện cho tinh hoa cách mạng của châu Phi và châu Á, đã khóc oà lên, vì họ hết sức thương mến Lê-nin.

Hỏi: Đồng chí rời nước Pháp lúc nào và đã sống ở đất nước của Lê-nin như thế nào?

Trả lời: Tôi rời nước Pháp sang nước Nga vào nửa cuối năm 1923. Từ lâu tôi đã muốn tới xứ sở của Cách mạng, nhưng việc đó không giản đơn. Đường biển thì ít bảo đảm, cái chết của Lơphécmơ và các bạn cùng đi chứng tỏ điều đó. Vậy phải đi đường bộ. Tôi liên hệ với những nhân viên xe lửa để sắp đặt một chuyến đi bí mật. Họ không giấu giếm rằng việc đó không phải dễ, nhưng cuối cùng họ bảo đảm là họ sẽ đưa tôi sang Béclin và từ đây họ sẽ xoay sở để giao tôi cho những đồng chí đáng tin cậy. Nhưng rồi tôi không cần đến những sự sắp đặt ấy vì tôi đã lên đường, ngồi ở toa xe hạng nhất, miệng ngậm xì gà, như một nhà tư sản trẻ tuổi du lịch quanh thế giới.

Nhưng trước đó phải vượt qua một sự khó khăn. Hồi đó, Bộ Thuộc địa cho hai người "bảo vệ" không rời tôi nửa bước. Để xoa dịu sự cảnh giác của họ, trong một thời gian khá lâu, tôi sống một cách đúng mực: buổi sáng đến xưởng, buổi chiều đến thư viện (một nghị sĩ giúp tôi xin được một cái thẻ) và đôi khi, buổi tối dự mít tinh hay đi xem chiếu bóng. Dần dần, sự cảnh giác của những người theo dõi tôi dịu đi. Thế là một buổi tối, tôi ra khỏi nhà, hai tay đút túi và tôi vào một rạp chiếu bóng qua cửa trước, nhưng rồi ra ngay cửa sau, rồi đi lên nhà ga phía Bắc, ở đấy một đồng chí đang đợi với chiếc vali của tôi - ồ, chiếc vali rất nhẹ - và tôi lên xe lửa đi Béclin.

Mặc dù được Đảng Cộng sản Pháp giúp đỡ, lúc ra đi tôi không giàu lắm. Nhưng đến Béclin tôi trở nên triệu phú. Ở đây đang bị nạn lạm phát và khi mua một tờ báo, tôi nhận thấy nó không rộng bằng diện tích của tất cả những tờ giấy bạc mà tôi bỏ ra để mua. Các đồng chí người Đức dẫn tôi đến một bến tàu biển: Ở đấy tôi lên một chiếc tàu Xôviết. Tôi lên

Xanh Pêtécbua - hồi đó chưa gọi là Lêningrát - trong tay không có một giấy tờ gì và không quen biết ai. Tôi phải ở thành phố này một thời gian cho đến khi các đồng chí Liên Xô biết rõ tôi là một người cách mạng chân chính. Khi đó, sự cảnh giác là rất cần thiết. Tôi đến Mátxcơva vào mùa đông. Trời rét lắm rồi. Tôi trọ ở một khách sạn, cách điện Cremli không xa; tại đấy, có nhiều đồng chí nước ngoài. Tôi liên hệ với các đồng chí người Philíppin và các nước thuộc địa khác, các đồng chí người Ý, v.v... Vào một ngày tháng 01/1924, chúng tôi đang ăn bữa sáng tại quán cơm ở tầng dưới khách sạn thì được tin Lê-nin mất. Không ai muốn tin điều đó, nhưng khi ngoảnh lại, chúng tôi thấy lá cờ của Xôviết Mátxcơva đã bỏ rủ. Một sự xúc động lớn xâm chiếm tâm hồn chúng tôi, bữa ăn bị bỏ dở, vì không ai thấy đói nữa: Lê-nin đã mất. Thế là tôi chưa được gặp Lê-nin và đó là một điều ân hận lớn trong đời tôi. Khi tôi đến nước Nga. Người đã ốm nặng và đang chữa bệnh ở Goócki, cho nên không đến thăm được. Nhưng tôi được biết Crúpxcaia là một người đàn bà hết sức hiền từ và giản dị và là vợ của Lê-nin. Vả lại, hồi đó tôi sống ở Nga trong bầu không khí của Lê-nin; tôi làm việc ở Quốc tế Cộng sản và học ở Trường Đại học Lê-nin.

Hỏi: Vậy nên gợi lại như thế nào vai trò của Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin đối với đồng chí?

Trả lời: Đồng chí biết truyền thuyết của chúng tôi về cái "cẩm nang". Khi gặp khó khăn, người ta giở cẩm nang ra và tìm thấy cách giải quyết. Chủ nghĩa Lênin cũng gần như cái cẩm nang thần kỳ đó. Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lê-nin. Rồi, từng bước một, tôi đi đến

kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới. Và Lênin đã vạch con đường cho chúng tôi một cách cụ thể: năm 1919, tại Đại hội những người cộng sản Phương Đông, Người tuyên bố: "Các đồng chí hiện đang có một nhiệm vụ mà trước đây những người cộng sản trên toàn thế giới không có: trong khi dựa vào lý luận chung và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện riêng biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học cách vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi cần phải xác định sự cần thiết không phải là đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn tích phong kiến". Sự thật là cuộc cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lúc đầu và trước hết là một cuộc cách mạng nông dân. Cuộc cách mạng ấy không tách rời cuộc cách mạng chống phong kiến. Sự liên minh giữa quần chúng đông đảo nông dân và giai cấp công nhân làm cái nền tảng trên đó có thể thành lập một mặt trận dân tộc rộng rãi và vững chắc. Cho nên cải cách ruộng đất là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Những kinh nghiệm của chúng tôi chứng tỏ rằng muốn đưa cuộc cách mạng dân chủ đến thắng lợi và mở ra những giai đoạn nối tiếp nhau cho sự phát triển của một Nhà nước dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân và đảng của nó phải lãnh đạo cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức và cuộc cách mạng của giai cấp vô sản các nước đi áp bức phải ủng hộ lẫn nhau. Như Lê-nin đã dự kiến, ngày nay đã đến lúc mà các dân tộc ngửng cao đầu bước lên vũ đài quốc tế. Nhân dân Việt Nam, về

phần mình, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ quang vinh của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Hỏi: Như vậy là Lênin và những lời dạy của Người luôn luôn có mặt trong cuộc chiến đấu mà nhân dân Việt Nam đang tiến hành chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ?

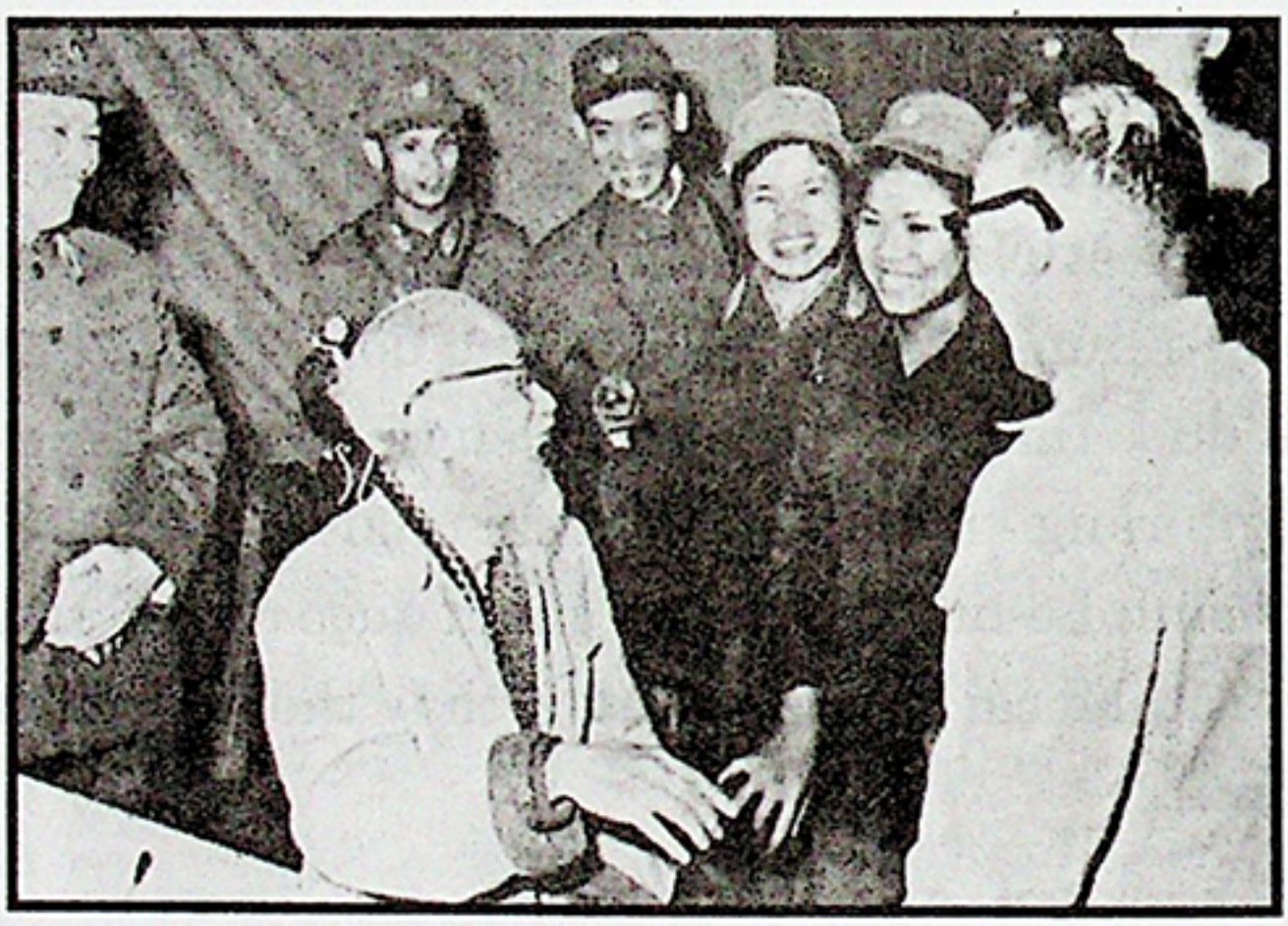
Trả lời: Dĩ nhiên, đồng chí đã biết, ngay sau khi bọn thực dân Pháp rút đi, bọn Mỹ đã tiến hành xâm lược lúc đầu ở miền Nam nước chúng tôi và sau đó ở tất cả nước Việt Nam như thế nào. Như vậy, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã làm cho chúng tôi thấy cần thiết phải tiếp tục cuộc chiến đấu. Cuộc chiến tranh này, diễn biến của nó, những thủ đoạn mà bọn Mỹ đã dùng, xác nhận một lần nữa - nếu điều đó là cần thiết - sự đúng đắn của các luận cương của Lênin về chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn thối nát của chủ nghĩa tư bản, về bản chất hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc.

Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được những thắng lợi to lớn như đồng chí đã biết. Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lê-nin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Phỏng vấn ngày 15/7/1969, Báo *Nhân dân,* số 5801, ngày 05/3/1970.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các anh hùng, dũng sĩ miền Nam
ra thăm miền Bắc ngày 28/02/1969



Hồ Chủ tịch đến chúc Tết cán bộ
và chiến sỹ phòng không không quân năm 1969

PHẦN II

TIẾP CẬN KHOA HỌC MỘT SỐ BÀI VIẾT CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

NGÒI BÚT NGUYỄN ÁI QUỐC TỐ CÁO TỘI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC Ở CHÂU PHI

(Trích)

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thành

...

Nguyễn Ái Quốc bước vào vũ đài chính trị với tư cách là một chiến sĩ quốc tế. Nhiều nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của châu Phi sinh sống ở Pháp đã trở thành những người bạn thân thiết của Người như: G. Ralemônggô (Mangasơ), Lui Huncanrin và Tôvalu (Đahômây), Hátgi Ali (Angiêri), Lamin Xăngo (Xênêgan), Cuyatê (Xuđăng), Ăngđrê Matxiva (Cônggô)[1].

---

[1] Theo bài của G. Xuyrê Canan: *"Đảng Cộng sản Pháp và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân"*, in trong cuốn *Việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp và sự thâm nhập những tư tưởng của Lê-nin ở Pháp*, (tiếng Pháp), Nxb. Xã hội, Pari 1971, tr. 123.

- **Giăng Ralemônggô** sinh ngày 04/10/1884, mất ngày 10/8/1943. Ông là giáo viên tiểu học, bị động viên vào quân đội sang Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Sau này, tưởng nhớ đến Ralemônggô, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Ralemônggô là một tấm gương về lòng can đảm và tính lạc quan. Hồi đó, chúng tôi là nhóm dân thuộc địa cùng nhau phối hợp in một tờ báo chiến đấu khuôn khổ nhỏ, và chính Anh là linh hồn của nhóm; mỗi khi chúng tôi có nguy cơ bị đói thì chính Anh đã đi làm phu khuôn vác ở chợ để có tiền mua bánh mì cho cả nhóm. Tôi không bao giờ quên Anh và mối cảm phục của tôi đối với Anh đương nhiên phải hướng về nhân dân Mangasơ mà Anh vô cùng yêu mến" (Trích lại của Đinh Xuân Lâm trong bài "Bác Hồ với cách mạng Mađagátxca". Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 4/1983, tr. 26. Xin đính chính một điểm trong bài: Ralemônggô không tham gia Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp năm 1920).
- **Lui Huncanrin** là giáo viên từ năm 1915. Năm 1921 từ Pháp về Đahômây tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Trong cuộc biểu tình chống thuế tháng 12/1923 ở Poóctô Nôvô, Huncanrin và một số người bị bắt. Ông

Được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng các chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa của Pháp ở châu Phi và châu Mỹ Latinh tổ chức ra Hội Liên hiệp thuộc địa (1921), đưa việc đấu tranh chống đế quốc, giải phóng các dân tộc bị áp bức trong sự kết hợp chặt chẽ tuyên truyền với tổ chức. Đây là một hình thức mặt trận sơ khai của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân Pháp áp bức, hoạt động theo xu hướng vô sản. Đây cũng là sự hình thành mặt trận liên minh giữa các dân tộc bị áp bức với giai cấp vô sản Pháp cùng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp, dưới sự lãnh đạo của người đại biểu các đảng cộng sản. Đây

---

bị kết án biệt xứ 10 năm đi Môritani. Hết hạn trở về, ông tiếp tục đấu tranh và bị bắt đày đi Xuđăng. (Theo Giăng Xuyrê Canan: *Châu Phi đen, thời kỳ thuộc địa*, Nxb. Xã hội, (tiếng Pháp) Pari. 1982, tr. 555, 584).

- **Cốtgiô Tôvalu**: luật sư, năm 1924 hô hào thành lập "Liên đoàn bảo vệ chủng tộc da đen" ở Pari, ra báo *Les Continents*, sau về châu Phi và bị bắt (Giăng Xuyrê Canan: Sđd, tr. 552).
- **Hátgi Ali**: nhà hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp, được Đảng giới thiệu ra tranh cử Quốc hội Pháp năm 1924 với danh nghĩa thành viên "Khối công nhân và nông dân" (Xem: Le Paria số 25, tháng 5/1924, tr. 1).
- **Lamin Xăngo** học ở Trường Đại học Xoóc bon, Pari, tham gia Đảng Cộng sản Pháp, là thủ lĩnh tổ chức "Ủy ban bảo vệ người da đen" thành lập năm 1927. Xăngo tham gia Đại hội lần thứ nhất Liên đoàn chống đế quốc họp ở Bruyxen tháng 2/1927, phát biểu: "Người da đen ngủ từ rất lâu... nay họ đã thức tỉnh"; kêu gọi người da đen làm cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới. Năm 1929 ông bị bắt ở Pari và chết ở trong tù. Nhà cầm quyền thông báo ông chết vì lao phổi nhưng dư luận hoài nghi, phải chăng ông bị kẻ thù ám hại.
- **Cuyaté** dự Đại hội I và Đại hội II Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc (Đại hội họp ở Phrăngphuốc năm 1929). Ông tham gia phong trào yêu nước của nhân dân Pháp, bị phát xít bắt được và xử bắn (Giăng Xuyrê Canan: sđd, tr.563).
- **Ăngđrê Mátxiva** bị động viên vào quân đội Pháp, tham gia chiến tranh 1914 - 1918, sang Pháp. Trở về Bradavin, ông tổ chức quần chúng đấu tranh, tháng 4/1930 bị bắt và bị kết án 3 năm tù.

cũng là một hình thức liên minh các dân tộc bị áp bức duy nhất xuất hiện trong lịch sử đấu tranh giải phóng của mình ra đời ngay tại trung tâm chính trị của chính chủ nghĩa đế quốc đó.

Hội Liên hiệp thuộc địa tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng tháng. Những cuộc họp là dịp để các chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân trình bày tình hình và lên tiếng tố cáo tội ác của đế quốc Pháp. Ví dụ: cuộc họp bắt đầu từ 15h ngày chủ nhật, 16/10/1921, có thuyết trình về tình hình châu Phi và biểu thị quan điểm về Đại hội Liên Phi sau nhiều cuộc thảo luận Tổ chức Liên Phi do Tiến sĩ W.E. Bớcgác Đuyboa đề xướng năm 1900, họp Đại hội lần thứ nhất năm 1919 ở Pari và Đại hội lần thứ hai năm 1921 ở Luân Đôn. Tại Đại hội lần thứ hai, Đuyboa đề ra yêu sách đòi quyền công dân cho những người da đen ở Mỹ cần hơn một sự giả định thống nhất châu Phi. Có 41 đại biểu từ châu Phi và 35 đại biểu từ châu Mỹ cùng với một số sinh sống tại Anh và các nước khác tới dự Đại hội. Đại hội thông qua bản "Tuyên bố với thế giới" do Đuyboa thảo, đòi quyền bình đẳng tuyệt đối cho các chủng tộc. Ngày 23/12/1922, Luyxiêng Báckitxô, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp thuộc địa, nói chuyện về lịch sử, địa lý, xã hội ở đảo Rêuyniông và Mađagátxca.

Ban Chấp hành Hội có 6 người, trong đó có 2 đại biểu châu Phi: Luyxiêng Báckitxơ (đảo Rêuyniông), Max Clanhvin. Blôngcua (Đahômây)[1]. Ngoài ra, có Nguyễn Ái Quốc và đại biểu các nước khác ở châu Mỹ: Guyađơlúp, Mactiních, Guyan.

---

[1] Trong các bản chụp *Điều lệ Hội liên hiệp thuộc địa,* phần danh sách Ban Chấp hành mà tôi dược dọc đều ghi "Max Clainville Bloncourt (Dahomey), nhưng một số tài liệu khác về bài viết của chính ông viết thì ông là người Guyadơlup".

Hội Liên hiệp thuộc địa chủ trương xuất bản cơ quan ngôn luận của mình, lấy tên là *Le Paria* - Diễn đàn của nhân dân các thuộc địa (sau này có mấy lần thay đổi danh nghĩa). Với trách nhiệm là một trong những sáng lập viên tờ báo, là chủ nhiệm kiêm chủ bút, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức chỉ đạo biên tập, duyệt bài và trình bày các trang báo. Bên cạnh những vấn đề chung của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc, những vấn đề của các nước châu Phi có một vị trí xứng đáng, nổi bật trên các số báo. Có khi là của một cụm nước châu Phi. Ví dụ số 1: trên trang nhất cột thứ tư có bài: "Những người bản xứ, chúng ta nghĩ về vụ án ở Tuyni", kết án tù kỹ sư người Pháp tên là Ludông, người Ý tên là Côxtơ cùng với người bán báo Ap-en Rát-man-en Kaphi, một bức thư viết từ Poóctô Nôvô đề ngày 17/02/1922 về việc thực dân Pháp khủng bố nhân dân Đahômây. Ở trang 2, cột 1 có bài "Huncanrin" của Trạng sư M. Clanhvin Blôngcua; cột 2 có bài "Sự gửi gắm và những trang trí" của Ralemônggô mục "Những tiếng vang ở Mađagátxca".

Số 2, ở trang 2, có mục "*Diễn đàn của Tây Phi và các nước châu Phi xích đạo thuộc Pháp*", "*Những vấn đề Hồi giáo ở Poóctô Nôvô*" do phân bộ của Ủy ban hành động Pháp - Hồi giáo ở Poóctô Nôvô công bố. Đại loại các số khác cũng là như vậy.

Bằng ngòi bút chính luận sắc sảo của một người viết báo giàu kinh nghiệm, Nguyễn Ái Quốc viết liên tục nhiều bài trên báo *Le Paria*, đề cập đến nhiều vấn đề ở các nước châu Phi. Ngay trong bài xã luận của số 1 - cũng là bài phi lộ, chủ bút Nguyễn Ái Quốc viết: "B*áo Le Paria ra đời chính là do sự đồng cảm sâu sắc của các bạn ở Bắc Phi, Tây Phi thuộc Pháp,*

ở Mađagátxca...". Với tài hoa của mình, họa sĩ nghiệp dư Nguyễn Ái Quốc còn sáng tác một số bức biếm họa về châu Phi.

Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài về các dân tộc ở châu Phi thuộc địa trên các báo *L'Humanité, La Vie Ouvrière*, cùng với Hátgi Ali người Angiêri thảo văn bản cho Ban Nghiên cứu thuộc địa trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Pháp đưa ra trình Đại hội lần thứ hai của Đảng họp tại Pari, được thông qua ngày 23/11/1922.

Khi đến Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc dự Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân, Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản và một số các đại hội, hội nghị của các đoàn thể quốc tế khác; viết cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp, được nghiên cứu sâu về lý luận và đường lối chính sách của Quốc tế Cộng sản, biết được nhiều vấn đề lịch sử và nhất là những vấn đề đang diễn biến ở các nước thuộc địa trên thế giới. Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày ý kiến của mình trên các diễn đàn đại hội và hội nghị, viết trên Tạp chí *Krestianski Intemational* của Quốc tế Nông dân, Tập san thông tin Inprekorr của Quốc tế Cộng sản, gửi bài đăng trên các báo chí Xôviết... bảo vệ lý luận và chính sách của Lê-nin và Quốc tế Cộng sản về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, làm sáng tỏ phương hướng và nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa. Trong nhiều bài nói và viết của mình, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến các thuộc địa ở châu Phi khá cụ thể.

Bản thân những cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của các nước châu Phi đã có tiếng vang khá rộng lớn trên thế giới. Với những lời nói, dòng văn lắng đọng lòng căm thù sâu sắc, lên án mãnh liệt tội ác của chủ nghĩa đế quốc, Nguyễn Ái Quốc đưa các vấn đề của châu Phi lên tầm chiến lược quốc tế, hòa chung vào cuộc đấu tranh của các dân tộc bị

áp bức trên thế giới cùng với giai cấp vô sản các nước, đặc biệt là giúp cho giai cấp vô sản Pháp và Đảng Cộng sản Pháp nhận thức đúng đắn, giải quyết chính xác vấn đề cực kỳ quan trọng này, đồng thời chỉ cho các dân tộc bị áp bức ở châu Phi tìm thấy người bạn hết sức tin cậy của mình là giai cấp vô sản và các đảng cộng sản ở các nước đế quốc chủ nghĩa trực tiếp áp bức, bóc lột dân tộc mình, là Liên Xô, đội tiên phong chiến đấu cho lợi ích của các dân tộc bị áp bức.

Do yêu cầu của đấu tranh chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu toàn diện về những vấn đề cơ bản của tình hình chính trị - xã hội châu Phi. Những vấn đề ấy có ý nghĩa thời sự lúc đương thời, ngày nay là những tư liệu rất quý báu cho các nhà nghiên cứu lý luận, lịch sử, xã hội học... về các vấn đề châu Phi và phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa trong thời điểm lịch sử nóng bỏng dưới ngọn cờ của Quốc tế Cộng sản; là tư tưởng chiến đấu cách mạng triệt để của người chiến sĩ quốc tế của giai cấp vô sản đấu tranh giải phóng dân tộc, xã hội và con người.

Nguyễn Ái Quốc viết: "*Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng*"[1]

Đúng là như vậy. Trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa trước lũng đoạn, các nhà chính trị thực dân đã chú ý nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm từng phần, viết sách báo trao đổi những vấn đề về xâm lược và thống trị thuộc địa. Đến thời kỳ đế

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 1, tr. 246.

quốc chủ nghĩa thì sự thống trị thuộc địa được đưa lên mức tàn bạo hơn và tinh vi hơn, có nhiều cống hiến mới, về nghệ thuật và khoa học, về tính quốc tế hoá. Việc tổ chức và quản lý các thuộc địa trong bộ máy chính quyền Trung ương ở chính quốc và hệ thống chính quyền thuộc địa được chấn chỉnh, củng cố và hoàn thiện. Chúng mở trường học dài hạn, có Viện Hàn lâm các khoa học thuộc địa, Viện Thuộc địa quốc tế, ra nhiều loại tập san, tạp chí, tổ chức các hội nghị thuộc địa quốc tế. Ở Pháp, bọn thực dân tổ chức ra các Ủy ban chuyên trách nghiên cứu các thuộc địa, vừa đi sâu, riêng đối với châu Phi như: Ủy ban châu Phi (1890), Ủy ban Mađagátxca (1895), Ủy ban Marốc (1904)...

Mở đầu các cuộc chinh phục thuộc địa là bọn thực dân đưa quân đội viễn chinh từ phương Tây sang. Thành phần của đội quân là những người vô sản và lao động bị cưỡng bức đi lính trong các đội chuyên nghiệp, nhà nghề và cả những người đi lính nghĩa vụ có thời hạn theo lệnh động viên. Sau khi đã chiếm đóng và bình định được một bộ phận đất đai và dân địa phương, chủ nghĩa thực dân liền bắt lính, một mặt để thay thế đội quân da trắng, tiếp tục mở rộng và hoàn thành việc chiếm đóng nước thuộc địa đó; mặt khác, đưa quân đội nước này "đi đánh những người vô sản ở thuộc địa khác" như dùng "người Xênêgan giúp bọn quân phiệt Pháp giết hại anh em mình ở Cônggô, Xuđăng, Đahômây, Mađagátxca. Người Angiêri đã sang đánh Đông Dương. Người Việt Nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi"[1] mà tác giả gọi là "chiến công đáng buồn"[2].

Họ là công cụ không có ý thức trong tay bọn thực dân để đi bất cứ đâu, bắn vào bất cứ mục tiêu nào, theo mệnh lệnh

---

[1], [2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 246

của bọn chỉ huy. Khi hạ được đối thủ, bọn chỉ huy bày trò khen thưởng chiến công để làm cho những người lính thuộc địa vừa tàn sát anh em mình hiểu sai lạc ý nghĩa của sự việc mình làm, từ đó có thể đi đến dấn sâu hơn vào con đường tội lỗi, nhiễm chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa quốc gia phản động của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc dùng người thuộc địa này đi đánh thuộc địa khác, giải quyết nạn thiếu quân số và hạn chế việc đưa người da trắng sang thuộc địa, đỡ tốn kém về tài chính, ngăn chặn bớt những phản ứng trong dư luận chính quốc, rẻ tiền mà còn đem lại hiệu quả cao.

Trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, giai cấp vô sản da trắng ở các nước tư bản chủ nghĩa đã ít nhiều giác ngộ về vị trí và vai trò lịch sử của mình, cho nên không dễ bị huy động đi lính đánh thuê cho giai cấp tư sản ở một nơi xa xôi. Có thể trên một mức độ nào đó những người vô sản còn bị lừa bịp về việc "bảo vệ tổ quốc" một cách mơ hồ khi chiến tranh bùng nổ. Nhưng gia nhập đội quân viễn chinh lại là một việc khó dối trá. Trong khi đó, những cuộc biểu tình, đình công của công nhân đòi tăng tiền lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện lao động, giải quyết nạn thất nghiệp và đòi thực hiện các quyền tự do dân chủ cơ bản cho nhân dân ngày một ăn sâu, lan rộng, lôi cuốn các tầng lớp lao động khác ở thành thị và nông thôn vào cuộc đấu tranh, diễn ra đồng thời với nhà máy, đường phố là báo chí và cả trên diễn đàn Quốc hội.

Để ngăn chặn, đàn áp những cuộc đấu tranh của "vô sản da trắng", tốt nhất là dùng những người vô sản thuộc địa chưa giác ngộ, sẵn tâm lý kỳ thị chủng tộc và hành động như cái máy hơn là dùng quân đội và cảnh sát là người da trắng để chống lại vô sản da trắng. Những mâu thuẫn giả tạo đó do chủ nghĩa đế quốc dựng lên, ít nhất là trước mắt sẽ phá vỡ

mặt trận thống nhất của những người vô sản các nước, không phân biệt màu da, dân tộc, phá vỡ sự liên kết giữa người vô sản ở chính quốc và các dân tộc thuộc địa, kích thích chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa bài ngoại, chủ nghĩa sô-vanh không chỉ trong những người vô sản và nhân dân thuộc địa mà cả trong giai cấp vô sản là những người "da trắng".

Thật là đau lòng phải nhắc lại: "Trong cuộc đại chiến, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng"[1]. Vấn đề tác giả đề cập ở đây được mở rộng trong thời điểm chiến tranh. Không phải chỉ giới hạn ở nông dân, công nhân châu Phi và các thuộc địa khác sang đàn áp vô sản Pháp, mà đã trực tiếp ở tiền tuyến hay phục vụ trong các xí nghiệp quốc phòng hoặc làm công việc hậu cần cho quân đội Pháp giết những người Đức, trong số họ chủ yếu cũng là công nhân và nông dân cầm súng.

Khi chiến tranh kết thúc, hòa bình lập lại, những cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân vùng công nghiệp Đức ở Ruya diễn ra cuối tháng 12/1922 chống bọn tư bản, đòi cải thiện đời sống. Bọn cầm quyền Pháp đưa hai sư đoàn, bao gồm cả lính Pháp và lính thuộc địa người Phi đến đàn áp phong trào công nhân cấm đưa than ở Ruya đến các vùng ở Đức, cô lập các khu vực còn lại, quyết định chiếm Ruya. Đảng Cộng sản Pháp báo động cho giai cấp vô sản Pháp biết tính chất đế quốc chủ nghĩa và phiêu lưu của Chính phủ Pháp, quyết định mở một chiến dịch của công nhân Pháp ủng hộ công nhân Đức, thành lập một Ủy ban hành động toàn quốc, tổ chức các cuộc mít-tinh quần chúng, các nghị sĩ cộng sản Pháp sử dụng diễn đàn Quốc hội lên án Chính phủ và tuyên

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 246

bố ủng hộ công nhân Đức, Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Đức ra tuyên bố phối hợp hành động Chính phủ Pháp thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng, bắt tù những người lãnh đạo như M. Casanh, G. Môngmútxô, G. Pêri...

Quân đội Pháp nhận lệnh đến Ruya, có những đơn vị tổ chức ủng hộ công nhân ở đây và công nhân mỏ Môden bãi công. Ở Can, lính trung đoàn bộ binh 17 hát Quốc tế ca. Ở Etxen, binh lính từ chối bắn vào người thất nghiệp chiếm khách sạn thành phố. Chính phủ quyết định điều lính bản xứ đến bao vây lính Pháp đã "vô kỷ luật" ủng hộ công nhân và phái lính bảo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công[1], trong đó chủ yếu là những người lính châu Phi.

Vấn đề quan hệ giữa người vô sản da trắng được mở rộng, không phải chỉ còn là vô sản Pháp với những người bản xứ, thuộc địa của đế quốc Pháp mà cả vô sản Đức - Pháp với các dân tộc thuộc địa Pháp.

"Non một nửa quân đội Pháp là người bản xứ, ước chừng 300.000 người", trong đó 250.000 là người da đen, hầu hết là những người lính thuộc địa của Pháp ở châu Phi (một số ít là ở các thuộc địa châu Á và châu Mỹ). Họ là một lực lượng hết sức quan trọng cần được chú ý. Nếu 250.000 người đó còn là công cụ không có ý thức hành động mù quáng theo mệnh lệnh của bọn quân phiệt thì cực kỳ nguy hiểm cho các dân tộc thuộc địa và bản thân giai cấp vô sản Pháp. Trái lại, được những người cộng sản tuyên truyền, vận động, giác ngộ và tổ chức lại thì chính họ là bạn đồng minh rất đáng tin cậy của nhân dân lao động Pháp và các thuộc địa của Pháp trong đấu tranh bảo vệ quyền lợi dân sinh dân chủ trong hòa bình, khi

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1. tr. 246.

nổ ra chiến tranh, đó là một lực lượng đáng sợ cho chủ của họ, vì họ chuyển qua trận tuyến cách mạng với những kiến thức quân sự do chính kẻ thù của họ đào tạo, bồi dưỡng, sẽ chuyển sang nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc hay sát cánh với giai cấp vô sản và quần chúng lao động ở chính quốc để tiến hành chiến tranh cách mạng lật đổ giai cấp tư sản.

Những cuộc hành quân bình định của quân đội xâm lược ở các nước thuộc địa gây thiệt hại về người và của cho người bản xứ là lẽ đương nhiên. Nhưng không phải chỉ có thế. Nó còn làm cho dân số chính quốc giảm sút một cách trầm trọng[1]. Chỉ tính "Từ tháng 01 đến tháng 6/1923, riêng ở Marốc cũng đã có 840 binh lính bị giết hay bị thương để mang lại quang vinh cho Thống chế Liôtây"[2].

Đây là tác giả muốn nói đến cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các bộ lạc vùng núi Ríp nổ ra từ năm 1921 thuộc Tây Ban Nha thống trị lan rộng sang vùng Pháp áp bức, thành lập nước Cộng hòa Ríp. Năm 1923, Chính phủ nước Cộng hòa Ríp cử đại biểu của họ đến Pari hội đàm với Chính phủ Pháp, nhưng không đi đến kết quả chấm dứt chiến tranh. Trái lại, chiến tranh càng tiếp diễn ác liệt hơn. Trong những năm ấy, sinh mệnh của người Pháp ngã xuống trên chiến trường châu Phi để mang lại vinh quang cho tướng lĩnh và làm giàu cho chủ các xí nghiệp sản xuất vũ khí khí tài cho chiến tranh cùng với bọn chủ thầu phục vụ cho 200.000 quân Pháp tiến hành chiến tranh[3]. Ở đây chứng minh một luận điểm bất hủ của Ph. Ăngghen: "Không một dân tộc nào có thể

---

[1][2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 201.

[3] Tăy Ban Nha có 100.000 quân tham gia phối hợp với quân Pháp tiến công vào các bộ lạc ở vùng núi Ríp, với 70.000 chiến sĩ kháng chiến.

trở thành tự do nếu cùng lúc đó còn tiếp tục áp bức những dân tộc khác"[1]

Khi những người vô sản da trắng đã giác ngộ về giai cấp, trở nên mất lòng tin đối vội nhà cầm quyền tư sản, thì "bọn quân phiệt Pháp lấy những người bản xứ ở châu Phi và châu Á để thay thế"[2]. Đây không phải chỉ là một nhu cầu nhất thời, mà là một quy luật tổ chức và sử dụng lực lượng vũ trang của chủ nghĩa đế quốc. Đây cũng là một mâu thuẫn không có lối thoát của chủ nghĩa đế quốc, buộc phải dùng con dao hai lưỡi, một lưỡi dùng để chống giai cấp vô sản chính quốc, còn lưỡi kia lại đe dọa ngay sự tồn tại của nền thống trị ở thuộc địa, vì lòng trung thành" của họ đối với bọn quân phiệt và chủ nghĩa thực dân không phải là đáng tin cậy tuyệt đối. Nói một cách khác chính bọn quân phiệt tổ chức ra một lực lượng biết kỹ thuật và nghệ thuật quân sự, lại được trao vũ khí vào tay, trong điều kiện lịch sử nhất định, từ những kẻ nô lệ có thể trở thành kẻ sẵn sàng đứng lên chôn vùi chúng. Thực tế của các cuộc đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc ở châu Phi cũng như ở các thuộc địa khác đã chứng minh chân lý này.

"Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những lúc tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc"[3]. Bộ máy thống trị thuộc địa của đế quốc Pháp được tổ chức khá hoàn chỉnh, với một hệ thống chặt chẽ để có thể hy vọng duy trì vĩnh viễn quyền lợi của chúng, sẵn sàng và kịp thời đàn áp tàn bạo bất cứ sự chống đối nào, có thể bóp chết ngay từ trong trứng hay đã bùng nổ

---

[1] C. Mác - Ph. Ăng ghen: *Tuyển tập*. Sđd, t. 1, tr. 469.
[2] [3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 201.

công khai. Bản thân bạo lực thống trị của chủ nghĩa thực dân phản ánh sự chống đối gay gắt, quyết liệt của dân tộc bị áp bức. Theo quy luật đấu tranh giai cấp của xã hội và thực tế khách quan của lịch sử, dân tộc bị áp bức cũng phải sử dụng bạo lực để chống lại kẻ thống trị mới có thể giải phóng được mình. Sau khi giành độc lập rồi, bạo lực cách mạng phải được sử dụng để bảo vệ nền độc lập, sẵn sàng trấn áp mọi lực lượng muốn khôi phục nền thống trị cũ, đánh thắng mọi cuộc xâm lược trở lại của chủ nghĩa thực dân.

Những cuộc đàn áp dã man của quân đội Pháp ở vùng núi Ríp từ năm 1921 đến năm 1926 do tên quân phiệt Uybe Liôtây chỉ huy, phá vỡ nước Cộng hòa Ríp, giết chết và làm bị thương hàng chục vạn người yêu nước và dân thường Marốc. Phong trào "*Những người khăn đỏ*" (Mênalamba) ở Mađagátxca kéo dài từ năm 1896 đến năm 1905 chống thực dân Pháp cướp đất lập đồn điền và dựng nhà thờ bị 7.000 quân viễn chinh phản công và tàn sát dã man. Các phong trào yêu nước V. V. S[1] ở Mađagátxca (1913 - 1915), Đảng Tự do lập hiến của giai cấp tư sản Tuynidi ra đời năm 1920 bị đối phó bằng nhà tù của chính quyền thực dân. Cuộc họp bàn đưa yêu sách lên Thống đốc Phuốcnơ xin giảm thuế và một số quyền lợi thiết thân khác ở Poóctô Nôvô, thủ phủ Đahômây tháng 2/1923 liền bị quân đội Pháp bắn giết và bắt giam nhiều người. Để che đậy tội ác ghê tởm của chính quyền thực dân, báo chí xuất bản ở Pháp và cả ở Poóctô Nôvô đã tung ra tin quần chúng khởi nghĩa và quân đội kịp thời dập tắt.

Bất cứ một sự phản ứng nào, dù chỉ là thái độ bất bình, đến tổ chức hội họp đưa kiến nghị hay biểu tình hòa bình, cho đến vũ trang bạo động, không kể quy mô nhỏ hay lớn, do

---

[1] V. V. S là chữ viết tắt của Vy, Vatô, Sakelika, nghĩa là sắt, đá, hệ thống.

thủ lĩnh bộ lạc, một bộ phận của giai cấp tư sản dân tộc hay những người có xu hướng vô sản chống chủ nghĩa thực dân đứng đầu đều bị lập tức đàn áp dã man để lập lại trật tự và "chế tạo ra lòng trung thành bắt buộc" của người bản xứ đối với nước Pháp.

"Bị tất cả mọi thủ đoạn thâm hiểm của các tòa án quân sự và tòa án đặc biệt vây xung quanh, một chiến sĩ người bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và dốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi khai hoá cho họ".

Chế độ lao động khổ sai được áp dụng phổ biến cho mọi người bản xứ. Nguyên tắc cai trị không dựa trên các đạo luật mà bằng các sắc lệnh độc đoán ở Mađagátxca, người bản xứ nào mà thẻ căn cước không theo đúng quy định của nhà cầm quyền đều "bị coi là du đãng" bị phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm. Sau khi hết hạn tù, được ra còn có thể bị đày biệt xứ từ 5 năm đến 10 năm. Tên thực dân trắng trợn ăn quỵt tiền công của người bản xứ, lại còn tỏ thái độ hống hách, thô bạo. Đem người bản xứ ra tra điện một cách dã man và hết sức vô lý không một chút căn cứ để bắt họ phải nhận ăn cắp tiền của tên chủ thực dân cho đến bị thương và phát hiện là chính cậu quý tử của ông chủ ăn cắp, nhưng tên thực dân đó chẳng bị tội tình gì[1]. Tám người bản xứ ở Tananarivơ bị tên Ghinôđô, Giám đốc một công ty điện lực, Chủ tịch Hội đồng thương mại và Ủy viên Hội đồng hành chính Mađagátxca tra điện với lý do bị vu cáo là họ ăn cắp 5.000 phrăng ở Nhà nước. Sự thật phơi bày là không phải như thế, tên Ghinôđô chỉ bị phạt bồi thường 16 phrăng. Tên quan năm Xele ở

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 66

Tananarivơ đánh những người dân bản xứ chỉ vì họ không chào hắn và tên chủ quận bắt tù những người dân "không tuân theo mệnh lệnh của hắn", bất kể là mệnh lệnh gì.

Luật nghĩa vụ quân sự của chủ nghĩa đế quốc Pháp quy định chứa đầy chủ nghĩa chủng tộc: người Pháp ở nước Pháp hay sinh sống ở Bắc Phi phải làm nghĩa vụ quân sự 18 tháng, người bản xứ thì phải tại ngũ 3 năm, tức là dài gấp đôi.

Khi động viên phục vụ chiến tranh, lấy lính tình nguyện trong "những người con trung thành" sang chiến trường châu Âu, nhiều thanh niên bản xứ đã trốn tránh. Nhà cầm quyền phải cho lính đi lùng, bắt từng làng phải nộp đủ mức cấp trên quy định. Những thanh niên trốn tránh thì tai vạ sẽ đổ lên đầu cha mẹ họ, người thân của họ và cả những người cùng làng xóm phải liên đới trách nhiệm, chia sẻ chịu đựng mọi cực hình. Vì xót thương cha, mẹ, vợ, con, họ hàng, làng xóm, họ buộc phải ra trình diện, nộp thân, phó mặc cho may rủi trước bom đạn của chiến tranh. Những tội ác ghê tởm của bọn thực dân không bị buộc tội trước tòa án, không những thế lại còn được coi là có thành tích, được vinh dự thưởng công lao bằng thăng chức, tặng huân chương.

Những người dân bản xứ khốn khổ ở Tơripôli thuộc nước Libăng, thuộc địa của đế quốc Ý, vì không chịu nổi ách áp bức, đã liều mạng đưa gia súc gầy còm theo người bí mật vượt biên giới sang Tuynidi di cư để mong tìm con đường thoát. Quân đội biên phòng Pháp xả súng bắn chặn họ lại, mặc dầu chỉ là những người già, phụ nữ, trẻ em. Nguyễn Ái Quốc dẫn bài của bà Clerơ Giêniô đăng trên báo *Universel* với những dòng chữ thấm đượm những giọt nước mắt nhân ái như sau:

"Những sĩ quan của chúng ta dùng ống nhòm để theo dõi cái chết ngắc ngoải dần mòn của những con người sơ khai ấy, những con người mà các nước mạnh đã đem những ân huệ của văn minh lại cho họ. Những trẻ thơ chết trước tiên, dưới bầu sữa đã cạn của mẹ chúng. Chẳng bao lâu những người đàn bà cũng gục xuống. Rồi đến lượt những người già lão, thân hình đã gầy rạc như những bộ xương, bị cát phủ kín. Sau thì cả đàn ông cũng chết nốt. Khi người ta tưởng rằng tất cả đoàn "người nổi loạn" đó đã chết cả rồi, thì bác sĩ Natan và bác sĩ Công-xây nhận thấy vài em bé gái hình như hãy còn động đậy bên cạnh những cái xác của cha mẹ chúng đã chết cứng. Đêm đến, hai bác sĩ đến gần các em thì nhận thấy quả thật những em bé mặc quần áo sặc sỡ và đáng yêu đó, những ngày đầu vô tư lự vẫn còn nhảy nhót vui tươi, lúc đó chỉ còn thở thoi thóp. Sau khi giấu những em bé đó vào trong xe cứu thương, hai ông rất sung sướng đã cứu cho em sống lại, và xúc cảm trước nỗi đau khổ côi cút và vẻ đáng yêu của các em, hai bác sĩ đã giữ những em gái nhỏ đó lại để giúp việc cho mình - đó là những kẻ sống sót duy nhất trong đoàn hơn một nghìn người dân Tơripôli"[1].

Bức tranh hiện thực hết sức sinh động của một nhà báo không phải cách mạng đầy lòng thương người này có sức tố cáo mãnh liệt tội ác của quân đội Pháp ở biên giới Libăng – Tuynidi. Đó cũng là biểu hiện hành động man rợ chung của quân đội Pháp (nói rộng ra là của quân đội bất cứ đế quốc nào) ở mọi thuộc địa, ở biên cương cũng như ở nội địa. Đồng thời bài báo cũng hết sức ca ngợi tấm lòng bao dung rất đáng quý của hai bác sĩ Pháp đã dũng cảm, bí mật cứu được hai em bé bản xứ còn sống sót bên cạnh những người thân đã gục trước làn đạn quân thù.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 250.

Nói về tội ác giết hại người bản xứ, Nguyễn Ái Quốc viết: *"Cônggô thuộc Pháp năm 1894 có 20.000 dân, thế mà đến 1911 chỉ còn có 9.700 người (...). Trong một vùng khác với 4 vạn dân da đen, chỉ trong hai năm đã có 2 vạn người bị giết; nửa năm sau 6.000 người nữa lại bị giết và bị thương tật.*

Những vùng ven sông trù phú và đông đúc dân cư chỉ sau 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải rác trắng khắp các ốc đảo và làng mạc bị tàn phá"[1].

Số phận người dân châu Phi trong tay đế quốc Bỉ hay đế quốc Đức không khác gì đế quốc Pháp. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: "Ở Cônggô thuộc Bỉ, năm 1891 dân số là 25 triệu người thế mà đến năm 1911 chỉ còn 8,5 triệu. Những bộ lạc Hererô và Cama ở thuộc địa cũ của Đức tại châu Phi đã hoàn toàn bị tiêu diệt, 8,5 vạn người bị giết trong thời gian Đức chiếm đóng và 15.000 người bị giết trong thời kỳ "bình định" năm 1914[2].

Thống chế Liôtây, Toàn quyền Marốc, Tổng chỉ huy quân đội TOM đã cấm dùng đạn nổ có hơi ngạt và hơi làm chảy nước mắt bởi vì... Nhưng chúng ta hãy trích dẫn lời tạp chí đó: "Bởi vì mục đích nhằm đạt tới dĩ nhiên không phải là giết cho được nhiều người phiến loạn, mà là nhanh chóng làm cho họ phải phục tùng"[3]

Trong bài *Công cuộc khai hoá giết người*, Nguyễn Ái Quốc viết: "Từ ngày người da trắng đặt chân lên bờ biển lục địa của người da đen thì lục địa đó không lúc nào là không đẫm máu. Ở đó, những cuộc tàn sát hàng loạt được Giáo hội

---

[1][2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 288.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 271.

cầu chúc phúc lành, được bọn vua chúa và nghị viện phê chuẩn một cách hợp pháp, được bọn buôn người da đen đủ mọi hạng - từ bọn buôn nô lệ xưa kia, cho đến bọn quan cai trị ngày nay ở thuộc địa - chăm chú thi hành".

...

BỌN BUÔN NGƯỜI DA ĐEN

Năm 1824, một chiếc tàu buôn người da đen vừa lấy những người da đen từ bờ biển châu Phi để đưa tới Ăngtiơ, thì bị một tuần dương hạm đuổi theo. Trong khi đuổi theo, người ta thấy có nhiều chiếc thùng trôi lềnh bềnh gần tuần dương hạm. Người ta tưởng rằng chiếc tàu buôn người da đen đã vứt bỏ những thùng nước xuống cho nhẹ bớt để dễ chạy trốn. Nhưng khi đã cập sát được chiếc tàu rồi, thì người ta nghe thấy tiếng rên rỉ trong một chiếc thùng để trên boong tàu: mở ra thì thấy hai người đàn bà da đen gần bị chết ngạt. Té ra chiếc tàu buôn người da đen đã nghĩ được cách đó để cho nhẹ bớt tàu.

Một chiếc tàu Anh cứu được một chiếc tàu buôn người da đen bị đắm. Người ta cứu cả những người da đen lẫn thuỷ thủ trên tàu. Nhưng đến khi thấy thiếu lương thực, người ta liền quyết định hy sinh những người da đen. Người ta bắt họ sắp hàng trên boong tàu, rồi dùng hai khẩu súng lớn bắn họ một cách không thương xót gì cả.

TÌNH CẢNH CỦA NHỮNG NGƯỜI NÔ LỆ

Những người da đen bị bắt đều bị buộc cổ, buộc tay, buộc chân với nhau, thành từng đôi một. Rồi người ta lại dùng một cái xích dài buộc thành từng chuỗi 20 hay 30 người một. Trói như thế rồi, người ta dong họ ra tận bến tàu. Người ta nhét họ chồng chất vào trong hầm tàu chật chội, tối om và nghẹt thở. Để "bảo đảm vệ sinh", người ta dùng roi quật họ

tới tấp như mưa để bắt họ phải nhảy nháo lên mỗi ngày vài lần. Để hòng được rộng chỗ, thường thường là, đàn ông bóp cổ lẫn nhau, và đàn bà thì dùng đinh đâm thủng trán những chị bên cạnh. Những người ốm bị coi là hàng hoá đã hư hỏng không bán được, bị quẳng xuống biển. Khi biển động, người ta ném người da đen xuống biển để cho nhẹ tàu. Nói chung khi tàu cặp bến thì một phần tư chuyến hàng da đen đã chết gục vì bệnh truyền nhiễm hay chết ngạt. Những người nô lệ còn sống sót bị đem đóng dấu và đánh số bằng sắt nung đỏ như súc vật vậy, người ta đếm họ bằng tấn, bằng "kiện" chứ không phải bằng đầu người. Thí dụ như Công ty Bồ Đào Nha ở Ghinê, năm 1700 đã ký một hợp đồng là sẽ cung cấp 11.000 "tấn" người da đen.

Hơn 15 triệu người da đen bị chở sang Mỹ trong những điều kiện như vậy, độ 3 triệu đã chết dọc đường hay bị ném xuống biển. Còn những kẻ vì chống cự hay nổi loạn mà bị giết thì không kể... Lối buôn bán nhơ nhuốc đó chấm dứt vào khoảng năm 1850 để nhường chỗ cho một hình thức nô lệ khác phổ biến hơn là: chế độ thực dân.

CHẾ ĐỘ THỰC DÂN

Những hiện tượng tàn khốc mà chúng tôi sắp kể ra đây, nếu không phải là đã được chứng minh bằng những tài liệu không thể chối cãi được, nếu không phải chính những người châu Âu kể lại, thì người ta khó mà tin được[1].

Tiếp theo phần trên, tác giả đưa ra những dẫn chứng cụ thể về tội ác của bọn thực dân Pháp, Ý, Bỉ ở các thuộc địa vùng Đông Phi giết người da đen vô cùng man rợ và thu được những món tiền khổng lồ nhờ buôn bán nô lệ.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd. t. 1, tr. 321 - 324

Những sự việc có thực trên đây được Nguyễn Ái Quốc công bố lên mặt báo, phơi bày trước dư luận thế giới, trước hết là với công chúng Pháp, toát ra một tư tưởng cơ bản: bản chất của chủ nghĩa thực dân là thô bạo, tàn nhẫn, luật pháp của bọn thực dân là độc đoán chỉ nhằm mục đích bênh vực bọn ăn cướp da trắng một cách hết sức trắng trợn và quy định những điều cực kỳ vô lý, khắc nghiệt để làm tiêu mòn các dân tộc thuộc địa.

Khi chiến tranh cần dùng xương máu của thanh niên Tuynidi làm mồi cho súng đạn, bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa đế quốc Pháp, "người Tuynidi được vuốt ve và trìu mến. Người ta đã ca ngợi rất là thắm thiết tình anh em ruột thịt giữa Pháp và Tuynidi, mối tình ruột thịt đã đời đời gắn chặt vào trong xương máu và quang vinh. Người ta đã thực hành cả một chế độ kiểm duyệt để cấm báo chí dù thế nào cũng không được làm phật ý người bản xứ"[1]. Đó là cách đối xử của "văn minh" thực dân với mọi thuộc địa trong thời kỳ chiến tranh một cách quý hoá như thế!

Nhưng khi hòa bình lập lại, những phát súng, ngọn đòn thay cho các hành động mị dân, mơn trớn. Những hành vi vô nhân đạo lại hoành hành công khai, trắng trợn khắp nơi. Chỉ vì cho cừu vào ăn cỏ ở vườn cây ôliu của một tên chủ thực dân mà ba người Tuynidi bị hạ bằng ba phát đạn. Nghi lấy vài chùm nho mà bị tên thực dân chủ nhà hành hạ đến gần chết, phải đưa đi bệnh viện cứu chữa.

Báo *L'Humanité* số ra ngày 13/9/1922, cho biết: ở Mađagátxca vẫn còn chế độ kiểm duyệt thư từ nghiêm khắc, mặc dù bốn năm đã qua, sau "cuộc chiến tranh vì công lý" tức là bốn năm sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 119

Thực ra, viết về Mađagátxca là thế, mà viết về tất cả các thuộc địa khác cũng đều là thế cả. Nguyễn Ái Quốc kết luận bài báo của mình: "Như thế là người bản xứ bị giết chóc, cướp phá và không được hưởng những quyền sơ đẳng nhất: cả đến quyền thư tín. Sự vi phạm tự do cá nhân này chứng minh thêm chính sách đê tiện của bọn mật thám và chính sách lạm quyền đang thống trị ở những thuộc địa chúng ta".[1]

Đầu độc dân bản xứ là một thủ đoạn cực kỳ nham hiểm, để làm tiêu mòn dần nòi giống cả về thể xác và tinh thần cùng với chính sách ngu dân. Đế quốc Pháp cho lập ở thành phố Cadablăngca (Marốc) năm 1907, 6 quán rượu; năm 1913 lên 161 quán rượu. Các bệnh tật hiểm nghèo gây thoái hoá nòi giống và tử vong cũng phát triển nhanh chóng tương ứng như quán rượu.[2]

"Liôtây đã có lý để cho rằng rượu cồn, thuốc phiện và nhà thổ (những tiệm rượu và nhà thổ ở Marốc cứ 5 năm lại tăng 280%) có giá trị "khai hoá" nhiều hơn và có ích cho sự nghiệp thực dân nhiều hơn là bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền nhạt nhẽo như vậy[2]. Đây là một sự liên hệ đầy mỉa mai về chế độ tư bản chủ nghĩa thống trị thuộc địa bôi nhọ Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 đã đi vào lịch sử văn minh thế giới như những trang bất hủ.

Giáo hội đã từng đóng vai trò mở đường cho chủ nghĩa thực dân xâm lược thuộc địa trong lịch sử. Nguyễn Ái Quốc viết: "Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng thế tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 110, 258
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 330

ra. Bởi vậy mọi đoàn đi khai hoá - dù đến Ăngti, Mađagátxca, Tahiti hay là Đông Dương cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo"[1]

Bọn giáo sĩ giả danh đó thực tế là những kẻ làm gián điệp, ăn cắp bí mật quân sự, vẽ bản đồ địa thế nộp cho quân đội viễn chinh, làm thông ngôn và chỉ điểm cho quân đội đánh phá những làng không chịu khuất phục chúng. Sau khi đã chinh phục được lãnh thổ nước ngoài rồi, giáo hội lại trở thành công cụ tinh thần cho sự áp bức thực dân, thực hiện chính sách ngu dân đối với dân tộc nô dịch.

Nguyễn Ái Quốc trích dẫn từ cuốn *Sự khai thác các thuộc địa của Pháp* của Bộ trưởng Thuộc địa A. Xarô để nói lên sự áp bức về văn hoá của đế quốc Pháp ở châu Phi:

	Dân số	Trường học	Học sinh
Tây Phi thuộc Pháp (AOF)	12.000.000	290	12.000
Châu Phi xích đạo thuộc Pháp (AEF)	5.000.000	100	4.000
Mađagátxca	3.000.000	789	78.000
Xômali	64.000	2	250
Đảo Rêuyniông	172.000	124	17.000

Như vậy, nơi thấp nhất là châu Phi xích đạo thuộc Pháp, cứ 50.000 dân có 1 trường học; còn các nước khác trên dưới 30.000 dân có 1 trường học. Mỗi trường, ít thì có khoảng bốn chục học sinh, cao nhất là đảo Rêuyniông trên 130 người.

Tại Angiêri, từ suốt 94 năm qua tức là sau 10 năm bị chiếm đóng - trong số 5.000.000 dân chỉ có 35.000 học sinh là được hưởng thụ một nền giáo dục nhỏ giọt còn 695.000 trẻ em bản xứ phải chịu dốt nát. Dựa trên các số liệu do Chính phủ Pháp ban hành, Nguyễn Ái Quốc kết luận: "*May mắn thay,*

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 330

tuy chúng ta thiếu trường học, nhưng nước Pháp đã ban cho chúng ta rất nhiều nhà thổ, tiệm hút thuốc phiện và ty rượu"[1]

Tướng Galiêni quyết định: tiếng Pháp phải trở thành cơ sở của nền học vấn trong tất cả các trường trên đảo Mađagátxca, nhằm đẩy lùi và xoá bỏ nền văn hoá dân tộc. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bọn thực dân ra lệnh cấm các trường ở Mađagátxca học lịch sử và địa lý có tính chất lật đổ.

Ngay những người dạy học trong các chủng viện nói toạc ra rằng việc dạy học cho người bản xứ không phải để mở mang trí tuệ cho họ, mà chỉ để biết phục tùng. Họ cho rằng mở mang trí tuệ cho người bản xứ là con đường nguy hiểm, vì có những vấn đề sẽ được đặt ra, những cái mới sẽ được tìm hiểu... để cho học sinh đó tiến nhanh đến trình độ phê phán thầy giáo và chế độ, đến nổi dậy và đòi tự do.

Ở Mađagátxca, ba phần tư số học sinh ở các trường công, một phần tư còn lại học ở các thuộc địa khác cũng có tình hình tương tự như vậy.

Báo chí xuất bản ở các thuộc địa bằng tiếng bản xứ phải xin phép, trước khi ra số nào phải kiểm duyệt bài rồi mới được in, và có thể dễ dàng bị cấm do một đạo nghị định của Toàn quyền ban hành, không cần xét xử gì trước tòa vì không có luật báo chí. Thủ đoạn đối với báo chí như thế làm cho mọi sự tàn ác, tham nhũng tội lỗi đều không được phơi bày trước công luận. Trên báo chí chỉ có một tiếng nói của chính quyền thực dân và bọn bồi bút tay sai, khống có tranh luận và ý kiến đối lập phê phán, không có sự thật và lẽ phải, chỉ có xuyên tạc, bóp méo sự thật và độc đoán ngự trị.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 314

Lợi dụng luật báo chí tư sản về quyền tự do xuất bản và phát hành, những người yêu nước ở châu Phi đã cùng nhau ra báo chung ở Pháp, như tờ *Le Paria* của Hội Liên hiệp thuộc địa (cùng với những người cách mạng ở các lục địa và hải đảo khác ngoài châu Phi), tờ *Le Libéré* của những người tiến bộ và cách mạng Mađagátxca do Ralemônggô đứng đầu (bắt đầu ra mắt năm 1923). Cũng luật báo chí của Quốc hội Pháp cho phép xuất bản tự do ở các thuộc địa những tờ báo bằng tiếng Pháp, những người yêu nước ở Mađagátxca cho ra báo *Ère nouvelle* (1920), sau đó là *Action coloniale*, ở Angiêri cho ra tờ *La Lutte sociale*.

Cho tờ báo ra mắt công chúng có luật bảo vệ quyền tự do, nhưng điều khó khăn chủ yếu là duy trì cho tờ báo sống làm diễn đàn đấu tranh cho quyền lợi dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân. Chính quyền thực dân sẽ tìm mọi cách quấy rối, khiêu khích, phá hoại, nào là cản trở về tài chính, nào là bắt tù và trục xuất người biên tập, phóng viên để cho tờ báo mòn mỏi, rồi chết hẳn.

Áp bức, chia rẽ chủng tộc, thực hiện chính sách ngu dân và đầu độc người bản xứ của chủ nghĩa thực dân, bao giờ cũng đi song song và xen kẽ với triệt phá của cải, bóc lột kinh tế và phi kinh tế ở thuộc địa, để làm giàu cho giai cấp tư sản chính quốc, đem lại nghèo đói, cùng cực cho dân tộc bị áp bức.

Điều mỉa mai là khẩu hiệu của cách mạng tư sản Pháp: "Tự do, bình đẳng, bác ái" mà giai cấp tư sản lũng đoạn lớn tiếng tuyên truyền đã bị các chính sách vô nhân đạo của chúng xoá bỏ không thương tiếc và bôi nhọ ở khắp các thuộc địa.

"Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng vẫn được trả lương hậu hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ mặc dầu đã làm việc lâu năm và mặc dầu rất thành thạo công việc vẫn chỉ lĩnh một khoản tiền công chết đói, trong khi một người da trắng mới được vào, làm công việc ít hơn, thì lại lĩnh lương bổng nhiều hơn".[1]

Ở đây đứng trên lập trường của người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đưa quan niệm bình đẳng của giai cấp tư sản Pháp khi còn giữ vai trò tiến bộ nhất định trong lịch sử chứ chưa phải viện đến quan niệm bình đẳng của giai cấp vô sản cách mạng để đấu tranh chống chính sách thuộc địa thực hiện bất bình đẳng, phân biệt chủng tộc. Đây cũng tuyệt nhiên không có ý gì kích động sự phản ứng của chủ nghĩa chủng tộc. Quan niệm bình đẳng giữa các chủng tộc thì ngay những người Pháp dân chủ, tiến bộ tư sản chứ chưa phải cộng sản đã từng bênh vực trên sách, báo và ở diễn đàn quốc tế. Tiêu biểu nhất cho tư tưởng tiến bộ - tư bản này được viết thành sách là Pôn Êchiên Vinhê, bút danh là Pôn Vinhê Đốctông (1854 - 1963) với tác phẩm *Vinh quang của lưỡi gươm* (La gloire du sabre) đã nói ở trên.

Thực ra, sự khinh miệt chủng tộc khác màu da là bản chất của chủ nghĩa thực dân gắn liền với sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản ngay từ khi mới ra đời. Không phải chỉ những người lao động bản xứ bình thường mới bị phân biệt đối xử, mà ngay cả những người có học vị cao, những người trí thức thuộc địa đã qua trường đại học của Pháp cũng thế, mặc dầu họ đã gia nhập quốc tịch Pháp. Theo đạo luật ngày 25/3/1913 của Quốc hội Pháp quy định điều kiện người nước ngoài được chấp nhận vào quốc tịch Pháp hết sức hèn hạ (ngày nay đã

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 75

sửa đổi). Vào quốc tịch Pháp trước kia là một sỉ nhục đối với người bản xứ có lòng tự tôn dân tộc, hay nói rộng ra, thiếu cả tính tự trọng của một con người có nhân cách.

Nguyễn Ái Quốc nhận xét: "Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kể gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa xoi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây..."[1] với những nội dung hết sức hèn hạ, xấu xa, xúc phạm đến giá trị con người, và bình luận mỉa mai: "Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cắm s... lên đầu anh không!"[2][2].

Phân biệt chủng tộc trong quân đội Pháp cũng rất rõ: "Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng gần như bao giờ cũng được xem là cấp trên của người bản xứ. Người sĩ quan bản xứ phải chào và tuân lệnh sĩ quan da trắng. Cái chế độ đẳng cấp phân biệt "nhân chủng - quân sự" ấy lại còn rõ rệt hơn nữa khi những người lính da trắng và lính khác màu da cùng đi chung trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy. Ví dụ như việc mới nhất gần đây:

Hồi tháng năm, chiếc tàu *Ligiê* chở 600 lính người Mangát từ Pháp sang Mađagátxca. Các hạ sĩ quan người bản xứ thì chen chúc dưới hầm tàu, còn đồng nghiệp của họ, những hạ sĩ quan da trắng, thì được đường hoàng nằm trong các buồng dành riêng.

Hẳn những người anh em khác màu da chúng ta, nóng sôi lên vì các nồi súp-de nếu không phải vì lý tưởng và tỉnh dậy vì tiếng động ầm ầm của chân vịt quay hay vì tiếng gọi

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995. t. 2, tr. 86-87
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 75-76

của lương tri, có thể suy nghĩ và hiểu rằng cái chủ nghĩa tư bản tốt đẹp kia vẫn coi họ và bao giờ cũng chỉ coi họ như những kẻ ôlô malôtô mà thôi"[1].

Đến trên vũ đài quyền Anh, Xiki, người Xênêgan đã thắng Cácpăngchiê, người Pháp. Xiki liền nhận được lệnh treo giò trong chín tháng không cho dự tất cả các võ đài nước Pháp vì một lý do hoàn toàn bịa đặt sự thật là một người da đen được phép thắng một người da trắng, "tuy Cácpăngchiê không có lòng hằn thù nhưng chủ nghĩa vị chủng của những người khác đã lại đem lòng hằn thù"[2].

Trong chính sách phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân Anh giống chủ nghĩa thực dân Pháp như đúc. Dù Xiki là người Xênêgan - là công dân Pháp, nhưng gốc là người dân thuộc địa của Pháp, nên Bộ trưởng Bộ Nội vụ Anh đã cấm cuộc đấu quyền Anh đã dự định từ trước giữa Giôe Bếchkết với Xiki trên vũ đài ở Luân Đôn.[3]

Những việc buôn bán, hành hạ người da đen của bọn thực dân da trắng đã viết ở trên không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế, kiếm lời, mà trong đó bao hàm cả chủ nghĩa chủng tộc được thương mại hoá. Ở châu Phi xích đạo, một người châu Âu trói hai người bản xứ vào hai cái cọc, tưới dầu hoả lên người họ rồi đốt cháy. Tòa án xử người châu Âu kia án treo và nộp phạt 50 phrăng[4] chứng tỏ rằng "công lý" của chủ nghĩa thực dân ở thuộc địa là bảo vệ chủ nghĩa chủng tộc, là ủng hộ mọi hành động tiêu diệt người bản xứ dưới bất cứ hình thức nào, dù là man rợ nhất.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 75-76
[2][3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 125
[4] *Le Paria*, số 11, ngày 01/02/1923

Việc xuất khẩu hàng từ các thuộc địa sang chính quốc hay đi các nước khác, các công ty tư bản phương Tây được ưu đãi về thuế quan để có điều kiện thuận lợi vơ vét của cải ở thuộc địa với giá rẻ mạt và bán ra kiếm những món lợi lớn. Ngược lại, hàng hoá do bọn nhà buôn da trắng đưa vào các thuộc địa nhiều khi là những thứ thừa ế, kém phẩm chất, thiết bị lạc hậu cũng được ưu đãi về thuế quan, đưa vào bán giá cao, buộc người tiêu dùng bản xứ phải gánh chịu cả về phần chi dùng cá nhân cũng như đóng góp cho ngân sách của chính quyền thuộc địa.

Bọn cướp nước từ châu Âu tới, dựa vào bọn địa chủ, bọn cho vay nặng lãi, một số thủ lĩnh bộ lạc, các bên câu kết với nhau cùng cướp bóc nông dân. Cả một bộ máy hành chính, quan lại và các tầng lớp bóc lột liên minh với nhau chèn ép nông dân, làm cho họ không còn đường thoát. "Nếu thoát được ách này thì lại rơi vào tay bọn khác"[1]. Chúng sử dụng khá linh hoạt các hình thức cướp bóc, tùy theo điều kiện và đối tượng cụ thể, nhằm làm giảm những phản ứng chống đối và bất bình đến mức thấp nhất để chiếm được nhiều đất đai và tiền lãi với mức cao nhất. Trong sự bóc lột giai cấp ấy, chứa đựng mọi yếu tố áp bức bóc lột dân tộc và chủng tộc.

Nguyễn Ái Quốc viết về chính sách ăn cướp và bóc lột của đế quốc Pháp ở Angiêri. Tuynidi, Marốc như sau: *"Tất cả những ruộng đất tốt và được tưới nước thì phải để cho bọn thực dân di cư tới chiếm. Dân bản xứ bị đuổi đi, họ phải tìm nơi nương tựa ở những vùng ven núi hay những nơi ruộng đất khó làm ăn. Các công ty tài chính, bọn đầu cơ và quan lại cao cấp đua nhau ruộng đất của các thuộc địa.*

Do những hoạt động trực tiếp và gián tiếp, các ngân hàng Angiêri và Tuynidi năm 1914 đã thu được 12.258.000 phrăng tiền lời với số vốn là 25 triệu phrăng.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd. t. 1, tr. 257

Ngân hàng Marốc với số vốn là 15.400.000 phrăng, năm 1921 đã thu được 1.753.000 phrăng tiền lời.

Công ty Pháp - Angiêri chiếm 324.000 hécta ruộng đất tốt nhất.

Tổng Công ty Angiêri chiếm 10 vạn hécta.

(...)

Chính sách thực dân của Pháp đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn. Nó đã làm cho nông dân bản xứ mất hơn 5 triệu hécta ruộng đất tốt nhất.

Trong 15 năm, nông dân ở Cabili bị cướp mất 192.000 ha.

Từ năm 1913, mỗi năm nông dân Marốc bị cướp mất 12.500 hécta ruộng đất cày cấy. Từ khi Pháp thắng trong cuộc chiến tranh "vì công lý", con số đó tăng lên tới 14.540 ha".

Hiện nay ở Marốc chỉ có 1.070 người Pháp mà chiếm tới 500.000 hécta ruộng đất.

Nỗi khổ cực của nông dân châu Phi cũng như nhân dân Việt Nam thật đáng sợ. Ngay giữa mùa gặt lúa, nông dân phải tranh nhau ăn với chó, bới các đống rác tìm thức ăn. Xin lưu ý: khi mùa màng đã qua, những thân hình giơ xương của họ lại kéo lê trên các nẻo đường xin ăn.

Tình cảnh của nông dân Tây Phi và châu Phi xích đạo thuộc Pháp còn khủng khiếp hơn.

Người ta xuất cảnh nông dân và cưỡng bức họ làm việc trong các công ty đặc quyền. Cách thức tiến hành của chúng là như sau: chúng tống giam người già, phụ nữ và trẻ em lại như những con dê trong chuồng. Những người đó bị quản thúc, bị ngược đãi, bị làm nhục, lại bị đói khát, thậm chí bị

giết. Ở những khu vực nhất định chúng luôn luôn giữ một số lượng người đủ để làm việc, ngăn cấm họ chạy trốn. "Ở Rêuyniông, Angiêri, Mađagátxca, v.v..., người ta không trồng ngũ cốc nữa, mà lại phải trồng những thứ khác cần cho nền công nghiệp của Pháp. Những thứ này có lợi hơn cho chủ đồn điền. Điều đó làm cho đời sống ở thuộc địa rất đắt đỏ và luôn luôn xảy ra nạn đói"[1].

Bài "*Chế độ thực dân trên đồi Mếchne*" đăng trong *La Revue géographique du Maroc*, số 4, năm 1948 (tr. 126) cho biết: năm 1912 bọn thực dân Pháp đã cướp của các bộ lạc trù phú ở đây 115.000 đất mầu mỡ trong tổng diện tích đất tốt nhất là 150.000 ha, với các nguồn tưới cho nó, làm cho dân địa phương phải lang thang đi kiếm ăn nơi khác và lâm vào cảnh túng đói. Các bộ lạc Arập như Mgiát, Oochitxa, Ghêman miền Bắc cũng chịu số phận tương tự như người dân trên đồi Mếchne này, bị chiếm đến một nửa đất đai nguyên thủy của người Mgiát.

Trong cuốn sách của các nhà địa lý và lịch sử thực dân, các tác giả viết rằng bọn thực dân châu Âu sang các thuộc địa khai thác những đất đai còn hoang dã. Đó chỉ là sự lừa bịp. Sự thật là những vụ cướp đoạt trắng trợn đất đai của dân bản địa bằng xung đột vũ trang và đổ máu liên tục diễn ra.

Ở Mađagátxca, bọn thực dân Pháp phá hoại những vùng cao su ngay từ những năm mới đánh chiếm, vào cuối thế kỷ thứ XIX. Với 12 triệu hécta rừng có thể khai thác được trước khi bị thực dân Pháp cướp nước, chỉ trong vòng 5 năm, một phần ba diện tích đó gần 4 triệu hécta bị phá hủy. Chừng 01 triệu hécta bị khai thác làm đường xe lửa Tamatavơ -

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 285 - 289

Tananarivơ và đốt củi cho tàu chạy, khai thác những gỗ quý, còn lại thì đốt cháy để lấy đất trồng lương thực.

Trong những cuộc tranh cướp ruộng đất giữa bọn thực dân và nông dân bản xứ, thường xảy ra những xung đột đổ máu. Bọn kẻ cướp thực dân không ngần ngại gì mà không hy sinh ngay cả 800 lính da trắng được coi trọng tính mạng hơn người lính da đen để cướp cho được 72.700 ha ruộng đất ở Marốc[1]

Chủ nghĩa thực dân tiến công đập vỡ tập quán cổ truyền của người bản xứ để cướp bóc họ. Ở Bắc Phi, phần lớn đất đai là công hữu. Mỗi người nông dân được chia một phần đất và hưởng thụ toàn bộ sản phẩm thu hoạch trên mảnh đất đó. Trong nông thôn không có chuyện mua bán ruộng đất. "Chỉ riêng ở Angiêri và Tuynidi, chế độ thuộc địa chính thức đã lấy cắp của nông dân bản xứ khoảng: 1 triệu 600 nghìn hécta đất nguyên của nông dân sử dụng, 2 triệu 700 nghìn hécta rừng công, 800 nghìn hécta đất công".

"Nước Marốc mới bị chia cắt không lâu, đã bị cướp 545.000 hécta ruộng đất. Sự cướp đoạt những người bản xứ diễn ra nhanh đến chóng mặt và với những quy mô khủng khiếp.

Năm 1870, 500 nghìn hécta đất của dân thuộc địa bị tịch thu cùng một lúc. Từ năm 1895 đến 1910, 192 nghìn hécta đất của Angiêri chuyển sang tay người Pháp. Từ 1919 đến 1923, chế độ thuộc địa đã chiếm của dân Marốc 72.700 ha[2]

Về thủ đoạn chiếm đoạt, bọn thực dân khéo sử dụng mánh khoé xảo quyệt kết hợp với vũ lực trắng trợn. Ở Angiêri, chúng dồn dân tới vùng núi, triền đồi rồi chiếm đất. Ở Tuynidi, bọn thực dân mượn cớ dùng đất cho lợi ích công

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 272, 254
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 255

cộng, dựa vào tập quán của dân địa phương vốn có từ lâu đời để lấn chiếm. Ngay việc chuyển phần đất đai này cũng tùy từng trường hợp mà kết hợp cướp đoạt trắng trợn bằng một đạo nghị định với tập quán truyền thống. Có những công ty từ đầu những năm 20 của thế kỷ chúng ta đã chiếm đoạt tới 100.000 ha[1] ở Angiêri. Những công ty hay chủ đồn điền cá nhân chiếm hàng vạn hécta và chục vạn hécta thì rất nhiều.

Những công ty hoặc cá nhân chiếm đất đai của dân bản xứ không phải chỉ để trực tiếp khai thác, mà còn cho thuê và mua đi bán lại để thu lãi nhiều hơn. Có khi bọn thực dân khai thác màu mỡ trên mặt đất trồng trọt. Có khi chúng mua đất để đào sâu, tìm bới những mỏ quặng và các tài nguyên thiên nhiên quý báu, giá trị đáng gấp đến nghìn vạn lần số tiền bỏ ra mua đất. Bọn thực dân quả là có tài nghiên cứu khá sâu sắc điểm rất đúng vào những địa bàn hết sức cơ động để dễ mở rộng và có điều kiện kiếm lợi nhuận không những nhiều mà còn nhanh chóng.

Những kẻ đi chiếm đoạt đất đai của dân bản xứ thật lắm hạng người: địa chủ, các công ty kinh doanh công nghiệp và thương nghiệp, nhà truyền giáo, viên chức nhà nước và luật sư. Luật sư có ưu thế hơn người, nắm vững các sắc lệnh và nghị định ban hành ở thuộc địa, phát hiện rất nhạy bén và tinh vi những nhược điểm trong quy ước đất đai của dân địa phương. Khi chạm nhau giữa người bị cướp và kẻ cướp ra trước pháp luật, những người dân địa phương hiền lành, không biết chữ, chẳng hiểu luật lệ gì của nhà nước thường bị dồn vào chỗ đuối lý, chịu thất bại cay đắng, phải điểm chỉ thừa nhận sự vô lý trước mặt quan tòa. Các vị luật sư này không phải chỉ tranh cướp đất để cho hắn trở thành địa chủ

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 255

hay có cổ phần trong các công ty kinh doanh nào đó, mà còn phát huy tài năng nghề nghiệp chiếm đất cho người khác để lấy tiền. Nguyễn Ái Quốc kể: *"Một luật sư Pháp giao cho nhân viên của mình mua đất để làm tài sản riêng với giá 20 phrăng. Đất ấy nằm giữa habu công cộng. Biết rằng đất đai ở đó không có ranh giới rõ rệt, người phục vụ pháp luật của chúng gây ra những chuyện khó khăn và lôi cuốn những người nông dân vào quá trình kiện tụng rất tốn kém về phân định ranh giới. Đắt đến nỗi những người nông dân nghèo cuối cùng phải bán lại đất của anh vì việc kiện tụng đã làm tốn 11.000 phrăng. Ông luật sư với sự giúp đỡ của 20 phrăng và một chút giả dối, trở thành người chủ cả một làng, và những người nông dân còn cảm thấy hạnh phúc, vì không bị đuổi khỏi mảnh đất ấy và được để lại làm việc với tư cách là người nô lệ"*[1].

Nhà truyền giáo thì lại phát huy ngón sở trường riêng của mình là đã có công đầu tìm đến những miền đất trù phú, có sự yểm trợ của các đội quân viễn chinh kết hợp với bán kinh thánh và tượng thánh để chiếm đoạt đất đai của con chiên và những người nông dân chất phác kế cận nhà thờ.

Còn nhân danh bộ máy nhà nước, họ ban hành những sắc lệnh, nghị định nhằm hợp pháp hoá việc chiếm đất mới hay bảo vệ một khu vực đã cướp được từ trước. Ngày 01/01/1905, tướng Galiêni cho phép bọn thực dân Pháp chiếm 404.904 hécta đất trồng trọt, 235.620 hécta rừng ở Mađagátxca. Ngày 28/9/1926, chính quyền thuộc địa Mađagátxca ra sắc lệnh quy định Nhà nước có quyền sở hữu đối với mọi đất đai không sử dụng vào việc xây dựng, không có rào vây quanh, không đánh số hay nhượng lại.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 256

Cứ theo đà của phương thức lấn chiếm như đã trình bày ở trên, ruộng đất của người bản xứ chuyển sang tay bọn thực dân nhanh chóng như sau: ở Marốc, năm 1922, Nhà nước thực dân chiếm chính thức 57.000 hécta; năm 1935 lên 840.000 hécta, trong đó Nhà nước chiếm 271.000 hécta và tư nhân 569.000 hécta; năm 1953 lên 1.017.000 hécta, trong đó Nhà nước chiếm 289.000 hécta và tư nhân 728.000 hécta. Ở Tuynidi, đến năm 1937, bọn thực dân ở các nước châu Âu sang khai thác, ngoài Pháp, có ý và một số nước khác, 4.649 tên chiếm 724.701 hécta, bình quân chung mỗi tên là 155 hécta, trong đó, bình quân cho mỗi tên địa chủ Pháp là 286 hécta, mỗi tên địa chủ các nước châu Âu khác là 320 hécta. Đây là chưa kể những khu vực bị nhà nước chiếm làm đất đai công cộng rất rộng và cũng không ngừng tăng lên. Ở Mađagátxca, đến năm 1951, bọn thực dân các nước chiếm 1.159.376 hécta đất nông nghiệp, 581.849 hécta đất rừng chưa kể đất khai khoáng.

Trên đây là một số ví dụ chứng tỏ rằng đất đai ở các thuộc địa châu Phi đã bị bọn thực dân châu Âu chiếm đoạt với một diện tích không ngừng mở rộng.

Thuế trực thu và gián thu là những nguồn thu nhập rất quan trọng của nhà nước và của cả các công ty tư bản, bóc lột mồ hôi và xương máu của người bản xứ. Trong hòa bình, thuế má hàng năm tăng lên, cả về những khoản đã quy định từ trước, cũng như bày đặt thêm những điều khoản mới và thứ thuế mới. Trong những năm chiến tranh 1914 - 1918, các nước thuộc địa đều phải nộp thuế nặng hơn trước phải "tình nguyện" mua công trái để chi phí cho quốc phòng ngày một lớn, phải cung cấp nông sản, lâm sản cho chính phủ đưa về Pháp nhiều hơn, để đáp ứng nhu cầu của chiến tranh.[1]

---

[1] Xem A. Xarô: *Khai thác các thuộc địa của Pháp*, Paris, 1923. tr. 46 - 50.

Rõ ràng thuộc địa là nguồn dự trữ chiến lược vô cùng quan trọng, là chỗ dựa chủ yếu cho chủ nghĩa thực dân không những về người, mà cả về của, để phục vụ cho cuộc đọ sức quyết liệt giữa những tên kẻ cướp thế giới. Hơn nữa, bóc lột thuộc địa với chính sách cực kỳ tàn bạo khéo kết hợp với các thủ đoạn mị dân lão luyện làm giảm sự phản ứng và chống đối của dân bản xứ hơn là tăng cường quá mức bóc lột giai cấp vô sản và nhân dân lao động chính quốc, dù là đã sử dụng mọi luật pháp thời chiến hết sức khắc nghiệt được tung ra để ngăn chặn.

Khi chiến tranh kết thúc, ngày càng có nhiều các công ty tư bản tài chính, công nghiệp, ngân hàng mở rộng đầu tư vào thuộc địa ở châu Phi hơn là ở các mảnh đất xa xôi bên châu Á hay châu Mỹ, không phải vận chuyển tốn kém nhiều mà khả năng khai thác rất lớn.

Về mậu dịch đối ngoại từ các thuộc địa sang chính quốc, Nguyễn Ái Quốc cho biết: riêng năm 1921, các nước châu Phi xích đạo thuộc Pháp xuất khẩu chỉ riêng cao su đã có giá trị là 14 triệu phrăng và nhập từ Pháp 1.698.787 phrăng lương thực, 1.732.336 phrăng rượu vang và rượu mạnh, 1.394.500 phrăng vải, 826.000 phrăng vật liệu và thiết bị.[1] Xét về cán cân xuất nhập, ta thấy tính bằng tiền, xuất gấp 2,5 lần nhập. Xuất từ nước thuộc địa đi thì vừa làm giàu cho tư bản cai trị thuộc địa, vừa làm giàu cho các công ty tư bản chính quốc.. Sự chênh lệch nghiêng về xuất không mang lại một chút lợi ích nào cho nhân dân thuộc địa, trái lại, chỉ làm cho của cải và sức lao động bị bòn rút nhiều hơn để cung ứng cho giai cấp tư sản. Về giá trị mặt hàng, càng thấy rõ cao su là nguyên liệu chiến lược chạy ra ngoài để mua về những thứ hàng thiết

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 334

yếu cho đời sống và cả những thứ thừa thãi khó tiêu thụ từ chính quốc.

Một nhà trí thức nhân đạo, nhà văn có tên tuổi của Pháp, ông Vinhê Đốctông tận mắt chứng kiến những hành động dã man của thực dân Pháp ở châu Phi, đã viết: "Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến.[1]

Để tăng thuế ruộng và đất, chính quyền thực dân còn tảng diện tích giả bằng cách đặt ra rất tùy tiện những đơn vị đo lường khác nhau trên từng địa phương lại không có mẫu đo lường chuẩn nên sai biệt rất lớn, "có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba".[2]

"Thuế má (ở Marốc) từ chỗ 109.449.000 phrăng hồi năm 1918, năm 1922 đã lên tới 171.953.000 phrăng. Trong số mấy trăm triệu thuế do người Marốc đã đổ mồ hôi ra đóng đó, thì 96.000.000, nghĩa là một phần ba, dùng để nuôi béo những người như Liôtây và đồng bọn (chỉ riêng những khoản chi phí cho Phủ Toàn quyền cũng đã lên tới 25.000.000"[3].

Nhà cầm quyền thấy rằng tăng thuế lên bao nhiêu, nhân dân vẫn "chịu nổi", đóng góp đủ, chứng tỏ khả năng đóng góp chưa phải là cạn, còn có thể tiếp tục tăng lên hơn nữa. Chúng thừa hiểu, nhưng cố tình làm ngơ về việc mỗi khi mệnh lệnh tự tiện ban xuống thì các quan lại và nhân viên cấp dưới phải dùng mọi biện pháp dốc cho đủ mức và đúng

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 74
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 2, tr. 274
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t. 1, tr. 330

thời hạn, kể cả dọa nạt, bắt giam, đánh đập cho đến tịch thu thời tài sản, vơ vét tận đáy hòm, không cần biết hậu quả sẽ dẫn tới đến đói khát, ốm đau hay liều mình tự tử đi nữa.

Trong bài *Chủ nghĩa đế quốc, kẻ tiêu diệt nòi giống bản xứ*, Nguyễn Ái Quốc trích báo *Essors Colonial et Maritime Belge* ra ngày 14/7/1927 như sau: "Nếu không có Cônggô... nước Bỉ sẽ ra sao... không một chân trời chính trị, không một hy vọng về kinh tế nào cả". Nguyễn viết tiếp: "Thật vậy, nước Bỉ dù có Cônggô là thuộc địa. Nhưng nước Bỉ đã biết từ đó rút ra những món lợi đáng kể bằng cách phát triển kinh tế, kỹ nghệ và thương mại. Năm 1924, thương mại Bỉ ở Cônggô đạt 551 triệu phrăng. Năm 1925, lên tới 981 triệu phrăng".

"Vì mạnh hơn nên đế quốc Pháp làm được nhiều hơn đế quốc Bỉ. Thương mại Pháp ở các thuộc địa năm 1927 - theo ông Phrăngxoa Mácsan - lên tới một con số lớn gấp bốn lần năm 1913. Nói đến con số đó chẳng phải là nói ngoa, vì công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp mở rộng nhanh chóng từ năm này qua năm khác, như các con số sau đây cho thấy:

Thương mại riêng ở Tây Phi thuộc Pháp

(tính bằng triệu phrăng)

1921 550

1922 599

1923 917

1924 1347

1925 1912

Thương mại riêng với các thuộc địa khác (trong 10 tháng đầu năm)

	1925	1926
Angiêri	3.153 triệu	4.804 triệu
Tuynidi	701 triệu	1.244 triệu
Marốc	825 triệu	1.270 triệu
Mađagátxca	471 triệu	372 triệu
Đông Dương	1.162 triệu	1.934 triệu
Các thuộc địa khác	1.152 triệu	1.300 triệu"

(...)

Điều mà ai cũng biết là lao động khổ sai được thi hành ở tất cả các thuộc địa Pháp, Bỉ, Anh và những nước khác. Người Pháp gọi là "tạp dịch", người Bỉ gọi là "lao động cưỡng bức", người Anh gọi là "lao dịch", v.v...

Sau khi đưa ra những dữ kiện về lao động khổ sai, bệnh tật và chết một cách thảm hại của những người bản xứ ở các thuộc địa của các nước đế quốc chủ nghĩa, Nguyễn Ái Quốc dẫn lời của Hoàng tử Bỉ Lêôpôn, viết trong một bức thư của ông ta xác nhận một sự thật: "Ta chớ quên lịch sử của nhiều chế độ thực dân đã cho thấy rằng nhiều dân tộc bản xứ bị tiêu diệt hoàn toàn khi tiếp xúc với nền văn minh của người da trắng".

Để kết luận bài báo, tác giả viết:

"Ta có thể kết luận rằng mọi chế độ thực dân đế quốc đều tiêu diệt hết các giống nòi bản xứ, và muốn cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc".

Bị bóc lột cực kỳ dã man, nhân dân bản xứ kiệt sức vì đói và chết đói, làm cho bệnh tật phát sinh và phát triển ở khắp mọi nơi.

Cùng với sự áp bức về tinh thần và chính trị, bóc lột về kinh tế và đàn áp bằng lực lượng vũ trang của chủ nghĩa đế

quốc, sự thù ghét chủng tộc hết sức tàn bạo làm cho các dân tộc ở các nước châu Phi muốn duy trì nòi giống, bảo vệ nền văn hoá của mình, tìm lấy chỗ đứng cho đúng với giá trị con người dưới ánh sáng mặt trời và sánh vai cùng các dân tộc khác, tiến lên theo kịp trào lưu văn minh của thế giới thì chỉ có một con đường tiên quyết là đấu tranh "lật đổ chủ nghĩa đế quốc" như Nguyễn Ái Quốc viết. Đó chính là chân lý của thời đại, là quan điểm của Lê-nin, là đường lối của Quốc tế Cộng sản.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG QUA CÁC BÀI BÁO

(Trích)

GS. Đỗ Quang Hưng

...

Chúng ta có thể phân chia 2 giai đoạn, trước và sau 1945, những trước tác của Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng. Điều đó đúng không chỉ xét theo tiêu chí nội dung của bài viết. Cái quan trọng còn ở chỗ là vị thế của tác giả. Trước năm 1945, Nguyễn Ái Quốc viết với tư cách nhà cách mạng (chuyên nghiệp). Sau năm 1945, Người đứng ở cương vị đứng đầu Nhà nước, một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Khi trình bày ý kiến của Hồ Chí Minh trước năm 1945 về tôn giáo tín ngưỡng, tác giả Ngô Phương Bá cho rằng "các bài viết trên thể hiện qua 2 chủ đề sau:

1. Sự câu kết của chủ nghĩa thực dân và giáo hội trong quá trình xâm lược Việt Nam.

2. Sự câu kết của chủ nghĩa thực dân và giáo hội trong quá trình áp bức bóc lột nhân dân Việt Nam, chủ yếu là nông dân"[1].

Ý kiến trên là đúng, nhưng chưa đầy đủ.

Theo chúng tôi, với số lượng bài viết chưa nhiều và cũng chưa có bài nào nghiên cứu trực diện về một tôn giáo cụ thể ở một nước cụ thể với góc độ "tôn giáo học" hay "xã hội học tôn

---

[1] Ngô Phương Bá, *Hồ Chí Minh về tôn giáo*... Sđd, tr. 22.

giáo", nhưng với vốn hiểu biết sâu rộng của Người về văn hoá, tôn giáo, lịch sử Đông - Tây và cả cái "tiên nghiệm" Á Đông (bon sens) đặc biệt của mình, Nguyễn Ái Quốc cũng đã *phác họa những đường nét khá cơ bản về tính cách, bản chất, đặc tính một số tôn giáo, nhân vật tôn giáo tiêu biểu cũng như tâm thức tôn giáo của người Việt Nam và Á Đông*.

Luận cứ của chúng tôi về ý kiến này là:

Thứ nhất, sinh ra và lớn lên ở một nước mà hàng ngàn năm Nho, Phật, Đạo dung hợp trong tư tưởng và thực tiễn nhất là "xuất thân từ một gia đình nhà Nho" yêu nước, trước khi trở thành người mácxít (1920) rõ ràng chất "nhà Nho" là một bộ phận cấu thành hết sức quan trọng trong nhân cách văn hoá của Người như triết học Đức với Mác. Cũng có tác giả cho rằng: Trong Tam giáo, dĩ nhiên Anh trọng cả Phật giáo... Khổng học đã đưa lại cho Anh một số yếu tố sau này phù hợp với sự lựa chọn mácxít của Anh: Chủ nghĩa duy lý, niềm tin vào giáo dục cải tạo con người, sự đề cao đạo đức xã hội và thực tiễn.[1]

Sau này, ở châu Âu và nhất là nước Pháp - Hồ Chí Minh tiếp thu thêm (Âu hoá) tư tưởng phương Tây, lấy lý tính và khoa học làm tiêu chuẩn. Người học ở đó phép phân tích, nhất là phép duy vật biện chứng, mác-xít. Song dù thế nào ở Hồ Chí Minh đã in dấu một nhà hiền triết, khiến từ lâu có người đã phát hiện một Hồ Chí Minh vừa là nhà mácxít, vừa là nhà Nho (Paul Mus), hoặc có người thấy trong Hồ Chí Minh có cả Gandhi, cả Lê-nin (David Halberstam). Có người Mỹ còn tự nghĩ: "*Không hiểu ông Hồ Chí Minh có theo một*

---

[1] Hữu Ngọc - Dẫn lại: "*Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhăn văn hóa thế giới*", năm 1990, tr. 33.

thứ đạo giáo phương Đông nào không? Không, ông Hồ là Cộng sản, cho nên là người vô thần. Nhưng tôi có cảm tưởng như ông là một nhà truyền đạo...".[1]

Một con người có những năng lực và phẩm chất, phong cách như vậy sẽ thuận lợi hơn khi tiếp cận *"cõi Hư, cõi Thánh"*.

Thứ hai, khảo sát những bài viết cụ thể.

Tính cách chung của những bài viết của Nguyễn Ái Quốc trước năm 1940 (khi ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan...) là những bài báo ngắn (trừ cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp,* "cuốn sách duy nhất của ông Nguyễn" Paris, năm 1925) và số không nhỏ là *những báo cáo* cho Bộ Phương Đông, Quốc tế Cộng sản.

Để bắt đầu việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về trong nước. Nguyễn Ái Quốc có nhiệm vụ nghiên cứu về tình hình xã hội Việt Nam và các nước thuộc địa, phụ thuộc khác. Vì thế *nẩy sinh vấn đề* tôn giáo trong các bài viết (dù nó chỉ có vị trí rất khiêm tốn).

Bài *Đông Dương* (*Tạp chí Cộng sản*, số 15/5/1921) được coi là bài đầu tiên của việc *"truyền bá"* ấy. Cái thú vị là sau khi trình bày vắn tắt tình hình kinh tế, xã hội Trung Quốc, Triều Tiên, Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc dành đoạn dài phân tích *"Khổng Tử, đã ghi nhận: Khổng Tử vĩ đại (551 trước Công nguyên) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản..."* và kín đáo đặt nó trong cách nghĩ: *"Bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn cả châu Âu".*[2]

---

[1] Dẫn lại bài Phạm Hồng Việt, *Hồ Chí Minh anh hùng*..., Sđd, tr. 299.
[2] Hồ Chí Minh. *Toàn tập* Sđd, t.1, tr. 35.

Người cũng nhắc: "*Năm 1880, nhà triết học Rama Kơrisơn dùng tôn giáo để truyền bá cách mạng*"[1] nhắc đến Mahatma Găngđi và thuyết bất bạo động, về phong trào Liên Hồi giáo"[2] ở Ấn Độ. Nguyễn Ái Quốc cũng dành sự theo dõi "*sứ mệnh truyền giáo*" nhiều tội lỗi của Giáo hội La Mã: Quân lính và các giáo đoàn của Tây Ban Nha ở châu Phi, người Anh lợi dụng truyền giáo để buôn nô lệ, tình trạng khốn khổ của các giáo hội châu Mỹ[3].

Không thể dung hợp được với trào lưu tư tưởng hiện đại, giống như một cái nắp tròn làm thế nào có thể đậy kín được cái hộp vuông[4], Nguyễn Ái Quốc cũng có so sánh cách thức mà các ông vua phương Đông khai thác Khổng Tử giống như đế quốc phương Tây khai thác Kitô giáo.

Với *Tôn giáo Việt Nam*, ít nhất chúng ta có 2 bài quan trọng. Gần đây, giới nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh lại có thêm những tư liệu mới. Một trong những tư liệu quý báu như thế là bài viết mang tên *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, Mátxcơva, năm 1924 (II), in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I, 1919-1924, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 1995 (xuất bản lần thứ hai).[5]

Bài viết này của Nguyễn Ái Quốc lập tức đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu vì tầm vóc của nó. Có lẽ ở bài viết này, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến những vấn đề lý luận quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin

---

[1] [2] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr. 40, 44.
[3] Hồ Chí Minh. *Toàn tập* sđd, t. 1, tr. 286
[4] Hồ Chí Minh. *Toàn tập* Sđd, t. 2, tr. 453.
[5] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 464, 465, Nguyên bài này do TS. Alain Ruscio (Pháp) sưu tầm và in trong tập *Ho Chi Minh Textes 1914 - 1969,* L'Harmattan, Paris, 1990, P. 69 - 74.

trong quan hệ với phương Đông. Người viết: "Xã hội Ấn Độ - China và tôi có thể nói: Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ cũng như thời Cận đại....

Thật ra vì sự phương Tây hoá ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông, nói cách khác chủ nghĩa Mác sẽ còn đứng ở đó. Dù sao cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không có được.

Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng đó là lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại".

Đây quả thực là những suy nghĩ táo bạo, vào thập kỷ 20 ấy, trên bình diện lý luận hẹp mà lại là lý luận về văn hoá, người ta còn rất dè dặt nói đến "giải Chủ thuyết chủ nghĩa trung tâm châu Âu (Eurocentrisme), các khoa học xã hội nhân văn, người ta thường bị hệ thống văn minh phương Tây chi phối. Suy nghĩ của Nguyễn Ái Quốc về sự bổ sung cơ sở cho chủ nghĩa Mác", "vì châu Âu chưa phải toàn thể nhân loại"; ở đoạn sau Người còn nói rõ thêm nữa: "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông", có ý nghĩa phương pháp luận trong việc nhìn nhận quan hệ của hai nền văn minh Đông - Tây.

Một tư liệu khác, quen thuộc hơn là bài *Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản - Nguyễn Ái Quốc* của nhà thơ, nhà báo Xô viết là ông Manđétxtam, với nhận xét bất hủ của tác giả về chân dung văn hoá tinh thần của Nguyễn Ái Quốc, đã được nhiều người biết đến.

Trong bài trả lời phỏng vấn quan trọng này, Nguyễn Ái Quốc đã bộc lộ nhiều suy nghĩ cụ thể hơn về văn hoá phương

Đông. Theo Ôxíp Manđétxtam, với nhận xét bất hủ của tác giả về chân dung văn hoá tinh thần của Nguyễn Ái Quốc, đã được nhiều người biết đến.

Trong bài trả lời phỏng vấn quan trọng này, Nguyễn Ái Quốc đã bộc lộ những suy nghĩ độc đáo về tôn giáo ở Việt Nam và phương Đông. Theo Ôxíp Manđétxtam Nguyễn Ái Quốc cho rằng văn hoá - tôn giáo Việt Nam cổ truyền biểu hiện trên các phương diện chủ yếu sau đây:

- Về *gia đình* (nhà Nho) và *xã hội* (thuộc địa): "Thanh niên trong những gia đình ấy thường học Khổng giáo"... Nho giáo không phải là một tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử, và trên cơ sở đó, người ta sẽ đưa ra một khái niệm về thế giới đại đồng... Trong những trường cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ là sách báo của những nhà văn mới mà của Rútxô và Môngtétxkio cũng bị cấm".

- *Về tôn giáo tín ngưỡng*: "Người dân An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của châu Âu. Việc cúng bái tổ tiên hoàn toàn là một hiện tượng xã hội. Chúng tôi không có những người tử tế nào, những người già trong gia đình thực hiện những nghi lễ tưởng niệm. Chúng tôi không biết đến uy tín của những thầy cúng, của linh mục là gì"[1]

- *Về phong tục và lối sống*: "Chúng tôi có phong tục lấy gạo ngon làm ra rượu uống, khi có bạn tới chơi hoặc khi có ngày giỗ tổ tiên".

Và điều quan trọng hơn cả là "thái độ văn hoá" của Nguyễn Ái Quốc, tất nhiên được biểu hiện thông qua nhận

---

[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t. I, tr. 478 - 479.

xét chính của Ôxíp Manđéxtam. Tác giả ghi nhận: "*Nguyễn Ái Quốc đang tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Qua phong thái thanh cao, giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới... Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai*".

Chúng ta khó có thể đòi hỏi Nguyễn Ái Quốc vào thời điểm đó "phải" đọc ngay những tác giả như E. Durkheim (1879 - 1906) mà tác phẩm trội nhất của ông ta là cuốn *Những hình thức sơ khai của đời sống tôn giáo* (Les Formes élémentaires de la vie religieuse), Paris, 1912, hay như M. Mauss (1872 - 1950) với những tác phẩm xã hội học - nhân chủng học nổi tiếng... Phần thì thời đó các tác giả tiên phong ấy cũng chưa phải đã chinh phục được tất cả, phần thì nghề chính của Nguyễn Ái Quốc là nhà cách mạng (chuyên nghiệp).

Nhưng chỉ với những quan điểm, ý kiến sắc nét trên, cũng phải ghi nhận những "giá trị về tôn giáo học" của Hồ Chí Minh.

Dĩ nhiên chủ đề "*Chủ nghĩa Giáo hội*" sẽ là quan trọng nhất với Nguyễn Ái Quốc vì nó phù hợp với việc cần phải bóc trần chân tướng của chủ nghĩa thực dân (Pháp), trong đó sự câu kết giữa 2 thế lực này gắn bó như chính những chương sách trong tổng thể một tác phẩm.

Nắm chắc lịch sử nước nhà, theo dõi sát những tác phẩm của chính giới sử học Pháp đương thời, của chính các giáo sĩ phương Tây như Charles B. Maybon, M.C. Bouileaux, M. de la Bissachère và nhất là Albert Septans..., Nguyễn Ái Quốc có thể vạch mặt chỉ trán từng giáo sĩ thực dân thuộc

Hội truyền giáo nước ngoài Paris (MEP) như P. de Behaine, Lefebore, Pellerin, đến các tướng tá, đô đốc thực dân R. De Genouilly, F. Garnier, H. Rivière...

Người tố cáo: "Chính những tên giáo sĩ đã vẽ bản đồ An Nam cho đội quân xâm lược. Chính bọn họ đã đưa tin cho gián điệp, dẫn đường cho đội viễn chinh và tố giác những người yêu nước". Và đây là kết luận có tính lịch sử: "Nếu có dân tộc nào phải nhớ ơn Chúa và các giáo sĩ thì chính đó là dân tộc An Nam. Vì Chúa và các giáo sĩ mà dân tộc này đã sa vào tình cảnh nô lệ như ngày nay"[1]. (*Giáo hội*, 1924). Có thể đó là một lời kết tội hơi "nặng", nhưng rất cần thiết ở thời điểm đó.

Trong *Chủ nghĩa Giáo hội* (Chương X, *Bản án...*) Người đã phân tích rõ thêm: "*Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng tạo tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một dân tộc chúng gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy... chúng ta biết rằng Chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài giáo phẩm thực dân được mụ vợ Napôlêông Đệ tam bợ đỡ...*".[2]

Cũng với phong cách "rất Pháp" ấy, Nguyễn Ái Quốc khéo léo sử dụng chính tư liệu ghi chép cho sinh động: "Có linh mục nọ" chân đi đất, quần xắn đến mông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu đoàn con chiên giáo mác và súng kíp, đó là lối vũ trang phát triển tín đồ của các linh mục với sự yểm trợ của quân đội chúng ta do ông hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với nhà cầm quyền...[3].

---

[1] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 407
[2] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 103.
[3] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 101

Nguyễn Ái Quốc còn lấy tư liệu về Giám mục Phavie trong "cuộc đánh chiếm Bắc Kinh" bỏ túi 600.000 phơrăng ăn cướp được, còn lính tráng và mỗi người được một ngân phiếu 200 phơrăng "do dòng tu Thánh Vanhxăng đờ Pôn trả".

Cũng có lẽ là lần duy nhất Nguyễn Ái Quốc sử dụng luận đề nổi tiếng của Mác khi phát biểu tại Hội nghị Quốc tế nông dân ở Mátxcơva (tháng 10/1923): *"Nhà thờ là thuốc phiện của thế giới, nhưng chúng tôi, nhờ nền văn minh phương Tây mà chúng tôi có cả Nhà thờ lẫn thuốc phiện"*.[1]

Vượt lên trên sự phê phán của các nhà cách mạng Việt Nam đương thời, kể cả Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc còn dựa vào số liệu xã hội học để vạch rõ *bản chất kinh tế* của sự câu kết giữa Nhà thờ và thực dân. Người tố cáo những thủ đoạn vơ vét của Giáo hội. *"Chính bằng cách đó mà ở Nam Kỳ những nhà truyền đạo Thiên Chúa có trên một phần tư đất đai cày cấy được. Ở Campuchia, các nhà truyền đạo nắm trên một phần ba ruộng đất..."*.[2]

Tất nhiên, Nguyễn Ái Quốc chưa có điều kiện xác định các số liệu nên có chỗ chưa nhất quán[3]. Dù sao, Nguyễn Ái Quốc cũng có thể rút ra kết luận đầy thuyết phục, nhất là với bạn bè thế giới tiến bộ: *"Như vậy là người nông dân An Nam không phải chỉ bị trói vào một chiếc cột như tôi đã trình bày với các đồng chí, mà họ còn bị đóng đinh câu rút bởi bốn thế lực liên hợp là: Nhà nước, tên thực dân, Nhà thờ và tên lái buôn"*.[4]

Sự sắc sảo hóm hỉnh mà quyết liệt của ngòi bút Nguyễn Ái Quốc trong *Chủ nghĩa Giáo hội* rất phù hợp với phong

---

[1] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 209.
[2] Con số này thiếu nhất quán trong một số bài cùng chủ đề.
[3] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 210.
[4] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 211.

cách chung của tác phẩm *Bán án*. Gần đây có ý kiến rằng: "Chính việc tập hợp các bài phát biểu phê phán và lên án của Hồ Chủ tịch trong thập niên 20 vào cùng một chỗ đã tạo nên một độ đậm đặc, đánh mạnh vào tâm trí người đọc, có thể có những người Công giáo và những cán bộ sẽ cho rằng quan điểm của thời kỳ này mới là quan điểm đích thực và chính thống của Hồ Chủ tịch về tôn giáo tín ngưỡng?"[1]. Làm sao có thể có câu hỏi như vậy, bởi lẽ trước hết *toàn bộ* sự phê phán nói trên của Nguyên Ái Quốc chỉ *nhằm vào hàng tăng lữ (clergé) và chính sách thân thực dân của Vatican và một số Giáo hội phương Tây* khi đó, chớ đâu phải với Đức tin của giáo dân và với Kitô giáo nói chung.

Vấn đề cần nói thêm có lẽ ở chỗ khác. Trong thập kỷ 20, khi đề cập vấn đề tôn giáo, Nguyễn Ái Quốc có thể chịu ảnh hưởng, chi phối từ nhiều phía, trong bối cảnh lịch sử chúng ta đã nói ở phần trên. Cuối thập kỷ đó, có không ít trí thức có tên tuổi đã gia nhập *Hội Tam điểm* và Hội này đã có trụ sở ở Hà Nội, Sài Gòn, tồn tại đến mãi sau này[2]. Trước khi thành nhà mác-xít, liệu Nguyễn Ái Quốc có chịu ảnh hưởng gì của Hội đó?[3]

Sau Cách mạng Tháng Tám (1945), trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh tiếp cận và giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng trên nhiều bình diện khác nhau, rộng lớn hơn.

Nước Việt Nam mới lúc đó nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, thù trong giặc ngoài, "ngàn cân treo sợi tóc". Vấn đề tôn giáo đối với Chính phủ mới - lại ở một quốc gia đa

---

[1] La Giang. *Đọc Hồ Chí Minh và vấn đề... CG VDT*, tháng 6/1997.
[2] Vũ-Vũ. *Một kẻ thù ít ai lưu ý*, báo *Thăng Tiến*, Sài Gòn, 249 ngày 04/5/1970.
[3] Xem cuốn *Nguyễn Ái Quốc*, Hà Nội, 1946

dân tộc, đa tôn giáo - cũng thuộc số những vấn đề tế nhị, phức tạp nhất.

Theo nhận xét một số nhà sử học Công giáo, thì trong nội bộ người công giáo, "một não trạng chống Cộng" đã hình thành từ thời 30-31, chủ yếu trong giới tu sĩ linh mục, đặc biệt từ sau *Thông điệp Chúa Cứu thế* (Divinni Redemptoris) của Giáo hoàng Pio XI về chủ nghĩa vô thần (1937) đã nêu trên.

Sau những hồ hởi phấn khởi ban đầu của Cách mạng Tháng Tám, người Công giáo lại bị đầu độc tư tưởng đó đúng như nhận xét của Trần Tam Tỉnh: "Chủ nghĩa chống Cộng tại Việt Nam là sản phẩm của óc giáo điều Kitô giáo và của ngành tuyên truyền Pháp"(1)

Liên đoàn Công giáo Việt Nam ngay trong Đại hội tại Phát Diệm ngày 29/10/1945 đã có ý đòi giải tán *Hội Công giáo Cứu quốc*(2). Hàng loạt truyền đơn, tài liệu ngụy tạo với những tờ báo như *Hồn Công giáo* và *Tiếng kêu* được chuyển từ Phát Diệm về các vùng tề một cách lén lút và nhiều vô kể làm cho tinh thần chống Cộng trong đồng bào Công giáo càng quyết liệt...

Ở Nam Bộ vấn đề Cao Đài, Hòa Hảo cũng trở nên rất phức tạp khi kẻ địch lợi dụng, chia rẽ.

Kinh nghiệm công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta không chỉ có trong điều kiện kháng chiến và chiến tranh: tháng 11/1956, trong bối cảnh Đảng ta đang tích cực sửa sai trong cải cách ruộng đất, bị kích động, giáo dân Quỳnh Lưu (Nghệ An) đã nổi dậy chống chính quyền kéo dài trong 12 giờ.

---

(1) Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, TP. Hồ Chí Minh, 1988.
(2) Đoàn Đức Thu - Xuân Huy. *Giám mục Lê Hữu Từ và Phát Diệm*, Sài Gòn, năm 1972.

Đóng góp đầu tiên của Hồ Chí Minh từ sau Cách mạng về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng lại chính là vấn đề luật pháp trên tư cách người lãnh đạo Nhà nước, Đảng.

Thì cũng vẫn là những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề tôn giáo mà thôi, nhưng đọc kỹ các văn kiện của Đảng, Nhà nước ta khi đó, do Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo, chúng ta thấy nhiều văn bản pháp qui đã *vượt trên ngôn ngữ trung tính* của luật lệ, có cái gì đó rất Việt Nam. Chẳng hạn, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 03/9/1945, trong "6 vấn đề cấp bách", Hồ Chí Minh nói rõ: "*Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết*"(1).

Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới năm 1946 chương II, mục B, đã xác định "*mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng*". *Chính cương* của mặt trận Liên Việt có điều nói rõ hơn "*tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng của mọi công dân*" (Điều 8).

Không phải vô cớ mà Hồ Chí Minh trong lễ ra mắt công khai của Đảng ta sau Đại hội II (1951) ở Việt Bắc, khi phát biểu, đã nói: "*Chúng tôi xin nói thêm 2 điểm, nói rõ để tránh hiểu lầm: Một là, vấn đề tôn giáo thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người*"(2).

Sắc lệnh số 197/SL do Hồ Chủ tịch ký ngày 19/12/1953 ban bố Luật Cải cách ruộng đất (1953). Bộ luật tất phải đề cập tới "ruộng đất của tôn giáo". Trong thời điểm đó, bộ luật vẫn chứa đựng được tư tưởng nhân ái Hồ Chí Minh. Trong

---

(1) Trần Dân Tiên, Sđd, tr. 123.
(2) Báo *Nhân Dân*, ngày 25/3/1951.

khi tuyên bố "trưng thu, trưng mua" ruộng đất tôn giáo nói chung, ở *Chương III, Điều 25* quy định những đối tượng được chia trong đó có nhà Chung, nhà Chùa, từ đường và các cơ quan tôn giáo được để lại một phần ruộng đất để dùng vào việc thờ cúng. Phần ruộng đất "do nhân dân địa phương bình nghị và Ủy ban kháng chiến tỉnh xét định. Trường hợp đặc biệt thì cấp trên quyết định.

Những người làm nghề tôn giáo nếu không đủ sống, có sức cày cấy và yêu cầu thì được chia một phần ruộng đất ở nơi họ hoạt động, hoặc quê quán họ"[1]. Thực là cách giải quyết rất Việt Nam, Hồ Chí Minh.

Sau đó, trong *Sắc lệnh về vấn đề Tôn giáo*, ngày 14/6/1955 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng ký với Hồ Chí Minh) còn quy định chi tiết, đáng chú ý hơn.

Trong chương III, *Đối với vấn đề ruộng đất của các tôn giáo*, có ghi:

"*Điều 11*: Khi phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, những giám mục, linh mục, nhà sư mục sư, chức sắc có ruộng đất riêng phát canh thu tô như địa chủ, *sẽ không qui thành địa chủ* (ĐQH - nhấn mạnh) nhưng phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Chính phủ.

Điều 12: Để đảm bảo việc thờ cúng của nhân dân và giúp đỡ các nhà tu hành, đối với phần ruộng đất mà nhà thờ, nhà chùa, thánh thất được sử dựng từ sau cải cách ruộng đất, *Chính phủ sẽ chiếu cố* (ĐQH- nhấn mạnh) và cho đóng thuế nông nghiệp theo mức nhẹ hơn".[2]

---

[1] Báo *Nhân Dân*, từ ngày 26-31/12/1953.
[2] *Hồ Chí Minh về Tôn giáo*..., Sđd, tr. 261

Đó là chúng ta còn chưa nói đến những bài học, kinh nghiệm tuyệt vời của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết những *mối quan hệ con người cụ thể*, thuộc đủ các tôn giáo, đảng phái, khuynh hướng trong Cách mạng Tháng Tám cũng như trong 2 cuộc kháng chiến. Chắc chắn là chúng ta còn phải nghiên cứu, làm rõ sự lịch lãm, chân thành, nói đúng hơn là nghệ thuật ứng xử tuyệt vời của một người cách mạng, nhà mácxít mà "không hề có kẻ thù cá nhân" là Hồ Chí Minh - nhất là giai đoạn 1945 - 1954 với người Nho giáo như Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Bằng Đoàn, Bùi Kỷ, Nguyễn Văn Tố, người Tây học như Phan Anh, Hồ Đắc Điềm, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Huyên, người Công giáo như Ngô Tử Hạ, Phạm Bá Trực, Nguyễn Mạnh Hà, Hồ Ngọc Cẩn, đặc biệt với Giám mục Lê Hữu Từ, người Cao Đài như Cao Triều Phát, người Hoà Hảo như Huỳnh Văn Trí...

Chính trên cái nền phong phú, phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc, chiến tranh và cách mạng, giải quyết Độc lập - Tự do cho Tổ quốc và bước đầu "định hướng XHCN", quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng trở nên phong phú, sáng tạo. Và có thể nói, chính trong giai đoạn 1945 - 1954, Hồ Chí Minh có nhiều *bài viết, bài nói hay nhất về tôn giáo, tín ngưỡng*.

Hành trình tư tưởng của Hồ Chí Minh thực là dài và phong phú. Khi học ở Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã say mê tư tưởng Tự do, Bình đẳng của Đại Cách mạng Pháp 1789 và hệ tư tưởng Độc lập và quan điểm Nhân quyền của hệ tư tưởng Mỹ trong Cách mạng 1776. Đó cũng là tư tưởng chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên sau Cách mạng Tân Hợi (1911). Đặc biệt, đương nhiên, quan trọng nhất là chủ nghĩa Mác - Lê-nin với chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy

vật lịch sử, chủ nghĩa xã hội khoa học, cộng sản khoa học, đặc biệt sau Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại mà chính Người đã coi là "cái cẩm nang thần kỳ" cho bản thân và dân tộc.

Nói như vậy để khẳng định thêm rằng khi trở thành người cộng sản, ở Hồ Chí Minh đã chứa đựng nhiều nguồn tư tưởng: truyền thống tư tưởng, tâm lý dân tộc, thuyết Khổng Mạnh, tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây, học thuyết Tôn Dật Tiên, có lẽ cả tư tưởng Lão - Trang cũng có dấu vết ít nhiều. Đặc tính tư tưởng này của Hồ Chí Minh sẽ in rõ trong tư duy của Người về tôn giáo tín ngưỡng, một trong những lĩnh vực nhạy cảm nhất với đời sống nhân loại xưa nay.

Như đã nói ở phần trên, trước 1945, Nguyễn Ái Quốc nói nhiều về Khổng giáo (Nho học), vì chính Người cho rằng "thanh niên trong những gia đình ấy (nhà Nho An Nam) thường học Khổng giáo", "Những ông vua tôn sùng Khổng Tử" và họ khai thác Khổng Tử như bọn đế quốc khai thác Thiên Chúa giáo (*Khổng Tử*, năm 1927).

Lúc đó, Người cũng đã có cái nhìn (cũng là cái nhìn chung của giới học giả phương Tây) về Nho giáo: "Khổng giáo không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử". Và trên cơ sở đó, người ta đưa ra khái niệm về "thế giới đại đồng" (1923, đối thoại với Ôxíp Mandetxtam, tư liệu đã dẫn).

Nhắc lại là, bài *L' Indochine* đăng trên Tạp chí *La Revue Communiste* (tháng 5/1921), Nguyễn Ái Quốc đã thận trọng nhắc đến tư tưởng "thế giới đại đồng" và thẳng thắn gọi nhà tư tưởng đó là "Khổng Tử vĩ đại" (Le grand Confucius).

Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc cũng đã đưa ra những ý kiến đầu tiên của mình về "hệ thống tôn giáo dân tộc" trong

đó đặc biệt về thờ cúng tổ tiên, cho phép ta liên hệ rằng suy nghĩ về tôn giáo Việt Nam của Người thực độc đáo, đầy chất dự báo, bắt gặp suy nghĩ của các nhà Đông phương học châu Âu như linh mục L. Cadière lúc đó chẳng hạn.

Sau 1945, với "tôn giáo học", Hồ Chí Minh cũng tiếp tục theo hướng nghĩ, cách biểu đạt như thế, nghĩa là nói giản dị, rất cô đọng, nhưng nó lại là những điều khá cốt lõi.

Bài *Tự do tín ngưỡng* với bút danh M.H đăng tải trên báo *Nhân dân* ngày 26/01/1952 là tiêu biểu. Người viết: *"Những tôn giáo chính ở nước ta là đạo Phật và đạo Thiên Chúa. Phật Thích Ca là một người quý tộc. Người đã bỏ hết công danh phú quý để đi cứu vớt chúng sinh. Tức là cứu vớt những người lao động nghèo khổ. Chúa Giêsu là người lao động. Người vui lòng hy sinh tính mạng mình để cứu vớt những người lao động nghèo khổ chống lại bọn Pharidiêng tức bọn bóc lột. Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều giống nhau: Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người đều có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng.*[1]

Có thể là về "tôn giáo học" khắt khe khi nói về "Pharidien" như trong bài là chưa chính xác vì ai cũng biết đó là nhóm bịệt phái Do Thái, từ chối không công nhận Giêsu là Thiên Chúa...

Là nhà chính trị, tất nhiên trước hết Hồ Chí Minh chú ý đến vấn đề *"Tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết"*. Phải nói là bản thân tư tưởng này đối với các nước văn minh nói chung nó đã là chuyện quen thuộc, có tính "cổ điển" trong mọi bộ luật tôn giáo của các quốc gia, cộng sản cùng tư bản. Cái độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này là Người đã cố gắng *tạo ra cơ sở lý thuyết làm nền tảng của sự*

---

[1] Hồ Chí Minh - Về vấn đề... Sđd, tr. 194

đoàn kết đó và hết sức mềm dẻo nhưng cương quyết đảm bảo những điều kiện thực hiện cho sự đoàn kết ấy.

Điều kiện nước ta sau Cách mạng, như nói trên, thực không dễ thực hiện tư tưởng đúng đắn này.

Tầm nhìn xa của nhà chính trị, cái mẫn cảm của nhà hiền triết đã sớm tìm ra cái căn gốc, cái bất biến cho chiến lược Đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc mà một bộ phận là "đoàn kết tôn giáo", đó là "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước" (năm 1924, *Báo cáo về Bắc Kỳ...*).

Người có những câu bất hủ: "*Nước Phật ngày xưa có những bốn đảng, phải làm ly tán lòng dân và hại Tổ quốc... Nhưng nước Việt Nam ngày nay chỉ có một đảng phái là toàn dân (cũng 1946, có lần Hồ Chí Minh đã đưa ra khái niệm về một "Đảng dân tộc" - ĐQH) quyết tâm giành độc lập. Tín đồ Phật giáo tin ở Phật, tín đồ Giatô tin ở Đức Chúa Trời, cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những bậc chí tôn nên chúng ta tin tưởng. Nhưng đối với nhân dân ta, ta đừng làm gì trái với ý dân...*"[(1)]. Hoặc một câu khác cũng có sắc thái như vậy: "*Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải nên nỗ lực đấu tranh giành độc lập nước nhà. Nhiệm vụ của toàn thể chúng ta là phải giữ gìn nền độc lập của nước nhà. Trong Công giáo có câu "Tam vị nhất thể", nhà Phật có câu "Vạn chúng nhất tâm", nên chúng ta phải hy sinh cho nhân loại và chúng sinh*"[(2)].

Tất nhiên trong lĩnh vực tế nhị, phức tạp như đời sống tôn giáo, lại ở vào thời điểm ấy, khi xung đột ý thức hệ như nước với lửa, thành 2 khối "cộng sản" và "tự do", Hồ Chí Minh đã phải cố gắng biết bao nhiêu và cũng phải có tài năng

---

(1) Báo *Cứu Quốc*, ngày 08/01/1946.
(2) Báo *Cứu Quốc* ngày 15/01/1946.

ở tầm vĩ nhân mới có thể giải độc cho mặc cảm tai hại: "Việt Minh là Cộng sản, Cộng sản là duy vật vô thần, từ bản chất là chống và tiêu diệt tôn giáo". Khi Hồ Chí Minh nói: "Những việc Chính phủ đã làm đều phù hợp với tinh thần Phúc Âm" (1953) thì đã bắt gặp với lôgíc mà người Công giáo chân chính thấy được: "Câu châm ngôn Pháp có nói: "Địch của địch là bạn ta". Vậy thì vô luận thế nào là Cộng sản, họ là địch của thực dân, tức là bạn của dân ta" (*Chủ nghĩa Giatô và chủ nghĩa Cộng sản,* bài đã dẫn).

Để thực hiện sự đoàn kết dân tộc và tôn giáo, trong những thời điểm sinh tử của chế độ Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh nêu cao tấm gương của *lòng nhân*, truyền thống dân tộc "thương người như thể thương thân" và trên chiều kích mới của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Lẽ dĩ nhiên là "chính sách" thì cũng có chính sách là chuyện sách lược. Nhưng với chính sách đoàn kết tôn giáo của Hồ Chí Minh - lĩnh vực tế nhị và phức tạp - thì đó là sự chân thành, và là chiến lược.

Ngay sau những vụ rào làng, giết hại cán bộ vùng Bùi Chu, Phát Diệm (Ninh Bình), vụ Cây Mai (Thái Bình), vụ Tràng Nứa, Hưng Nguyên, Nghi Lộc - Diễn Châu (Nghệ An, 1952), đặc biệt vụ Quỳnh Lưu (1956), Hồ Chí Minh vẫn có thái độ như Phạm Văn Đồng nhận xét: "Đối với kẻ lầm đường lạc lối lòng Hồ Chủ tịch còn rộng hơn biển cả. Người đã dạy phải khoan hồng, vui mừng đón rước những đứa con vì cảnh ngộ mà lạc bầy. Chúa Giêsu nói: gặp một người có lỗi mà hối cải thì trên trời vui mừng hơn gặp 99 vị tu hành. Cụ Hồ nói rằng người Việt Nam ai cũng yêu nước, muốn nước độc lập thống nhất, ta khéo nhen chút than hồng ấy, nó sẽ cháy lên thành ngọn lửa".

Đối với vấn đề Cao Đài, Hòa Hảo ở Nam Bộ cũng vậy. Chỉ cần đọc *Lời kêu gọi gửi đồng bào Cao Đài, Hòa Hảo* (Báo *Cứu Quốc*, ngày 03/5/1948) của Hồ Chí Minh: "*Gần đây một số đồng bào Hoà Hảo đã quay về với Tổ quốc thân yêu... Tuy có một số đồng bào lầm lạc, qua một thời gian những người ấy đã dần dần giác ngộ và quay với Tổ quốc. Nay đồng bào Hòa Hảo Sa Đéc đã xung phong bỏ quân giặc mà về với Tổ quốc thân yêu.*

Chính phủ và toàn quốc đồng bào đang chờ đợi để hoan nghênh những người hiện đang lầm đường theo giặc, sẽ noi ái quốc của những anh em Hòa Hảo đó".

Sự mềm dẻo để thực hiện tư tưởng đoàn kết lương giáo của Hồ Chí Minh có lúc còn tế nhị tinh tế đến lạ lùng. Trích thư gửi ngày 10/3/1947 Giám mục Lê Hữu Từ: "Như Cụ đã hứa với tôi: bao giờ vì chiến thuật mà phải phá cầu Trì Chính thì cụ bảo đồng bào địa phương Phát Diệm phá dùm. Vậy nhờ Cụ báo cho đồng bào phá cầu ấy đi. Đồng thời làm một cầu phao bằng tre, để dân đi lại cho tiện. Đến khi cấp bách sẽ phá cầu phao. Tôi tin chắc đồng bào ở đó sẽ hiểu đại nghĩa và nghe lời Cụ, sẽ hăng hái làm việc đó, để giúp sức cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc"

Tôn trọng Đức tin tôn giáo, kiên trì giáo dục lòng yêu nước, đoàn kết dân tộc, nhưng Người cũng luôn nhắc nhở toàn Đảng, toàn dân phải cảnh giác đấu tranh chống lại các thế lực đế quốc tay sai lợi dụng tôn giáo phá hoại khối đoàn kết.

Tiêu biểu cho thái độ ấy, chúng ta đọc thư Hồ Chí Minh gửi Giám mục Lê Hữu Từ ngày 02/3/1947:

"Tôi đã ra lệnh thả 7 người Đức Cha bảo lãnh... Dưới đây tôi xin nói riêng cho Đức Cha mấy điều. Tôi hiện có trong

tay một số tài liệu, sau khi xem xét kỹ tài liệu ấy, tôi nhận thấy có 3 sự kiện sau đây: 1. Đồng bào Công giáo thù ghét bọn thực dân Pháp và họ có lòng yêu nước. 2. Họ cũng thù ghét Cộng sản. 3. Có những kẻ lợi dụng sự dễ tin của một số đồng bào Công giáo, bằng cách nói với họ rằng: Chính phủ là Việt Minh và Việt Minh là Cộng sản.

Điều thứ nhất thì đã rõ, khỏi cần bàn vô ích. Điều thứ 2: Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật trái ngược nhau, rõ ràng là thế. Nhưng chính Ngài và tôi, chúng ta đồng ý với nhau rằng: Trong một nước văn minh, có tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, không được vu khống kẻ khác. Tự do tuyên truyền không phải là tự do vô lễ..."[2]. Vẫn là phong cách Hồ Chí Minh hay sử dụng, hết sức nhã nhặn, nhưng rất kiên quyết.

Quan tâm vun đắp cho *Hội Công giáo cứu nước*, Hồ Chí Minh cũng là người ký Quyết định thành lập *Việt Nam Phật giáo hội* (trụ sở 73 Quán sứ Hà Nội), ngày 15/3/1946. Người cũng có ý tưởng về một *"Phong trào công giáo tự trị"* Việt Nam như ở Trung Quốc. Từ 1949 - 1952, Người đã viết nhiều bài đề cập về Công giáo Trung Quốc...

Cũng trong bài *Tự do tín ngưỡng* (1951, đã dẫn), Người viết: *"Đạo Thiên Chúa ở nước ta có rất nhiều Giám mục người Pháp và người châu Âu mà rất ít Giám mục người Việt Nam"*.

Trong cuốn *Bên giòng lịch sử - Hồi Ký* 1940 - 1965, Linh mục Cao Văn Luận kể: Năm 1946, ông ta được gặp Hồ Chủ tịch ở Paris. Khi nghe Cụ Hồ nói về công giáo Việt Nam chưa được tự lập toàn cõi Việt Nam, chỉ có 2/15 địa phận có Giám mục người Việt cai quản, và "mong sao cho các giáo dân Việt Nam đừng đi cầu kinh với cố đạo Pháp...", Ông ta viết:

---

[2] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđd.

"Tôi hơi bất mãn, vì cái quan niệm cứng nhắc của Cụ Hồ.

Thưa cụ Chủ tịch... nếu chúng tôi còn phân biệt người Pháp với người Việt trong việc đạo thì Tòa Thánh sẽ cho rằng người Công giáo Việt Nam còn ấu trĩ, thiếu kỷ luật đạo và sẽ không thể xúc tiến việc tạo quyền cai quản các địa phận và các họ đạo cho các giám mục và linh mục Việt Nam được" (tr. 76, 78).

Một tư tưởng đúng đắn, táo bạo rất hợp với lòng người Công giáo chân chính và có tinh thần dân tộc như vậy mà nào có dễ thực hiện trong điều kiện lịch sử nước ta lúc đó.

Nhưng có lẽ viên ngọc sáng nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo tin ngưỡng là Người sớm nhìn nhận vấn đề *trên bình diện văn hoá đạo đức, tôn giáo là vấn đề con người chứ không chỉ là vấn đề nhận thức luận, ý thức hệ.*

Xưa nay, các hệ thống triết học, tư tưởng, tôn giáo luân lý - đạo đức Đông Tây đều băn khoăn thân phận con người, những giá trị của con người. Đối với Hồ Chí Minh, giá trị con người hay giá trị làm người "mọi việc đều do làm ra cả".

Đúng là Khổng giáo với những sách như *Luận Ngữ* đã tạo cho Hồ Chí Minh mệnh đề *"Đạo đức là từ bi"*, với đạo Thiên Chúa *"Đạo đức là bác ái"* như Người từng viết. Khi trở thành người mác-xít thì đạo đức đó trở thành "Độc lập - Tự do, Chủ nghĩa xã hội" cho dân tộc và con người.

Về mặt *"Đại nhân cách"*, Phạm Văn Đồng đã mô tả sâu sắc: "Cụ Hồ không có cái gì riêng, cái gì của nước của dân là của Người, quyền lợi tối cao nước, lợi ích hằng ngày của dân là lo lắng hàng ngày của Người, gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam".

Còn về *"tiểu nhân cách"* thì Người có lần tự bộc lộ với một nhà báo nước ngoài, có cái gì đó thực Lão - Trang: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào.

Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như người lính vâng mệnh Tổ quốc ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho lui thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Riêng phần tôi sẽ làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi."[1]

Với một con người như thế, thực dễ có *trực cảm* hơn khi xem xét những vấn đề tôn giáo tín ngưỡng.

Ngày 30/6/1946, nhân đi xem Viện Khảo cổ về loài người ở Paris, Bác có nhận xét: "Nhiều dân tộc có những phong tục lạ lùng. Có dân thì chạm trổ khắp mình. Có dân thì khắc vào mặt như những người hát bội ở nước ta vẽ mặt. Có dân thì đặt 2 miếng gỗ tròn vào môi trên và môi dưới, làm cho miệng trều dài ra như mỏ vịt. Có dân thì lấy phấn trắng bôi khắp cả mặt, có dân thì làm cho răng đen sì... Còn nhiều thứ lạ nữa không thể tả hết.

Tuy phong tục khác nhau, nhưng có một điều dân nào cũng giống nhau. Điều đó là: Dân nào cũng ưa sự lành và ghét sự dữ."[2]

Rõ ràng hiện có một khuynh hướng nghiên cứu tôn giáo tín ngưỡng hướng về những giá trị văn hoá, đạo đức cũng như "tính cách xã hội học" của nó. Tuy vậy, việc bóc tách những giá trị đó không dễ dàng. Bởi vì những giá trị về văn hoá, đạo đức trong quan hệ với vấn đề tôn giáo - một hình thái ý thức đặc biệt (cơ sở là một nền thần học - Đức tin), rất dễ mâu thuẫn, xung đột.

---

[1] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Sđd t. V.
[2] *Hồ Chí Minh ở Pháp* năm 1946, NXB HN, 1995, tr. 42.

Hồ Chí Minh thuộc số ít người vượt lên tầm nhân loại, có khả năng giữ được thế quân bình và tìm ra được mẫu số chung của những giá trị đó để làm giàu nhận thức, tình cảm của con người.

Gần đây, có một ý kiến của Hồ Chí Minh trong cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (Bản in ở Thượng Hải, bản Trung văn của Trương Niệm Thức, NXB Tam Liên (1949), xuất bản sau 3 năm bản chính in ở Hà Nội (1946)) được nhiều nhà nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, về tôn giáo trích dẫn.

Khi được hỏi về chính kiến, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra những so sánh, những nhận xét có tính bản chất về những tôn giáo, những nhân vật lịch sử của nhân loại:

"Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả.

Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp biện chứng.

Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là thích hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao?

Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy."

Tư tưởng lớn đó của Hồ Chí Minh vẫn nguyên vẹn giá trị, trong lĩnh vực tư tưởng nói chung cũng như nghiên cứu tôn giáo nói riêng.

...

NGUYỄN ÁI QUỐC - NGƯỜI KHƠI NGUỒN MỘT DÒNG BÁO, MỘT SỰ NGHIỆP

GS. Đỗ Quang Hưng

Ai cũng biết Báo *Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc lập ra ở Quảng Châu (Trung Quốc) - số đầu ra ngày 21/6/1925 - là mốc mở đầu cho cả một dòng báo chí cách mạng ở Việt Nam, hay nói cách khác là sự mở đầu cho cả một dòng báo chí của nước Việt Nam mới.

Kể từ khi tờ báo độc đáo này xuất hiện đã thu hút ngay sự chú ý của giới mật thám thực dân, của những nhà nghiên cứu của QTCS, và tất nhiên của đông đảo bạn đọc là các nhà cách mạng trẻ tuổi thuộc thế hệ đầu tiên do chính người sáng lập tờ báo là Bác Hồ tổ chức và rèn luyện, đông đảo những người lao động nghèo khổ đang mơ giấc mơ giải phóng bất chấp sự đe dọa của thực dân Pháp đối với việc truyền tay nhau đọc mỗi số *Thanh niên* mà có thể phải chịu án 3-5 năm tù.

Cũng giống như cuốn *Đường Kách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, những trang báo *Thanh niên* ngay từ những số đầu đã là cuốn sách gối đầu giường của những người yêu nước và cách mạng, chứa đựng biết bao trí tuệ và nhiệt huyết của những người đi khai sơn phá thạch cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự ra đời của nước Việt Nam mới.

Và chúng ta dường như ai cũng biết, tờ báo tiếng Việt đầu tiên đã xuất hiện ở Sài Gòn ngày 15/4/1865 do POTTEAUX và Trương Vinh Ký xuất bản, mang tên *Gia Định báo* cắm một cái mốc cho lịch sử báo chí nước nhà.

Cũng do những điều kiện riêng của xứ Nam Kỳ, mảnh đất đầu tiên của Tổ quốc ta bị thực dân Pháp thực hiện "cuộc công nghiệp hoá cưỡng bức" kể từ 1862, máy in hiện đại và chữ Quốc ngữ được phổ cập trước xứ Bắc Kỳ hơn 3 thập kỷ nên Sài Gòn nhanh chóng trở thành cái nôi đầu tiên của nền báo chí nước nhà. Sau *Gia Định báo*, cho đến 1907 khi ở Hà Nội có tờ *Đăng Cổ Tùng báo*, nửa chữ Hán, nửa chữ Việt, thì ở Nam Kỳ đã có một loạt tờ báo quan trọng như *Phan Yên báo* (1868), *Nam Kỳ Địa phận* (1883), *Nông Cổ Mín Đàm* (1901), *Lục Tỉnh Tân Văn* (1907)...

Nhưng cũng phải nói ngay rằng phải đợi đến tháng 6/1925 ấy, với tờ *Thanh niên* của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta mới *thực sự bắt đầu một nền báo chí cách mạng của nước Việt Nam mới*.

Đã có lúc chúng ta cũng băn khoăn về cái mốc mở đầu của dòng báo chí cách mạng, vì Bác Hồ đã từng nổi tiếng ở Paris với tờ *Người cùng khổ* (LE PARIA), bộ báo 38 số, số 1 ra ngày 01/4/1922. Nhưng vì tờ báo này là cơ quan ngôn luận của *Hội liên hiệp thuộc địa* nên các nhà sử học đã nhất trí rằng, dù sao cũng không thể xếp nó trong phạm trù "báo chí cách mạng Việt Nam" được. Còn *Việt Nam hồn*, tờ báo tiếng Việt do Nguyễn Thế Truyền lập ra ở Paris (số 1 ra ngày 15/5/1923) cũng được xác định rằng Nguyễn Ái Quốc đã không có điều kiện viết cho tờ này...

Sự hiểu biết của bạn đọc về tờ *Thanh niên* thực đã khá phong phú.

Trước hết, xin được nhắc lại tên một nhà sử học trong giới Việt kiều ở Canađa nay đã mất, ông Huỳnh Kim Khánh, người đã bỏ công sưu tầm, nghiên cứu trọn vẹn bộ sưu tập *Thanh niên* gồm 208 số (số cuối cùng, tháng 5/1930), trong

luận văn Tiến sĩ của ông. Khi đó, ở Hà Nội, trong tay chúng ta chỉ có 10 số báo *Thanh niên*, lưu giữ tại Bảo tàng cách mạng Việt Nam.

Chúng ta cũng được biết, sự nghiệp báo chí cách mạng của Đảng ta trước khi nắm được chính quyền thực đồ sộ phong phú. Theo thống kê, khi đỉnh cao vào thời kỳ 1935-1938, cả nước có tới trên 100 tờ, chỉ riêng Nghệ Tĩnh trong cao trào 30-31 cũng có tới gần 40 tờ báo của Xứ ủy và của địa phương được in ra. *Báo chí trong tù* cũng là hiện tượng hiếm thấy trong phong trào cộng sản ở Việt Nam. Các nhà nghiên cứu lịch sử báo chí thống nhất với nhau rằng hiếm có một Đảng non trẻ nào như Đảng cộng sản Việt Nam có được một hệ thống báo chí độc đáo đến như vậy, bắt đầu từ cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp sau cao trào 30-31. Chỉ trừ báo của Đảng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương và những năm sau này (kể cả của Mặt trận Việt Minh) được in Typô, còn đa số đều in rất thô sơ kiểu in sáp hoặc in thạch, trên những trang giấy cũng rất thô sơ, phần lớn là "giấy học trò"...

Báo *Thanh niên* của Bác Hồ cũng thế. Người viết bài này, trước đây đã từng phỏng vấn hai bà Lý Phương Đức và Lý Ưng Thuận (chị em họ với Lý Tự Trọng), những chứng nhân còn lại của nhóm 8 thiếu niên cộng sản đầu tiên do Bác lập ra ở Quảng Châu cùng lúc thành lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội *(mà sử quen gọi là "Đảng Thanh niên")* tại Hà Nội. Các cụ đã kể rằng trong buổi trứng nước đó tại số nhà 13 đường Văn Minh, Quảng Châu (nay là số nhà 248 - 250), trụ sở của *Đảng Thanh niên* (tại khu nhà của cố vấn Liên Xô bên cạnh Chính phủ cách mạng Trung Hoa - Tôn Dật Tiên), Bác Hồ đã chỉ đạo các nhà cách mạng trẻ tuổi

cho ra mắt tờ *Thanh niên*, cũng giống như việc Lê-nin cho ra tờ *Tia Lửa* (ISKRA) cho cách mạng Nga như thế nào...

Tờ báo tuần có 4 trang, in theo lối viết bút sắt trên giấy sáp, gợi cho bất cứ ai được thấy tận mắt cái gì đó rất "Hồ Chí Minh". Từ nét chữ Bác viết tên báo trên Manchette[1], với chữ "T" và chữ "N" viết to, giống như nét chữ trong *Di chúc;* bên cạnh chữ *Thanh niên* bằng chữ Tàu, nét rỗng bên trái là hình ngôi sao 5 cánh để đánh thứ tự các số báo. Trong 88 số (số 88 ra ngày 17/4/1927), hơn một tháng trước khi Bác phải bí mật rời Quảng Châu với "tấm căn cước xé đôi" vì cuộc phản biến của Tưởng Giới Thạch, đều một kiểu chữ viết chân phương, trình bày trên 2 cột, trang 3 và 4 vì đôi khi có minh họa, "tin ngắn" và cả thơ nữa, nên trình bày co dãn hơn.

Đành rằng, sau Bác có đồng chí Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu giúp sức biên tập bài vở, nhưng rõ ràng Người vẫn đảm trách dường như tất cả từ bài viết đến việc in báo.

Số phận của tờ *Thanh niên* thực đặc biệt đúng như sử mệnh của nó với cách mạng và báo chí Việt Nam.

Là cơ quan ngôn luận của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội (VNTNCMĐCH), tổ chức tiền thân quan trọng nhất của Đảng ta, được in ấn bí mật là thế, với số lượng cũng chỉ 400, 500 bản, và khi nó được đưa về trong nước, lập tức đã bị kẻ thù theo dõi. Cũng thực lạ, có lẽ qua nội dung độc đáo của Thanh niên, ngay từ đầu 1926 Chánh mật thám Đông Dương là L.MARTY đã ra lệnh cho bọn mật vụ sưu tầm bằng được bộ báo này. Và chỉ bằng cách xếp mấy chục số đầu tin của *Thanh niên*, tên mật thám cáo già này đã kết luận rằng chắc chắn tác giả tờ báo phải là Nguyễn Ái Quốc, tòa soạn phải ở Quảng Châu.

---

[1] Manchette (măng sét) tít lớn của báo

Trong nhiều báo cáo mật gửi về Bộ thuộc địa và cả trong cuốn sách "nổi tiếng" *Góp phần vào lịch sử các phong trào chính trị Đông Dương* (xuất bản ở Hà Nội, 1933, gồm 5 tập), chính Marty đã viết: "Ông Nguyễn Ái Quốc đã không ngần ngại dành suốt 60 số đầu của tờ báo để chuẩn bị tinh thần cho người đọc, chỉ nói về lòng yêu nước, để đến số 61 ra ngày 12/9/1926 ông mới để lộ ý định của ông khi viết rằng chỉ có một Đảng Cộng sản mới đảm bảo hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam...". Nhận xét chung về vai trò của TNCMĐCH và của báo *Thanh niên*, cũng chính Marty có một nhận định nữa rất chính xác rằng nếu như trong những năm 1926 - 1927, ngay những phần tử ưu tú của Đảng còn nghĩ mình là quốc gia, thì năm 1928 họ đã *náo nức muốn thể hiện mình là cộng sản*...

Vì sao báo *Thanh niên* lại có sự tác động thay đổi tâm trí sâu sắc đến như vậy? Có thể nói những ai được đọc 88 số đầu tiên của Bác trực tiếp làm (trong tình hình tư liệu hiện nay thì có thể được) đều có câu trả lời ngay.

Có lẽ Bác Hồ trong những ngày đầu tiên ấy, không những thấm nhuần sâu sắc luận đề của Lê-nin về báo chí cách mạng, nó *không những là người tuyên truyền và cổ động tập thể*, mà còn là người tổ chức tập thể, mà Bác còn hiểu rõ những đặc tính của một dân tộc nông dân, giai cấp công nhân mới ra đời còn quá non trẻ và người dân đều chưa hiểu "Chủ nghĩa xã hội" là gì để xác định cho *Thanh niên* một *phong cách làm báo cách mạng* rất Việt Nam. Trong khuôn khổ hạn hẹp của con chữ, bài dài nhất, có khi đăng tải thành 2, 3 kỳ cũng chỉ dưới 1000 chữ, phổ biến 300 - 500 chữ, cá biệt có *bài báo* chỉ có 3 câu, Nguyễn Ái Quốc vẫn chuyển tải được những nội dung to lớn của dân tộc và thời đại. Chỉ một ví dụ về một xưởng đóng giầy, Bác đã cắt nghĩa khái niệm kinh tế học thế nào là *giá trị thặng dư* của Mác, với 2 mẩu chuyện khác Bác

có thể giải thích khái niệm "Chuyên chính vô sản" và nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang của Lê-nin...

Chúng tôi cũng đã từng giới thiệu báo *Thanh Niên*, Bác Hồ, nhà báo lớn, niềm tự hào của giới báo nước ta, cũng là người Việt Nam đầu tiên viết về Cách mạng tháng Mười, về Lê-nin (có cả minh họa hình Lê-nin cờ đỏ búa liềm đứng trên quả địa cầu...) vào tháng 11/1926, trên báo cách mạng Việt Nam, bằng chữ quốc ngữ... Báo *Thanh niên* đăng bài ít ký tên, nhưng dấu ấn của Bác thì dễ dàng nhận ra. Đăng thơ, Bác ký là Văn Thu...

Tờ báo đã nhanh chóng thôi thúc lòng người, làm sống động phong trào cộng sản, kể cả việc tiếp bước *Thanh niên* là một rừng nhỏ báo chí bí mật của Đảng ở trong nước lần lượt ra đời trước và ngay sau ngày 03 tháng 02 năm 1930, từ *Tranh đấu, Cờ Vô sản, Đỏ, Lao Động* đến *Người Lao khổ, Sóng cách mệnh, Xi Moong, Than, Bồi Bếp*...

Thực cảm động trong số báo này, có tờ từ Trà Vinh Bến Tre... đã vượt qua lưới thép của kẻ thù đến tận trụ sở *Quốc tế Cộng sản*, Trường Phương Đông Mátxcơva (RYTB) nơi các đồng chí Trần Phú, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong... còn đang miệt mài học tập tri thức cộng sản, rèn luyện kỹ năng, nghệ thuật của một nhà cách mạng chuyên nghiệp. Chúng tôi mong có dịp để giới thiệu thêm với bạn đọc mối quan hệ buổi đầu tiên của nền báo chí cách mạng nước ta với bè bạn quốc tế trong guồng máy của QTCS. Trong một bài báo gọi là *Báo chí cách mạng trên đất nước An Nam* của một tác giả tên là Lun (chưa xác minh được), đăng tải trên tờ *Phóng viên Công Nhân* (cũng của QTCS) có in hình Manchette một tờ báo thời kỳ 30-31 của Nam Kỳ, tác giả đã hết lời ca ngợi những người làm báo cách mạng của ĐCSĐD trẻ tuổi, từ những sáng tạo trong in ấn, đầy gian khổ, trong công tác phát hành đầy nguy

hiểm và giá trị giáo dục vô cùng to lớn của thứ vũ khí này trong phong trào cộng sản ở nước ta.

Chúng ta cũng còn phải nghiên cứu thêm về nghệ thuật làm báo, kể cả văn phong của *Thanh niên* với ý nghĩa tờ báo đặt ra cả *nền móng có tính nguyên tắc* cho sự ra đời và phát triển nền báo chí của nước Việt Nam mới.

Tất nhiên là sau *Thanh niên* với 5 năm và 208 số báo một di sản báo chí đồ sộ mà Huỳnh Kim Khánh, nhân vật chúng tôi đã nhắc năm 1978 đã dùng bộ báo này làm luận văn Tiến sỹ sử học (trong công trình mang tên *Chủ nghĩa Cộng sản ở Việt Nam từ khởi thủy đến khi nắm chính quyền*) chúng ta còn có nhiều tờ báo cách mạng khác cũng rất hay, bề thế như *Tạp chí Cộng sản*, *Dân chúng* và *Tin tức* (1937-1939), đặc biệt bộ ba *Cờ Giải phóng, Sự Thật* và *Nhân Dân* (từ 1942 đến 11 tháng 3 năm 1951 khi có số đầu của Nhân Dân), nhưng rõ ràng tờ *Thanh niên* của Bác thực sự là tờ báo *Mở đầu cho một sự nghiệp*, sự nghiệp báo chí.

Như vậy việc hình thành và phát triển của dòng báo chí cách mạng tự nó đã là một thành tựu quan trọng trong cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của Đảng ta trước Cách mạng tháng Tám, theo những nguyên tắc xây dựng và hoạt động mà tờ báo đầu tiên của Bác Hồ đã đặt nền móng. Dù khi được xuất bản công khai hợp pháp (duy nhất trong thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 - 1939) hay khi tồn tại trong thế bí mật bất hợp pháp (là chủ yếu), các báo cách mạng đã thực hiện một cách xuất sắc quan điểm báo chí của Lê-nin, báo chí cách mạng không những là người tuyên truyền và cổ động tập thể, mà còn là người tổ chức tập thể.

Nhưng cũng phải nói rằng nguyên lý ấy đã được Bác Hồ đúc trong khuôn mẫu báo *Thanh niên* để nhân giống, thành

cả một vườn hoa báo chí cách mạng. Lịch sử nhận thức của ĐCSĐD cũng đã chứa đựng rất tư duy, rất Việt Nam của Đảng ta về lĩnh vực mới mẻ này, từ những văn bản đầu tiên của các tổ chức tiền thân, của các nhóm cộng sản đầu tiên đến những Nghị quyết riêng về công tác tuyên truyền báo chí của ĐCSĐD. Đó là chưa kể đến các văn bản sau này như *"Đề cương văn hoá 1943"*, *"Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam"*, Văn kiện Đại hội văn hoá toàn quốc lần thứ nhất năm 1951...

Đảng ta đã tổng kết những kinh nghiệm đầu tiên về việc "đào tạo phóng viên công nông", tổ chức mạng lưới sinh hoạt báo chí, quan hệ của các tổ chức Đảng với báo chí cách mạng..., những việc mà ngày hôm nay trong việc phát triển, hiện đại hoá nền báo chí Việt Nam đương đại chúng ta vẫn luôn xem như những nguyên tắc cần thiết.

Báo *Thanh niên* cùng với những tờ báo nổi tiếng của Quốc tế Cộng sản (*Tạp chí Quốc tế Cộng sản, Thư tín Quốc tế, Tạp chí Phương Đông cách mạng*...) của ĐCS Pháp như *Nhân đạo*... trong thập kỷ 20 đã là cái nôi đầu tiên để đào tạo thế hệ thứ nhất các nhà báo cách mạng nước ta mà phần lớn đều là đàn em và học trò của Bác Hồ, kể từ Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Tạo, Bùi Công Trừng, Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Văn Cừ đến Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Xuân Thủy và những thế hệ tiếp theo như Hải Triều, Nguyễn Thường Khanh, Hoàng Tùng, Thép Mới, Hồng Chương, Quang Đạm,... và hàng ngàn các nhà báo trẻ thế hệ hôm nay...

Từ khởi nguồn *Thanh niên,* nền báo chí của nước Việt Nam mới hiện nay không những đầy đủ các binh chủng mà đang từng giờ từng phút vươn lên hiện đại hoá cơ nghiệp báo

chí của đất nước, không chỉ có *báo viết*, mà còn có *báo nói, báo hình,* cập nhật với một cái nghề thuộc hàng *nhạy cảm nhất* với văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp hiện nay của nhân loại.

70 năm đã trôi qua thời đại và đất nước ta đã có những thay đổi to lớn.

Những thành tựu của ngày hôm qua dù có là "khuôn vàng thước ngọc" cũng phải có con mắt biện chứng của sự phát triển để nhìn nhận.

Tư duy báo chí của Việt Nam đã thực sự có những thay đổi quan trọng, kể từ sau Đại hội Đảng VI (1988), một sự kiện được coi như bước ngoặt của sự đổi mới, một cụm từ đến nay đã đi sâu vào mọi ngõ ngách của đời sống. Năm 1990 *Luật Báo chí* mới ra đời, trong khung cảnh của vận hội đó. Lần đầu tiên báo chí của chúng ta được quan niệm lại đầy đủ hơn. Bước đầu chúng ta diễn tả quan điểm mới trong những mệnh đề như *Diễn đàn của nhân dân, thông tin hai chiều và đa dạng hoá thông tin.*

Những gì đang diễn ra trong đời sống của giới báo chí hôm nay dưới sự lãnh đạo của Đảng ta là phù hợp với bước đi của thời đại và của chính dân tộc ta. Vả lại, chính Người sáng lập ra báo *Thanh niên*, nhà báo số 1 của nền báo chí Việt Nam mới, ngay ở thập kỷ 20 đã nhiều lần chỉ ra rằng, lôgíc lớn nhất là lôgíc đời sống...

Nhân kỷ niệm 70 năm
Báo Thanh niên (21/6/1925 - 21/6/1995)

ĐỌC LẠI BÀI "HY SINH"[1]

TS. Nguyễn Văn Khoan

Báo *Thanh niên* - tờ báo do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, chủ biên, biên tập viên, phát hành viên, viết chữ lối mới... số 65 ra ngày 07 tháng 10 năm 1926 có đăng bài "*Hy sinh*". Theo các nhà Hồ Chí Minh học, căn cứ theo cách viết, lối dùng từ, tư cách, vị thế tác giả, rất nhiều khả năng bài ấy do chính Nguyễn Ái Quốc viết.

Sau khi đến Quảng Châu (ngày 11 tháng 11 năm 1925) bắt liên lạc với Bô-rô-đin và Chu Ân Lai, đầu năm 1925 Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị, thành lập *Việt Nam Thanh niên cách mạng hội*, ra báo *Thanh niên*, số đầu tiên ghi ngày 21 tháng 6 năm 1925. Bài "*Hy sinh*" trên số 65 vào trang thứ nhất, chiếm hết cả trang. Sau khi phân tích "Người ta vì hoàn cảnh, kinh nghiệm không ai giống ai, cho nên tính chất ý kiến mỗi người mỗi khác...", tác giả nhấn mạnh "làm cách mệnh mà chưa biết rõ hai chữ "*hy sinh*" thì dễ bị giành nhau, cãi nhau mà thành ra... hỏng việc". Trong các loại "*hy sinh*", người viết cho rằng "Làm cách mệnh là phải biết cách mệnh là việc chung, nên phải lấy lòng chí công vô tư mà theo dõi cái công việc, lại phải biết cách mệnh tất nhiều là sự hy sinh, hy sinh gia đình, hy sinh tính mạng, hy sinh quyền lợi, hy sinh ý kiến". Bài báo kết luận: "Thế thì mới gọi là hy sinh, thế thì mới gọi là chân chính cách mệnh".

Người ta thường nghĩ làm cách mệnh là phải hy sinh những việc to lớn, ít ai cho rằng "*hy sinh ý kiến*" lại là không

---

[1] Báo *Cựu Chiến binh*, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 5/1998.

dễ dàng, không phải việc nhỏ. Thực tiễn cách mạng đã chứng tỏ nếu không biết hy sinh ý kiến, cứ khăng khăng một mực, cực đoan cho rằng ta đúng, thì rất dễ sinh ra bè phái, phân liệt, không phải là không có khả năng làm hỏng việc lớn, làm tan vỡ đội ngũ. Bản thân Nguyễn Ái Quốc trước năm 1926 đã từng có một số ý kiến "đúng trong một thời điểm sai" mà các đồng chí quốc tế và trong nước chưa có điều kiện hiểu, thống nhất với những quan điểm đó. Lịch sử phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới đã chứng minh Nguyễn Ái Quốc đã biết "*hy sinh ý kiến*", để lại, lùi lại, không tranh cãi nữa, và cũng để lại những ý kiến chưa được thực tiễn công nhận, nên đã có một cách ứng xử mềm dẻo, thích hợp.

Trong bối cảnh của những năm 1920 - 1930, các nhà yêu nước cách mạng Việt Nam, tuy có mục đích chung là cứu nước, nhưng ý kiến lại khác nhau. Việc giải thích, huấn luyện, tuyên truyền, động viên, thuyết phục họ để "tạm gác ra bên ý kiến cá nhân của mình - dù đúng dù sai, tức là hi sinh ý kiến để cùng thống nhất vào một ý kiến chung - dù chưa được hoàn hảo - là một việc quyết định, khởi đầu, cơ sở, sống còn cho phong trào... Để đạt được mục đích ấy, phải có sự dung hòa, đóng góp trách nhiệm của cả hai bên".

Và trong hai năm 1926 - 1927, Nguyễn Ái Quốc, bằng các bài giảng trong lớp huấn luyện, bằng sách báo và nhất là bằng sự gương mẫu, đạo đức của mình đã thuyết phục được đa số cùng chung một ý nghĩ, một quan điểm, đi chung một con đường, sát cánh bên nhau trên cùng một con thuyền cách mệnh, vì "Cách mệnh tốt nhất là sự hy sinh".

Bài học mà tác giả bài "*Hy sinh*" để lại cho chúng ta, chắc không phải chỉ là dành cho những người yêu nước, cách mạng những năm 1920-1930, mà còn cho hôm nay...

ĐẤU TRANH GIAI CẤP VỚI TƯ DUY NHÀ BÁO NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH[1]

TS. Nguyễn Văn Khoan

Theo báo cáo của mật thám Giăng (Jean) tại Paris trong ngày 09 tháng 02 năm 1919 Nguyễn Ái Quốc đã hai lần đến thư viện Sainte Geneviève, rồi sau đó vào các ngày 10, 11, 12, 13, 15, 17, 19 và nhiều ngày nữa vẫn tiếp tục đến đọc sách trong thư viện này. Trong một lần kể chuyện cho một cán bộ, Hồ Chủ tịch nói Bác đã đọc *Tư bản luận* của Mác bảy ngày liền. Phải chăng Người đã đọc cuốn sách đồ sộ ấy của Mác tại thư viện Sainte Geneviève?

Gần đúng hai tháng sau, ngày 11 tháng 02 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày đề tài "*Chủ nghĩa Bôn-sê-vích ở châu Á*" tại Hội nghị những người Thanh niên Cộng sản Pháp quận II, Paris. Tháng 7 cùng năm, Nguyễn Ái Quốc đọc tác phẩm của Lê-nin về "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc thuộc địa*" đăng trên báo *L'Humanité* (Nhân đạo) số ra ngày 16 và 17 tháng 7 năm 1920. Luận cương này đã làm cho Nguyễn Ái Quốc "cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao" - một tình cảm và nhận thức mà do nhiều nguyên nhân trước đó Người chưa có cho đến khi đọc các tác phẩm của Mác. Nguyễn Ái Quốc còn viết thư bằng tiếng Pháp gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản cho biết: "Luận cương này đã ảnh hưởng rất lớn

---

[1] Trích tham luận khoa học tại Hội thảo quốc tế Việt Nam trong thế kỷ XX - Hà Nội, tháng 9/2000.

đến sự hình thành thế giới quan" (chúng tôi nhấn mạnh) của mình".[1]

Văn bản đầu tiên mà Nguyễn Ái Quốc nêu tên V. I. Lê-nin là bài "*Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa*" viết bằng tiếng Pháp đăng trên báo *L' Humanité*, ký tên Nguyễn Ái Quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1922. Trong bài này, tác giả viết: "Chủ nghĩa Bôn-sê-vích, trước con mắt người dân bản xứ có nghĩa là sự phá hoại tất cả, hoặc tự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất, làm cho quần chúng ít học và nhút nhát xa lánh chúng ta, nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả".

Băn khoăn, suy nghĩ về chủ nghĩa Bôn-sê-vích thực ra là chủ nghĩa Mác áp dụng như thế nào trong một nước thuộc địa có bọn đế quốc thực dân và tay sai, có đông đảo nông dân, một bộ phận nhỏ công nhân mới hình thành cùng với nhiều tầng lớp xã hội khác - như ở Việt Nam - là một chuỗi dài tháng năm tư duy, chọn lọc, tìm kiếm của Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc đã đi từ nhận định: "Ở Đông Dương có hai con người: Người được bảo hộ và người đi bảo hộ" (báo *Le Paria*, số 16 tháng 7 năm 1923) đến kết luận: "Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người, giống người bóc lột và giống người bị bóc lột" (Báo *Le Paria*, số 25 tháng 5 năm 1924) và "Chỉ có hai loại người: Thiện và Ác".

Trong bài "*Phong trào cách mạng ở Ấn Độ*" đăng trên *Tạp chí Cộng sản* tiếng Pháp, số 18 - 19 tháng 8, 9 năm 1921, Nguyễn Ái Quốc viết: "Thảm họa của đất nước đã xoá bỏ, sự

---

[1] A V Rehukôv, *Chiến lược và chiến thuật của Quốc tế Cộng sản*, bản tiếng Nga, Chính trị. M. 1978. tr 145 - 147.

phân biệt đẳng cấp và tôn giáo, người giàu, người nghèo, quý tộc và nông dân, Hồi giáo và Phật giáo đều hiệp sức đoàn kết".

Trong năm 1924, tại Mát-xcơ-va, Nguyễn Ái Quốc đã được mời đến giảng tại một lớp học của những đảng cộng sản Đức, văn bản đã được nhà sử học Pháp Alain Ruscio công bố dưới đề mục "*Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*"(1). Người đọc báo cáo này được đánh giá là một người am hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác và thực tế lịch sử Việt Nam trong quá khứ và hiện tại.... Nguyễn Ái Quốc nói: "Cuộc đấu tranh giai cấp (ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) không diễn ra giống như ở phương Tây".

Tại sao vấn đề đấu tranh giai cấp - "hòn đá tảng để phân biệt những người cách mạng chân chính hay cơ hội", "là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng" như Mác - Lênin đã nêu, lại "không diễn ra ở phương Đông, ở Việt Nam, giống như phương Tây"? Nguyễn Ái Quốc, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, với một tư duy độc lập, nhằm mục đích cao nhất là tìm ra một phương pháp tối ưu, phù hợp với Việt Nam để giải phóng dân tộc, đã lập luận rằng: "Xã hội Đông Dương về mặt cấu trúc kinh tế không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời Cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó (ở Đông Dương, Việt Nam) không quyết liệt như ở đây (ở châu Âu)".

"Chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng ở đó (ở Đông Dương). Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được".(1)

---

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 67 - 469.

(1) Theo tài liệu của Viện Phương Đông Liên Xô năm 1976: "Đối với Mác là vào năm 1861, với Ăng-ghen là năm 1883, tiếp đó là năm 1895 mới có được

Nguyễn Ái Quốc nói tiếp: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại".

Ở đây ta có thể thấy tư duy của phương Đông, của Việt Nam (mà Nguyễn Ái Quốc là một đại diện), khác với châu Âu. Triết học ở phương Tây thiên về lý, duy lý, có lúc đơn thuần, duy nhất, cực đoan. Ở Việt Nam có một triết lý khác: Có cả lý và tình. Trong cái xấu còn có thể tìm ra cái tốt, ở cái mạnh vẫn bộc lộ điểm yếu, trong âm có dương...

Nguyễn Ái Quốc dẫn ra lý luận của Mác: "Sự tiến triển của xã hội trải qua 3 giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản và trong mỗi giai đoạn ấy đều có đấu tranh giai cấp tuy có khác nhau". Nhưng Nguyễn Ái Quốc lại cảnh báo: "Chúng ta phải coi chừng. Các dân tộc Viễn Đông có trải qua 2 giai đoạn đầu không?"

Rồi Nguyễn Ái Quốc kết luận là cần "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông".

Nguyễn Ái Quốc không phủ nhận *"Đấu tranh giai cấp"* ở châu Âu theo chủ nghĩa Mác, mà suy tính vận dụng chủ nghĩa Mác vào Việt Nam như thế nào để cách mạng Việt Nam giành thắng lợi.

---

những thông tin đại cương về xứ Tông-kanh (Bắc Kỳ - Việt Nam) và Cô-sanh-sin (Nam Kỳ - Việt Nam). Lê-nin đã đề cập tới Đông Dương bốn lần, lần đầu vào năm 1905. Năm 1916, Lê-nin viết: Những dân tộc ít người bị chủ nghĩa đế quốc đè nén đã nêu gương nổi dậy trong các nước thuộc địa, trong đó có xứ An Nam thuộc Pháp".

Trên thực tiễn, ở Việt Nam "Chủ nghĩa dân tộc còn là động lực lớn nhất của đất nước". Từ quá trình lịch sử hình thành dân tộc Việt, người Việt từ xa xưa đã có một tinh thần dân tộc cao, biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, đoàn kết chặt chẽ chống thiên tai, ngoại xâm. Từ đó nẩy sinh ra tình yêu nước, thương dân cao cả. Hồ Chí Minh đã từng nói: "Hễ là người Việt Nam, ai cũng có lòng yêu nước".

Tình yêu nước ấy gắn bó tất cả những người Việt, những cộng đồng các dân tộc chung sống với dân tộc Việt trên đất Việt Nam thành một thành viên chung được gọi là đồng bào". Hồ Chí Minh định nghĩa đồng bào "nghĩa hẹp là gia đình, anh em họ hàng, bạn bè, nghĩa rộng là đồng bào cả nước, rộng hơn nữa là cả loài người".[1]

Theo mạch tư duy riêng của mình. Hồ Chí Minh không định nghĩa "cách mạng" theo cách châu Âu là "biến đổi bất ngờ và táo bạo trong cơ cấu kinh tế xã hội", là "khởi nghĩa", "nổi dậy", "nổi loạn", "bước ngoặt cơ bản, bước nhảy vọt bất ngờ từ một tình trạng chất lượng này sang một chất lượng khác", "cuộc biến đổi lớn thông qua đấu tranh giai cấp...". Trên cơ sở thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh đã định nghĩa ngay từ năm 1927 - trong *Đường Kách mệnh*: "Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt". Như vậy, làm cách mạng ở Việt Nam đâu nhất thiết theo cách hiểu của phương Tây?

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chủ trương ở nước Việt Nam bị đô hộ, vấn đề trước hết là phải nêu cao chủ nghĩa yêu nước, đoàn kết dân tộc, đoàn kết mọi giai cấp có thể đoàn kết được để giải phóng dân tộc, chớ chưa phải và không phải là đấu tranh giai cấp chống địa chủ, tư bản tràn lan. Có giải

---

[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 5, 7.

phóng được dân tộc mới có điều kiện giải phóng được giai cấp nông dân, công nhân. Quan điểm này đã khiến Quốc tế Cộng sản và nhiều học trò, đồng chí của Nguyễn Ái Quốc không tán thành, ủng hộ, và cho rằng Nguyễn Ái Quốc coi nhẹ đấu tranh giai cấp là cải lương, dân tộc chủ nghĩa, khiến cho Nguyễn Ái Quốc đã từng trở thành một "lữ hành cô đơn" (câu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp). Nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ quan điểm của mình.

Trong sách *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, ký tên X.Y.Z, Hồ Chí Minh đã nhắc cán bộ rằng: "Nghe người ta nói giai cấp đấu tranh mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng[1]. Tiếp đó, trong bài "*Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*" ký tên X.Y.Z, đăng trên tờ *Sinh hoạt nội bộ*, Ban Chấp hành Liên chi khu bộ tái bản năm 1950[2], Hồ Chí Minh viết: "Trong lúc cần toàn dân đoàn kết mà chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều ngu ngốc. Việc gì cũng phải đúng với địa điểm, điều kiện và thì giờ mới thành công". Ba điều đúng (địa điểm, điều kiện, thời cơ) đó chính là thực tiễn - thực tiễn Việt Nam.

Hồ Chí Minh viết tiếp: "Chính sách mà Đảng cách mạng lập ra trên sự cần kíp của xã hội, trên lực lượng chính của sự phát triển xã hội, chớ không phải lập ra trên những lý luận mênh mông".

Đi từ thực tiễn Việt Nam, đối chiếu với chủ nghĩa Mác, theo "*Luận cương của Lê-nin về vấn đề thuộc địa*", Hồ Chí Minh có lần giải thích rằng: "Chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt

---

(1) Tài liệu lưu trữ Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
(2) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Sđd, tập 7.

Nam là đại đoàn kết". Đại đoàn kết tất cả các giai tầng xã hội, theo Hồ Chí Minh không phải là "đoàn kết vô nguyên tắc", mà chỉ đoàn kết những người "yêu nước, phụng sự Tổ quốc", không đoàn kết với những kẻ phản bội Tổ quốc, "những kẻ tham ô, tham nhũng".

Trong mối quan hệ giữa công nhân và tư bản, Hồ Chí Minh không nêu lên vấn đề "đấu tranh giai cấp như kiểu phương Tây" mà vận dụng một phương pháp "đấu tranh giai cấp Việt Nam" là "công tư đều được chiếu cố, chủ và thợ đều có lợi"[1]. Để tước bỏ quyền sở hữu ruộng đất trong điền chủ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương giảm tô tức, chia ruộng đất của phản động, ruộng đất bỏ hoang cho dân cày, vận động các điền chủ hiến ruộng cho Chính phủ. Cuộc cải cách ruộng đất, "đấu tranh giai cấp giữa nông dân và địa chủ ở Việt Nam" diễn ra trong những năm 1953 - 1955 đã bị phê phán là "máy móc, dập khuôn trong vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc"[2] phạm khuyết điểm mang tính chất giáo điều, "lẽ ra có thể giải quyết vấn đề ruộng đất và quyền lợi của nông dân bằng những cách khác như ta đã làm như chia ruộng đất của chủ tư bản Pháp và Việt gian phản động, chia công điền, công thổ cho nông dân, thực hiện giảm tô, giảm tức... để tập trung nguồn lực chống đế quốc". Chữ "ta" trong câu kết luận này, có thể hiểu là đường lối, chính sách của Đảng, trong đó có sự tham gia ý kiến, chủ trương của Hồ Chí Minh.

---

[2] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*. Sđd. tập 7

[2] Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học*. Nxb. Chính trị quốc gia, 1996, tr 216 - 222.

Thật ra từ năm 1936, Trung ương Đảng Cộng sản đã nghi ngờ rằng "ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc"? *Văn kiện Đảng*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia. 2000. tr. 74.

Trong "cải tạo công thương nghiệp tư doanh" trên miền Bắc, sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất, Hồ Chủ tịch đã nói trong một hội nghị cán bộ cao cấp rằng: "Không nên coi tư sản dân tộc là đối tượng cách mạng, mà nên coi họ là đồng minh".

Nguyễn Ái Quốc đã từng vận dụng "đấu tranh giai cấp" ở Pháp, ở Hoa Nam, ở Xiêm trong đồng bào người Việt Nam. Năm 1941, sau 30 năm học tập lý luận, đối chiếu thực tiễn, qua kinh nghiệm hoạt động của bản thân, với những luận điểm riêng của mình đã được Quốc tế Cộng sản chấp nhận bước đầu qua Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã trở về Việt Nam với đầy đủ kinh nghiệm để thực hiện "đại đoàn kết". Người viết trên tờ báo *Việt Nam độc lập* rằng: "Lực lượng chúng ta là ở chỗ đoàn kết, đoàn kết toàn dân, đoàn kết đàn ông, đoàn kết đàn bà, người già, trẻ con, đoàn kết người làm ruộng, làm thợ, đi buôn, người làm việc cho Tây, người đi lính cho Tây", "không phải đoàn kết nhất thời mà đoàn kết mãi mãi".

Đại đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - một vận dụng sáng tạo "đấu tranh giai cấp" của chủ nghĩa Mác ở Việt Nam, đã tập hợp, đại hòa hợp được tất cả con Rồng, cháu Tiên, nông dân, công nhân, trí thức, đại tư sản, quan lại, con vua cháu chúa, binh sĩ, lính ta, quan Tây cũ, công chức chính quyền Pháp của trên 50 dân tộc anh em... theo đạo Phật, đạo Thiên chúa. Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo..., nghĩa là gần như tất cả những người dân yêu nước, chỉ trừ những kẻ phản quốc, Việt gian, kẻ chống lại Tổ quốc, dân tộc. "Đại đoàn kết ấy thực sự là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam"[1]

---

[1] Phát biểu của đồng chí Đỗ Mười tại Lễ Kỷ niệm 65 năm thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Báo *Nhân dân* ngày 19/11/1995.

Là một di sản quốc bảo của Hồ Chí Minh, của Tổ quốc ta, dân tộc ta, bài học về đại đoàn kết, đấu tranh giai cấp này mãi mãi vẫn là một nhân tố quyết định đồng hành với thắng lợi của đất nước ta trong thế kỷ mới. Đối với một số quốc gia dân tộc nào đó, di sản này còn có thể là một phương án tham khảo tích cực.

NHỮNG CẢM NHẬN VỀ TÀI THAO LƯỢC CỦA NHÀ BÁO NGUYỄN ÁI QUỐC

TS. Nguyễn Văn Khoan

Ngày 14/11/1947, Bộ Tổng Chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam ra "*Huấn lệnh về phát động du kích chiến tranh*", coi "*du kích chiến tranh là căn bản*".(1)

Để thực hiện Huấn lệnh này, tháng 02/1948, Bộ Tổng chỉ huy ra nghị định tổ chức Cục Dân quân, cho ra Tờ "*Quân du kích*", thành lập Trường Dân quân Lê Bình (Lê Bình - tên một liệt sĩ hy sinh trong trận đánh Cái Răng hồi đầu kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ). Cục Dân quân do đồng chí Lê Liêm làm Cục trưởng.

Cùng năm đó, ngày 15-4, Hội nghị dân quân toàn quốc lần thứ 2 khai mạc tại Việt Bắc. Chủ tịch Hồ Chi Minh đã gửi thư cho các đại biểu dự Hội nghị, biểu dương thành tích, nêu lên những khuyết điểm trong công tác dân quân và đề ra 7 điểm để dân quân du kích thực hiện: "*Lấy dân quân du kích làm nền tảng..., phối hợp chặt chẽ với Vệ quốc quân..., làm cho họ hiểu rõ chiến thuật du kích là: phải luôn giữ quyền chủ động, phải tìm địch mà đánh, phải luôn khuấy rối phá hoại địch, phải tự cấp, tự túc, địa phương này thi đua với địa phương khác...*".

Những ý kiến về chiến tranh du kích của *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh* không phải mới xuất hiện trong Hội nghị này. Tư duy về "*Chiến tranh du kích*", "*Các đội du kích*" đã được Nguyễn Ái Quốc tập trung suy nghĩ, nghiên cứu, ít ra cũng từ những tư liệu của những năm nội chiến ở Nga

---

(1) Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB QĐND, 2004, tr. 58.

1918, kết hợp với những hiểu biết từ cuốn "*Cách dùng binh của Tôn Tử*", qua các câu chuyện trong *Tam Quốc diễn nghĩa*. Tiếp sau đó là qua thực tiễn hoạt động quân sự của bản thân Nguyễn Ái Quốc trong phong trào nông dân Quảng Đông (Trung Quốc) những năm 1926 - 1927, qua tư liệu của nước ngoài: Pháp, Nam Tư, Liên Xô...

Và cũng không phải chờ đến năm 1948, Người mới có sách "*Kinh nghiệm du kích Tàu*", "*Kinh nghiệm du kích Pháp*".[1]

Lần theo các bài viết, bài nói, bài giảng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và những tư liệu sưu tầm được, có thể cho rằng tác phẩm đầu tiên có hệ thống về quan điểm chiến tranh du kích của Nguyễn Ái Quốc được xuất hiện từ năm 1927.

Đây là bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại Trường quân sự của những người cộng sản Đức ở Mátxcơva vào cuối năm 1927, được xuất bản lần đầu tiên tại Đức vào năm 1928. Năm 1970, trong tập sách "*Khởi nghĩa vũ trang*"[2] do A. Neuberg tuyển chọn, biên tập và xuất bản ở Luân Đôn, tập bài giảng này của Nguyễn Ái Quốc được xếp vào Chương XII của sách.[3]

---

[1] Trong 3 tập sách của Viện lịch sử quân sự Việt Nam: *50 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB QĐND. H, 1995, *Bộ Quốc phòng* (1945 - 2000). NXB QĐND, H, 2004; *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB QĐND, H, 2004, cũng như trong nhiều văn kiện. tư liệu quân sự khác, cho đến năm 2008 vẫn chưa có điều kiện đưa hai "sách" trên (và cả sách Tỉnh ủy bí mật) vào *Hồ Chí Minh Toàn tập* hay *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*.

Cũng trong năm 1948. Hồ Chí Minh có viết. *Cách huấn luyện cán bộ quân sự của Khổng Minh*, hiện có bản lưu trữ tại Thư viện Quân đội, ký hiệu 3K543/15445.

[2] Theo *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 2. NXB CTQG, 1995, bài giảng này lấy từ sách của Huỳnh Kim Khánh, trong cuốn sách viết bằng tiếng Anh: *Phong trào Cộng sản ở Việt Nam 1925 - 1945*, NXB Đại học Cornell, Luân Đôn, 1972. Tài liệu mới sưu tầm được, tác giả không ký tên, chưa có điều kiện xác minh (nên không đưa vào phần chính của tập 2 mà xếp vào phần *Phụ lục*).

[3] Erich Wollenberg là đảng viên Cộng sản Đức từng quen biết Nguyễn Ái Quốc cho biết: "(Nguyễn Ái Quốc) tác giả chương XII là một nhà cách mạng Đông Dương... dưới tên Hồ Chí Minh".

Nhiều khả năng là những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc được hình thành, xây dựng qua thực tiễn hoạt động của ông trong phong trào nông dân tỉnh Quảng Đông nửa cuối năm 1925.

Trong "*Báo cáo gửi Quốc tế nông dân về Nghị quyết của Đảng bộ Quốc dân Đảng Quảng Đông về vấn đề nông dân*" và trang 2 bài viết "*Phong trào nông dân tỉnh Quảng Đông*" (viết ngày 16/10/1925 bằng tiếng Anh), một bài nữa cũng bằng tiếng Anh không rõ thời gian (có lẽ cũng vào cuối năm 1925), Nguyễn Ái Quốc đã đề cập tới "*Tự vệ nông dân*", "*Tự vệ công nhân*", "*Đội hương dũng*" - tiền thân của các đội du kích.

Xin lưu ý rằng trong phong trào nông dân ở Quảng Đông, không có một cán bộ Quốc tế cộng sản nào ngoài Nguyễn Ái Quốc. Những thông tin kết luận, nhận định tình hình về một phong trào nông dân ở phương Đông - châu Á - Trung Quốc là những vấn đề mới lạ... đối với những người cộng sản châu Âu, với Quốc tế cộng sản.

Các cụm từ "*Du kích*", "*Toán du kích*", "*Toán du kích nông dân*", "*Chiến tranh du kích*", "*Huấn luyện tác chiến cho du kích*", "*Sức mạnh của du kích*", "*Chỉ huy các đội du kích*"... nghĩa là hầu hết các điều cơ bản, yếu tố tổ chức, trang bị, hoạt động, cách đánh, chỉ huy - đều đã được Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên nêu lên, không chỉ cho cách mạng Việt Nam mà cho cả phong trào công nhân quốc tế, giải phóng dân tộc trong Quốc tế cộng sản từ năm 1927, trong bài giảng ở Mát-xcơ-va một cách có hệ thống, khoa học, thực tiễn với sức thuyết phục lớn.

Trong bài giảng này, Nguyễn Ái Quốc đã so sánh cách đánh du kích của các nước vùng Ban Căng, Rumani, Ba Lan,

Italia, Pháp, Tây Ban Nha, Liên Xô, Trung Quốc... với thực tiễn của Quảng Đông và đưa ra kết luận rằng:

1. Nếu không được nông dân ủng hộ tích cực, cách mạng vô sản không thể thắng lợi.

2. Phong trào cách mạng trong nông dân nhất thiết phải sử dụng những hoạt động quân sự của những toán du kích nông dân[1].

Tiếp tục theo dõi cuộc chiến đấu của nhân dân Trung Quốc chống quân xâm lược Nhật Bản những năm 1938 - 1939, qua những "*Thư từ Trung Quốc*" giới thiệu những trận đánh thắng của du kích Trung Quốc, "đánh giặc chủ yếu bằng mưu mẹo và sự bất ngờ", "làm cho tên tư lệnh Nhật đau đầu nhưng không tìm thấy du kích đâu"[2], Nguyễn Ái Quốc đã đi tới một kết luận có tính chất nguyên tắc, chiến lược như một kim chỉ nam của cách đánh du kích: "Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc"[3].

Tuy rằng hoàn cảnh, cách vận dụng cách đánh du kích có khác nhau, nhưng thực tiễn ở Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... trong thế kỷ XX đã chứng minh luận điểm này của Nguyễn Ái Quốc là tuyệt đối chính xác.[4]

---

[1] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Sđd, tập 2, *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân*, tr. 413.

[2] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 3, tr. 108.

[3] Hồ Chí Minh, Cách đánh du kích, Việt Minh xuất bản năm 1945.

[4] Năm 1943, Bác có viết "Phép dùng binh của ông Tôn Tử", Việt Minh in tháng 2/1945, trong đó đã đề cập những phép dùng binh của Tôn Tử gần với cách đánh du kích (đánh bằng mưu, đánh bằng lửa...). Báo *Cứu quốc* từ tháng 5 đến tháng 12/1945 đã đăng một loạt bài về *Binh pháp Tôn Tử* của Bác với bút danh là Quyết Thắng. Trên báo *Việt Nam độc lập*, số 105, ngày 10/9/1941 có thông báo: "Nên đọc sách hay: *Cách đánh du kích*, *Kinh nghiệm du kích Tàu*": số 184, ngày 21/12/1943 cho biết "*Ai muốn xem sách du kích gửi cho báo nữa xếp giấy học trò*", số 199, ra ngày 15/12/1944 có bài Du kích đội ở Nam Tư.

Như vậy có thể thấy rằng khi viết *Kinh nghiệm du kích Tàu, Kinh nghiệm du kích Pháp* (và sau này năm 1951, Bác đã dịch và viết lại cuốn *Tỉnh ủy bí mật*), Hồ Chí Minh đã có một kho thực tiễn của du kích Việt Nam và thế giới. Trên thực tiễn đó đã dẫn đến "lý luận về chiến tranh du kích Hồ Chí Minh", để lý luận hướng dẫn trở lại thực tiễn, trở thành một kim chỉ nam.

Có thể suy nghĩ về cách viết các tác phẩm "*Kinh nghiệm du kích*" này của Bác.

Trước hết, Bác viết "*Kinh nghiệm du kích của Tàu*" là giới thiệu hoạt động du kích của nông dân, trong nông thôn bị địch chiếm đóng. Sau đó "*Kinh nghiệm du kích Pháp*" là kể chuyện về du kích đánh trong thành phố của các đội du kích công nhân, sinh viên, trí thức... Còn *Tỉnh ủy bí mật* là trình bày kinh nghiệm chỉ huy, lãnh đạo những đội du kích trong một địa phương, huyện, tỉnh.

Ngay trong từng quyển "*Kinh nghiệm du kích*", ví dụ "*Du kích Tàu*", Bác cũng có ý đồ cụ thể, giới thiệu "*Du kích già*" (một ông già, một sợi dây làm cho điêu đứng một bầy địch) rồi đến "*Du kích thiếu niên*", "*Du kích bà già*", "*Du kích thanh niên, học trò*", "*Từ du kích một người đến một toán du kích*", "*Từ tự động du kích đến chỉ huy, lãnh đạo cả đội*"; phải "*Khôn ngoan, mưu cao, khéo léo... bao giờ cũng ăn*":

Trong "*Kinh nghiệm du kích Pháp*", Bác lại tập trung giới thiệu về một người chỉ huy du kích (Đại tá Pha Biêng) dũng cảm, mưu mẹo, sống như cá với nước trong lòng nhân dân đã chỉ đạo công nhân đường sắt, công nhân giao thông đường sắt phá đường sắt, công nhân giao thông phá đường bộ, công nhân điện lực phá hệ thống điện đèn. Bác còn "mách" cho cách chỉ huy, tổ chức các đoàn thể, quần chúng, phụ nữ, thiếu niên... tham gia các công việc thông tin, liên lạc, tiếp tế lương thực, giúp đỡ gia đình đội viên du kích...

"Kinh nghiệm du kích Tàu" và *"Kinh nghiệm du kích Pháp"* của Bác thực sự là một bài giảng về chiến tranh du kích, cách lựa chọn đội viên du kích tổ chức thành đội, cách chỉ huy các loại hình hoạt động du kích... viết dưới dạng kể rất linh hoạt, điểm các câu văn vần, ca dao khiến người dân bình thường, đội viên du kích dễ nhớ, dễ hiểu và điều quan trọng là "dễ làm theo".

Năm 1963, trong lần sang thăm Việt Nam, Đại tướng Paven Batốp - lúc đó là Tổng Tham mưu trưởng khối liên minh quân sự Vác-sa-va, đã tôn vinh Bác là "Ông già lãnh tụ du kích".

Toàn bộ những tác phẩm về *"Chiến tranh du kích"* của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cần được sưu tầm và đưa vào *Hồ Chí Minh toàn tập*[1]. Cần thiết phải có một chuyên đề khoa học nghiên cứu về "Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với chiến tranh du kích, từ chiến tranh du kích đến chiến tranh toàn dân".

---

[1] Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa tìm được tài liệu "Kinh nghiệm đánh Tàu", "Tanya - một anh hùng du kích Liên Xô"; "Cuộc chiến đấu oanh liệt của một đội du kích Cácpát".

NGỌN BÚT NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH VÀ VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

GS. Đỗ Quang Hưng

1. Người anh hùng giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX

Tôi muốn mượn ý của nhà sử học người Anh E. J. Hobsbawm, tác giả của một trong những cuốn sách tổng kết hay nhất về thế kỷ XX, ông gọi thế kỷ này là thế kỷ của những thái cực (L'Âge des extrêmes, bản dịch tiếng Pháp, 1999). Trong những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX. Ông mô tả là những "thái cực ảo những sáng tạo và tàn phá, trong sự hưng thịnh và suy đồi đạo lý". Cụ thể hơn, tác giả nhận xét: "Thế kỷ XX được khai sinh và luyện thép trong lò lửa của Thế chiến thứ nhất". Đồng thời "hai cuộc đại chiến thế giới là "lò sát sinh" và là "lò bát quái" đẻ ra cái thế kỷ đẫm máu nhất của lịch sử nhân loại".

E. J. Hobsbawm có thiện cảm với một "thái cực" khác, đó là cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại (1917). Những sự kiện "rung chuyển thế giới" như thế đã mở ra một thế kỷ đầy bi tráng, hào hùng, một khúc ngoặt của thế giới văn minh khi bước vào cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ hai, giải thể chế độ thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, cục diện chiến tranh lạnh, và cuối cùng là "cơn động chấn" của sự sụp đổ phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô...

Chúng ta đều biết rằng sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa nửa cuối thế kỷ XX là một trong những sự kiện lịch sử lớn nhất, làm phong phú thêm thế kỷ của *những thái cực*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh được thế giới tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc. Điều này có ý nghĩa sâu sắc và rộng

lớn. Với việc lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân ta làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám (1945), chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), tên tuổi Hồ Chí Minh và Việt Nam là một trong những biểu trưng đẹp đẽ nhất cho thắng lợi của thế giới thuộc địa, nửa thuộc địa và đánh dấu sự giải thể của chủ nghĩa thực dân.

Có thể nói rằng tư tưởng sáng chói *"không có gì quý hơn độc lập tự do"* của Người cũng là một dấu son của lịch sử tư tưởng nhân loại trong thế kỷ ấy. Vì thế, điều dễ hiểu là trong toàn bộ thư tịch tác phẩm của Hồ Chí Minh nói chung, tác phẩm báo chí nói riêng của Người, chủ đề *cách mạng giải phóng dân tộc* luôn luôn có vị trí nổi bật nhất.

Lẽ dĩ nhiên vấn đề giải phóng dân tộc với Hồ Chí Minh không chỉ là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng bậc nhất mà còn thực sự gắn bó hầu hết với những sự kiện chủ yếu của bản tiểu sử cá nhân của Người. Không kể những ngày đầu tiên khi quay trở lại định cư ở nước Pháp (cuối 1917) để thực sự bắt tay vào cuộc vận động cách mạng, ít nhất từ tháng 12/1920, khi trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, ngòi bút của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một dòng chảy liên tục, không ngừng nghỉ với chủ đề quan trọng ấy.

Ngoài tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925, in ở Pháp, tiếng Pháp), vốn được coi là "tác phẩm chuyên luận duy nhất của ông Nguyễn" (Trần Dân Tiên), cùng với hàng nghìn bài báo và nhiều loại hình xuất bản khác mà ngày nay hậu thế đã có trong tay 15 tập *Hồ Chí Minh toàn tập*, ngọn bút Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã trở nên một di sản, một biểu trưng phản ánh những góc cạnh quan trọng gương mặt vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta.

Để phác họa lại cống hiến to lớn này, trong bài viết dưới đây, chúng tôi tập trung chủ yếu dựng lại những đóng góp của Người trên phương diện báo chí, tuy chưa phải là toàn bộ văn nghiệp, nhưng theo chúng tôi là địa hạt sinh động và phong phú nhất.

2. Người sáng lập nên báo chí cách mạng Việt Nam

Rất đúng khi nói rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn là người sáng lập, người đặt nền móng cho nhiều tổ chức chính trị, quân sự, xã hội, các tổ chức văn hóa v.v..., trong đó báo chí là một thí dụ tiêu biểu.

Sáng lập báo Thanh niên (1925 - 1932), tờ báo cách mạng đầu tiên ở nước ta.

Tờ báo tiếng Việt đầu tiên ở nước ta là tờ *Gia Định báo* (số 1, ngày 15/4/1865), xuất hiện ở Sài Gòn. Dòng báo chí cách mạng ở nước ta, do vị thế đặc biệt của nó, lại phải xuất hiện ở nước ngoài, và gắn chặt với việc ra đời các tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cũng giống như trường hợp tờ *Tia lửa* (Iscra) của Lê-nin được thành lập ở nước ngoài trước khi xuất hiện Đảng Bônsêvích Nga, tờ báo cách mạng đầu tiên ở nước ta được coi là tờ báo khai phá mở đường cho dòng báo chí này là tờ *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, số 1 ra ngày 21/6/1925, tại đường Văn Minh, Quảng Châu, thủ đô của Cách mạng Trung Quốc lúc đó.

Xung quanh việc ra đời tờ báo này là một cân chuyện dài. Ở đây có thể đưa thêm một số tư liệu để tham khảo. Tờ báo *in sáp*, 4 trang đơn sơ, thường 2 cột, mà có đủ chuyên mục của một tờ báo chính trị xã hội, hơn thế nữa của một đảng phái chính trị đang ươm mầm tập hợp những người

cách mạng trẻ tuổi chống chế độ thực dân Pháp. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chỉ trực tiếp điều khiển 88 số đầu (có sự trợ giúp của những đàn em, học trò như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong... cho đến Lý Tự Trọng khi đó mới 16 tuổi), từ tháng 6 năm 1925 đến tháng 4 năm 1927 khi Người phải bí mật rời Quảng Châu do cuộc phản biến của Tưởng Giới Thạch. Bộ báo *Thanh niên*, theo sưu tập của nhà nghiên cứu Việt kiều Huỳnh Kim Khánh, từ cuối thập kỷ 80, cho thấy đã có trên 200 số, kéo dài đến tận 1932.

Dù chỉ qua 10 số báo lưu trữ được ở Bảo tàng cách mạng Việt Nam, bạn đọc cũng có thể mường tượng được tầm cỡ lớn lao của tờ *Thanh niên*, cũng như nghệ thuật làm báo đặc biệt của nó.

Từ 1925, ở Trung Quốc, Thái Lan... đã xuất hiện thêm các tờ báo cách mạng khác ít hay nhiều đều có liên quan đến hoạt động của Nguyễn Ái Quốc như *Kèn gọi lính, Hải viên Công hội, Thân Ái*,... Đến đây, chắc có câu hỏi vì sao chưa thấy nói đến tờ *Người cùng khổ* (Le Paria), tiếng Pháp, xuất bản ở Pari từ tháng 4 năm 1922 mà ai cũng biết Nguyễn Ái Quốc là chủ bút. Đó là không kể nhiều tờ báo cách mạng của công nhân, Việt kiều Việt Nam ở Pháp. Dù tình cảm của Bác Hồ có dành cho tờ *Người cùng khổ*, loạt bài của Người trên tờ báo đó (trên 38 số) nay đã quen thuộc với giới báo chí và văn học, nhưng đó là báo của *Hội Liên hiệp thuộc địa Pháp*, nên ta không thể lấy nó làm mốc mở đầu được.

Sau này, báo chí cách mạng nước ta có nhiều tờ nổi tiếng khác như *Cờ Giải phóng* (1942 - 1945), *Cứu Quốc* (1942 - nay), *Sự Thật* (1945 - 1950) và đặc biệt báo *Nhân Dân* (từ sau tháng 3 năm 1951), nhưng như nhận xét của Thép Mới, *Thanh niên* vẫn được coi là tờ báo khai phá mở đường cho

dòng báo chí cách mạng ngày nay đã vươn lên thành báo chí Việt Nam đương đại.

3. Người vun đắp "hệ thống báo chí" cách mạng

Trước khi về nước năm 1941, do bận nhiều công tác cách mạng quốc tế nên Nguyễn Ái Quốc không có điều kiện ra thêm tờ báo nào, trừ trường hợp tờ *Thân Ái* ở Thái Lan (1929). Hoạt động báo chí lúc đó của Người chủ yếu trên các phương tiện truyền thông của Quốc tế Cộng sản, của Liên Xô, Pháp, Trung Quốc và nhiều nước khác. Các nhà nghiên cứu lịch sử báo chí còn một "món nợ lớn" nữa ở chỗ này.

Tờ báo cách mạng quan trọng thứ hai mà Người xuất bản, ngay tại Cao Bằng - Pác Bó, trong những ngày đầu của Mặt trận Việt Minh, sự kiện chính trị lớn bậc nhất của bản thân Người sau sự kiện thành lập Đảng (03/02/1930), là tờ *Việt Nam độc lập*. Bạn đọc hôm nay đã có bộ sưu tập khá đầy đủ về tờ báo này, hơn 200 số tính đến năm 1945. Chỉ nói thêm rằng Nguyễn Ái Quốc đã chuyển phong cách làm báo lý luận, tuyên truyền Chủ nghĩa Mác - Lênin, nhận thức về chế độ thực dân và phương pháp cách mạng có tính chuyên nghiệp của báo *Thanh Niên* sang một tờ báo hết sức giản dị cho quần chúng, đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng thời cũng mở ra loại hình "báo của các tổ chức quần chúng" (chủ yếu là Mặt trận Việt Minh, của Công hội, Phụ nữ,...) bên cạnh hệ thống báo chí cách mạng của các tổ chức Đảng.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đội ngũ những người làm báo cách mạng đông đảo thêm và ngày càng "có nghề". Vì thế hoạt động báo chí của Hồ Chí Minh dù rất phong phú, nhưng chủ yếu với tư cách người viết báo.

Việc hình thành "hệ thống báo chí" cách mạng còn in dấu nhiều đóng góp khác của Người, như việc từng bước xây

dựng cơ sở lý luận, đào tạo cán bộ báo chí, v.v... mà Người hết sức quan tâm. Những sắc lệnh về báo chí xuất bản đầu tiên do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp ký, có lẽ văn bản sớm nhất là vào ngày 18/9/1945, vẫn được coi là nền móng cho việc xây dựng luật pháp báo chí của nước Việt Nam mới. Trong kháng chiến chống Pháp, dấu ấn của người in rõ trong việc mở lớp đào tạo báo chí mang tên *Huỳnh Thúc Kháng* ở chiến khu Việt Bắc.

Là nhà cách mạng chuyên nghiệp, chắc hẳn Nguyễn Ái Quốc luôn suy nghĩ vận dụng công thức của Lê-nin: "Báo chí cách mạng không những là người tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể, mà còn là người tổ chức tập thể". Nhìn lại lịch sử báo chí cách mạng nước ta trước năm 1954 cũng đã cho thấy dấu ấn của Hồ Chí Minh là ở chỗ bên cạnh việc vận dụng công thức trên, Người còn đặc biệt coi trọng chức năng giáo dục đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, tính thực tiễn của báo chí.

Với chuyển biến của các tổ chức chính trị theo khuynh hướng mác-xít, từ cuối năm 1929 báo chí cách mạng *dần dần xuất hiện trong nước*. Khi Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời cũng là lúc xuất hiện tờ *Búa Liềm*. Cuối năm 1929, Ban Công vận của Đảng có tờ *Công hội đỏ*. Đặc biệt, Tổng Công hội đỏ ở Bắc Kỳ dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Đức Cảnh đã ra mắt tờ báo *Lao động* ở Hà Nội, tờ báo tồn tại đến nay, vẫn cái tên ấy, được coi là một trong những tờ báo lớn của nước ta hiện nay và có độ tuổi lâu nhất. Cuối năm 1929, An Nam Cộng sản Đảng cho ra mắt báo *Đỏ*.

Đặc biệt, 6 tháng sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, ngày 05/8/1930 Trung ương Đảng ra mắt tạp chí lý luận đầu tiên, tờ *Tạp chí Đỏ* và báo *Tranh đấu* ngày 15/8/1930.

Hệ thống báo Đảng hình thành trước hết theo mô hình tổ chức của Đảng: có báo của Trung ương, rồi lần lượt các báo của các Xứ ủy cũng ra đời, như: *Cờ đỏ, Giải phóng của Xứ ủy Nam Kỳ; Sóng cách mệnh, Bônsêvic* của Xứ ủy Trung Kỳ...

Cơ sở Đảng ở các địa phương cũng có nhiều tờ báo độc đáo như *Ximoong* của Hải Phòng; *Than* của Cẩm Phả, *Đông Triều*; *Bồi bếp, Thùng dầu* của Sài Gòn - Gia Định... Riêng khu vực Nghệ Tĩnh, trong cao trào 1930 - 1931, có tới 30 tờ báo của Xứ ủy, Tỉnh ủy và các huyện bộ, trong đó nổi tiếng nhất là tờ *Sóng cách mệnh* do Nguyễn Phong Sắc trực tiếp điều khiển.

Trên thế giới, ít có Đảng Cộng sản nào ở các xứ thuộc địa lại có các loại hình *báo chí trong tù* phong phú như Đảng ta! Những tờ báo, tạp chí có khi chỉ như tờ truyền đơn, nhỏ như bàn tay cũng có khi được ấn hành khá chỉnh trang. Nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội có báo *Con đường chính, Lao tù tạp chí, Đuốc đưa đường*... Nhà tù Côn Đảo có *Những người tù đỏ, Hòn Cau, Ý kiến chung, Qua tiếng sóng hận*... Nhà tù Sơn La có *Suối reo năm ấy*, nhà tù Quảng Nam có *Nẻo nhà pha*...

Nói chung báo chí cách mạng của Đảng ta trước năm 1945 luôn phải hoạt động trong hoàn cảnh bí mật, bất hợp pháp, nhưng người Cộng sản Việt Nam cũng rất linh hoạt nhạy bén với thời cuộc. Giai đoạn 1936 - 1939 được coi là thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương là cơ hội để Đảng ta có thể xuất bản báo chí công khai hợp pháp, và không chỉ xuất bản tiếng Việt. Các tờ báo Pháp ngữ như *Le Travail* (Lao động), *Rassemblement* (Tập hợp), *En avant* (Tiến lên), *Notre voix* (Tiếng nói của chúng ta), *Le Peuple* (Dân chúng)... đã trở thành niềm tự hào của báo chí cách mạng nói chung.

Là lãnh tụ của cách mạng, của Đảng, bản thân Nguyễn Ái Quốc là một cây bút báo chí lớn. Vì thế ảnh hưởng của Người, ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, đã góp phần to lớn trong việc hình thành và phát triển dòng báo chí cách mạng, di sản quan trọng bậc nhất trong những di sản văn hoá cách mạng của Đảng ta trước khi cầm quyền.

Có thể nói trên phương diện văn hóa, bản thân sự tồn tại của dòng báo chí cách mạng đã mang nhiều ý nghĩa cho sự hình thành nền văn hóa mới mà Đảng ta, trong khi phải dốc sức vào các nhiệm vụ cứu nước trước mắt là giành chính quyền, vẫn dành một phần tâm sức tạo dựng. Hơn thế nữa, báo chí cách mạng có thể coi là *bộ phận có giá trị hàng đầu* bên cạnh những thành tựu xây dựng văn hóa nêu trên. Đó là thế hệ các nhà báo: Nguyễn Khánh Toàn, Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Tạo, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong... ; đến thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương là Trường Chinh, Nguyễn Văn Cừ, Trần Huy Liệu, Khuất Duy Tiến, Trần Đình Long, Võ Nguyên Giáp, Phan Thanh, Hải Triều...; lớp nhà báo này có nhiều cây bút thực sự là những nhà văn hóa của Đảng. Thế hệ thứ ba trước năm 1945 phần lớn xuất phát từ các trí thức yêu nước mới được giác ngộ cộng sản và đi theo cách mạng như: Xuân Thủy, Hà Xuân Trường, Lê Quang Đạo, Hoàng Tùng, Thép Mới, Quang Đạm, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng...

Làm báo là *một nghề*. Tính cách "chuyên nghiệp hóa" của báo chí cách mạng còn được Đảng ta quan tâm nhiều mặt, từ nhân tố con người đến cơ sở pháp lý: năm 1939, lần đầu tiên Đảng ta tác động mở *Hội nghị Báo giới Bắc Kỳ*, tháng 12/1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép thành lập *Đoàn báo chí Việt Nam*, tiền thân của *Hội Nhà báo Việt Nam* hiện nay; tháng 6/1950, Chính phủ chính

thức quyết định cho thành lập *Hội những người viết báo Việt Nam*, từ đó đến nay đã trải qua 7 kỳ Đại hội.

Cũng như nhiều lĩnh vực văn hóa khác, trên mặt trận báo chí, Chủ tịch Hồ Chí Minh có sự quan tâm đặc biệt. Ngay sau ngày 02/9/1945, với bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng và Nhà nước mới ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp đoàn đại biểu báo giới (chủ yếu đại biểu báo *Tri Tân*), Người thể hiện lòng mong mỏi "báo chí phải góp vào gương mặt văn hóa của nước Việt Nam mới" (bài : "*Nửa giờ với Chủ tịch Hồ Chí Minh*" của Nguyễn Tường Phượng, báo *Tri Tân* số 20/9/1945). Đặc biệt, ngày 14/12/1956, Người đã ký *Sắc lệnh* số 282-SL về chế độ báo chí xuất bản của nước Việt Nam mới, vẫn được khẳng định là viên gạch đầu tiên để sau này giới báo chí có *Luật Báo chí 1990*.

Không chỉ là người sáng lập, vun đắp cho nền báo chí cách mạng Việt Nam từ buổi đầu trứng nước, dù những tờ báo đó hoạt động ở nước ngoài hay trong nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn là một cây bút báo chí đặc sắc Nội dung dưới đây là một phác họa chứng minh cho nhận định đó, chủ yếu qua chủ đề giải phóng dân tộc.

4. Vấn đề giải phóng dân tộc qua dấu ấn báo chí của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

Như đã nói ở trên, từ những bài báo đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc trên đất Pháp, từ những tờ báo tiếng Pháp nổi tiếng của Đảng Cộng sản Pháp, các đảng phái và tổ chức chính trị - xã hội khác, đặc biệt trên tờ *Người cùng khổ* (Le Paria) nổi tiếng (từ 1922), tên tuổi của Người luôn gắn liền với những bài viết về vấn đề dân tộc thuộc địa, cổ suý tinh thần yêu nước của các dân tộc thuộc địa, vạch trần bản chất của chủ nghĩa thực dân Pháp...

Các tác phẩm báo chí của Người cũng có khi gắn liền vời những sự kiện quan trọng tiêu biểu trong đời sống chính trị xã hội của *chính quốc*, gắn liền vời những động thái của phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa, trước hết trong hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp. Cũng có những tác phẩm báo chí thực sự là những văn kiện có tính lịch sử, chính luận, có tầm bao quát về tư tưởng chính trị.

Ngày nay nhìn lại những tác phẩm báo chí ấy của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, dù chúng có hình thức thể hiện như thế nào, thì người đọc cũng thấy đều mang ý nghĩa là sự tổng kết bằng lý luận và thực tiễn quá trình đấu tranh cách mạng trên nửa thế kỷ của Người. Dường như chúng đã tạo nên những tác phẩm báo chí kinh điển, chứa đựng nhiều tri thức, kinh nghiệm, giàu sáng tạo và có thể vận dụng có hiệu quả để giải quyết nhiều khó khăn trong hoạt động cách mạng.

Cùng với nhiều chủ đề khác, những bài viết đa dạng và phong phú về vấn đề giải phóng dân tộc luôn là những chân lý trong những chân lý của một thời đại. Chẳng hạn, những bài viết đầu tiên trên các tờ *Nhân đạo, Dân chúng, Đời sống thợ thuyền*... ở Paris về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, đặc biệt là những bài như *Lê-nin và các dân tộc thuộc địa, Báo cáo về vấn đề Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ*..., đã trở thành những bài viết kinh điển cho loại chủ đề này, thậm chí là những tác phẩm quan trọng bậc nhất in dấu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong bài *Con đường dẫn tới đến chủ nghĩa Lê-nin*, Người nhắc đến "cẩm nang". "Ở nước ta và ở Trung Quốc cũng vậy, có câu chuyện đời xưa về "cái cẩm nang" đầy phép lạ thần tình, khi gặp những khó khăn lớn, người ta mở cẩm nang ra thì thấy ngay cách giải quyết".

Giá trị lớn của bài báo này là sự liên hệ có tính lôgíc với người Á Đông: khi đã coi chủ nghĩa Lê-nin là cái cẩm nang thần kỳ, cũng có nghĩa là người châu Á đã có thể chấp nhận giá trị phổ biến của nó. "Cẩm nang" này không chấp nhận những luận bàn sách vở, lý thuyết trừu tượng, mà là sự đánh giá, tổng kết, đặc biệt là cách giải quyết vấn đề.

Giới thiệu về tờ *Người cùng khổ*, Nguyễn Ái Quốc viết: "Tờ báo này là của các bạn, giúp các bạn thoát khỏi cảnh nô lệ và sẽ phát hành rộng rãi trong tất cả các nước thuộc địa nhằm dẫn dắt mọi người bị bóc lột thuộc mọi màu da đoàn kết lại dưới lá cờ đỏ búa liềm để phong trào cách mạng quốc tế rộng lớn quét sạch mọi kẻ bóc lột mà chúng ta là những người cùng khổ. Như thế là tờ báo có định hướng, dẫn dắt và chỉ đường cho những người cùng khổ con đường giải thoát", điều đó có nghĩa là Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng một kinh nghiệm báo chí khác ở xứ thuộc địa, trong đó có phương thức "*nêu tấm gương*" quen thuộc với họ.

Với tác phẩm vào hạng quan trọng nhất của mình, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc lại sử dụng ngòi bút chính luận đậm chất Pháp và phương Tây, nhưng vẫn có khả năng đánh vào trái tim của người dân xứ thuộc địa. "Chất Pháp" ở đây là ngòi bút có tính cách xã hội học, tất cả đều có "nhân chứng, vật chứng" để kết tội thực dân Pháp với lý lẽ và bằng chứng thuyết phục có tác dụng gây căm thù chế độ thực dân Pháp và gợi bao cảm thương những người dân thuộc địa cùng khổ.

Chương *Nô lệ thức tỉnh* có ý nghĩa đặc biệt, vì nó như một *vĩ thanh* trong một bản giao hưởng ngôn ngữ chính trị. Tất cả đã tạo nên một tác phẩm báo chí đồ sộ và mẫu mực - dù rằng *Bản án chế độ thực dân Pháp* vẫn được chúng tôi

khẳng định là một chuyên luận chính tri học lớn, dù cho sau này Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn nhiều tác phẩm quan trọng khác thì tác phẩm này vẫn luôn có vị trí đặc biệt.

Là nhà cách mạng chuyên nghiệp, Nguyễn Ái Quốc đã có thể đem lại cho ngọn bút của mình không chỉ có bút lực báo chí lành nghề, mà còn có chất trí tuệ sắc sảo của một tư duy biện chứng, đồng thời không thiếu sáng tạo cá nhân.

Trong bài *Đông Dương*, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên thực trạng chua xót của người dân Đông Dương: "Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp là những người thầy duy nhất của họ", và tác giả đã nhận thấy "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đó sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ mau đến".

"Sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[1]. Hạt giống đó Hồ Chí Minh đã tìm thấy trong *Luận cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc*. Bản *Luận cương* của Lê-nin chính là thiên cẩm nang mà Hồ Chí Minh đã nhận trên con đường cứu nước: "Hỡi đồng bào bị đày đọa đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng cho chúng ta". Và sau ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài, đến nhiều xứ sở, tham gia gánh vác nhiều trách nhiệm của phong trào cộng sản quốc tế, năm 1941 Hồ Chí Minh đã trở về nước trực tiếp lãnh đạo nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Lý thuyết cách mạng mà Người trực tiếp nhận là chủ nghĩa Lê-nin, con đường giải phóng dân tộc phải gắn với chủ nghĩa xã hội.

---

[1] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 1, tr. 128

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Cộng hòa non trẻ đứng trước những thách thức vô cùng nặng nề. Ngày 23/9/1945, núp sau lưng quân đội Anh, Pháp trở lại xâm chiếm Sài Gòn: quân Tưởng Giới Thạch với danh nghĩa kéo vào miền Bắc tước vũ khí quân Nhật hòng âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Chống đối lại mọi âm mưu của kẻ thù trong tình hình kinh tế kiệt quệ, các thứ giặc xâm lăng, giặc đói, giặc dốt bao vây, đất nước ở những năm tháng không thể nào quên, nhiều lúc trong thế ngàn cân treo sợi tóc, Người kêu gọi quốc dân hãy bình tĩnh, tin ở Chính phủ, và từng vấn đề dần được giải quyết. Người ra *Nghiêm lệnh* giúp đỡ cho quân đội Trung Hoa thoái triệt. Sau việc Hoa quân rút, theo *Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp,* một bộ phận quân đội Pháp tới thay thế, Người kêu gọi quốc dân hãy cảnh giác trước âm mưu của quân Pháp hòng tái chiếm nước ta. "Hiện một số quân Pháp đã lọt vào nước ta. Đồng bào hãy đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu"...

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, với cương vị là Chủ tịch của Nhà nước Dân chủ Cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á, chắc hẳn Hồ Chí Minh không có nhiều điều kiện viết sách, viết báo. Nhưng các tác phẩm của Người trong những năm tháng đó (1946 - 1954) như vẫn tiếp tục dòng chảy của chủ đề quan trọng nói trên theo một phương thức nghệ thuật thích hợp.

Trong *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*, Người ra lệnh: "Không, chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[1]. Và thiêng liêng thay *lời kêu gọi*: "Giờ cứu nước đã đến, ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước"[2]. Cuộc kháng

---

[1] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 4, tr. 480
[2] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 4, tr. 481

chiến chống Pháp kéo dài: "chín năm làm một Điện Biên, nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng" (Tố Hữu). Rồi chín năm sau toàn quốc bước vào thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Phương châm lớn, thiêng liêng của Người: "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*" là linh hồn màu nhiệm nhắc nhở mọi người, và cũng là bí quyết, là cẩm nang lịch sử không riêng cho dân tộc Việt Nam mà nhiều dân tộc cũng tìm hiểu, khám phá giá trị của chân lý đó trong cuộc chiến đấu chống xâm lược.

Tiêu biểu nhất cho những tác phẩm báo chí thời kỳ này là những bài viết của Người trên các tờ *Sự thật* (từ tháng 12/1945 đến 1951), *Cứu quốc, Lao động, Quân đội nhân dân*... Đặc biệt từ Chiến khu Việt Bắc, Người vẫn có bài đăng trên báo chí của Liên Xô, Trung Quốc, nhất là trên tờ *L' Humanité* (Nhân Đạo) của Pháp, trong đó có những bài vẫn in dấu "phong cách Nguyễn Ái Quốc", như bài *Một tuyên bố lạ kỳ của Đô đốc Th. D'Argenlieu về những sự kiện của Việt Nam* (06/12/1946), *Ai ngăn cản Chính phủ Pháp nối lại thương lượng?* (11/12/1946), *Máu Pháp và Việt chảy tràn ở Bắc kỳ* (11/10/1947), *Những mối quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (10/11/1954)...

Từ năm 1954 đến 1969, ngọn bút Hồ Chí Minh dưới nhiều bí danh một mới Trần Lực, XYZ, T. Lan, Chiến sĩ... đã tiếp tục chủ đề này với một phong cách mới nữa. Đó là những tác phẩm báo chí chính luận, đi thẳng vào những vấn đề có tính chiến lược, chiến thuật của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngoài những tác phẩm tiêu biểu được đăng tải trên *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Tạp chí Học tập*,... kêu gọi toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước như các

bài *Không có gì quý hơn độc lập tự do* (*Nhân dân*, 17/7/1966), *Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược* (*Nhân dân*, 03/11/1968), *Trả lời phỏng vấn Sáclơ Phuốcniô* (Báo *Nhân đạo*, Pháp), *(báo Nhân dân, 05/3/1970)* .., chúng tôi đặc biệt lưu ý bạn đọc tới những bài viết của Người về chủ nghĩa đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác lúc đó được in trong những cuốn sách mỏng, như *"Mỹ mà xấu"* (1967) đó cũng là những dấu ấn báo chí không thể bỏ qua.

5. Đôi nét về nghệ thuật báo chí Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

Đã có nhiều người tổng kết rằng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sử dụng tới 40, 50 bút danh, với hàng nghìn bài báo, ngoài Việt Nam là ở hàng chục nước trên thế giới với nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Nguyễn Ái Quốc cũng học được nghề làm báo từ rất sớm trước khi trở thành nhà Cách mạng chuyên nghiệp. Chính sự lăn lộn của Người trên mặt trận báo chí và cách mạng ở nhiều châu lục, tính cách cá nhân, hơn tất cả là việc hướng đến sử dụng vũ khí báo chí cho cách mạng, đã tạo nên phong cách báo chí độc đáo của Người.

Khi tờ *Thanh niên* mới xuất bản được khoảng 70 số, Chánh mật thám Đông Dương (L. Marty), người đã theo dõi sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu từ cuối năm 1924, trong một báo cáo gửi Bộ Thuộc địa có nhận xét rằng: "Người chủ tờ báo này tỏ ra hết sức khôn ngoan, suốt 60 số đầu, không hề để lộ tính cách mácxít của tờ báo mình, chỉ nói chuyện yêu nước, dân tộc và lòng oán thù chế độ thuộc địa của chúng ta, để rồi từ số 61 (ngày 18/12/1926) ông ta dẫn bạn đọc đến kết luận: muốn giành được độc lập, không có con đường nào khác là theo Lê-nin và Quốc tế III, lập Đảng Cộng sản..."

Là người xuất sắc nhất trong việc "Việt Nam hoá chủ nghĩa Mác - Lênin" ở nước ta, khi làm báo, viết báo, Bác Hồ luôn trung thành và sáng tạo với phong cách: giản dị mà sắc sảo, gần gũi mà lý tưởng, dễ hiểu mà trí tuệ..., điều mà sau này Bác luôn dặn dò các nhà báo là: viết cho ai, viết để làm gì và viết như thế nào.

Ngòi bút báo chí của Hồ Chí Minh rất phong phú. Từ chính luận, bình luận, bút ký, phóng sự, ghi chép cho đến những tin vắn, thậm chí tranh minh họa, "thơ - báo chí", v.v... luôn có gì đó rất Hồ Chí Minh. Những năm cuối đời, ngòi bút báo chí của Hồ Chí Minh còn được ghi dấu bởi nhiều thể loại đề tài đặc biệt: hàng loạt bài viết về chủ nghĩa đế quốc, thực dân, về nước Mỹ, Pháp, Trung Quốc, nhiều nước Đông Nam Á... mà ở đó hiệu quả báo chí chỉ có thể có được với một vốn hiểu biết rộng lớn và sâu sắc về các nền văn hoá, văn minh. Nhưng đồng thời ta không quên rằng những bài báo cuối cùng của Người lại dành cho những việc rất bình thường là tin tức tin "Người tốt việc tốt"...

Sẽ thiếu sót nếu không nói thêm điều này. Vì cho đến nay chúng ta vẫn chưa thể đọc hết các tác phẩm của Người viết bằng nhiều ngôn ngữ trên báo chí nước ngoài, nhưng như Phạm Huy Thông từng nhận xét, văn báo chí của Nguyễn Ái Quốc đã thực sự là thứ văn "Pháp ròng"...

Chắc hẳn trong những ngày này kỷ niệm ngày báo chí Cách mạng Việt Nam, lại một lần nữa những người làm báo Việt Nam thêm những trải nghiệm về sự nghiệp báo chí của Bác Hồ trong công việc của họ.

MẤY SUY NGẪM VỀ BÀI VIẾT "DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Văn Khoan

Vào những năm 1985 - 1990, anh Phan Văn Các, bấy giờ là cán bộ Viện Mác - Lênin - Hồ Chí Minh đến đọc sách tại Thư viện Quốc gia Hà Nội có phát hiện ra một cuốn sách nhan đề "*Hồ Chí Minh truyện*"; bằng tiếng Trung.

Sách ghi tác giả là Trần Dân Tiên, người Việt; người dịch từ tiếng Việt sang tiếng Trung văn là Trương Niệm Thức[1] - một dịch giả ít người biết - do Nhà xuất bản Tam Liên[2] Thương Hải ấn hành tháng 6 năm 1949.

Đây là một "ẩn số" đầy "thú vị". Vì rằng Thượng Hải cho đến cuối tháng 5 năm 1949 vẫn còn thuộc quyền Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Theo "*Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc giản yếu*"[3], trang 503, thì "Ngày 27 tháng 5 năm 1949, giải phóng Thượng Hải, một thành phố lớn nhất Trung Quốc và Viễn Đông. Tiếp đó là giải phóng Quảng Châu, Hồ Nam, Vân Nam..." .

---

[1] Trương có nhiều nghĩa: "là mở ra, bày ra, là lớn, là một trang giấy": Niệm: là "nhớ nghĩ, đọc khe khẽ, nhẹ nhàng"; Thức là "biết làm cho sáng ra, kính lễ". Có người cho rằng người dịch lấy bút danh này hàm ý: "Xin giới thiệu với mọi người cuốn sách này để mà đọc, mà suy ngẫm cho rõ ra".

[2] Nhiều người đã chú thích là NXB Tam Liên (như Viện Lịch sử Đảng, Lương Duy Thứ...), nhưng bìa sách "*Hồ Chí Minh truyện*" ghi "Bát Nguyệt xuất bản xã" có nghĩa là NXB Tháng 8.

[3] Tác giả: Vương Thực, Vương Hiền, Mã Kỳ Binh, Chương Lăng, bản tiếng Việt - NXB Sự thật H. 1962.

Tháng 5 mới được giải phóng, làm cách nào mà đến tháng 6 - cho rằng 33 ngày sau - với tình hình an ninh, trật tự... do chính quyền mới tiếp quản, quản lý lại in được ngay một cuốn sách dịch ra từ tiếng nước ngoài, về một người nước ngoài? Nguyên Phó Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh - Nguyễn Huy Hoan - cho biết "Bác viết *Hồ Chí Minh truyện* trong năm 1947. Năm 1948 đã có 3 đại diện Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Việt Bắc. Đầu năm 1949, Bác cử đồng chí Nguyễn Đức Thụy cán bộ đối ngoại sang Thượng Hải, Nam Kinh để gặp Tưởng Giới Thạch. Có thể là Nguyễn Đức Thuỵ đã đưa *Hồ Chí Minh truyện* cho NXB Tháng 8"? Bấy giờ chẳng ai biết Trần Dân Tiên là ai?

Tác giả là Trần Dân Tiên - đến bây giờ có thể khẳng định là bút danh của Hồ Chủ tịch, viết bản tiếng Việt từ năm 1947, 1948 hay đầu năm 1949? Bản tiếng Việt *Những mẩu truyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (nếu là đúng như nội dung): "*Truyện Hồ Chí Minh*" lần đầu tiên xuất bản ở Việt Nam là sau năm 1949 (có thông tin cho rằng) vào năm 1955. Hoặc giả "Trương Niệm Thức" cũng là một bút danh của Trần Dân Tiên? Và chắc chắn là Trần Dân Tiên viết tại Việt Bắc, vậy làm sao lại có thể đưa đến nhà in Tháng 8 Thượng Hải, ít ra cũng phải là trong tháng 5/1949, để tháng 6 có sách? Hoặc giả sách được in ở đâu đó (Việt Nam - Hoa Nam) trong khu vực mà Quốc dân Đảng không quản lý được. Và cái tên "Nhà xuất bản Tháng 8 Thượng Hải" chỉ là một chiến thuật giữ bí mật, bịt mắt kẻ xấu, đồng thời nêu lên "sức mạnh hoạt động của những người cách mạng, tình đoàn kết, liên kết của Việt Nam với Trung Quốc, cả Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch? Những dấu hỏi này cần có một "công trình", "điền dã", khoa học để có một kết luận cuối cùng".

Năm 1990, vào tháng 3, nhân Hội thảo kỷ niệm quốc tế 100 năm ngày sinh danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh, trong tham luận của mình, lần đầu tiên ở Việt Nam, Phan Văn Các công bố một đoạn trong "*Hồ Chí Minh truyện*" như sau:

"Trong tất cả các lý luận cách mạng, ông Nguyễn"[1] cảm thấy chủ nghĩa Tôn Văn[2] là thích hợp nhất với hoàn cảnh của Việt Nam. Chủ nghĩa Tam dân của Bác sĩ[3] Tôn Dật Tiên (Tôn Trung Sơn). Có thể tổng kết lại là:

- Chủ nghĩa dân tộc: Độc lập cho mọi dân tộc
- Chủ nghĩa dân quyền: Tự do cho nhân dân
- Chủ nghĩa dân sinh: Hạnh phúc và hưởng thụ của nhân dân[4].

Đây là cái mà Việt Nam cần. Đây là cái mà dân tộc Việt Nam đòi hỏi".

Phan Văn Các còn trích dẫn thêm lời của Trần Dân Tiên:

"Học thuyết của Không Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân - Tôn giáo của Jésus có ưu điểm của

---

(1) Tức Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

(2) Tôn Văn - Tôn Trung Sơn đã lập ra Chính phủ cách mạng Quảng Châu năm 1923, đã đưa di hài Phạm Hồng Thái (Việt Nam) về Hoàng Hoa Cương. Tôn Trung Sơn đã từng đến Việt Nam. Bà Tống Khánh Linh, phu nhân Tôn Trung Sơn là bạn của Nguyễn Ái Quốc, đã giúp Bác điều kiện thoát khỏi Trung Quốc về Liên Xô năm 1933.

(3) Mặc dầu Tôn Trung Sơn là bác sĩ y khoa, thầy thuốc, nhưng chữ bác sĩ Trần Dân Tiên dùng ở đây có nghĩa là người tài cao, đức trọng, có học vị cao nhất về trí thức.

(4) Về chữ nghĩa "Tam dân", 3 điều cho dân còn được gọi tắt là: "dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc": Việt Nam Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học trong "Chính cương" cũng có đề cập tới chủ nghĩa này. Xin chú ý đoạn viết của Bác: "Hạnh phúc và hưởng thụ của nhân dân" để nghĩ tới câu của Bác: "Được Độc lập, Tự do rồi mà dân còn đói khổ thì Độc lập, Tự do cũng chẳng có ý nghĩa gì".

nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Văn có ưu điểm của nó là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Jésus, Các Mác, Tôn Văn chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Nếu ngày nay, họ còn sống trên đời này, nếu họ cùng ngồi lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định sẽ chung sống rất tốt đẹp như những người bạn thân thiết...

Tôi cố gắng làm "*người học trò nhỏ* của các vị ấy" (Bản tiếng Trung Quốc viết là "*tín đồ*" có nghĩa là *"đi theo, tin theo*" - chứ không phải là *"đệ tử, môn sinh*"). Tín đồ (*Học trò nhỏ*) về giáo lý gì? Cứ như lời của Trần Dân Tiên, đó là "mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội". Đó cũng chính là tâm niệm, là mục đích suốt đời của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Qua ý kiến ấy, còn thấy ý tưởng *"đại đoàn kết, đại hòa hợp*" của Hồ Chí Minh, dù chính kiến có khác nhau, nếu vì hạnh phúc của nhân dân, lợi ích của xã hội, mọi người có thể xích lại gần nhau...

Cũng trong những đoạn trích từ "*Hồ Chí Minh truyện*" trên, ta còn thấy:

- Hồ Chí Minh cho rằng chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên là "*cái mà Việt Nam cần*", "*cái mà dân tộc Việt Nam đòi hỏi*". Nếu tính từ 1949, trước đó gần 30 năm. Nguyễn Ái Quốc, sau khi đọc bản "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin*" trên báo *L' Humanité*, tại Paris, ông đã nói: "Đây là cái cần thiết cho chúng ta", nhưng không nói: "cái mà dân tộc Việt Nam đòi hỏi". Có thể thấy là từ "*cái cần thiết*" (lần thứ nhất: 1920, lần thứ hai: 1949). Hồ Chí Minh đã đòi hỏi cho Việt Nam (dù đã giành được chính quyền, nhưng lại bị thực dân Pháp xâm

lược lần thứ 2, chưa được các nước trên thế giới kể cả Liên Xô - Hội Quốc Liên công nhận) 3 quyền lợi cơ bản cho dân: Độc lập, Tự do, Hạnh phúc...

- Chưa có dữ liệu, thông tin nào cho biết Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cho rằng Chủ nghĩa nào đó "*thích hợp nhất với hoàn cảnh Việt Nam*" mà chỉ mới có tư liệu viết Trần Dân Tiên (Nguyễn - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) cho rằng "ông Nguyễn cảm thấy chủ nghĩa Tôn Văn là thích hợp nhất với hoàn cảnh của Việt Nam"[1]. Nếu ta lập luận logic, có thể nghĩ rằng chủ nghĩa Mác (có cái gì đó...) là chưa (không) thích hợp (có thể thích hợp mặt này, mặt kia), nhưng "*không thích hợp nhất với hoàn cảnh Việt Nam*" như ông Nguyễn suy ngẫm.

Vậy "cái ưu điểm" của chủ nghĩa Mác là gì? Và chủ nghĩa Mác có gì "nên bổ sung"?

Từ 1924, Nguyễn Ái Quốc đã từng viết: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại (trong nhân loại này có dân tộc Việt Nam - đất nước Việt Nam...).

Nguyễn Ái Quốc còn khẳng định: "Xã hội Đông Dương về mặt cấu trúc kinh tế không giống các xã hội phương Tây thời trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó (ở Đông Dương, ở Việt Nam) không quyết liệt như ở chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được". Nguyễn Ái Quốc kết luận:

---

[1] Cũng có người nghĩ rằng Hồ Chí Minh nói, viết như vậy để lấy lòng người thầy của mình là Tôn Văn, còn Tưởng Giới Thạch thực chất chỉ lấy "Tam dân chủ nghĩa" làm thương hiệu mà thôi. Đảng Cộng sản Trung Quốc - theo nhiều tư liệu hiện có - chưa thấy nêu lấy "chủ nghĩa tam dân" làm cương lĩnh của mình.

"Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông"[1].

Từ những ý kiến trên của Bác, có thể hiểu là: "Chủ nghĩa Mác có nhiều cái hay, ưu điểm chủ yếu ở châu Âu, ở các nước tư bản Anh, Pháp, Đức..., do không có điều kiện (khảo sát, thông tin, liên lạc...) nên Mác chưa hiểu được nhiều về châu Á, phương Đông ở Việt Nam. Vì vậy, chủ nghĩa Mác - vì vậy đứng trên "cơ sở lịch sử" châu Âu - nên chỉ phù hợp với châu Âu (cơ sở lịch sử châu Á khác châu Âu), mà chủ nghĩa Mác xây dựng học thuyết của mình, không có, chưa có "cơ sở lịch sử" của châu Á, nên chưa toàn diện, cần bổ sung, để có thể hoàn chỉnh. Vậy, nếu cần bổ sung thì bổ sung những gì? Theo Nguyễn Ái Quốc: "bổ sung về nhận thức định lịch sử - có phải là toàn thể nhân loại đều qua các giai đoạn lịch sử xã hội như nhau? - "bổ sung và củng cố bằng dân tộc học phương Đông". Dân tộc phương Đông có gì đặc biệt khác với phương Tây? Khác ở xã hội nông nghiệp, việc phân chia, sở hữu ruộng đất, chưa phát triển công nghiệp, khác với phương Tây về "sự không quyết liệt về đấu tranh giai cấp", "về tinh thần quốc gia, yêu nước, dân tộc... về tư duy..."

Theo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - một người yêu nước - cũng là một người theo chủ nghĩa Mác - một người mácxít thời Quốc tế cộng sản - "Chủ nghĩa Mác có ưu điểm

---

[1] *Hồ Chí Minh Toàn tập, Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ*, tập 1, NXB CTQG, 1995, tr. 67. Theo tài liệu của Liên Xô năm 1976. Vào năm 1861 Mác mới có những thông tin đại cương về xứ Bắc kỳ và Cô-sanh-sin (Nam kỳ) Việt Nam, Lê-nin đề cập tới Đông Dương lần đầu năm 1905. Sau đó là năm 1916, khi Lê-nin viết: "Những dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc đè nén đã nêu gương nổi dậy trong các nước thuộc địa, trong đó có xứ An Nam thuộc Pháp". Trong "*Sơ khảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc, về vấn đề thuộc địa* (*Lê-nin toàn tập*. NXB ST, H. tập 41. tr. 197) Lê-nin chỉ nêu các nước ở châu Âu, về châu Á chỉ nêu 3 nước Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản".

của nó là phương pháp làm việc biện chứng" (chỉ có một ưu điểm?). Thế còn các "vấn đề" khác của chủ nghĩa Mác như "sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (chôn vùi chủ nghĩa tư bản)"; "quy luật phổ biến cho toàn thế giới về đấu tranh giai cấp: "5 hình thái, 5 phương thức sản xuất", "chuyên chính vô sản", "thặng dư giá trị"... (có người nêu đến 18 điểm), cho đến nay qua các kho lưu trữ, tư liệu, thông tin trong nước và ở nước ngoài chưa thấy Hồ Chí Minh đề cập tới một cách trực diện, trực tiếp rằng: "Ngoài "phương pháp làm việc biện chứng", đối với Việt Nam là "điều hay", là "ưu điểm", còn những gì còn lại của chủ nghĩa Mác có thể là còn chưa thấy là không bộc lộ, không có ưu điểm?"[1]

Năm 1950, Bác Hồ có buổi nói chuyện về "*Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*"[2], định nghĩa về "duy vật" Bác viết: "Vật chất là chính, tinh thần là phụ. Có vật chất rồi mới có tinh thần. Có người rồi mới có tư tưởng. Có người nói vật chất và tinh thần cái nào chính, cái nào phụ cũng được, cãi nhau làm gì cho mệt. Kỳ thật vấn đề đó quan trọng lắm: vì duy vật kết quả là cách mạng". Trả lời "Biện chứng là gì" Bác nói gọn

---

[1] Bà Mácxêla Lômbácđô, (Mêhicô) trong Hội thảo quốc tế 100 năm sinh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh, có nói: Hồ Chí Minh trở nên vĩ đại vì Người đã dựa vào triết học duy vật biện chứng "thứ triết học không chỉ phản ánh sự đúc kết quan trọng trong lịch sử tư duy của loài người... Nếu không phân tích đúng đắn thực tế ở một nước, sẽ có nguy cơ chệch hướng và mắc phải những sai lầm mà sau đó có thể trở thành những hậu quả nghiêm trọng đối với sự phát triển của cách mạng", NXB KHXH, 1990, tr. 103.

[2] Có ý kiến cho rằng đây là bài nói chuyện với học viên Trường Đảng ở Việt Bắc. Hiện nay, tại kho lưu trữ Bộ Quốc phòng và Bảo tàng cách mạng Việt Nam có bài đánh máy 17 trang trên máy chữ có dấu tiếng Việt nhan đề "X.Y.Z": *"Duy vật hiện chứng và Duy vật lịch sử"*. BCH Liên chi khu bộ, tái bản, Ban huấn luyện, 1950. Tờ bên trong (trang 2) ghi: "Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử (nói chuyện)". Tư liệu này chưa có trong *Hồ Chí Minh toàn tập* xuất bản năm 1995. Trong 17 trang, Bác viết về "duy vật biện chứng" 4 trang, "duy vật lịch sử" 11 trang.

"Là cách xem xét muôn vật trong bầu trời" (Có thể hiểu là: Xem xét cái gì, là phải từ thực tế, thực tiễn từ vật chất, phải xuất phát từ "vật chất" - để mà lập luận, mà đề ra lý luận...?)

Trang 5 tài liệu này, Bác viết: "Trong lúc cần toàn dân đoàn kết mà chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều ngu ngốc. Việc gì cũng phải đúng với địa điểm, điều kiện, thì giờ (thời gian, thời điểm, thời đại?) mới thành công".

Như vậy, Bác không phủ nhận đấu tranh giai cấp theo chủ nghĩa Mác ở châu Âu. Bác thấy ở Việt Nam, luận điểm đấu tranh giai cấp như ở các nước tư bản công nghiệp châu Âu - chủ yếu là giữa công nhân và tư bản như theo Mác - là không phù hợp với Việt Nam (địa điểm), không sát với điều kiện Việt Nam (nơi giai cấp công nhân còn ít, yếu, nơi mâu thuẫn chủ yếu là vấn đề dân tộc với chủ nghĩa thực dân đế quốc...) và không đúng trong giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam (là đang cần đoàn kết, đại đoàn kết để chiến đấu giành Độc lập - Tự do...) mà thôi.

Nhận xét về phương pháp biện chứng tiếp nhận chủ nghĩa Mác của Hồ Chí Minh, Phó Giám đốc Học viện chính trị Êtiôpi là Têshôm Kêbêđê viết: "Hồ Chí Minh đã sử dụng những kinh nghiệm thực tế của mình", đã tìm thấy bản chất khoa học của học thuyết Mác - Lênin là cung cấp một phương pháp tìm kiếm những giải pháp đúng đắn nhằm biến các tiềm năng của quá trình lịch sử thành hiện thực. Sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở khả năng Người có thể áp dụng một cách sáng tạo, phương pháp luận Mác - Lênin là cung cấp một phương pháp tìm kiếm những giải pháp đúng đắn nhằm biến các tiềm năng của quá trình lịch sử thành hiện thực. Sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở khả năng Người có thể áp dụng một cách sáng tạo, phương pháp luận

Mác-xít - Lêninnít vào điều kiện ở Việt Nam. Tôi cho rằng: "*Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn phù hợp với thời đại ngày nay*" (chúng tôi nhấn mạnh).[1]

Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Ôxtrâylia nói: "Chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh không bè phái, cũng không giáo điều mà nhân đạo, vì nhân loại".

Hồ Chí Minh là con người của thế kỷ XX - không phải là thế kỷ XIX của chủ nghĩa Mác. Cho nên "Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng thế kỷ XX đòi hỏi phải có một tư duy mới"[3]. Phải chăng một trong những tư duy mới của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là "xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông" (trong đó có Việt Nam)?

Nếu như những kho lưu trữ tư liệu đã "nằm ngủ" 60, 70 cho đến 90 năm chưa được "Vừng ơi! mở cửa ra" thì cho đến nay, lịch sử "tạm coi" Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên, người Mác-xít đầu tiên đã (dám) lên tiếng về "ưu điểm, (cái hay) của chủ nghĩa Mác là phương pháp làm việc biện chứng".

Không chỉ có suy nghĩ, tư duy, mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã giữ vững, giữ đúng lập luận của mình, vượt qua nghi kỵ, phản đối, bài xích, bị "vô hiệu hoá" để dựa vào "biện chứng pháp" của chủ nghĩa Mác tiến hành vận động, chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc thắng lợi ở Việt Nam.

Không ai có thể phủ nhận về mặt tổng thể, tầm vóc vĩ đại của chủ nghĩa Mác - dù chỉ là "trên cơ sở lịch sử" của châu Âu. Chủ nghĩa Mác đã giác ngộ hàng triệu công nhân

---

[1][2] *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 68, 209.
[3] TS. Burốp (Liên Xô), *Kỷ yếu Hội thảo*..., Sđd, tr. 230.

đứng lên giành quyền lợi, cải thiện đời sống cho giai cấp mình. Nguyễn Ái Quốc đã từng nói "Chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng ở Đông Dương"[1]. Một trong những cái đúng của chủ nghĩa Mác ở Đông Dương là "duy vật biện chứng". Nhưng cũng chính ý kiến của Mác - Ăngghen và cả Lê-nin là không nên "tuyệt đối hoá" chủ nghĩa Mác, coi chủ nghĩa Mác là một luận thuyết tuyệt đối vạn năng, đúng cho mọi dân tộc, mọi thời đại, là "đỉnh cao duy nhất" của nhân loại. Một thái độ khoa học, lịch sử, công bằng là trên thực tiễn của thế kỷ XIX, rồi XX và nay là XXI, "xem xét lại chủ nghĩa Mác", xem có cần bổ sung, làm giàu thêm cho chủ nghĩa Mác những gì, và cũng đừng "đòi hỏi Mác" suy nghĩ, làm việc, vận dụng những "gì" mà chính Mác cũng không dự kiến được, không "khuyên" làm...

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh: "Cách mạng là đổi cũ ra mới, đổi xấu ra tốt". Trong mỗi con người Việt Nam, nếu ai còn có suy nghĩ tư duy nào (cũ) không phù hợp với chủ nghĩa Mác, theo quan điểm Hồ Chí Minh những việc làm gì, chủ trương gì... không phù hợp với biện chứng pháp (xấu) thì nên "cách mạng".

Có thể cuộc cách mạng này sẽ đem lại một "ý thức hệ", cho một tư duy, suy nghĩ mới cho nhân dân ta, từ các nhà nghiên cứu lý luận, các nhà khoa học, triết học, lịch sử đến các nhà lãnh đạo chăng?

---

[1] *Báo cáo về Bắc Kỳ - Trung Kỳ và Nam Kỳ*, Sđd.



Bìa 1 sách "*Hồ Chí Minh truyện*" do Trương Niệm Thức dịch, NXB "Bát Nguyệt" (Tháng 8) Thượng Hải in tháng 6/1949, Nhiều người nghĩ rằng bức họa Hồ Chí Minh này có thể do Trần Dân Tiên vẽ

50 NĂM "*THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ*" (1953 - 2003) CỦA Đ.X[1]

TS. Nguyễn Văn Khoan

Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, 10 tập, bộ cũ do NXB Sự thật in và phát hành tập 1 vào tháng 12 năm 1960, tập 10 hoàn thành vào tháng 12 năm 1989, gần tròn 30 năm.

Trong tập 7 của bộ cũ này không có "*Thường thức chính trị*", loạt bài của Bác Hồ viết ký bút danh Đ.X.

Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, bộ mới, 12 quyển hoàn thành trong những năm 1995 - 1996, tập 7 có đưa "*Thường thức chính trị*" vào "trong năm 1959". Trang 201, tập 7 này công bố: "*Thường thức chính trị*" viết năm 1953, ký tên Đ.X, NXB Sự thật xuất bản lần đầu năm 1954, in theo bản của NXB Sự thật.

Tác phẩm quan trọng này của Bác, không có trong *Toàn tập* (bộ cũ) có thể là do nhiều nguyên nhân, mà một nguyên nhân là không tìm ra được bản sách in năm 1954. Năm 1954, năm chiến thắng Điện Biên Phủ, cải cách ruộng đất, hòa bình lập lại sau Hiệp định Genève, tiếp quản các thành phố trên miền Bắc, Bác Hồ và Chính phủ về lại Hà Nội.., nhiều sự kiện lớn có thể 'lấn át" đi việc ra đời của cuốn sách ấy chăng?

Thật ra, tác giả Đ.X đã viết "*Thường thức chính trị*" bài đầu tiên "*Giai cấp là gì?*", đăng trên báo *Cứu quốc* số 2253 ra ngày 16 tháng 01 năm 1953. Tiếp đó là các bài "*Chế độ phong kiến là gì?*" (Báo *Cứu quốc* ngày 19 tháng 01 năm 1953); "*Chủ nghĩa tư bản là gì?*" (Báo *Cứu quốc*, ngày 22 tháng 01 năm 1953); "*Chủ nghĩa đế quốc là gì?*" (Báo *Cứu quốc*, ngày 25

---

[1] Đ.X là bút danh của Hồ Chí Minh. Nội san tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh, tháng 5/2005.

tháng 01 năm 1953); "*Đế quốc Pháp xâm lược nước ta*" (Báo *Cứu quốc*, ngày 30 tháng 01 năm 1953); "*Tư bản mại bản là gì?*" (Báo Cứu quốc, ngày 02 tháng 02 năm 1953); "*Kinh tế lạc hậu là thế nào?*" (Báo *Cứu quốc*, ngày 06 tháng 02 năm 1953); "*Vì sao nhân dân Việt Nam cực khổ*" (Báo *Cứu quốc*, ngày 16 tháng 02 năm 1953), "*Con đường giải phóng*" (Báo *Cứu quốc*, ngày 20 tháng 02 năm 1953); "*Canh giả hữu kỳ điền*" (Báo *Cứu quốc*, ngày 23 tháng 02 năm 1953) và tiếp sau là các bài "*Động lực cách mạng*" (ngày 27 tháng 02 năm 1953), "*Vì sao giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng*" (ngày 02 tháng 3 năm 1953); "*Giai cấp nông dân*" (ngày 09 tháng 3 năm 1953), "*Giai cấp tiểu tư sản*" (ngày 23 tháng 3 năm 1953), "*Giai cấp tư sản dân tộc*" (ngày 27 tháng 3 năm 1953)... cũng đăng trên Báo *Cứu quốc*. Bài "*Thành phần kinh tế nước ta*" in trên báo này vào ngày 25 tháng 5 năm 1953, bài "*Dân chủ mới*" (nêu lên 5 thành phần kinh tế trong chế độ dân chủ mới là kinh tế quốc doanh; hợp tác xã, cá thể, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước...) đăng trên Báo *Cứu quốc*, ngày 07 tháng 9 năm 1953, số 2418. Bài "*Kết luận*", tổng kết 49 bài viết của Đ.X từ ngày 16 tháng 01 đến ngày 23 tháng 9 năm 1953 in trên Báo *Cứu quốc* số 2430 ngày 23 tháng 9 năm 1953.

Từ những thông tin trên, có thể bổ sung vào *Hồ Chí Minh, Toàn tập* (12 tập bộ mới) rằng: Mục "*Thường thức chính trị*" từ tháng 01 đến 9 năm 1953 gồm 49 bài đã đăng trên báo *Cứu quốc* năm 1953, đầu năm 1954, NXB Sự thật tập hợp lại in thành sách. Đối chiếu với các bài đăng trên báo Cứu quốc và sách "*Thường thức chính trị*" công bố trong *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, bộ mới, tập 7 là hoàn toàn giống nhau.[1]

---

[1] Năm 1993, đoàn cán bộ của Viện Hồ Chí Minh trong khi tìm tư liệu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã phát hiện ra sách này và đã được Hội đồng biên tập đưa vào tập 7.

Có thể tóm tắt 49 bài viết của Bác trong hai chủ đề lớn:

- Xã hội Việt Nam, đối tượng, động lực cách mạng, mục tiêu đấu tranh, tính chất nhà nước...

- Đảng Lao động Việt Nam, nền tảng, chủ nghĩa, tính chất, nhiệm vụ của Đảng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền lợi đảng viên...

Đọc lại những bài "*Thường thức chính trị*" này, chúng ta hiểu rõ hơn quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về "Thành phần các giai cấp xã hội Việt Nam, con đường đi tới giải phóng dân tộc, cũng như tính chất chế độ của Nhà nước Việt Nam...". Về dự báo "5 thành phần kinh tế của chế độ dân chủ mới ở Việt Nam", về xây dựng Đảng...

Trong bài "*Tính chất của Đảng*"..., Bác viết: "Đảng Lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của các dân tộc" (Bác không viết "của giai cấp vô sản" như quan điểm của Quốc tế Cộng sản). "Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin", "Đảng giác ngộ giai cấp công nhân rành mạch, lập trường (in nghiêng trong nguyên bản), giai cấp dứt khoát, tác phong giai cấp đúng đắn", "Đảng kết hợp lý luận với kinh nghiệm và thực hành của cách mạng Việt Nam. Đảng áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp Mác - Lênin mà giải quyết các vấn đề thực tế của cách mạng Việt Nam". "Đảng chống khuynh hướng tả và khuynh hướng hữu". Đảng quan niệm rằng "Tùy hoàn cảnh mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau, không "nhất thiết" phải theo quy luật nhất định của xã hội loài người".

Về tổ chức Đảng, Bác nêu rõ "Đảng là bộ phận tiên tiến của nhân dân lao động (công nhân, nông dân, lao động trí óc)".

Về tính chất của Nhà nước, Bác viết: "Tính chất của nó là nhân dân dân chủ chuyên chính", "dân chủ với nội bộ nhân dân", "chuyên chính với đế quốc, bè lũ phản động".

Khi đề cập tới Mặt trận, Người căn dặn: "Trong giai đoạn cách mạng dân tộc, dân chủ, bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc đều là động lực của cách mạng", "lấy công nông liên minh làm nền tảng".

Dự kiến về chính sách kinh tế, Bác nêu "mấy điều".

- Công tư đều lợi, rồi Người giải thích: "Công" là kinh tế quốc doanh, "tư" là những nhà tư bản dân tộc...

- "Chủ thợ đều lợi, nhà tư bản thì không khỏi bóc lột, nhưng chính phủ ngăn cấm... bóc lột quá tay, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức"...

- Công, nông giúp nhau...

- "Lưu thông trong ngoài", bán hàng cho các nước, mua những thứ ta cần dùng, chưa chế tạo được.

Và Bác kết luận: "Bốn chính sách ấy là mấu chốt để phát triển kinh tế của nước ta".

Còn nhiều vấn đề khác có thể giới thiệu qua 49 bài học, tài liệu huấn luyện tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, nhân dân..., như Bác viết là để: "Ôn lại những bài ấy, liên hệ những bài ấy với công tác của mình, chỗ nào không hiểu rõ, không đồng ý, xin các đồng chí gửi thư cho Bác".

Chưa có được những thông tin cho biết vào năm đó và các năm sau có tổ chức "ôn" và "liên hệ" không? Qua diễn biến của lịch sử nước ta trong 50 năm (1953 - 2003) thấy rõ có những việc ta đã làm được, làm theo "*Thường thức chính trị*" và đạt được nhiều thành tích.

Tuy nhiên, cũng có người, có nơi, có lúc không "ôn", không "liên hệ" những lời dạy này của Bác nên đã gặp khó khăn, thậm chí không thu được thắng lợi. Và "Bài học lớn nhất của Đảng ta là: phải độc lập suy nghĩ giải quyết các vấn đề cách mạng Việt Nam, những lúc nào ta học tập giáo điều kinh nghiệm nước ngoài là lúc đó cách mạng gặp khó khăn".[1]

---

[1] *Lê Duẩn một nhà lãnh đạo lỗi lạc*, NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 559.

ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG LỚN CỦA NỀN BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM(*)

Thủy Thương

Năm 1927, nếu kể từ năm 1908 tham gia phong trào nông dân miền Trung, nghĩa là gần 20 năm, hoặc chính xác là 16 năm kể từ ngày giã từ đất nước ra đi tìm đường và tìm cách làm cách mạng, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc có một định nghĩa hoàn toàn mới, ngắn gọn, súc tích, khoa học về hai chữ "cách mạng".

Theo Nguyễn Ái Quốc, "Cách mạng là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt". Trong xã hội có nhiều người yêu nước, thương nòi, nhưng không thể làm một nhà cách mạng được. Vì hiểu biết, vì ràng buộc từ nhiều phía, họ đành phải theo vết cũ mà đi để rồi trở thành bảo thủ, lạc hậu. Nhưng không ít người yêu nước đã dám trỗi dậy làm cách mạng, đi theo cách mạng, bẻ gãy những xiềng xích trói buộc để thay đổi cuộc đời mình, thay đổi xã hội. Tất cả những người ấy không phải ai ai cũng là đảng viên cộng sản. Hồ Chí Minh đã từng nói: "Hễ là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước". Mỗi người yêu nước theo mỗi cách riêng của mình. Tuy nhiên, để có thể đạt được nguyện vọng, lý tưởng cao quý nhất mà mình đã chọn, người yêu nước, người cách mạng nào cũng mong muốn được học tập, rèn luyện trở thành đảng viên.

Nhà yêu nước, nhà cách mạng, người cộng sản, nhà báo Nguyễn Ái Quốc đã đau lòng nát ruột trước cảnh nước mất độc lập, dân mất tự do, đồng bào đau khổ dưới ách áp bức của

---

(*) Tạp chí *Người làm báo*, số tháng 5/2005.

thực dân, đế quốc. Là người hiểu biết, anh thanh niên Nguyên Tất Thành đã "đau lòng, xót ruột" gấp đôi đồng bào.

Ra đi tìm đường và tìm cách cứu nước, anh Thành chỉ có một ý chí mãnh liệt, một mục đích cuối cùng quyết tâm phải đi tới là cứu nước, cứu dân. Không tiền bạc, không vũ khí, không một đội quân trong tay, nhưng Nguyễn Tất Thành vẫn nhất quyết làm được việc "long trời, lở đất", "đào núi, lấp biển", "đổi cũ ra mới, đổi xấu ra tốt".

Dựa vào sức mình, sức dân mình là chính, nghĩa là phải tạo nên sức mạnh vô địch từ nhân dân. Nhưng nhân dân, đồng bào lầm than đói khổ, mù chữ, bị bưng bít, bị lừa bịp "có tai như điếc, có mắt như mù", thì công việc đầu tiên là phải "mở tai, mở mắt" cho đồng bào, giác ngộ họ, dần dần đưa họ vào tổ chức, huấn luyện họ để tự họ nhận lấy trách nhiệm "tự lực cánh sinh, tự giải phóng mình" cùng với sự giúp đỡ của bè bạn quốc tế.

Công việc đầu tiên này của Nguyễn Ái Quốc không thể nào khác hơn đã phải dùng tới thứ vũ khí sắc bén là "*báo chí*". Chuyển tới đồng bào tình hình đế quốc xâm lược, áp bức để nhìn rõ kẻ thù, giới thiệu những phong trào yêu nước, cách mạng trên thế giới để đồng bào thấy "người ta làm được sao ta lại không làm được", tuyên truyền làm cách mạng nào là đúng nhất, và phải làm ra sao... Báo chí là hiện thân của các nhà cách mạng đi tuyên truyền tới từng xóm nhỏ, từng gia đình, từng cá thể, tuyên truyền, cổ động, tổ chức mà không cần cán bộ đi đến gặp mặt.

Trong truyền đơn kêu gọi đóng góp để có thể ra được tờ *Hồn Nam Việt* năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ mục đích của báo này là "mong mỏi người mình mở mày, mở mặt". 18 năm sau đó, trên tờ báo *Việt Nam độc lập* (trích số 101) - số đầu tiên, lại nhắc lại ý kiến này: "*Báo Độc lập*, hợp thời đệ

nhất làm cho ta mở mắt, mở tai". Trong kháng chiến chống Pháp, Bác dặn báo chí tuyên truyền là phải làm cho "dân hiểu, dân nhớ, dân làm", cùng là trong nội hàm của ý "mở mắt, mở tai".

Như vậy, phải chăng đạo đức trước hết của nhà báo, của báo chí là phải "nhận sứ mệnh giác ngộ người đọc", chỉ cho họ thấy cái xấu, cái cũ, cái sai để đổi ra cái tốt, cái mới, cái đúng? Phải chăng nhà báo cần phải là như nhân vật huyền thoại dân gian Nga - Đan-cô - người đã lấy trái tim mình làm bó đuốc soi sáng của quần chúng bị áp bức, đau khổ đi theo. Hệ quả của mệnh đề này có thể là "nếu nhà báo, báo chí không giác ngộ", "mở mắt, mở tai" cho bạn đọc, nói và viết sai, không đề cao cái tốt, cái mới, cái đúng là chưa đạt đến đạo đức đầu tiên của mình.

Vì nhà báo, báo chí luôn được quần chúng tin tưởng, ngưỡng mộ trước hết vì "đạo đức" đầu tiên ấy, nên một mặt quần chúng nhân dân yêu cầu, mong mỏi nhà báo, báo chí mãi mãi là "thần tượng" của họ, là chỗ dựa của họ, là nơi họ gửi gắm niềm tin, đức tín... và mặt khác nhà báo, báo chí lại phải luôn xứng đáng với niềm tin ấy.

Tự nguyện chấp nhận thiên chức "*đổi cũ ra mới*", nhà báo, báo chí đã là người cách mạng. Năm 1927, trong *Đường Kách mệnh*, trong mục *Tư cách một người Kách mệnh* có những tư cách rất "riêng" cho nhà báo, báo chí cách mạng. Đó là "Giữ chủ nghĩa cho vững, có lòng bày vẽ cho người, hay nghiên cứu xem xét, không hiếu danh, không kiêu ngạo, ít lòng ham muốn về vật chất". Nếu nhà báo cách mạng lại là "đảng viên mẫu mực" thì có đủ 12 điều. Điều đầu tiên là ngày đêm lo lắng đến sự nghiệp cách mạng, Điều 2 "Dám hy sinh tiền bạc, xương máu cho lợi ích của nhân dân...; nơi nào, lúc nào cũng phải theo phương châm: "*Tổ quốc trên hết*"; *Điều 9*:

"Khinh thường hư danh, quyền hành, tiền tài (nguồn gốc của sự xung đột, ganh tỵ, phản phúc), háo danh, mê quyền, ham tiền... những tính đó Iàm hại sự nghiệp cách mạng"; *Điều 10*: "Phải biết rằng làm cách mạng là làm cho nhân dân, chớ không phải làm cho một cá nhân nào. Sự nghiệp của mình thuộc về cả nhân loại, chớ không phải cho riêng mình..."

Gương mẫu, mẫu mực của một con người, một cán bộ, đảng viên, nhà báo, đó là đạo đức, là hiểu biết của họ thông qua ứng xử trong các mối quan hệ. Đối với nước ta, nước nông nghiệp, chưa hiện đại, dân trí, quan trí còn chưa được như mong muốn, "một tấm gương cụ thể có giá trị hơn một trăm bài tuyên truyền".

Người đọc, nhân dân nhận ra nhà báo của dân, của mình không chỉ, không phải bằng lời nói, chữ viết, tranh vẽ, ảnh chụp, phim quay mà còn nhận ra "của mình" ở đạo đức cá nhân của người ấy. Không vì "Tổ quốc trên hết", không dám hy sinh; đam mê tiền tài, quyền lực; háo danh, không chịu học hỏi, "kiêu ngạo cộng sản" nhất định sẽ không thể là nhà báo - báo chí của nhân dân, nhà báo - báo chí theo mong mỏi của Nguyễn Ái Quốc, theo tư tưởng của Hồ Chí Minh.

80 năm đã qua, kể từ khi Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra tờ báo *Thanh niên* bằng chữ quốc ngữ để "mở tai, mở mắt" cho đồng bào, để giác ngộ, tuyên truyền, tổ chức toàn dân đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, những bài học, lời dạy, điều mong mỏi về đạo đức của những người cầm bút, những nhà báo rất đáng để chúng ta ôn lại, làm theo Bác, theo tư tưởng của nhà báo vĩ đại Hồ Chí Minh.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC NHÀ BÁO

Vân Tâm

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn coi báo chí là thứ vũ khí sắc bén để động viên, giáo dục quần chúng và chiến đấu với kẻ thù. Động lực làm cho ngòi bút báo chí của Người ngày càng sắc bén và linh hoạt chính là sự giác ngộ từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa quốc tế vô sản. Vì mục đích rõ ràng nên Bác không ngừng rèn luyện cách viết, không ngừng nâng cao trình độ. Nếu tính từ tác phẩm đầu tiên *Tâm địa thực dân*[1] khoảng tháng 7/1919 đến tác phẩm cuối cùng *Thư trả lời Tổng thống Mỹ* đăng trên báo *Nhân dân* số ngày 25/8/1969, thì trong 50 năm hoạt động liên tục, Người đã viết hơn 2.000 bài báo các loại, ở hàng trăm tờ báo. Hồ Chí Minh cũng đã sáng lập 9 tờ báo: *Người cùng khổ* (Le Paria, năm 1922), *Quốc tế nông dân* (1924); *Thanh niên* (1925); *Công nông* (1925); *Lính Kách mệnh* (1925); *Thân ái* (1928); *Đỏ* (1929),

---

[1] Đây là bài viết đầu tiên của Bác Hồ được in trong Hồ Chí Minh *Toàn tập* (bản in năm 2000). Theo tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí cách mạng, tác phẩm đầu tiên của Bác Hồ là *Quyền của các dân tộc thuộc địa* đăng trên báo *L' Humanité* ngày 18/6/1919 (Chúng tôi tạm thời dẫn theo *Hồ Chí Minh Toàn tập*). Liên quan đến cột mốc thời gian ngày 18/6/1919, đây chính là thời điểm Nguyễn Tất Thành thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp đứng tên, gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến hội nghị Versalles. Bản yêu sách này được Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Tất Thành thảo luận, thống nhất. Bản Yêu sách sau đó được viết bằng 3 thứ tiếng: tiếng Pháp (do Phan Văn Trường thực hiện), tiếng Trung Quốc (do Phan Châu Trinh thực hiện), riêng bản tiếng Việt (do Nguyễn Tất Thành thực hiện) ký tên là Nguyễn Ái Quốc, hàm ý là "người yêu nước Việt Nam họ Nguyễn". Theo Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bản yêu sách này được đăng trên báo *Yiche Pao* (Nghị xã báo) ngày 18/9/1919 (chú thích của tác giả).

Việt Nam độc lập (1941); *Cứu quốc* (1942), Hồ Chí Minh đã sử dụng khoảng 150 bút danh bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Hoa, tiếng Việt và nhiều ngôn ngữ khác[1].

Ngày 20/9/1919, Nguyễn Ái Quốc (dường như) đã có lần trả lời phỏng vấn đầu tiên, với báo *Yiche Pao*, xuất bản tại Thiên Tân (Trung Quốc). Đó là cuộc trao đổi giữa Nguyễn Ái Quốc, Phan Văn Trường, một đại biểu của Triều Tiên là Kim Tchong Wen và một phóng viên người Mỹ tại nhà phóng viên này. Phóng viên hỏi: "Ông đến Pháp với mục đích gì?". Đáp: "Để đòi những tự do mà chúng tôi phải được hưởng". Khi được hỏi về những hoạt động từ khi đến Pháp. Nguyễn Ái Quốc cho biết: "Ngoài việc vận động các thành viên Nghị viện, tôi đã tìm cách nhen nhóm thiện cảm mỗi nơi một chút, trong đó Đảng Xã hội tỏ ra ít thỏa mãn với các biện pháp của Chính phủ và đã sẵn lòng ủng hộ chúng tôi. Ở Pháp, đó là hi vọng duy nhất của chúng tôi. Về hoạt động của chúng tôi ở các nước khác, lính ở nước ông (Mỹ) chúng tôi có nhiều thành công hơn"[2]. Vậy là ngay từ đầu, Hồ Chí Minh đã có ý thức rõ ràng về việc sử dụng báo chí làm công cụ tuyên truyền, tác động đến các tầng lớp, các giới để phục vụ cho nhiệm vụ chính của mình là đấu tranh vì nền độc lập, tự do cho dân tộc mình.

Tháng 3/1924, Nguyễn Ái Quốc có cuộc trả lời phỏng vấn của phóng viên Giovanni Germaneto, đăng trên báo *L'Unità* của Đảng Cộng sản Ý ngày 15/3/1924. Lúc này, Nguyễn Ái Quốc đang là sinh viên của Trường Đại học Phương Đông ở Moscow. Trong bài trả lời phỏng vấn ít nhiều có tính cởi mở

---

(1) Dẫn lại theo *Tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí cách mạng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 9 - 10.

(2) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000. tr. 472 - 473.

này, Nguyễn Ái Quốc đã nói nhiều về mục đích học tập và tình hình học tập, ăn ở của các sinh viên tại trường. Trả lời câu hỏi "Khi học xong, anh dự định làm gì", Nguyễn Ái Quốc đáp: "Dĩ nhiên là tôi sẽ trở về Tổ quốc tôi để đấu tranh cho sự nghiệp của chúng tôi. Ở bên chúng tôi có nhiều việc phải làm lắm. Chúng tôi chẳng có quyền gì cả, trừ quyền đóng thuế cho "mẫu quốc" Pháp, cho bọn chủ bản xứ. Sự việc nổi bật nhất là như thế này: chúng tôi là những người bị đô hộ, như đồng chí biết, chúng tôi là những dân tộc "hạ đẳng", và vì thế chúng tôi không có quyền ứng cử, bầu cử. Ở nước Nga, "cái nước của những người dã man" - giai cấp tư sản dân chủ gọi các đồng chí Nga như thế - chúng tôi có đầy đủ những quyền như công dân Nga. Thật vậy, những đại biểu của chúng tôi do Xô viết của chúng tôi bầu ra theo đúng kỳ hạn, đã cùng hội họp với các đại biểu công, nông, binh. Đó, anh đã thấy rõ sự đối xử khác nhau của chế độ dân chủ tư sản và chế độ dân chủ công nhân đối với chúng tôi! Chúng tôi đã đau khổ nhiều và chúng tôi còn phải đau khổ nữa. Những người "khai hoá" các nước chúng tôi không để chúng tôi tự do. Nhưng chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được. Các đồng chí của tôi làm việc phấn khởi, tin tưởng, nghiêm túc. Nhiều người còn rất trẻ đã có một trình độ mácxít ít có thể tưởng tượng là có thể có được vào tuổi đó. Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề, và tương lai của các dân tộc thuộc địa tùy thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hi sinh của chúng tôi. Ở phương Đông, từ Syria đến Triều Tiên, tôi chỉ nói đến các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, có một diện tích rộng mênh mông với hơn 1.200 triệu dân. Cả vùng rộng lớn này nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa. Các dân tộc ở đó không bao giờ ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai

cấp vô sản thế giới. Những nghị quyết của phái dân chủ xã hội tỏ cảm tình dù nồng nhiệt đến đâu cũng không có sức nặng".[1] Trong bài phỏng vấn khá dài này, Nguyễn Ái Quốc đã tỏ rõ quan điểm chính trị về con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa, đó là không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc cũng ít nhiều cảnh báo tinh thần cải lương, thỏa hiệp của một số người đối với những người thuộc giai cấp dân chủ tư sản.

Sau khi trở thành Chủ tịch nước, là một nhà báo có nhiều kinh nghiệm, Hồ Chí Minh có sự tôn trọng và có mối quan hệ rất tốt đẹp với các nhà báo. Chỉ tính từ ngày đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cho đến ngày qua đời, Người đã có khoảng 150 cuộc gặp gỡ, tiếp xúc, trả lời phỏng vấn với các nhà báo[2]. Ngay ngày 07/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có buổi tiếp các phóng viên báo chí trong nước. Trả lời câu hỏi của các nhà báo về tiểu sử và hoạt động cách mạng của mình, Người nói: "Từ khi ra đời. tôi đã thấy nước mình bị nô lệ. Không muốn sống cảnh nô lệ nữa, ngay từ thuở thiếu niên, tôi đã đấu tranh để giải phóng đất nước. Có lẽ đó là công lao duy nhất của tôi". Nội dung của cuộc gặp gỡ này đã được đăng tải trên Tạp chí *Tri Tân* số 205 ngày 20/9/1945 và báo *La République* số 9, ngày 02/12/1945[3].

Đối với Hồ Chí Minh, tiếp xúc với báo chí là một cách để giới thiệu đường lối, chủ trương đúng đắn của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Qua đó, lên án chính sách hiếu chiến của kẻ thù, những sự phá hoại của các thế lực chống phá. Người đã gặp gỡ, tiếp, thăm, trả lời phỏng vấn (cả trực

---

[1] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 1, Sđd, 484 - 485.

[2] Thống kê theo *Biên niên hoạt động báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh* in trong quyển *Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo chí cách mạng Việt Nam*, NXB Thông Tấn, Hà Nội, năm 2004.

[3] *Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo chí cách mạng Việt Nam*, Sđd. trang 437.

tiếp và qua điện tín) của phóng viên nhiều nước trên thế giới, cả Pháp, Anh, Mỹ, Nhật, Liên Xô, Trung Quốc, Đức, Ý, Ấn Độ, Indonesia, Uruguay, sau này còn có Cu Ba, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hungary... tất nhiên có cả các nhà báo trong nước. Bên cạnh nhiều trường hợp các nhà báo xin được gặp Bác để phỏng vấn thì cũng có không ít lần Người chủ động đến các tòa soạn thăm hoặc mời các phóng viên đến để thông tin. Có thể thấy, thái độ của người đối với các nhà báo là cởi mở, thân tình và cũng hết sức khéo léo.

Cuối tháng 10/1945, trả lời các nhà báo về thái độ hiện thời của Chính phủ Việt Nam đối với Trung Hoa và Pháp, Hồ Chí Minh tuyên bố: "Nước Việt Nam được thắng lợi trong sự độc lập, thì sự thắng lợi ấy sẽ làm một điều lợi cho Trung Hoa. (...) Trung Hoa và Việt Nam có quan hệ như răng với môi vậy. (...) Các chính sách của Việt Nam đối với Trung Hoa, lúc này tóm lại là phải thân thiện... Đối với bọn thực dân Pháp cố tâm dùng võ lực lập lại chủ quyền của chúng ở đây, chúng ta nhất định chống lại chúng kỳ cùng, và nhất định chúng ta sẽ phải thắng lợi. Sự hi sinh của đồng bào ta trong cuộc chiến đấu oanh liệt trong Nam Bộ bây giờ, cái cử chỉ phi thường của một chiến sĩ tự tẩm xăng vào mình để vào đốt một kho dầu của bên địch, tỏ ra rằng một dân tộc đã có tinh thần cao đến bậc ấy thì không sức mạnh nào có thể đè bẹp được"[1]. Qua báo chí, rõ ràng Người đã khẳng định một cách đanh thép khát vọng độc lập của nhân Việt Nam đồng thời thể hiện quyết tâm sắt đá sẽ chống giặc đến cùng.

---

[1] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1999, tr. 72-73. Về sự kiện "một chiến sĩ tự tẩm xăng vào mình để vào đốt một kho dầu của bên địch", theo *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam* Thành phố Hồ Chí Minh (tập 1, 1930 - 1954. sơ thảo, NXB TP. HCM năm 1995): "Đêm 17/10/1945), thiếu niên Lê Văn Tám đã tẩm xăng vào người thành cây đuốc sống lao vào đốt cháy kho đạn Simon Piétri của Pháp ở Vườn thú (gần cầu Thị Nghè), nêu cao một tấm gương yêu nước của tuổi trẻ Việt Nam" (tr. 219), (chú thích của tác giả).

Cuối tháng 12/1945. Hồ Chí Minh trả lời phóng viên các báo hàng ngày và hàng tuần của Việt Nam về vấn đề đoàn kết. Trước đó ngày 24/12/1945, Việt Minh, Việt Nam Cách mạng đồng minh (Việt Cách) và Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) đã ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác nhằm tăng cường sự đoàn kết, củng cố mặt trận Liên Hợp quốc dân để tập trung lực lượng vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Phóng viên hỏi: "Tại sao có 70 ghế đặc cách (dành cho Quốc dân đảng) trong Quốc hội?". Người nói: "Vì anh em Quốc dân đảng không ra ứng cử". Phóng viên hỏi: "Sao lại trái nguyên tắc dân chủ vậy?". Bác đáp: "Muốn đi tới dân chủ, nhiều khi phải làm trái lại. Thí dụ muốn đi tới hòa bình có khi phải chiến tranh". Cách trả lời ngắn gọn mà hết sức thuyết phục, không chỉ giải quyết ngay vấn đề mà các phóng viên đặt ra mà còn hàm chỉ một vấn đề khác: muốn có hòa bình, bên cạnh những cách hòa bình, đôi khi phải dùng đến sức mạnh của vũ lực. Nhà báo còn "vặn vẹo": "Cần làm trái dân chủ? Thế sao Cụ không tự chỉ định Cụ ra làm Chủ tịch Việt Nam, Cụ còn phải ra ứng cử lôi thôi?". Thay vì trả lời thẳng vào câu hỏi, Bác đáp đầy hàm ý: "Vì tôi không muốn làm như vua Louis thập tứ".[1] Những ai biết lịch sử nước Pháp đều không lạ gì Louis XIV (1638 - 1717), người giữ ngôi hoàng đế nước Pháp những năm 1664 - 1715 là một ông vua chuyên quyền, độc đoán. Chỉ bao nhiêu đó cho ta thấy tầm trí tuệ, sự nhạy bén của Người như thế nào.

Cũng bằng, sự tư duy ấy, trong buổi tiếp nhà báo Pháp Jean Michel Hetrich cuối năm 1945, Hồ Chí Minh nói: "Nước Pháp thật là một xứ sở kỳ lạ. Nước Pháp đã sản sinh ra những tư tưởng tuyệt diệu, nhưng khi xuất cảng, chẳng bao giờ nước Pháp cho đưa ra những tư tưởng ấy".[1]

---

[1] *Chủ tịch Hồ Chí Mmh với báo chí cách mạng Việt Nam*. sđđ. tr. 439.
[1] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 4, Sđd, tr. 125.

Giữa tháng 01/1946, trả lời phỏng vấn các nhà báo nước ngoài Hồ Chí Minh nói: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh, phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Tôi chỉ có một điều ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành".(2) Tháng 7/1947, trả lời phỏng vấn của một nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh gần như tâm sự, với những điều tương tự": "Tôi xin dẹp sự khiêm tốn lại một bên mà đáp một cách thực thà: Tôi không nhà cửa, không vợ, không con, nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Phụ lão Việt Nam là thân thích của tôi. Phụ nữ Việt Nam là chị em của tôi. Tôi chỉ có một điều ham muốn là làm cho Tổ quốc tôi được độc lập, thống nhất dân chủ. Bao giờ đạt được mục đích đó, tôi sẽ trở về làm một công dân du sơn ngoạn thủy, đọc sách làm vườn"(3). Đó gần như là một quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về mục tiêu làm cách mạng của mình.

Trong khi tiếp xúc với các nhà báo, Hồ Chí Minh luôn chủ động thẳng thắn không để người hỏi cuốn vào ý đồ của họ. Cách trả lời của Người luôn dứt khoát rõ ràng, sắc sảo. Ngày 20/02/1946, Pháp và Trung Quốc (của Tưởng Giới Thạch) ký hiệp ước Hoa - Pháp, Pháp đã có những nhượng bộ cho Quốc dân đảng Trung Quốc tại Việt Nam, tiến tới độc chiếm Đông Dương. Ngày 23/02, các nhà báo gặp và phỏng vấn Hồ Chí Minh. Có nhà báo hỏi: "Có phải nước ta không cho nước Trung Hoa đủ những quyền lợi về kinh tế như Pháp

---

(2) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 4. Sđd, tr. 161.

(3) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 408-409.

đã cho Trung Hoa nên mới có bản hiệp ước Hoa - Pháp?". Bác trả lời: "Vấn đề đó không thành câu hỏi". Nói câu này, Người có hàm ý không bằng lòng. Rõ ràng, nếu không phải người có ý đồ "gài bẫy" thì câu hỏi này cũng cho thấy người hỏi "non" về chính trị. Vì vậy trong phần trả lời tiếp theo sau đó, Người ca ngợi chủ nghĩa *Tam dân* của Trung Quốc, khẳng định quan hệ tốt đẹp của hai dân tộc mà không đả động gì đến nội dung chính của câu hỏi.[1]

Ngày 12/7/1946, trả lời câu hỏi của các nhà báo tại Pháp "Nếu Nam Kỳ từ chối không sáp nhập vào Việt Nam, Chủ tịch sẽ làm gì?". Hồ Chí Minh nói: "Nam Kỳ cùng một tổ tiên với chúng tôi, tại sao Nam Kỳ lại không muốn ở trong đất nước Việt Nam? Người Basques, người Breton, không nói tiếng Pháp vẫn là người Pháp. Người Nam Kỳ nói tiếng Việt Nam, tại sao lại còn nghĩ đến sự cản trở việc thống nhất đất nước Việt Nam?"[2]. Đây là quan điểm nhất quán: Nam Bộ là đất Việt Nam, như Người đã từng tuyên bố. Không dùng đao to búa lớn để trả lời ý "Chủ tịch sẽ làm gì?", Hồ Chí Minh dùng những lý lẽ không thể bác bỏ được để đập tan ý đồ chia rẽ Nam Bộ khỏi Việt Nam bằng cái gọi là Nam Kỳ quốc tự trị.

Liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02/01/1947, Hồ Chí Minh khẳng định: "Việt Nam không chiến tranh chống nước Pháp và nhân dân Pháp vì ta muốn hai dân tộc Việt - Pháp cộng tác thật thà. Nhưng tự do độc lập là quyền trời cho mỗi dân tộc. Bọn thực dân phản động dùng vũ lực phá hoại quyền thống nhất và độc lập của dân ta, cho nên dân ta phải kháng chiến để giữ gìn đất nước". Trả lời câu hỏi "Cuộc kháng chiến sẽ kết liễu thế nào?", Người

---

(1) *Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn báo chí*, NXB Thanh niên, Hà Nội, năm 2007. tr. 25 - 26.

(2) *Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn báo chí*, Sđd, tr. 30.

nói: "Lịch sử thế giới và lịch sử nước ta đã tỏ cho ta biết rằng: hễ một dân tộc đã đứng lên kiên quyết tranh đấu cho Tổ quốc họ thì không ai, không lực lượng gì chiến thắng được họ. Dân Việt Nam muốn hòa bình, nhưng vì vận mệnh của Tổ quốc, của giống nòi thì sẽ kháng chiến đến cùng, kháng chiến đến thắng lợi"[1]. Hơn 4 tháng sau, vào tháng 5-1947, Hồ Chí Minh lại có những khẳng định tương tự khi trả lời phỏng vấn của thông tín viên Vasidep Rao (Hãng tin Reuters): "Nếu không hòa bình được, chúng tôi sẽ chiến đấu đến cùng. Toàn dân Việt Nam cương quyết tranh đấu cho thống nhất và độc lập". Đáng chú ý là trong bài trả lời khá dài này, Hồ Chí Minh đã rất khéo léo sử dụng điển tích nổi tiếng *"Con chó sói và con cừu"* trong *Truyện ngụ ngôn La Fontaine* để khẳng định một thực tế là thực dân Pháp đang thể hiện "chân lý của kẻ mạnh", bằng cách sử dụng sức mạnh quân sự hòng đè bẹp khát vọng và tinh thần của nhân dân ta.[2]

Trong số những nhà báo nổi tiếng thế giới được Bác Hồ tiếp kiến, có thể kể nhà báo người Úc Wilfred Burchett. Giữa đợt 1 (bắt đầu ngày 13/3/1954) và đợt 2 (bắt đầu từ ngày 30/3/1954) của chiến dịch Điện Biên Phủ, tại căn cứ địa Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên tiếp Wilfred Burchett, người sau này sẽ tiếp tục gắn bó, phản ánh và ủng hộ nhân dân ta cho đến cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trong hồi ức của mình, nhà báo Úc đã thuật lại cách giải thích của người đứng đầu Chính phủ Việt Nam kháng chiến: "Bác Hồ đặt ngửa chiếc mũ trên bàn. Đưa những ngón tay gầy guộc theo vành chiếc mũ và nói: Tình hình thế này, đây là những ngọn núi mà lực lượng chúng tôi đang chiếm giữ. Dưới kia là

---

[1] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2000, trang 7 - 8

[2] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5. Sđd. trang 371 - 374.

thung lũng Điện Biên Phủ. Đó là nơi đóng quân của người Pháp với những đội quân thiện nghệ nhất mà họ có tại Đông Dương.. Và họ sẽ không bao giờ rút ra được". "Vậy đây chính là Stalingrad ở Đông Dương?". Burchett hỏi, và Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời: "Căn cứ vào điều kiện ở đây thì đúng như vậy. Nói khiêm tốn thì đó là một điều gì đó giống như thế". W.Burchett sau này nhiều lần đến Việt Nam đã đưa ra nhận xét: "Cảm giác đầu tiên của tôi là sự thân mật, ấm áp và giản dị. Hồ Chủ tịch có khả năng khiến người ta thấy nhẹ nhõm, ngay từ khoảnh khắc đầu tiên và trình bày những vấn đề phức tạp nhất chỉ trong vài từ và cử chỉ rõ ràng. Trong những cuộc gặp gỡ tiếp theo với nhân cách vĩ đại này, sự ấm áp, giản dị, cách thể hiện rõ ràng xuất phát từ trí tuệ mẫn tiệp và sự thấu hiểu trọn vẹn chủ đề khiến ta có ấn tượng vô cùng sâu sắc. Bất cứ ai được Hồ Chủ tịch tiếp đều bình luận về những phẩm chất ấy, và cao hơn hết là cảm giác của họ ngay lập tức như người trong nhà của Chủ tịch".[1]

Trong chuyến thăm Indonesia tháng 3/1959, trả lời các nhà báo nước bạn, Hồ Chí Minh có những lời đáp rất tế nhị. Chẳng hạn, có nhà báo hỏi: "Xin Chủ tịch cho biết ý kiến của Chủ tịch về tình tình chính trị ở Indonesia?". Người hỏi ngược lại: "Tôi đến đây mới ba ngày. Làm thế nào tôi có thể có ý kiến về tình hình ở đây được?". Một nhà báo khác hỏi: "Giữa Chủ tịch và Tổng thống Soekarno có cuộc thảo luận chính trị nào không?". Người trả lời rất chặt chẽ về ngôn ngữ: "Có thể nói là có. Nhưng chúng tôi gọi đó là cuộc trao đổi ý kiến, chớ không phải là cuộc thảo luận. Chúng tôi nói chuyện với nhau một cách thân mật anh em".[1] Những câu trả lời này vừa thể hiện sự dí dỏm mà cũng hết sức thông minh, khéo léo của Người đối với những vấn đề quan hệ ngoại giao...

---

[1] Dẫn lại từ http://bee.net.vn/channed.

[1] *Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn báo chí*, Sđd. trang 170 - 172.

Sự trân trọng của Hồ Chí Minh đối với các nhà báo còn được thể hiện rõ trong cuộc tiếp nữ nhà báo Cu Ba Marta Rojas (báo *Granma*) vào ngày 14/7/1969. Đây là lúc sức khoẻ của Bác Hồ không được tốt, nhưng với một nhà báo đến từ một nước xã hội chủ nghĩa anh em, Người đã dành thời gian tiếp chuyện mà đến hơn 40 năm sau vẫn để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người được tiếp. Bà Marta Rojas hồi tưởng: "Những lần ở Hà Nội tôi đều tới thăm báo *Nhân dân* và nói với nhà báo Hoàng Tùng rằng tôi muốn có một cuộc phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một buổi, đồng chí Hoàng Tùng gọi cho tôi: "6 giờ sáng mai tôi qua đón chị vào phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh". Đó là buổi sáng một ngày khoảng giữa tháng 7/1969, tôi, nhà báo Hoàng Tùng và người phiên dịch bước vào Phủ Chủ tịch thì gặp một cụ già mặc bộ quần áo màu trắng tươi cười đi tới và chào tôi bằng tiếng Tây Ban Nha: "Chào buổi sáng đồng chí Marta". Tôi đã nghe nói nhiều về Bác Hồ, nhưng không nghĩ Người lại giản dị, thân tình đến thế". Marta Rojas nói tiếp: "Tôi chỉ định phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng thật bất ngờ và thú vị là Người đã phỏng vấn lại tôi. Người hỏi tôi về những cảm nhận, những trải nghiệm của tôi ở Tây Ninh... Rồi Người hỏi thăm Fidel và nói: "Tôi đã đọc nhiều bài phát biểu của Fidel và rất thích những bài phát biểu đó". Marta Rojas cho biết, câu hỏi tuyệt vời nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh với bà lúc đó là nhà báo nhìn nhận thế nào về những lá cờ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Marta trả lời Bác: "Miền Nam mưa, nắng nhiều, nhưng lá cờ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lúc nào cũng như mới". Sau đó, lý giải của Bác đã khiến Marta không thể nào quên: "Vì mục tiêu đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam là bảo vệ cho lá cờ đó ở đúng vị trí mà nó cần phải có. Đó là biểu tượng của Việt

Nam. Chắc chắn chúng tôi sẽ chiến thắng Mỹ. Tất cả sự chịu đựng và nỗi đau của người dân miền Nam cũng là sự chịu đựng và nỗi đau của tôi".[1]

Dĩ nhiên còn rất nhiều câu chuyện khác liên quan đến thái độ, tình cảm ứng xử của Hồ Chí Minh đối với nhà báo. Lược qua những cuộc trao đổi giữa Hồ Chí Minh với các nhà báo, ta dễ dàng nhận ra một Hồ Chí Minh chính khách đầy quyết đoán, sắc sảo, với một Hồ Chí Minh nhà báo luôn quan tâm, thông cảm và cũng hiểu rõ những thủ thuật của các phóng viên. Với Hồ Chí Minh, sử dụng vũ khí báo chí nói chung và sử dụng ngôn từ trên báo chí đã đạt đến trình độ nghệ thuật cao, cả khi Người trả lời phỏng vấn.

---

[1] Mai Thi, *Nữ nhà báo Cu Ba Marta Rojas và cuộc phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Báo *Hà Nội mới*, ngày 19/5/2010.

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ BÁO CHÂN CHÍNH

Hương Xuân

Năm 1970 - sau một năm để tang Bác Hồ, đồng chí Charles Fourniau (Sáclơ Phuốcniô), một nhà báo, nhà hoạt động chính trị xã hội, Chủ tịch Hội Pháp - Việt hữu nghị, Đảng viên Đảng Cộng sản (ĐCS) Pháp, tháng 5/2007 vẫn còn sống tại Paris[1], đã "chủ biên" một cuốn sách có tựa đề "*Hồ Chí Minh - đồng chí của chúng ta*" (Hồ Chí Minh - Notre camarade). Sách tập hợp nhiều hồi ký của các nhà chính trị, quân sự, nhà văn, nhà báo về những lần gặp gỡ với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong số này có bài của A. Kan (A.Can), phóng viên thường trú báo *L' Humanité* (Nhân đạo) của Đảng Cộng sản Pháp một thời gian dài tại Hà Nội.

A. Kan kể lại, trong một lần gặp "Nhà báo Nguyễn Ái Quốc", được Người tâm sự chân tình: "Tôi không có hạnh phúc được theo học ở trường đại học. Nhưng cuộc sống đã cho tôi cơ hội học lịch sử, khoa học xã hội và ngay cả khoa học quân sự. Phải yêu cái gì? Phải ghét cái gì? Cũng như tôi, tất cả người Việt Nam cần phải yêu độc lập, lao động, Tổ quốc. Tôi cũng có thời gian học làm báo, cũng có thời gian tôi bỏ ngòi bút, cầm súng để chống lại kẻ thù, chống lại chủ nghĩa thực dân. Khi tôi còn ở Pháp, khi còn biết ít tiếng Pháp thời tôi đã là Tổng biên tập, biên tập và phát hành cả một tờ báo". (*Le Paria*-BT).

---

[1] Charleo Fourniau đã viết tại Paris.

Về "yêu gì", "ghét gì", lại "liên quan" đến nhà báo "*Frères d'arme (Bạn chiến đấu)*[2] phỏng vấn Bác, sau đó báo "*Cứu quốc*" số 938 ngày 25 tháng 5 năm 1948, chi nhánh số 6 in tại Liên khu X, đăng lại toàn văn như sau:

Phóng viên "*Bạn chiến đấu*" hỏi:

Thưa Chủ tịch, Ngài ghét gì nhất?

Hồ Chủ tịch trả lời:

- Điều ác.

Hỏi: Thưa Chủ tịch, Ngài yêu cái gì nhất?

Trả lời:

- Điều thiện.

Nhà báo, trước khi là "nhà" phải là một "công dân", công dân tốt, có nhiều nhà báo có thẻ Nhà báo, có thẻ Hội viên Hội Nhà báo trong số hàng ngàn, hàng chục ngàn Nhà báo" ở Việt Nam - có "nhà" ít viết bài; ít có "chính kiến"; chỉ làm "quan báo"; làm hành chính. Có nhà đi sưu tầm, đây cái cột, kia cái dui, cái mè, viên gạch vở... rồi lấy vôi, lấy cát... "xây" nên một "nhà" mới, bài báo mới, "tác phẩm" mới. Lại có nhà chẳng mất công sức gì, chẳng nhờ ông "Vua dời nhà" gì, đem ngay cái biển "nhà" mình đóng đinh vào "nhà" khác!

Như vậy chỉ mới là công dân thôi, họ cũng có "vấn đề", có chỗ chưa xứng đáng. Cứ như lời Bác - trong hai việc kể trên - trước hết để là công dân - nhà báo phải biết yêu điều thiện, ghét điều ác, yêu độc lập (đấu tranh vì độc lập), yêu lao động để đóng góp với nhân dân, với dân tộc, làm giàu cho

---

[2] Tờ báo do một nhóm hàng binh châu Âu chủ trương, bằng tiếng Pháp, xuất bản thời kháng chiến chống Pháp nhằm vận động binh lính phản chiến.

đất nước, không tham ô, tham nhũng, "đục khoét" quỹ công - cũng là yêu dân, yêu những em bé tàn tật, còn thiếu thốn... và "mở mặt" với năm châu, nhiều biển, đứng ngang hàng - ít nhất - với hơn trăm nước trên thế giới này... Để "tóm tắt", Bác Hồ đã có dịp nói: "Làm người (trước khi là nhà này, nhà nọ...) là phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ".

Đối với danh hiệu nhà báo, với những người cầm bút viết báo, "làm báo" (như ta gọi hiện nay), Bác yêu cầu (từ năm 1917 - nhắc lại trên tờ *Việt Nam độc lập*, năm 1942 và cả sau này) là "phải có trách nhiệm mở tai, mở mắt" giúp nhân dân. Có thể hiểu là Bác mong các nhà báo phải góp sức với các đoàn thể "viết thế nào", "viết cái gì", "điều gì" để nhân dân "nghe được tiếng tim đập của đất nước, của Nhân loại, của Hoàn cầu (để lại có thông tin mới, biết, hiểu được cái mới, cái hay) và để "xem người ta" làm gì, làm thế nào; cũ, xấu thế nào để tránh; mới, tốt, hay thế nào để vận dụng". Và cũng có thể được hiểu "phản đề" của ý "mở tai, mở mắt" (của Bác) là nếu nhà báo mà cứ nhắm mắt, bịt tai mình đi theo đường cũ, lối mòn, thông tin cũ, "chẳng biết gì trong nước, trong hoàn cầu" thì còn mở tai mở mắt cho ai nữa!

Thực ra, "mở tai, mở mắt" cho một người cũng không phải là dễ, huống chi cho nhiều người. Vì "trên đời" này, có cái tưởng như thật trăm phần trăm - (nói đùa: thật hơn sự thật), nhưng lại là "hàng dởm, hàng giả". Ông đi qua, bà đi lại, ai cũng "trông", nhưng ít người "thấy". Với chức năng, nhiệm vụ của mình, nhà báo là người "thấy được" vấn đề, con người - sự kiện.

"Thấy" được rồi, không dễ gì mà viết được, mà đăng được. Mà phải "tim sôi, đầu lạnh, bàn tay sạch" - như Phêđêrích

Đờdecjinxki - ông tổ ngành an ninh Nga thời Lê-nin đã nói. Mấy năm trước đây, cũng đã có nhiều người đồng ý với câu nói này, vận dụng vào nhà báo Việt Nam đề nghị các nhà báo phải "tim sôi, đầu lạnh, ngòi bút thẳng". "Tim sôi" là nhiệt tình cách mạng là... là... "Đầu lạnh" là không hấp tấp nôn nóng, bình tĩnh xem xét trước sau, lợi hại, phạm vi nhỏ, lớn... "Ngòi bút thẳng" là viết không bị sức ép của ai, của thế lực nào, chỉ cốt đưa lại lợi ích vì Dân, vì Nước, vì danh dự của nhà báo mà không sợ ai, sợ cái gì... Tuy nhiên, nhà báo ta vẫn có hai cái sợ, nói đúng ra - phải có 2 sợ:

Một là sợ Cụ... - Hồ. Học tập, làm theo sao cho được, gần được tấm gương của Cụ Hồ, nhà lãnh đạo, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá, Nhà báo vĩ đại, "vị thánh" của báo chí cách mạng Việt Nam.

Hai là sợ... cụ thể. Viết mà điều tra không đúng, không đầy đủ (lý lịch, quá trình, quan hệ, quan điểm...), không toàn diện, không "bản chất", năm tháng lẫn lộn, sự việc "đá nhau", "râu ông nọ cắm cầm bà kia"... tương lên báo, lên đài thì có khi "chết"!

Đó là khó của "cấp bậc" nhà báo Nguyễn Ái Quốc trao đổi với nhà báo. Làm một nhà báo bình thường đã khó, nhưng như mong mỏi của Bác Hồ, "làm một nhà báo chân chính" thật không dễ.

Cũng trong buổi nhà báo Nguyễn Ái Quốc trao đổi với nhà báo A.Kan, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Tất nhiên không phải riêng tôi mà toàn thế giới đều kính trọng những nhà báo chân chính". Riêng tôi" - ý Bác - là với tư cách một người dân, một người cách mạng, Bác "kính trọng" - như toàn thế giới

kính trọng các nhà báo chân chính. Còn ngược lại, nhà báo chân chính, nhà báo dởm, nhà báo tồi không biết mở tai, mở mắt cho bạn đọc, cho nhân dân, không yêu (mà phá phách) Tổ quốc, không biết thương dân (chỉ biết thương cái thân mình...) thì vẫn có thể bảo là "nhà báo", nhưng không thể là: nhà báo chân chính được.

Bác Hồ, khi còn là nhà báo Nguyễn Ái Quốc đã làm quen với một nhà - trong nhiều nhà báo cộng sản nổi tiếng ở Pháp đó là đồng chí Môngmútxô. Năm 1920, Môngmútxô trong một buổi trò chuyện với Nguyễn Ái Quốc đã bộc lộ rằng: "Nghề báo, làm được một nhà báo chân chính thật sự vinh dự, khó khăn...". Mấy chục năm sau, nhà báo - học giả Quang Đạm trong một lần đi dự hội báo *L' Humanité* - lại được gặp Môngmútxô. Lão đồng chí - nhà báo chân chính "vỗ lưng" thân mật:

- Anh bạn trẻ, con ta ạ. Nếu con đã chọn nghề báo, con hãy đi theo "nó" suốt đời và cố gắng trở thành nhà báo chân chính, đích thực...

Nhà báo Quang Đạm cũng đã không phụ lòng Môngmútxô...

Khó thật! Ngoài quan điểm, lập trường (vì Dân, vì Nước), nhà báo chân chính còn phải vượt qua bao nhiêu "cửa ải - mà trong tay không có "binh đoàn", "trang bị" gì ngoài tấm lòng, ý chí, ngòi bút...

Để có thêm *"vật liệu"* xây dựng nên "nhà báo chân chính", Bác Hồ đã nói với A.Kan:

- "Phải học. Việc học là việc suốt đời. (Nhà báo) học thêm được một thứ tiếng nước ngoài coi như có thêm một cái chìa khoá để mở thấm một kho tàng tri thức".

- Kho tàng tri thức đối với một người, mọi người là vô tận. Mà đối với nhà báo chân chính còn "vô tận" đến đâu!

Thế kỷ XVII, nhà soạn kịch Pháp Coocnây (1608-1668) đã thay lời nhân vật, khẳng định:

"Lưỡi gươm của nhà ngươi đã thắng nhiều người, nhưng không phải là không bị đánh gãy".

Nếu là "nhà báo chân chính", họ có thể đánh gãy mọi "lưỡi gươm" trên con đường đi tới.

PHẦN PHỤ LỤC

TỔNG MỤC LỤC BÀI VIẾT CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC, HỒ CHÍ MINH TRÊN BÁO "*L'HUMANITÉ*" *(NHÂN ĐẠO)* TỪ NĂM 1919 ĐẾN 1955

TS. Nguyễn Văn Khoan(*)

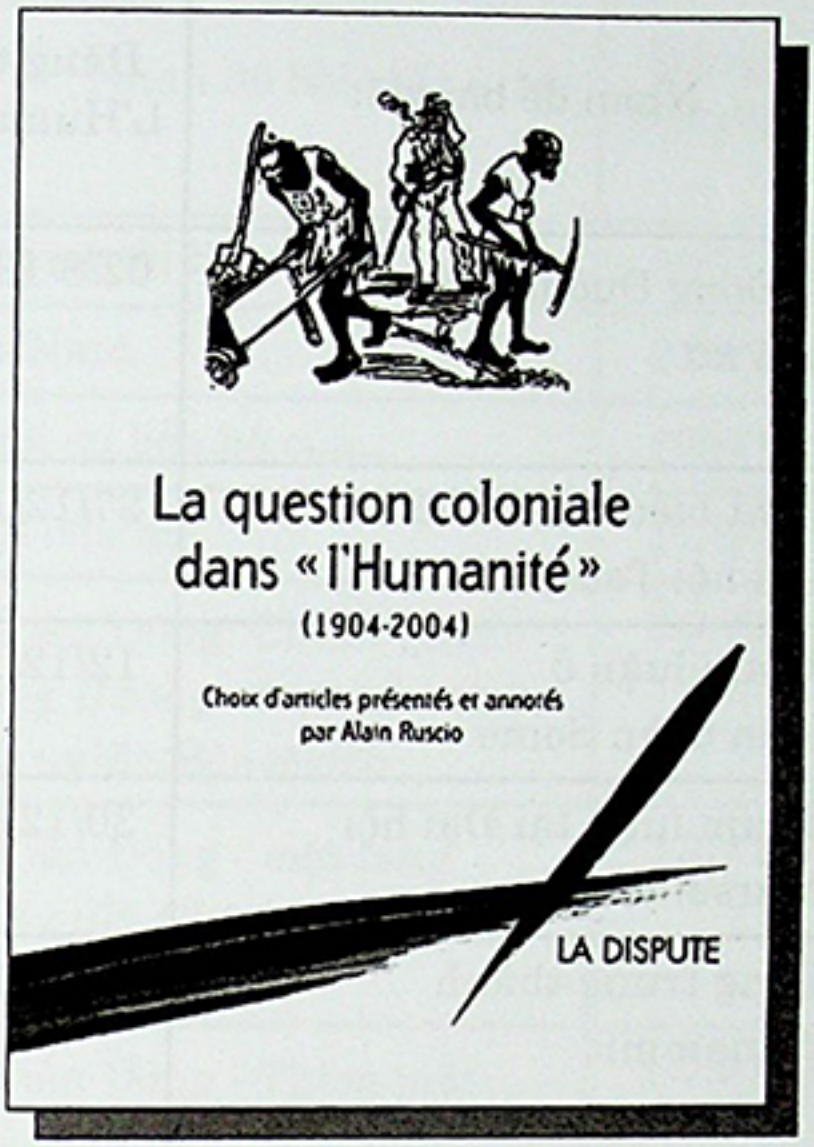
Tháng 5/2005, Tiến sỹ sử học người Pháp Alain Ruscio đã hoàn thành món quà quý tặng bạn đọc - rất quý đối với bạn đọc Việt Nam: đã cho in và xuất bản cuốn *Vấn đề thuộc địa trên báo L'Humanité 1904 - 2004* (La Question coloniale dans, "L'Humanité", 1904 - 2004), nhà xuất bản La Dispute phát hành.

Báo *L' Humanité* do Jean Jaurès sáng lập từ năm 1904, trong 15 năm, từ 1904 đến 1919 không có một bài nào đăng về "Xứ Đông Dương". Sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc với bài báo đăng lần đầu tiên, ngày 02/8/1919, có thể nói "đã mở ra một kho tàng thông tin lý luận cho báo, cho Đảng Xã hội Pháp, và sau đó từ tháng 12/1920 cho Đảng Cộng sản Pháp".

Trong 100 năm (1904 - 2004) trên báo *L' Humanité*, về vấn đề thuộc địa, Bác đã "đóng góp trên dưới 100 bài viết. Có những bài đã công bố (đầy đủ, có thể đã bị cắt, xén, thêm bớt...)" nhưng còn "không ít bài, do nhiều lý do, mà chưa đến được các nhà nghiên cứu, bạn đọc Việt Nam và bạn bè thế giới".

Được sự đồng ý, hơn cả đồng ý, mà là hoan nghênh của TS. Alain Ruscio, người bạn, người đồng nghiệp, đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp, chúng tôi xin "thống kê" những bài viết của Bác Hồ trên tờ *L' Humanité* từ năm 1919 đến 1955 để bạn đọc tham khảo.

(*) Tiến sĩ sử học



Cuốn sách "Vấn đề thuộc địa trên báo L'Humanité 1904 - 2004"
(La Question coloniale dans, "L'Humanité", 1904 - 2004)
do Nhà xuất bản La Dispute phát hành



TS. Alain Ruscio trò chuyện với các nhà báo trẻ

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
1.	Nguyễn Ái Quốc (NAQ)	Ở Đông Dương, vấn đề bản xứ	02/8/1919[1]	x	
2.	NAQ	Phát biểu tham luận Đại hội Tours	27/12/1920	x	
3.	NAQ	Tham luận ở Liên đoàn Seine	12/12/1921		0
4.	NAQ	Tham luận tại Đại hội Marseille	30/12/1921		0
5.	Hoang man (NAQ)	Lòng trung thành Annammít	18/5/1922		
6.	NAQ	Vài suy nghĩ về vấn đề thuộc địa	25/5/1922		0
7.	NAQ	Paris: Thư gửi cô em họ	30/5/1922	x	
8.	NAQ	Paris: Thư gửi cô em họ	31/5/1922	x	
9.	NAQ	Bình đẳng	01/6/1922	x	
10.	NAQ	Ở Annan, những kẻ văn minh	22/6/1922		0
11.	NAQ	Lời than vãn của bà Trưng Trắc	24/6/1922	x	

---

[1] Trong Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 1, 1995, dịch nhan đề bài viết này là Vấn đề dân bản xứ. Trước bài này *Toàn tập, tập 1* còn có bài *Tâm địa thực dân* nhưng không chú thích Bác viết vào thời gian nào, đăng báo nào.

Cũng trong *Toàn tập tập 1* này công bố bài: *Ở Đông Dương* với chú thích báo *L' Humanité* ngày 04/11/1920, nhưng trong công trình của TS, A. Ruscio báo *L' Humanité* ngày 04/01/1920 không có bài báo này (xin chú ý, chúng tôi chỉ thống kê những bài Bác viết trên *L' Humanité* không đề cập các báo khác ở Pháp, Nga, Trung Quốc).

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
12.	NAQ	Con người biết mùi hun khói	30/7/1922	x	
13.	NAQ	An Nam	03/8/1922		0
14.	NAQ	Dưới sự bảo hộ của...	17/8/1922		0
15.	NAQ	Một câu hỏi	17/8/1922		0
16.	Spartacus[1] (NAQ)	Ở Viễn Đông: Chính quyền Đông Dương và sự hằn thù chủ nghĩa Bônsêvích	24/8/1922		0
17.	Spartacus (NAQ)	Ở Viễn Đông - một láng giềng tốt: Chính quyền Đông Dương	07/9/1922		0
18.	NAQ	Ở Viễn Đông - Thêm một xicăngđan lớn. Một người An Nam than phiền..., nhưng anh ta muốn gì?	14/9/1922		0
19.	NAQ	Phòng kiểm duyệt ở Đông Dương	28/9/1922	x	
20.	NAQ	Tham luận tại Đại hội toàn quốc lần thứ 2 Đảng Cộng sản Pháp, Lyon	17/10/1922		0
21.	NAQ	Sự chăm sóc ân cần	02/11/1922	x	
22.	NAQ	Những quan tòa thuộc địa tốt bụng của chúng ta	04/12/1922	x	
23.	NAQ	Diễn đàn của các thuộc địa	08/01/1923		0
24.	NAQ	Nam Kỳ: thêm một tên văn minh giết người	29/01/1923		0
25.	NAQ	Đông Dương từ vụ bê bối này đến vụ bê bối khác	05/02/1923	x	

---

[1] Spartacus, lãnh tụ nô lệ, khởi nghĩa chống lại La Mã, bị giết vào năm 7 TCN sau 2 năm lãnh đạo hơn 100 năm nô lệ chiến đấu.

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
26.	NAQ	Một bài diễn văn của ngài Merlin[1]	05/02/1923		0
27.	NAQ	Vực thẳm thuộc địa[2]	12/02/1923	x	
28.	NAQ	Bắc Kỳ - Tự do báo chí	12/02/1923	x	
29.	NAQ	Những bức thư gửi cô em họ vi hành	19/02/1923	x	
30.	NAQ	Cuộc bạo động ở Dahomey	18/3/1923		
31.	NAQ	Không phải chủ nghĩa quân phiệt đâu, nhưng...[3]	28/9/1923	x	
32.	Anon[4]	Hậu quả của chủ nghĩa thực dân. Ngài Merlin nhúng tay vào việc khai thác Đông Dương, nạn nhân của một cuộc mưu sát	21/6/1924		0
33.	Anon	Ở Đông Dương người bản xứ bị	18/7/1924		0
34.	Anon	Thư An Nam	01/12/1924		0
35.	Anon	Việc bãi bỏ báo Le "*Nha que*"[5]	31/01/1927		0

---

(1) Merlin (Méclanh), Toàn quyền Đông Dương, nguyên văn bài này là Un Discours de M. Merlin. *Toàn tập tập 1* có bài *Chế độ thực dân*, chú thích báo *L' Humanité*, ngày 05/02/1923, nhưng trong sách của TS. A. Ruscio không thấy đề cập.

(2) *Toàn tập, tập 1*, chú thích ngày 09/01/1923.

(3) Nguyên văn tiếng Pháp là *La révolte du Dahomey*, chúng tôi nghĩ rằng dịch "bạo động" e chưa phù hợp với ý của tác giả?

(4) Tiếng Pháp "*Â non*" là con lừa con. Không rõ còn có ý nghĩa gì. TS. A. Ruscio không chú thích là của Nguyễn Ái Quốc. Nhưng qua nội dung, chúng tôi cứ tạm xếp là của Nguyễn Ái Quốc, chờ bản chính thức toàn văn mà TS. A. Ruscio sẽ gửi cho sau.

(5) Báo *Le Nha que* diễn đàn của thanh niên do Nguyễn Khánh Toàn chủ trương, ra số đầu tiên và chỉ được 1 số vào ngày 11/12/1926, sau đó bị đình bản, Nguyễn Khánh Toàn bị bắt, rồi trốn sang Pháp.

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
36.	Hồ Chí Minh	Thư gửi Tổng thống Pháp Truman, Staline và Attlee[1]	27/10/1945	x	
37.	Hồ Chí Minh	Nhật, Anh, Pháp xâm hại chống người An Nam	27/10/1945		0
38.	Hồ Chí Minh	Đáng lẽ phải giải giáp quân Nhật... xe tăng và đại bác Anh, Pháp lại bắn vào dân Đông Dương	28/10/1945		0
39.	Hồ Chí Minh	Chính sách cường bạo ở Đông Dương chống lại Paris, Washington và Trùng Khánh	30/10/1945		0
40.	Hồ Chí Minh	Chính sách phản động chống lại Pháp và đồng minh của Pháp	01/11/1945		0
41.	Hồ Chí Minh	Lính Nhật làm quân xung kích cho quân Anh, Pháp ở Đông Dương	02/11/1945		0
42.	Hồ Chí Minh	Phản đối chính sách "bình định" ở Đông Dương	04/11/1945		0
43.	Hồ Chí Minh	Ở Đông Dương người ta theo đuổi một chính sách tai hại, phản dân chủ	09/11/1945		0
44.	Hồ Chí Minh	Diễn văn tại Lễ kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (02/9/1946) tại Paris	04/9/1946	x	
45.	Hồ Chí Minh	Ai muốn từ chối Việt Nam?	07/9/1946		0
46.	Hồ Chí Minh	Những vụ bắt bớ tai tiếng các viên chức cao cấp Việt Nam ở Nam Kỳ	10/9/1946		0

---

[1] Trong *Toàn tập, tập 1*, thư này được gửi ngày 17/6/1945.

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
47.	Hồ Chí Minh	Thương lượng Việt - Pháp bị đổ vỡ	11/9/1946		0
48.	Hồ Chí Minh	Tuyên bố	14/9/1946		0
49.	Hồ Chí Minh	Tuyên bố	23/11/1946		0
50.	Hồ Chí Minh	Hải Phòng đã trở lại yên tĩnh	24/11/1946		0
51.	Hồ Chí Minh	Những vụ rắc rối ở Hải Phòng và Lạng Sơn là những hậu quả tuyệt vọng của việc vi phạm Hiệp định 6-3	26/11/1946		0
52.	Hồ Chí Minh	Về những vụ gây rối ở Việt Nam. Không! Vẫn còn môi trường để thương lượng	28/11/1946		0
53.	Hồ Chí Minh	Ai được lợi khi liên tiếp gây rối giữa Pháp và Việt Nam	30/11/1946		0
54.	Hồ Chí Minh	Với nước Pháp dân chủ và với Việt Nam giai đoạn thương lượng chưa hết	02/12/1946		0
55.	Hồ Chí Minh	Những vụ gây rối ở Việt Nam. Phương pháp tối hậu thư không phải là phương pháp tốt	03/12/1946		0
56.	Hồ Chí Minh	Những vụ gây rối ở Việt Nam. Đi tới sự thất bại của chính sách tối hậu thư	04/12/1946		0
57.	Hồ Chí Minh	Cần phải chấm dứt cái gọi là "chiến tranh cân não" chống lại người Việt Nam	05/12/1946		0

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
58.	Hồ Chí Minh	Một tuyên bố lạ kỳ của Đô đốc Th. D'Argenlieu về những sự kiện ở Việt Nam	06/12/1946		0
59.	Hồ Chí Minh	Chủ nghĩa chia rẽ ở Đông Dương không có nền tảng nào trong dân chúng	07/12/1946		0
60.	Hồ Chí Minh	Hãy dừng ngay lại những vụ khiêu khích ở Việt Nam. Các cuộc thương lượng phải dừng lại	08/12/1946		0
61.	Hồ Chí Minh	Nhà chức trách Việt Nam không có trách nhiệm trong những vụ việc sẽ còn xảy ra	10/12/1946		0
62.	Hồ Chí Minh	Thư phản kháng	10/12/1946		0
63.	Hồ Chí Minh	Ai ngăn cản Chính phủ Pháp nối lại thương lượng?	11/12/1946		0
64.	Hồ Chí Minh	Cả nước Pháp, cả Việt Nam đều không muốn chiến tranh	12/12/1946		0
65.	Hồ Chí Minh	Vẫn còn có thể có được một nền hòa bình công minh chính trực (Thư gửi Đại tướng Leclerc)	04/01/1947		0
66.	Hồ Chí Minh	Tuyên bố	16/5/1947		0
67.	Hồ Chí Minh	Theo dấu chân của D'Argenlieu	24/5/1947		0
68.	Hồ Chí Minh	Người ta muốn hay không hòa bình ở Việt Nam	27/5/1947		0

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
69.	Hồ Chí Minh	Tuyên bố	11/6/1947		0
70.	Hồ Chí Minh	Điều kiện của một nền hòa bình chính nghĩa	30/9/1947		0
71.	Hồ Chí Minh	Những chiến dịch ở Bắc Kỳ tất phải thất bại	10/10/1947		0
72.	Hồ Chí Minh	Máu Pháp và Việt chảy tràn ở Bắc Kỳ	11/10/1947		0
73.	Hồ Chí Minh	Washington áp đặt chính sách cho nước Pháp ở Việt Nam	24/12/1947		0
74.	Hồ Chí Minh	Hòa bình có thể lập tức có ở Việt Nam (Tuyên bố với Léo Figuères)	22/10/1950		0
75.	Hồ Chí Minh	Cuộc kháng chiến cứu nước đã giành được thắng lợi lớn	20/8/1951		0
76.	Hồ Chí Minh	Thư gửi nhân dân Việt Nam[1]	15/12/1953	x	
77.	Hồ Chí Minh	Chúng tôi sẵn sàng thương lượng với nước Pháp	10/5/1954		0
78.	Hồ Chí Minh	Trả lời phỏng vấn[2]	31/5/1954	x	

---

(1) Có thể là *Lời kêu gọi nhân kỷ niệm 07 năm ngày Toàn quốc kháng chiến*, Toàn tập, tập 7, tr. 280.

(2) Có thể là *Trả lời những câu hỏi của hãng Thông tấn Nam Dương Antara*, Toàn tập, tập 7, tr. 280.

(Sở dĩ nói "có thể" vì còn phải chờ toàn văn nội dung bài viết của Bác để đối chiếu. Theo thống kê này của TS. A. Ruscio còn trên dưới 80 bài trong tổng số 113 bài chưa có trong *Toàn tập*, bộ mới, năm 1995).

TT	Bút danh	Nhan đề bài viết	Đăng trên L'Humanité	Trong Hồ Chí Minh toàn tập	
				Có	Chưa
79.	Hồ Chí Minh	Phải thực hiện hòa bình và thống nhất nước nhà	26/7/1954		0
80.	Hồ Chí Minh	Những cố gắng của nhân dân Pháp đã đóng góp một phần lớn ngăn chặn chiến tranh ở Đông Dương	10/8/1954		0
81.	Hồ Chí Minh	Thư	02/9/1954		0
82.	Hồ Chí Minh	Những mối quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	10/11/1954		0
83.	Hồ Chí Minh	Tôn trọng Hiệp định Genève ở hòa bình và thống nhất của Việt Nam	03/01/1955		0
84.	Hồ Chí Minh	Cần có một cuộc họp tư vấn giữa đại biểu hai miền Nam - Bắc	11/8/1955		0
85.	Hồ Chí Minh	Chúng tôi tin rằng, chúng tôi có thể thành lập các mối quan hệ rất chặt chẽ về kinh tế và văn hóa với nước Pháp	03/9/1955		0

Năm 2007, TS. A. Ruscio, Chủ tịch Trung tâm tư liệu và hồ sơ về nước Việt Nam thời kỳ cận hiện đại (viết tắt là *CID Vietnam*), có gửi cho tôi cuốn *Báo L' Humanité* và *Đông Dương thuộc địa (1904 - 1954)*. Hồ sơ của C.I.D, do TS. A. Ruscio biên soạn.

Trong "Hồ sơ" này lại phát hiện và giới thiệu thêm một số bài viết của Nguyễn Ái Quốc.

1. Một bài diễn văn của M. Merlin, ngày 05/02/1923.

2. Đại hội đoàn kết của thợ thuyền vùng Paris, Nghị quyết ủng hộ nhân dân Đông Dương, ngày 12/11/1945.

3. Chính sách tàn bạo ở Đông Dương, Xe tăng Pháp, pháo binh Anh chống người An Nam, ngày 12/11/1945.

4. Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam, ngày 15/10/1946.

5. Phải hồi hương những người Việt Nam ở Tân Calédonie, ngày 30/101946.

6. Hành động chuyên chế chống lại những người dân chủ Pháp ở Sài Gòn, ngày 31/10/1946.

7. Sự kiện Hải Phòng, ngày 23/11/1946.

8. Vi phạm hiệp định là nguồn gốc gây ra sự kiện Hải Phòng, ngày 27/11/1946.

9. Tôi vẫn còn sống và vẫn khỏe, ngày 02/4/1947.

10. Một Bộ trưởng Mussolini đang phục vụ trong quân đội Pháp chống lại Việt Nam, ngày 12/6/1947.

11. Mối nguy hiểm của sự can thiệp của Mỹ vào các vấn đề Pháp - Việt, ngày 18/6/1947.

12. Sau Nam Dương, sự sụp đổ của Mỹ vào Đông Dương, 02/7/1947.

13. Người ta có hay không tôn trọng Hiệp định 6 - 3?

14. Hòa bình ở châu Á và trên thế giới, ngày 09/7/1954.

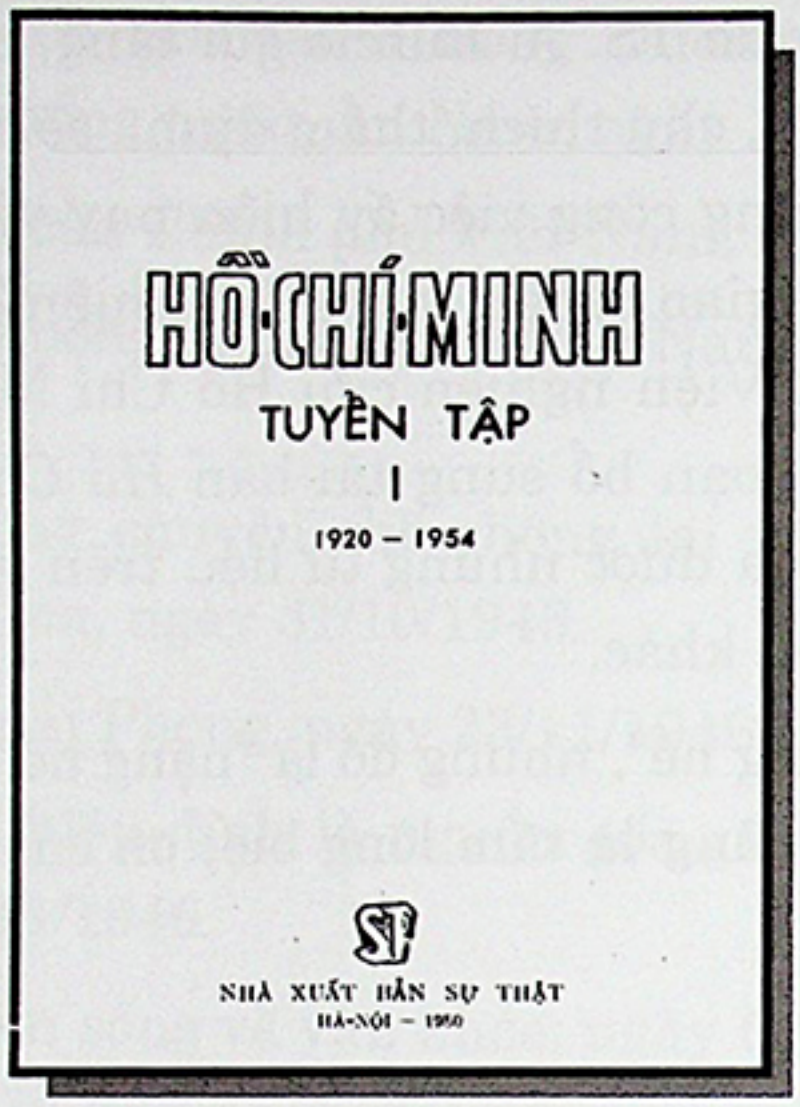
Như vậy với 85 bài trong danh sách cũ nay thêm 14 bài, tổng số bài cho đến nay biết được là 99.

Những bài mới này, nếu muốn có toàn văn, phải yêu cầu TS. A. Ruscio chính thức cung cấp.

Cùng với lòng cảm ơn TS. A. Ruscio đã làm thay chúng ta trong việc sưu tầm này, chúng ta lại nghĩ tới trách nhiệm phải tiếp tục khai thác ở các báo khác ở Pháp, Nga, Trung Quốc, Áo Môn, Hong Kong..., và khi chúng ta có được toàn văn

các bài viết này do TS. A. Ruscio gửi tặng, một công việc xác minh, dịch thuật, chú thích, thẩm định.. sẽ còn rất nhiều việc phải làm... Những công việc ấy hiện nay và sau này đòi hỏi phải thành lập (giao nhiệm vụ? kiêm nhiệm? riêng biệt?) một trung tâm, một Viện nghiên cứu Hồ Chí Minh... Trước mắt Hội đồng Biên soạn bổ sung tái bản *Hồ Chí Minh toàn tập* không thể bỏ qua được những tư liệu trên và hy vọng còn có bao nhiêu tư liệu khác.

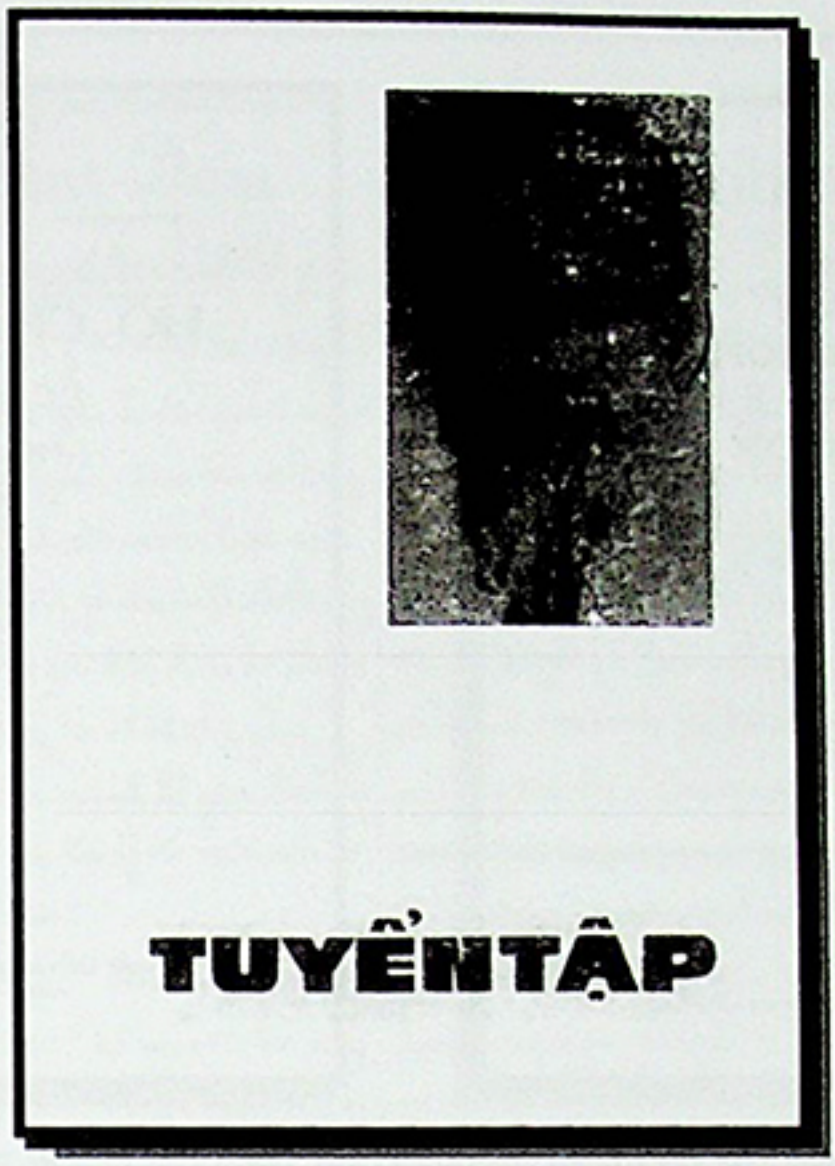
Tuy sẽ "nặng nề", nhưng đó là "nặng nề" trong phấn khởi, hạnh phúc. Và cũng là tấm lòng biết ơn của chúng ta đối với Bác Hồ.



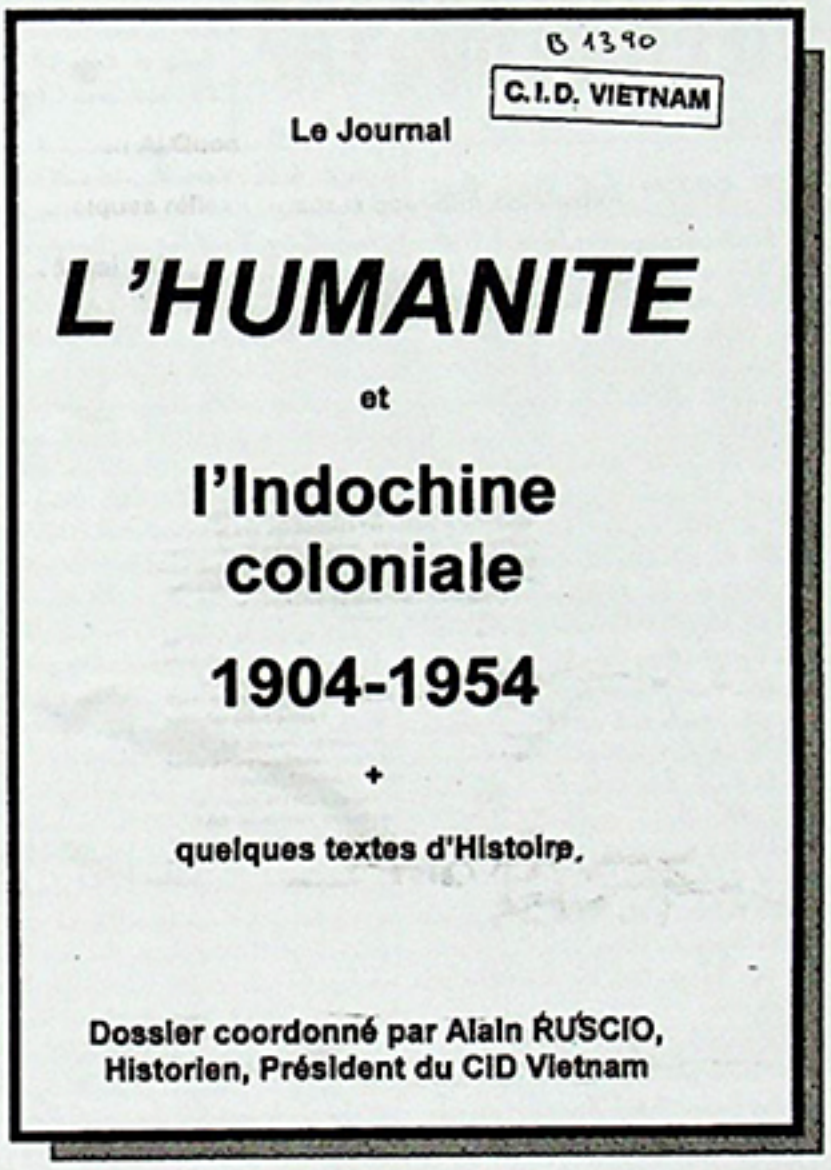
Sách: Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, tập I



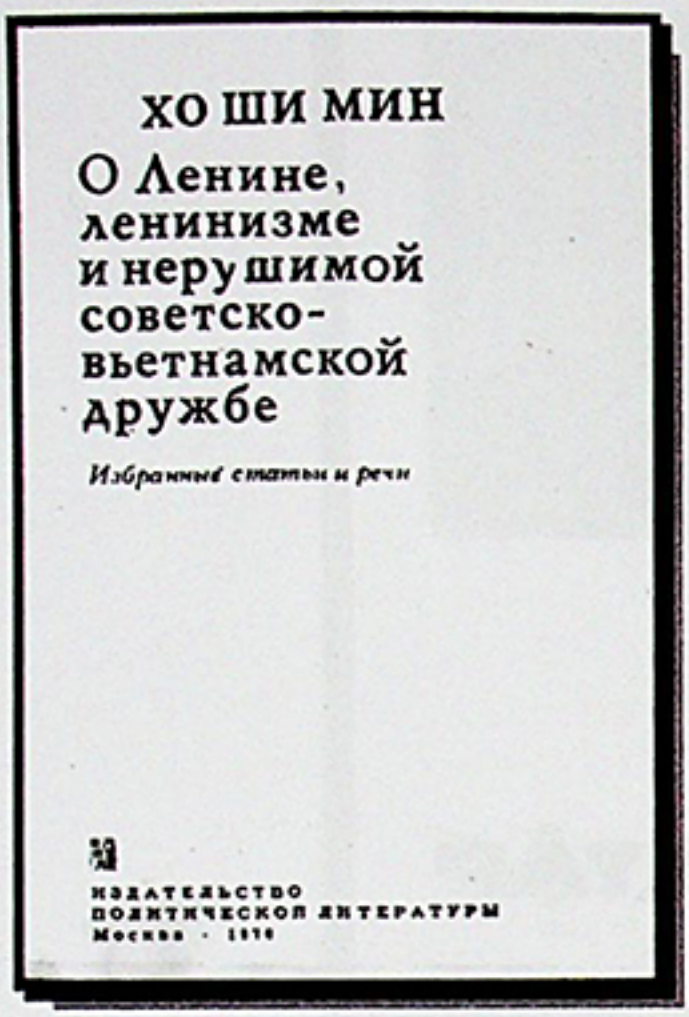
Sách: Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, tập II



Sách: Hồ Chí Minh tuyển tập



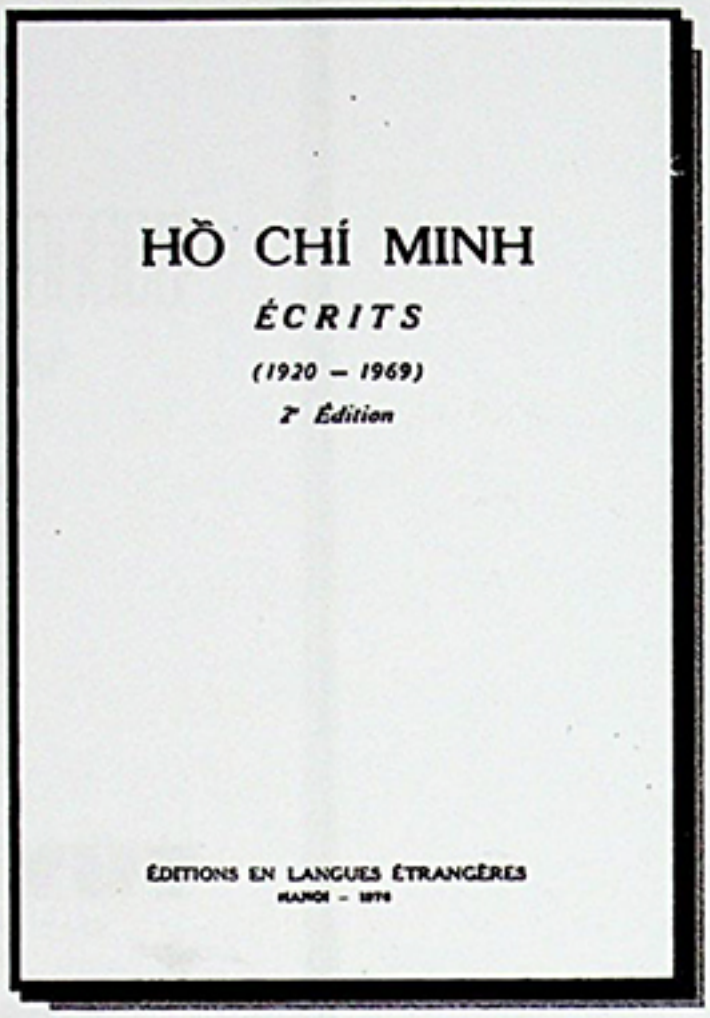
Sách: "*Báo L' Humanité* và Đông Dương thuộc địa 1904 - 1954, một số bài báo lịch sử", Hồ sơ do TS. A. Rusio tập hợp


ХО ШИ МИН

О Ленине, ленинизме и нерушимой советско-вьетнамской дружбе

Избранные статьи и речи

ИЗДАТЕЛЬСТВО ПОЛИТИЧЕСКОЙ ЛИТЕРАТУРЫ
Москва · 1976


HỒ CHÍ MINH

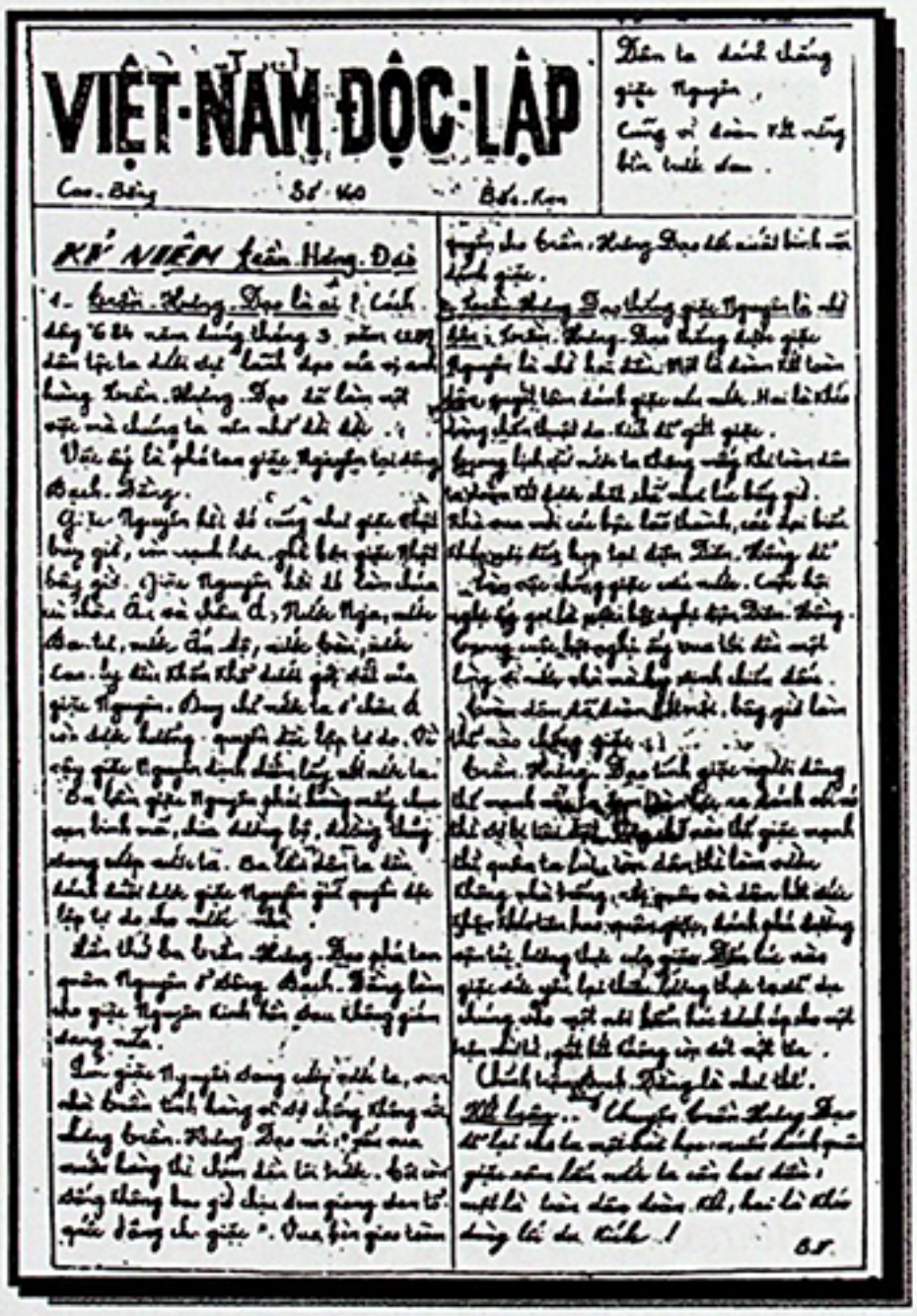
ÉCRITS

(1920 – 1969)

2e Édition

ÉDITIONS EN LANGUES ÉTRANGÈRES
HANOI – 1976

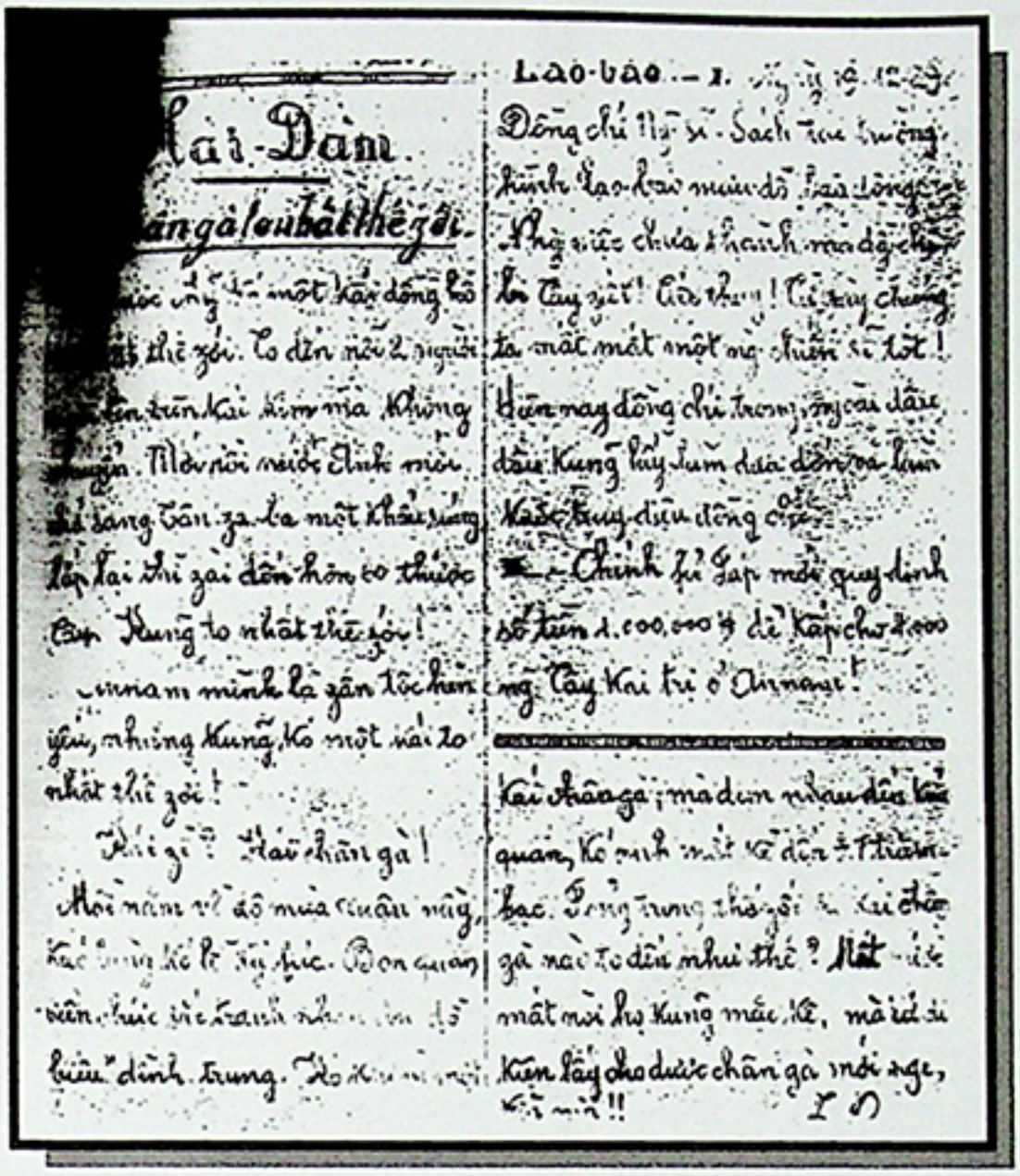
Sách của Hồ Chí Minh xuất bản tại nước ngoài


VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP

Cao-Bằng Số 140 Bắc-Kạn

KỈ NIỆM Trần Hưng Đạo

Tờ báo "*Việt Nam độc lập*", Bắc Kạn, Cao Bằng



Lao-bảo. — 1.

Đông chú Hạ-sĩ. Sách tàu thường
kinh Lao-bảo mua đồ hai lòng gà.
Nhà nước chưa thành ra dặng chợ
lớn Tây gì! Của thường! Của này chúng
ta mất mát một ng khuân sĩ tốt!
Hôm nay đồng chú trong mỹ coi dâu
dâu. Kung hủy lum dai dòn ra lum
Xuất Kung diu đồng ơi.

— Chính sở Gạp mới quy định
số tiền 1.000.000 $ để Kapichơ 1.000
ng Tây Kai trí ở Dinnanh.

Kai khâaga; mà dem nhau đâu kẻ
quan, kẻ mình mặt về đến Thành-
bạc. Đông trung thì gọi là Kai thì
gà nào to đến như thế? Mặt-tê
mất mới hụ Kung mắc kẻ, mà id đi
kiếm lấy cho được chân gà mới nge,
cái mũ!!

Báo "*Thân Ái*", ngày 19/12/1929



20 Centimes — l'Humanité — 20 Centimes

ORGANE CENTRAL DU PARTI COMMUNISTE (S. F. I. C.)

Fondateur : JEAN JAURÈS

" l'Humanité " publie aux listes

M. de Kergolay

Báo L' Humanité (Nhân Đạo) số tháng 01/1924, người sáng lập Jean Jaurès
cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp,
giá 20 xu, đã đăng nhiều bài của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

Nguyen Al Quoc

Quelques réflexions sur la question coloniale

25 mai 1922

Depuis que le Parti Français a accepté les « vingt et une conditions » * et adhéré à la 3e Internationale, il s'est imposé, entre autres devoirs une tâche particulièrement délicate : la politique coloniale. Il ne peut, comme les 1re et 2e Internationales, se contenter de manifestations purement sentimentales et sans suites ; mais il doit avoir un plan d'action précis, une politique effective et réaliste.

Sur cette question, plus que sur d'autres, le Parti se heurte à des difficultés nombreuses dont voici les principales :

1. *La grande étendue des colonies* — Sans compter les nouveaux « territoires des mandats » acquis depuis la guerre, la France possède :

En Asie, 450.000 kilomètres carrés ; en Afrique 3.341.000 kilomètres carrés ; en Amérique, 105.000 kilomètres carrés ; en Océanie 216.000 kilomètres carrés. Soit 4.120.000 kilomètres carrés (presque 8 fois sa superficie) et une population de 48.000.000 d'habitants. Ces populations parlent plus de vingt langues différentes. Cette diversité de dialectes n'est pas pour faciliter la propagande, car, exception faite de quelques vieilles colonies, un propagandiste français ne peut se faire comprendre de la masse indigène qu'avec l'intermédiaire d'un traducteur. Or, la traduction ne vaut que ce qu'elle vaut, et, dans ces pays d'arbitraire administratif, il est assez difficile de trouver un interprète pour traduire les paroles révolutionnaires.

Il y a aussi d'autres inconvénients. Bien que les indigènes de toutes les colonies soient pareillement opprimés et exploités, leur évolution intellectuelle, économique et politique d'une contrée à l'autre diffère grandement. Entre l'Annam et le Congo, la Martinique ou la Nouvelle Calédonie, il n'y a absolument rien d'analogue, excepté la misère.

2. *L'indifférence du prolétariat métropolitain à l'égard des colonies* — Dans ses thèses sur la question coloniale *, Lénine a nettement déclaré que l'obligation de prêter l'assistance la plus active aux mouvements libérateurs des pays assujettis incombe aux ouvriers du pays colonisateur. Pour cela, il faut que l'ouvrier de la métropole sache bien ce que c'est que la colonie, qu'il soit au courant de ce qui s'y passe, de la souffrance — mille fois plus douloureuse que la sienne — qu'endurent ses frères, les prolétaires des colonies. Il faut, en un mot, qu'il s'intéresse à cette question.

Malheureusement, nombreux sont encore les militants qui croient qu'une colonie n'est autre chose qu'un pays plein de sable en bas et de soleil en haut ; quelques cocotiers verts et quelques hommes de couleur, c'est tout. Et ils s'en désintéressent complètement.

3. *L'ignorance de l'indigène* — Dans tous les pays colonisés, aussi bien dans la vieille Indochine que dans le jeune Dahomey, on ne comprend pas ce que c'est que la lutte de classes, la force prolétarienne, pour la simple raison qu'il n'y a pas de grande exploitation commerciale ou industrielle, ni d'organisation ouvrière. Aux yeux des indigènes, le bolchevisme — le mot est plus caractérisé et plus expressif, parce que plus souvent employé par la bourgeoisie — signifie ou la destruction de tout, ou l'émancipation du joug étranger. Le premier sens donné à ce mot éloigne de nous la masse ignorante et peureuse ; le second le ramène au nationalisme. L'un est aussi dangereux que l'autre. Une petite élite seulement de la population comprend ce que veut dire le communisme. Mais cette élite, appartenant à la bourgeoisie autochtone et pilier de la bourgeoisie coloniale, n'a aucun intérêt à ce que la doctrine communiste soit comprise et répandue. Au contraire, comme le chien de la fable, elle préfère porter la marque du collier et avoir son morceau d'os. En général, la masse est foncièrement révoltée, mais profondément ignorante. Elle veut s'affranchir, mais elle ne sait que faire pour atteindre ce but.

4. *Les préjugés* — De l'ignorance mutuelle des deux prolétariats sont nés les préjugés. Pour l'ouvrier français, l'indigène est un être inférieur, négligeable, incapable de comprendre et encore moins d'agir. Pour l'indigène, les Français — quels qu'ils soient — sont tous de méchants exploiteurs. L'impérialisme et le capitalisme ne manquent pas de profiter de cette méfiance réciproque et de cette hiérarchie artificielle de races pour empêcher la propagande et pour diviser les forces qui doivent s'unir.

5. *La férocité des répressions* — Si les colonisateurs français sont maladroits dans le développement des richesses coloniales, ils passent pour être maîtres dans l'art de la répression sauvage et dans la fabrication du loyalisme commandé. Les Gandhi et les de Valera * auraient depuis longtemps été dans le ciel s'ils étaient nés dans une des colonies françaises. Entouré de tous les raffinements des cours martiales et des tribunaux d'exception, un militant indigène ne peut faire l'éducation de ses frères opprimés et ignorants sans risquer de tomber dans les serres de ses civilisateurs.

Devant ces difficultés, que doit faire le Parti ? Intensifier sa propagande pour les vaincre.

Nguyên văn bài viết tiếng Pháp của Nguyễn Ái Quốc nhan đề tiếng Pháp dịch ra tiếng Việt là "*Mấy suy nghĩ về vấn đề thuộc địa*" đăng trên Tờ Báo *L' Humanité* số ngày 25/5/1922 (Tài liệu do TS. A. Ruscio cung cấp)

Le Numéro : VINGT-CINQ centimes

ADMINISTRATION
[illegible]
PARIS (6e)

le Paria

Tribune du Prolétariat Colonial

Paraissant occasionnellement

Abonnement, Un an : 3 francs

Faillite Parlementaire et Coloniales

[illegible]

Les Impérialismes complices

[illegible]

Pour les Soldats Coloniaux

[illegible]

TÊTES À GIFFLES

Le colonel Fabry, ministre

[illegible]

Que fait l'Algérie ?

[illegible]

Le Sultan du Maroc à Paris

[illegible]

Notre double numéro

[illegible]

Indochine et Pacifique

L'Exploitation intensifiée des Annamites

[illegible]

EN TUNISIE

Une manifestation indigène

[illegible]

Lyautey demeure

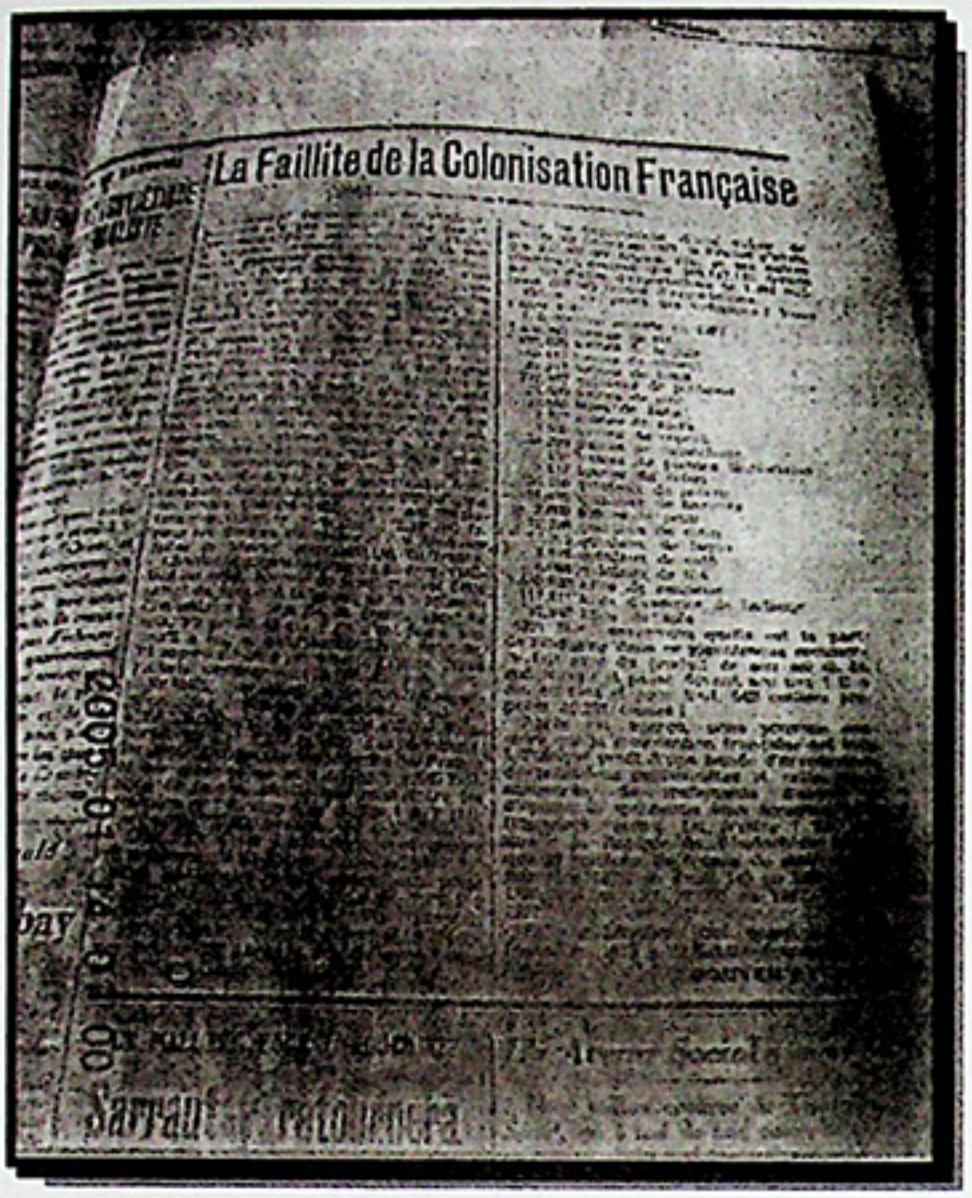
[illegible]

L'Intérim du Commissariat Général

[illegible]



Báo *Le Paria* (Người cùng khổ)
đăng bài "*Đông Dương và Thái Bình Dương*" của Nguyễn Ái Quốc


La Faillite de la Colonisation Française


Premiere Année — N° 2 — Le Numéro : VINGT-CINQ centimes — Lundi 1er Mai 1922

le Paria 勞働報

TRIBUNE DES POPULATIONS DES COLONIES

Abonnement. Un an : 3 francs

Des Droits politiques pour les Indigènes

ZOOLOGIE

Báo *Người cùng khổ* — Số 2 Ra ngày 1 tháng năm 1922.

Báo *Le Paria* (Người cùng khổ), số 2 - ra ngày 01/5/1922
có bài "*Động vật học*" của Nguyễn Ái Quốc



La Vie Ouvrière

VIVE LA COMMUNE !

PENDANT ET APRÈS LA SEMAINE SANGLANTE

CRIME AU SERVICE DE L' « ORDRE »

« L'Émeute se relèvera

Báo *La Vie Ouvrièr* (Đời sống công nhân)



LA CORRESPONDANCE INTERNATIONALE

Inédit. Prière de reproduire

Báo "Thư tín" quốc tế số 19, năm thứ 2, ra ngày 14/3/1925 đăng bài "*Những vấn đề châu Á*" của Nguyễn Ái Quốc

Нюэп Ай-Как.

В гостях у коминтерщика.

Очерк *О. Мандельштама.*

— А как нравится в Нью-Кэтле знаменитый Гавэй? Не доехал ли наконец сэр Джон Ратленд?—спросил я Нюэп Ай-Как.

— Нет,—отвечал он собеседник.—Адмирал Джон, проведя, может быть, несколько дней в Гаванской промышленной зоне—чудесное место, где кубинцы занимаются в том, что делают в зоне все остальные,—отправился в Мексику, где, говорят, ему будет гораздо веселее.



Нюэп Ай-Как.

Нюэп-Ай-Как — единственный человек в Москве, который говорит на чистом английском языке. Он высок, худой и гибкий, с мягкой широкой улыбкой. Говорит по-французски, по-английски, по-французски свободно изучал тщательно и много, как приглашенный человек родной речи.

Нюэп-Ай-Как с отвращением произносит слово «американец». Он объехал почти всю капиталистическую часть земного шара, был в Японии и Австралии, Африке и Америке, но ни разу не назвал себя американцем. Он говорит: «Я из Нью-Йорка», «Я из Сан-Франциско», «Я из Чикаго», но никогда не говорит: «Я американец». Он не любит Америки, и, по-видимому, Америка платит ему тем же.

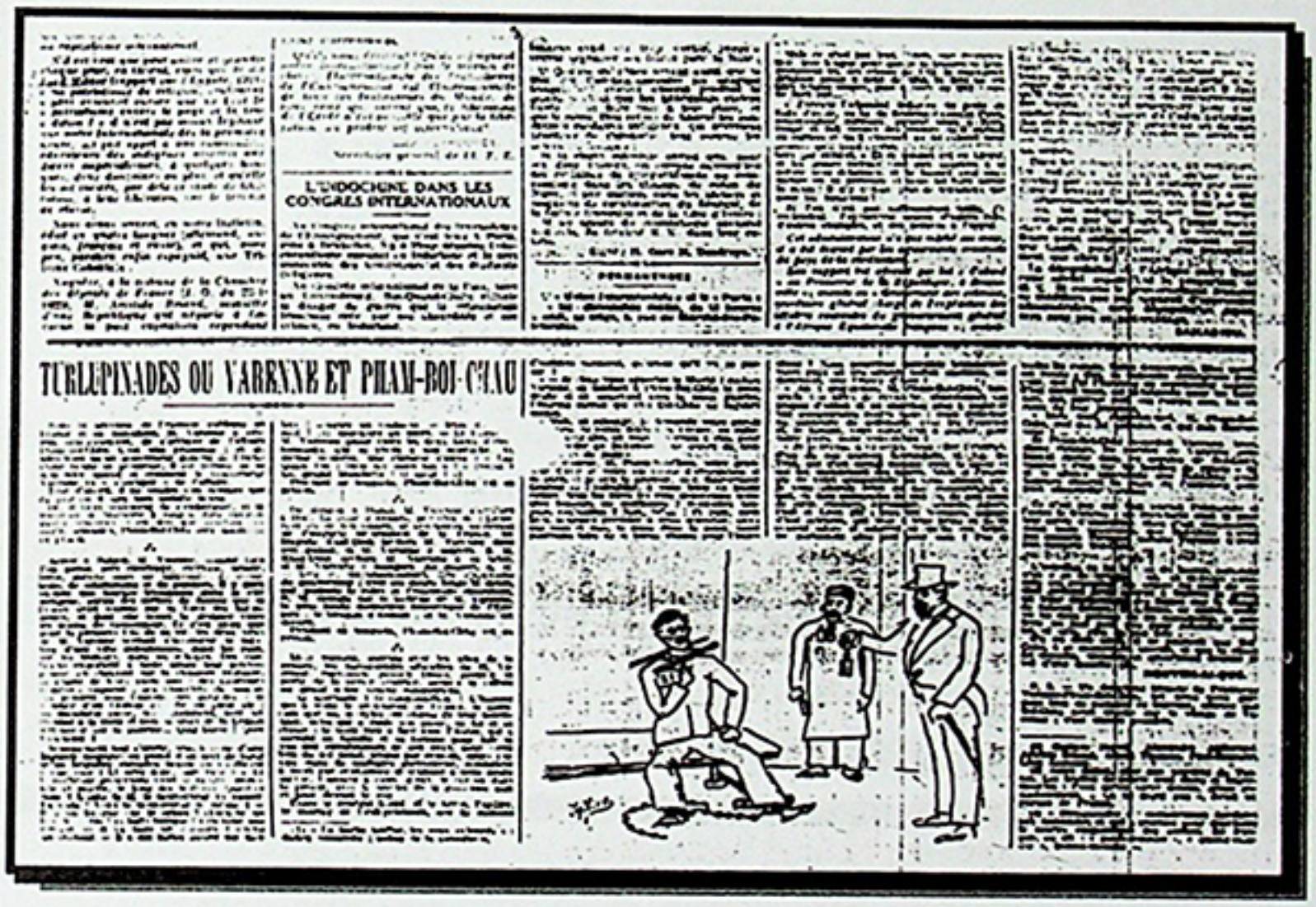


Н. Мостенко.

И мне захотелось познакомиться с французской коммунистической прессой, узнать, что говорится по этим вопросам. Но в туземных киосках французской периодики не оказалось. Он мне принес газеты и книги. Но в туземных киосках французской периодики не оказалось. Он мне принес газеты и книги. Не помню, что было раньше: Ленин или Рэд и Монтескье. Что было раньше? Я решил учиться. Ленин—французский. Нюэп-Ай-Как не только хорошо говорит по-английски, но и пишет. Я добрался до выборных, ну и учил. Мне было 19 лет. По-французски мы говорили. Курили обычные наши французские. Существует много французского старинного произношения по книгам Франсуа Вийона, Рабле и многих. Я добрался до Сорбонны, где читал Поль Буайе. Существует много французского старинного произношения по книгам Франсуа Вийона, Рабле и многих других



Báo *Le Paria* (Người cùng khổ), số 35, tháng 02/1925



Báo *Le Paria*, số 36 - 37, tháng 9-10/1925
(có bài viết của Nguyễn Ái Quốc)

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
TRUNG ƯƠNG
Ký hiệu: DA/33 .22.

Krieg.

schnittsfläche beträgt, 14.540 Hektar; seit Frankreich den „gerechten Krieg" gewonnen hat.

Gegenwärtig halten 1070 Franzosen 500.000 Hektar marokkanischen Boden in Händen.

Das Elend der eingebornen Bevölkerung ist geradezu fürchterlich. Sogar bei guter Ernte machen die Bauern den Inhalt der städtischen Müllgruben den Hunden streitig. Bleibt aber die Ernte aus, so bleichen die Gebeine der Bauern auf den Landstraßen und auf der Ebene.

In West- und Zentralafrika ist die Lage der Bauern noch schlimmer. Man expropriiert sie und zwingt sie, unentgeltlich für die Konzessionsgesellschaften zu arbeiten. Außer dem Zwangssystem ist auch das Bürgschaftssystem zu erwähnen. Diese Prozedur besteht darin, daß man Greise, Frauen und Kinder als Geisel in Haft nimmt. Sie werden in Baracken interniert, mißhandelt, gefoltert, dem Hunger preisgegeben, zuweilen sogar getötet. In gewissen Gebieten hält man ständig eine Anzahl Geisel gefangen, deren Zahl der Zahl der Arbeiter entspricht, damit diese an der Flucht gehindert werden. Wenn es den Eingebornen gelingt, in die Berge zu flüchten, so werden ihre Dörfer zerstört, ihre Häuser niedergebrannt und ihre Felder verwüstet. Dieses Sklavereisystem hat ganze Bezirke zugrunde gerichtet, entvölkert und vernichtet.

Es sei hinzugefügt, daß in gewissen Kolonien, wie zum Beispiel auf Madagaskar, La Reunion, Algier, die ganze einheimische Bevölkerung ausgehungert wurde, weil man die Getreidekultur durch andere Kulturen ersetzte, deren die französische Industrie mehr bedurfte und die infolgedessen für die Plantagenbesitzer einträglicher waren.

Es ist die Pflicht der Internationale, diesen unglücklichen Bauern bei ihrer Organisation beizustehen. Es ist ihre Pflicht, ihnen Führer zu geben. Es ist ihre Pflicht, ihnen den Weg zur Revolution und zur Befreiung zu weisen.

Nguyen-Ai-Quack (Indochina):

In den französischen Kolonien sind Industrie und Handel [illegible] wenig entwickelt. Von 38.371.000 Eingeborenen der Bevölkerung sind [illegible] Bauern. Sie werden auf das fürchterlichste ausgenutzt. Nehmen einige Beispiele:

In Indo-China wurden die Bauern nach der Eroberung durch den Krieg vertrieben. Als die Feindseligkeiten eingestellt waren, kehrten sie in ihre Dörfer zurück, doch nur, um ihren Boden mit Belegen von Konzessionären belegt zu finden, die der Regierung gedient hatten. Häufig erhielt man Konzessionen auf Gebiete, die von seit Jahrhunderten ansässigen Dorfbewohnern eingenommen und bebaut worden sind. Die annamitischen Bauern sahen sich auf diese Weise gezwungen, Leibeigene zu werden und ihre eigenen Felder unter neuen fremden Herren zu bebauen.

Die französischen Konzessionäre erhalten unentgeltlich nicht [illegible] und Boden, der über 20 bis 25 Tausend Hektar umfaßt, sondern auch alle möglichen Ausbeutungsvorrechte, wie zum Beispiel Arbeitskräfte aus den Dörfern. Neben der räuberischen Verwaltung steht die diebische Geistlichkeit. Durch Korruption, Betrug und Wucher hat die katholische Mission von Cochinchina sich ein Viertel der Anbaufläche dieser Kolonie angeeignet.

Nachdem die annamitischen Bauern auf diese Weise durch die weltlichen und geistlichen Beschützer ausgeraubt worden sind, läßt man ihnen nicht einmal das Recht, sich in Ruhe des Restes zu erfreuen, was ihren Peinigern übrig geblieben ist, zu erfreuen. Die Bodensteuern werden im Zeitraum weniger Jahre vervielfacht. Zudem nahm die Verwaltung, wenn sie Geld brauchte, ihre Zuflucht zu willkürlichen Bodenschätzungen, um die Steuern zu erhöhen, und die Annamiten sind gezwungen für nichtvorhandene Reichtümer zu zahlen. Abgesehen von der Enteignung und den harten und ungerechten Steuerlasten, werden die annamitischen Bauern auch noch mit Frondienst, individuellen Steuern, Salzsteuern, Zwangsanleihen, obligatorischen Stiftungen usw. belastet.

In Algier, Tunis und Marokko befolgte der französische Kapitalismus dieselbe Raub- und Plünderungspolitik. Man konfisziert alle brachbaren und bebaubaren Ländereien (Kolonisationsgebiete) und vertreibt die eingeborenen Bauern nach den Bergen oder auf die Hochebene. Die Konzessionsgesellschaften, Spekulanten und die Bank. Beamten teilen sich in den Kolonialbesitz. Mittels direkter oder indirekter Operationen hat die Bank von Tunis im Jahre 1914 mit einem Grundkapital von 25 Millionen Franken — 12.259.000 Franken Reingewinn erzielt.

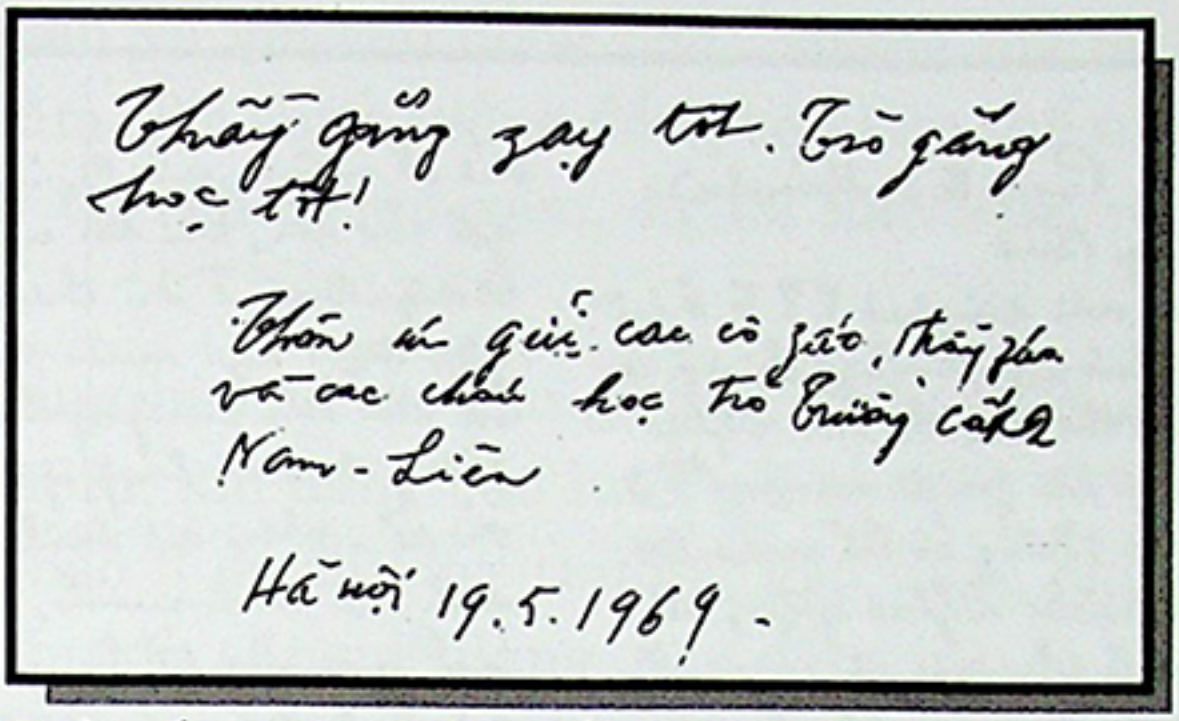
Die Franco-Algerische Gesellschaft besitzt 324 Tausend Hektar besten Ackerlandes, 50 Tausend Hektar Bergwerke, außerdem das Vorrecht auf ein Areal von 20 Millionen Hektar im Umkreis der Bergwerke usw.

Die französische Kolonisation hat das Kommunaleigentum vernichtet und durch das Privateigentum ersetzt. Dann schaffte sie den Kleinbesitz ab, um ihn in Konzessionsgroßbetrieb zu verwandeln. Den Eingeborenen sind 5 Millionen Hektar Bodenschätze abgenommen worden.

Im Laufe von 15 Jahren hat man den Bauern von Kabylien 100 Tausend Hektar abgenommen.

Seit dem Jahre 1913 werden den marokkanischen Bauern jährlich 12 Tausend Hektar Ackerland entzogen. Diese Durch-

Bản chụp bài viết của Nguyễn Ái Quốc,
trên *Tờ tin quốc tế*, năm 1924

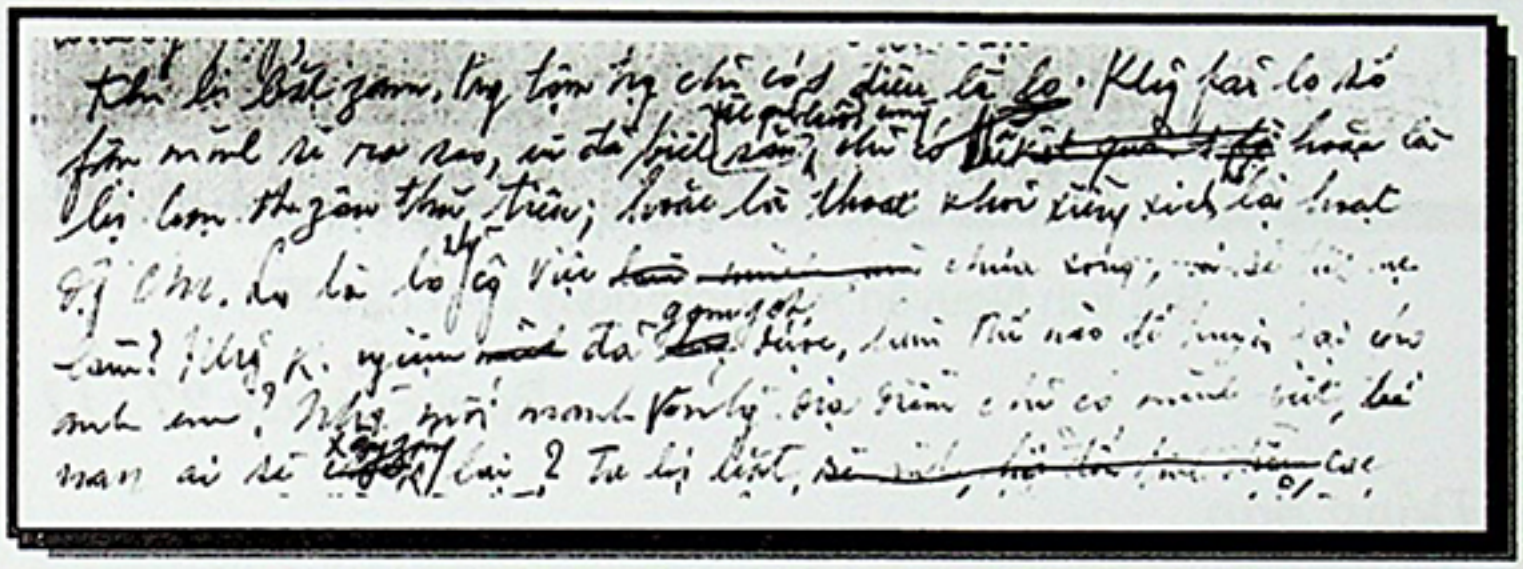


Thầy gắng dạy tốt. Trò gắng học tốt!

Thân ái gửi các cô giáo, thầy giáo và các cháu học trò Trường cấp II Nam - Liên

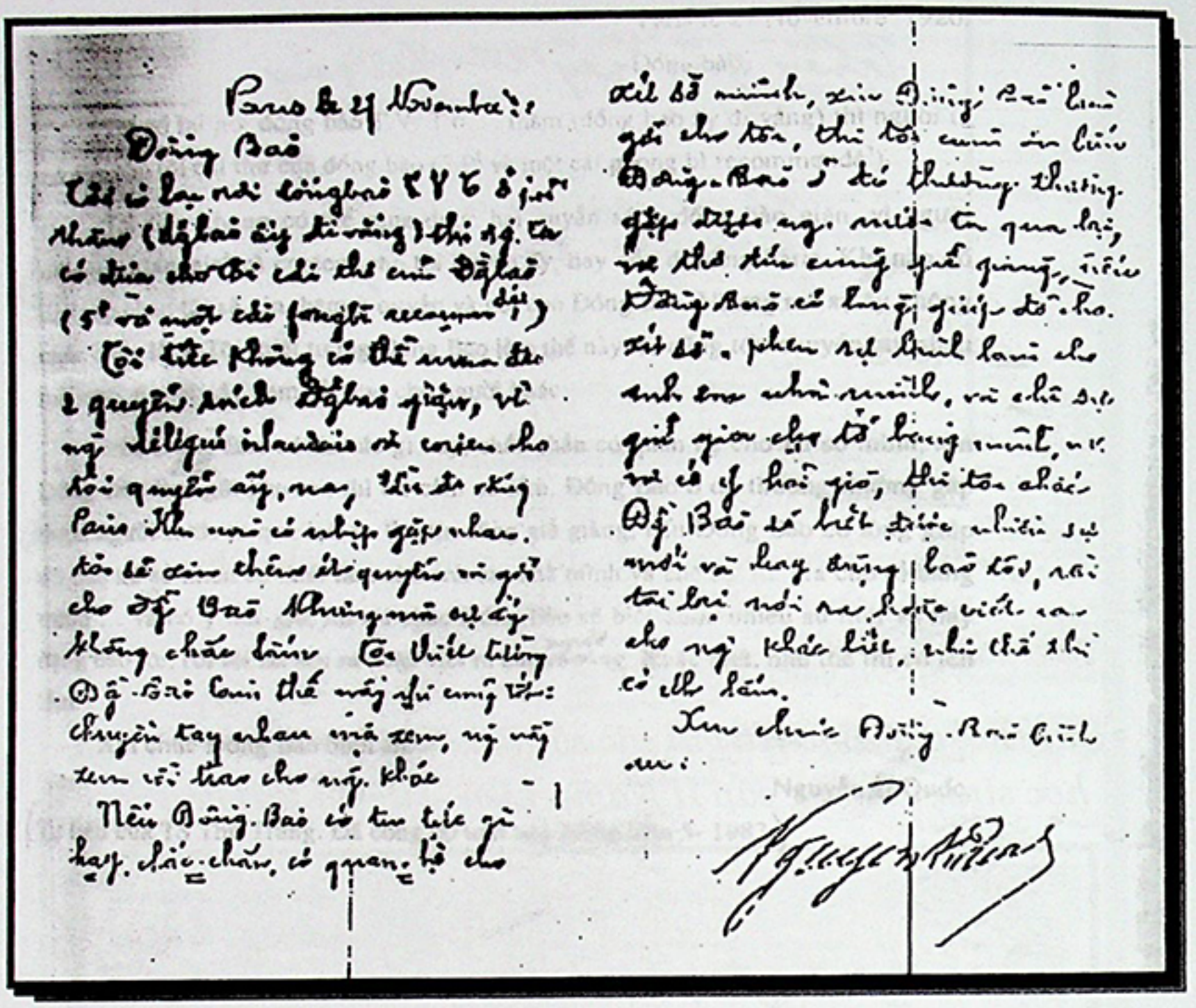
Hà Nội, ngày 19/5/1969

Bút tích của Bác Hồ gửi các cô giáo, thầy giáo và các cháu học sinh Trường cấp II Nam - Liên. Tư liệu Bộ Giáo dục



"Khi bị bắt giam, trong tình trạng chỉ có một điều là Lo, phải lo cho số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết kết quả cuối cùng chỉ có thể hoặc là sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu, hoặc là sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình làm chưa xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? Ít nhiều kinh nghiệm mình đã gom góp được, làm thế nào để truyền lại cho đồng chí khác? Những mối manh và những địa điểm chỉ có mình biết từ nay ai sẽ xây dựng lại".

Tâm tư của Nguyễn Ái Quốc khi bị bắt giam trong tù,
Trích bản thảo "Vừa đi đường vừa kể chuyện",
Bút danh T. Lan, năm 1961. Tư liệu của Bảo tàng Hồ Chí Minh.



Bút tích Nguyễn Ái Quốc, ngày 27/11/1920

Paris, ngày 27 / 11 / 1920

Đồng bào,

Tôi có lại nơi đồng bào T.V.T ở... thăm (đồng bào ấy đi vắng) thì người ta có đưa cho tôi cái thư của đồng bào (5 P[1] và một cái phong bì recommandé[2]).

Tôi tiếc không có thể mua được hai quyển sách đồng bào dặn, vì người delégué irdandais[3] và coréen[4] cho tôi quyển ấy, nay đều đi vắng Paris. Khi nào có dịp gặp nhau tôi sẽ xin

---

[1] P: Priastra đơn vị tiền tệ Đông Dương
[2] Thư bảo đảm
[3] Đại biểu Ái Nhĩ Lan
[4] Cao Ly: Triều Tiên

thêm ít quyển và gởi cho đồng bào. Nhưng mà sự ấy không chắc chắn lắm. Tôi thiết tưởng đồng bào làm thế này thì cũng tốt: chuyền tay nhau mà xem, người này xem rồi trao cho người khác.

Nếu đồng bào có tin tức gì hay, chắc chắn có quan hệ cho xứ sở mình, xin đồng bào luôn gởi cho tôi, thì tôi cảm ơn lắm. Đồng bào ở đó thường thường gặp được người nước ta qua lại và thư tín cũng dễ dàng, nếu đồng bào có lòng giúp đỡ cho xứ sở khen sự lành làm cho anh em nhà mình và chê sự giữ gia cho tổ bang mình[1]... và có ý hỏi dò, thì tôi chắc đồng bào sẽ biết được nhiều sự mới và hay đồng bào tôi, rồi tôi lại nói ra hoặc viết ra cho người khác biết, như thế thì có ích lắm.

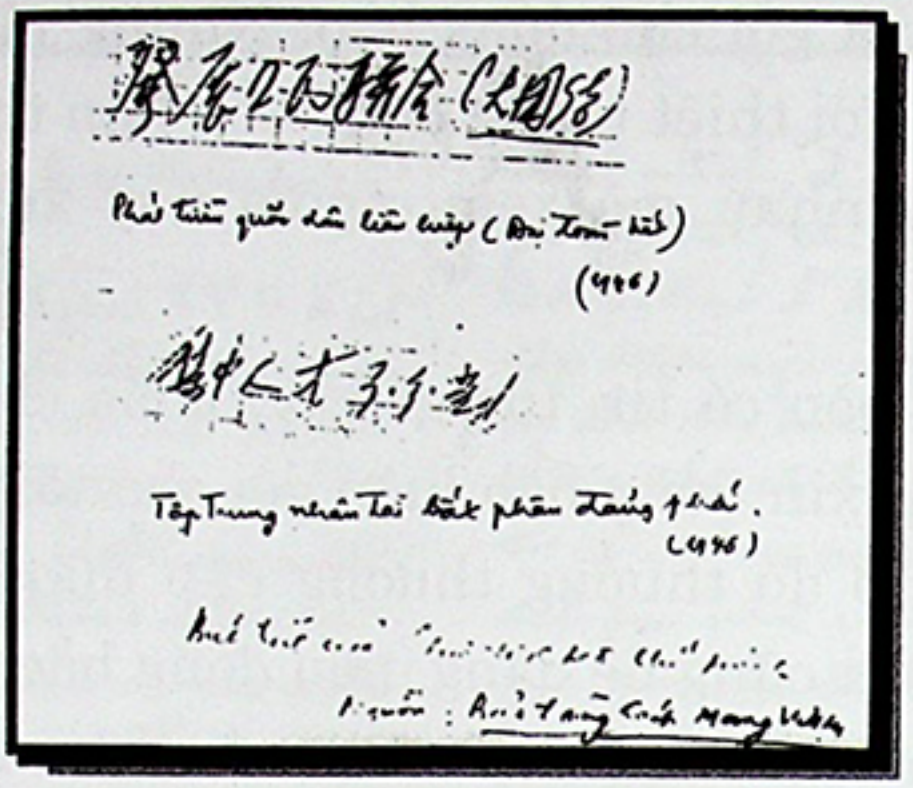
Xin chúc đồng bào bình an,

NGUYỄN ÁI QUỐC

(Tư liệu của TS. Thu Trang. Đã công bố trên báo *Nhân dân*, tháng 5/1983)

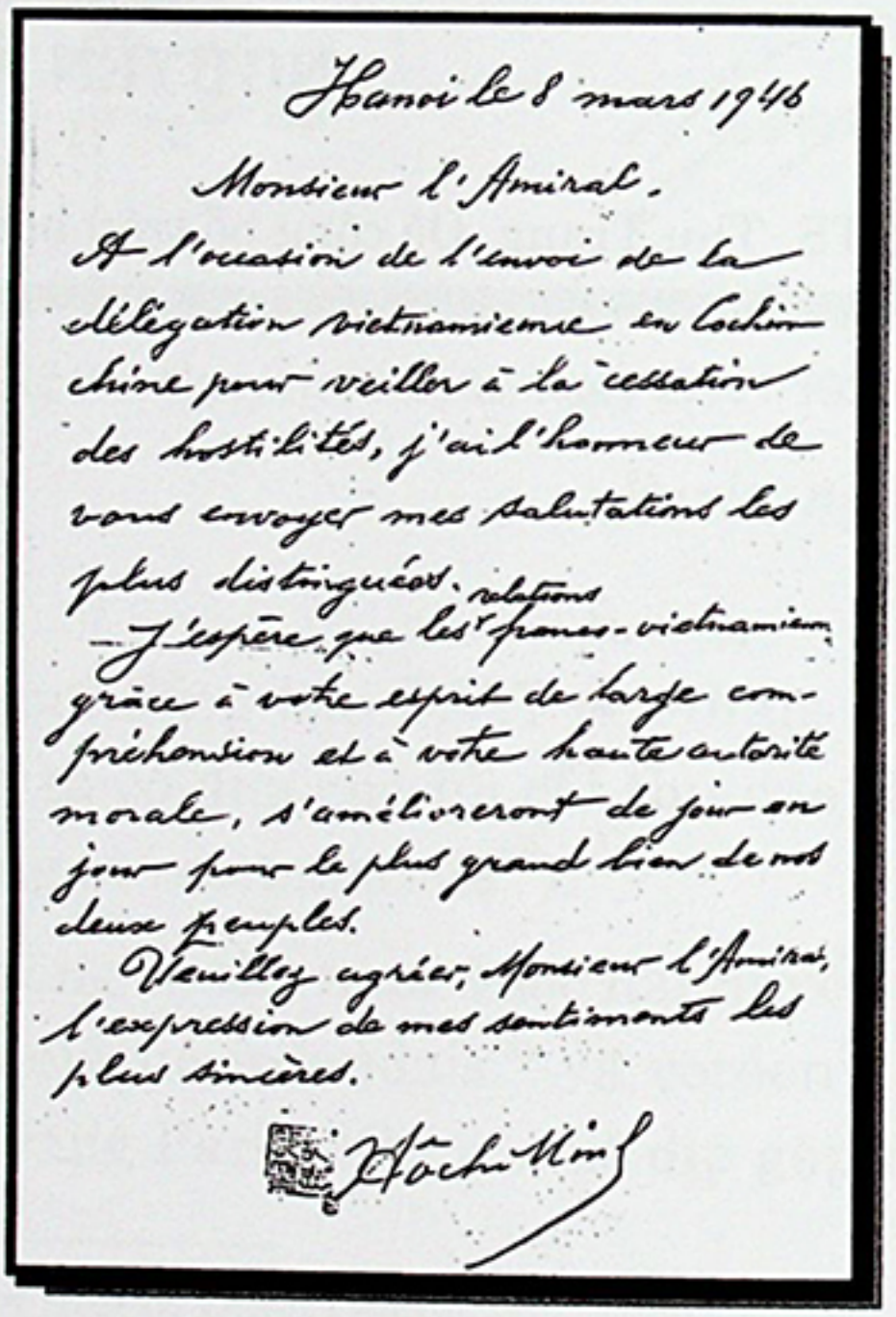
---

[1] Một chữ mờ hoặc mất nét chỉ đọc được hình thành như 2 chữ "nv"

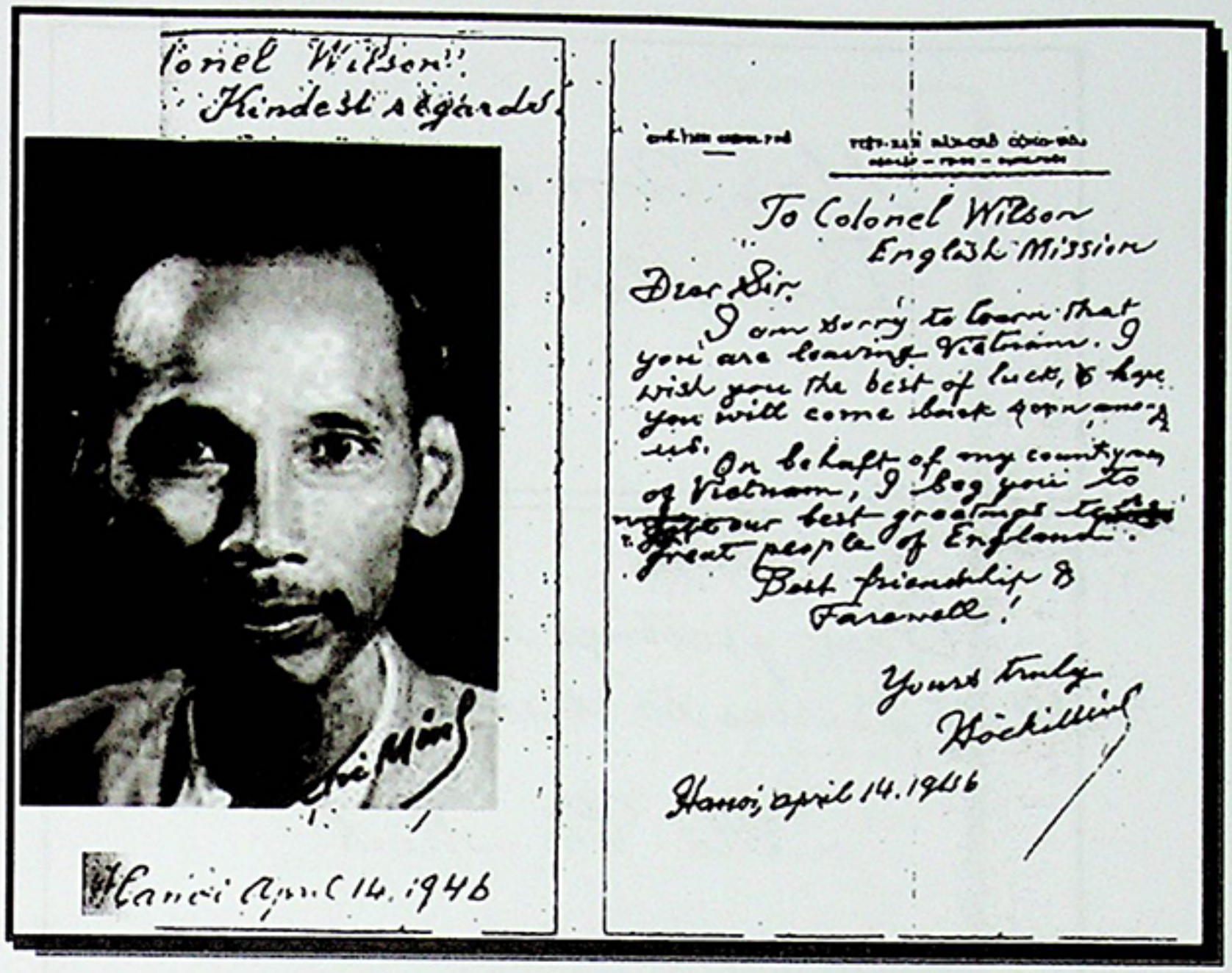


"Phát triển quốc dân liên hiệp (Đại đoàn kết)",
"Tập trung nhân tài bất đảng phái"

Bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1946,
nguồn: Bảo tàng Cách mạng Việt Nam



Thư viết tay của Chủ tịch Hồ Chí Minh
gửi đô đốc A' Argendian ngày 08/9/1946



Bút tích thư gửi đại tá Wilson, phái bộ Anh

Gửi Đại tá Wilson

Phái bộ Anh

Thưa Ngài,

Tôi lấy làm tiếc khi được tin rằng Ngài sẽ rời khỏi Việt Nam. Tôi xin chúc Ngài những điều may mắn nhất và hy vọng Ngài sớm trở lại với chúng tôi.

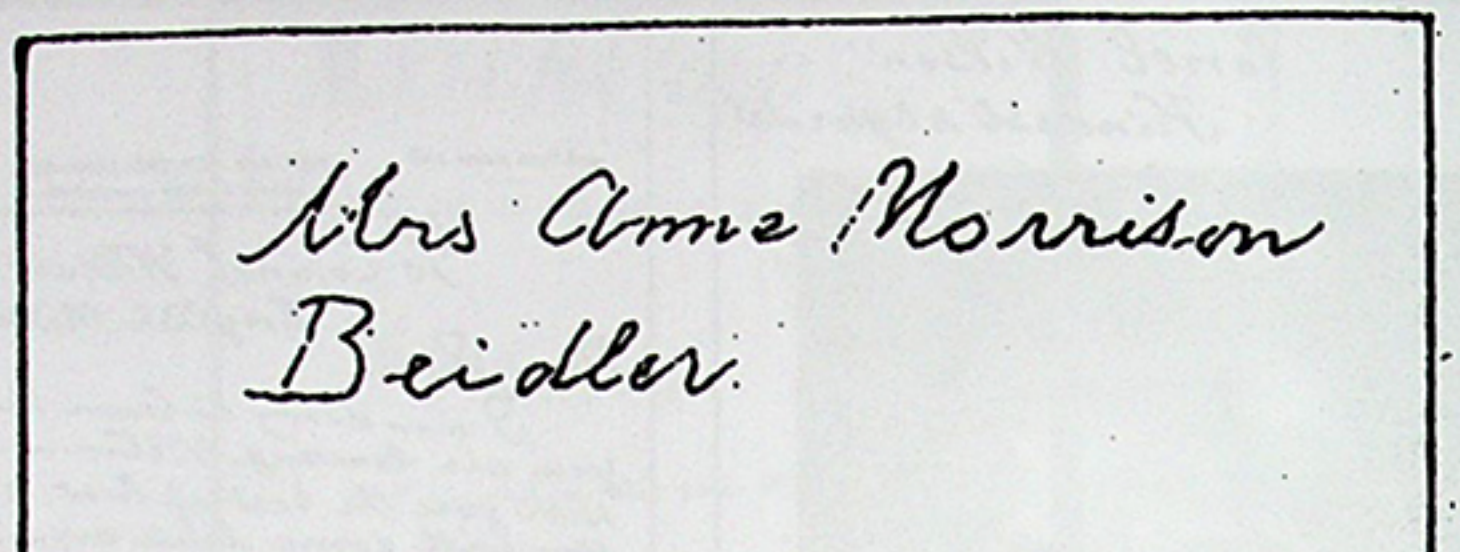
Thay mặt nhân dân Việt Nam, tôi gửi Ngài những lời chào tốt đẹp nhất tới nhân dân Anh vĩ đại.

Thân ái và tạm biệt!

Chân thành

Hồ Chí Minh

Hà Nội, ngày 14/4/1946


Mrs Anne Morrison
Beidler.

Best greetings to Sister Anne
& kisses to her dear children

Hồ. Chi. Minh

Hanoï, 26.7.1968

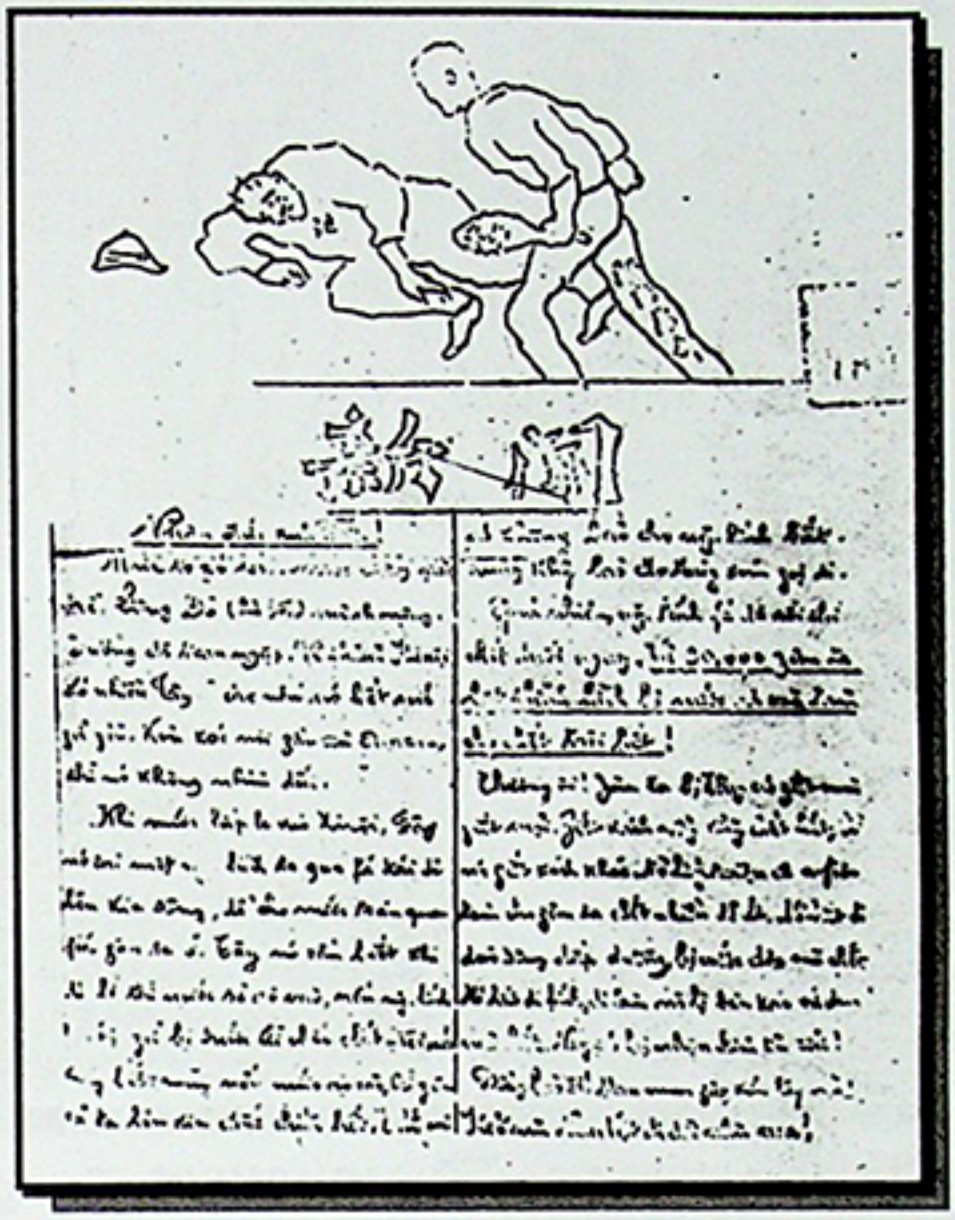
Tấm danh thiếp có dòng chữ:

"Những lời cầu chúc tốt đẹp nhất cho cô Anne và hôn các cháu yêu quý"

Hồ Chí Minh

Hà Nội, ngày 26/7/1968

Tấm danh thiếp Bác Hồ gửi cho bà quả phụ Anne Morrison
sau sự kiện ông Morrison tự thiêu để phản đối
cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam



Bản chụp bài "*Nhân đức của Pháp*", Báo *Thanh niên*



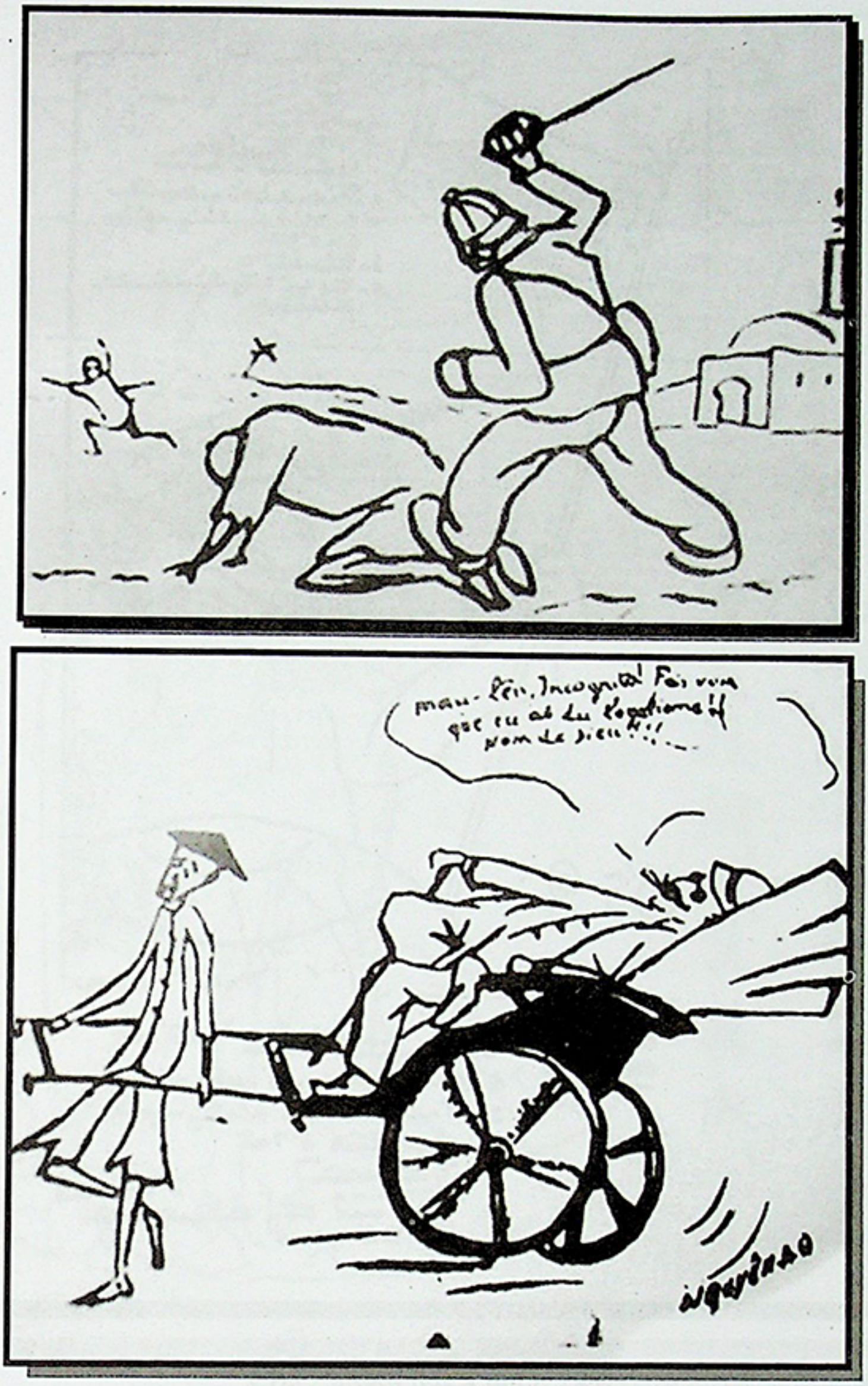
Báo *Thanh niên*, số 72 ngày 05/12/1926 (Trang 2)
các bài viết và tranh biếm họa của Nguyễn Ái Quốc



Báo *Thanh Niên*, số 64 ngày 10/10/1926 (Trang 2)



Chủ nghĩa đế quốc là những tư bản đế quốc giàu sụ
trên mồ hôi, xương máu của người lao động
Tranh vẽ của Nguyễn Ái Quốc trên báo *Le Paria*



Tranh biếm họa của Nguyễn Ái Quốc cho tờ *Le Paria*,
về đời sống người dân dưới ách thống trị của thực dân Pháp



Báo "*Lính Kách mệnh*", số 2
Tranh do Nguyễn Ái Quốc vẽ



Nguyễn ái Quốc vẽ hình ảnh Lê-nin
đứng trên quả địa cầu trên báo *Thanh niên*, ngày 03/11/1926

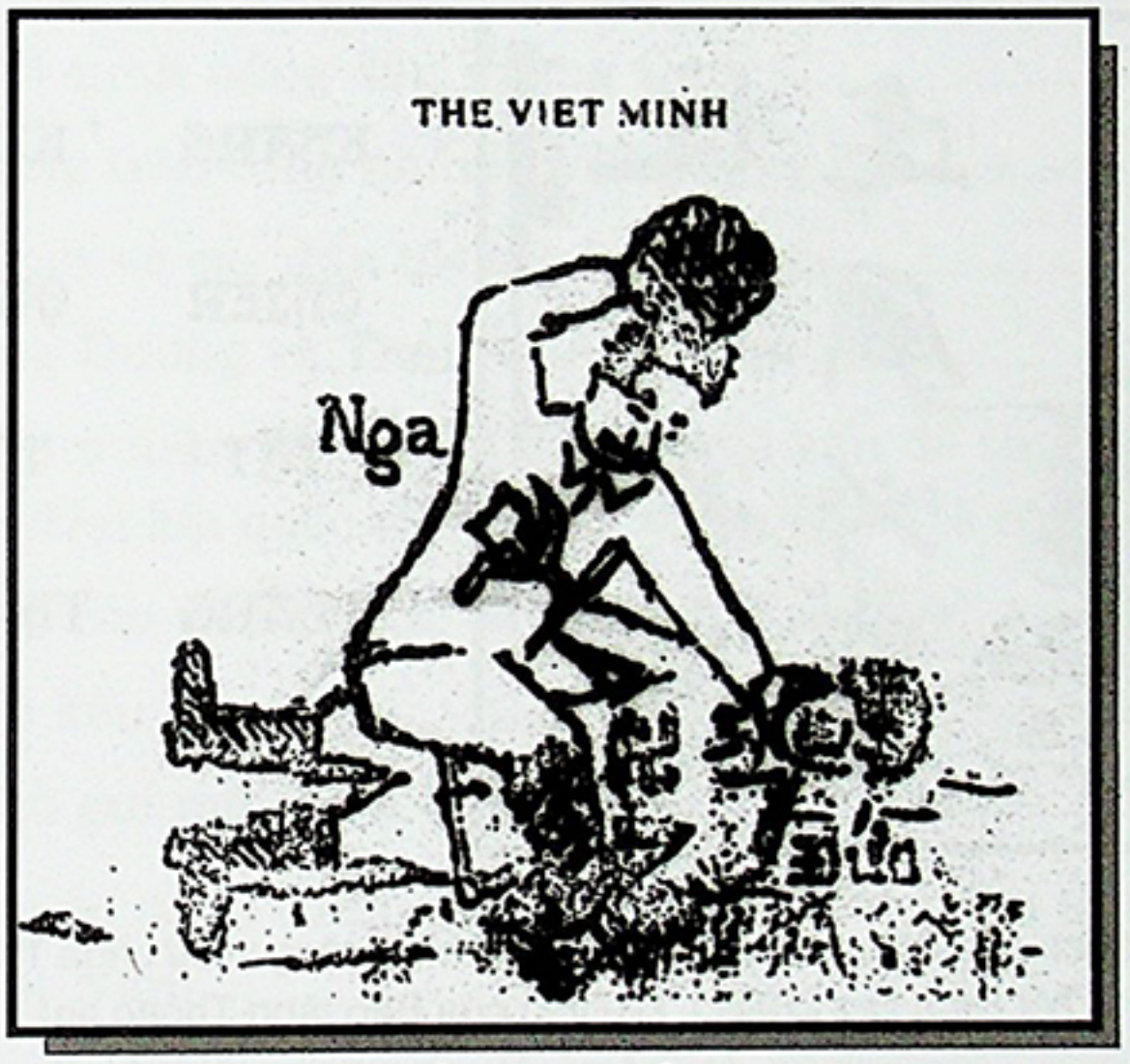


"Việt Nam Độc lập" thổi kèn loa
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Để cùng nhau cứu nước Nam ta!"

Tranh do Bác Hồ vẽ miêu tả bốn chữ "Việt Nam độc lập"
trên Tờ báo "*Việt Nam độc lập*", in ở Cao Bằng
trước Tổng khởi nghĩa, tháng 8/1945



Tranh Bác Hồ vẽ miêu tả phát xít Nhật là một ác thú
đang giữ miếng mồi Việt Nam (1942) trên báo "*Việt Nam độc lập*"



Tranh Bác Hồ vẽ miêu tả Stalin (Nga)
đang đè đầu đánh Hítle (Đức) trên báo "*Việt Nam độc lập*", năm 1943



Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao
Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao

Bìa tập *Ngục trung nhật ký* (Nhật ký trong tù)
của Chủ tịch Hồ Chí Minh



KHÁNG KIẾN
CHIẾN QUỐC
TẤT TẤT
THẮNG THÀNH

Bút tích câu đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng vị sư chùa Trầm,
Tết Đinh Hợi (1947). (Tư liệu của Bảo tàng Thông tin)

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 7

Lời nói đầu 10

PHẦN I - NHỮNG BÀI BÁO CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH VỀ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Tâm địa thực dân..... 15
2. Đông Dương và Triều Tiên..... 22
3. Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa 27
4. Sự thịnh vượng của Đông Dương dưới Triều đại M. Lông 32
5. Phong trào công nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ..... 35
6. Tình cảnh nông dân Trung Quốc 39
7. Phong trào công nhân ở Viễn Đông..... 43
8. Lê-nin và các dân tộc thuộc địa..... 47
9. Đông Dương và Thái Bình Dương..... 50
10. Tham luận về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa tại Đại hội quốc tế lần thứ V của Quốc tế cộng sản 57
11. Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ 73
12. Lời kêu gọi..... 81
13. Thư gửi một đồng chí ở Quốc tế cộng sản 86
14. Tuyên ngôn thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam 88
15. Mười chính sách của Việt Minh 95
16. Báo Việt Nam Độc lập 98

17. Gửi các chiến sĩ quyết tử quân thủ đô 108
18. Kỷ niệm ngày thành lập giải phóng quân Việt Nam..... 111
19. Duy vật biện chứng, duy vật lịch sử 115
20. Bài diễn văn tại Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng..... 130
21. Không có gì quý hơn độc lập tự do 136
22. Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh giặc Mỹ xâm lược 141
23. Nâng cao đạo đức cách mạng quyết sạch chủ nghĩa cá nhân..... 146
24. Trả lời phỏng vấn Sáclô Phuốcniô, phóng viên báo L'Humanité (Pháp)..... 150

PHẦN II - TIẾP CẬN KHOA HỌC MỘT SỐ BÀI VIẾT CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

1. Ngọn bút Nguyễn Ái Quốc tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi *(trích)* 161
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng qua các bài báo *(trích)* 200
3. Nguyễn Ái Quốc - người khởi nguồn một dòng báo, một sự nghiệp..... 223
4. Đọc lại bài "Hy sinh"..... 232
5. Đấu tranh giai cấp với tư duy nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh 234
6. Những cảm nhận về tài thao lược của nhà báo Nguyễn Ái Quốc 243

7. Ngọn bút Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và vấn đề giải phóng dân tộc 249

8. Mấy suy ngẫm về bài viết *"Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh..... 265

9. 50 năm *"thường thức chính trị"* (1953 - 2003) của Đ. X 276

10. Đạo đức Hồ Chí Minh - tư tưởng lớn của nền báo chí cách mạng Việt Nam 281

11. Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà báo 285

12. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Nhà báo chân chính..... 297

PHỤ LỤC

1. Tổng mục lục bài viết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trên báo L' Humanité (Nhân đạo) từ năm 1919 đến 1955 304

2. Một số hình ảnh bìa sách, bút tích, tranh vẽ, bài báo về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh..... 316